NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 205 • MAY 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

HẠ HỒI **VÕ PHIẾN**

BONSOIR VIETNAM **HỒ ĐÌNH NGHIÊM**

KHOẢNG TRỐNG BÂNG KHUÂNG
TRẦN DOÃN NHO

Đã Phát Hành Khắp Nơi

ĐỖ NGỌC YẾN
GIỮA BẠN BÈ

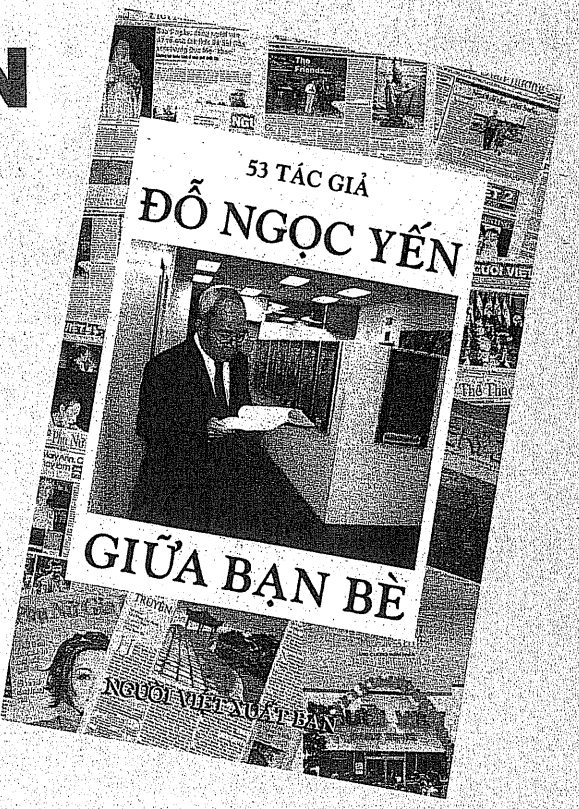

53 tác giả,
trên 400 trang
Bán tại
tòa soạn Người Việt
$15.00

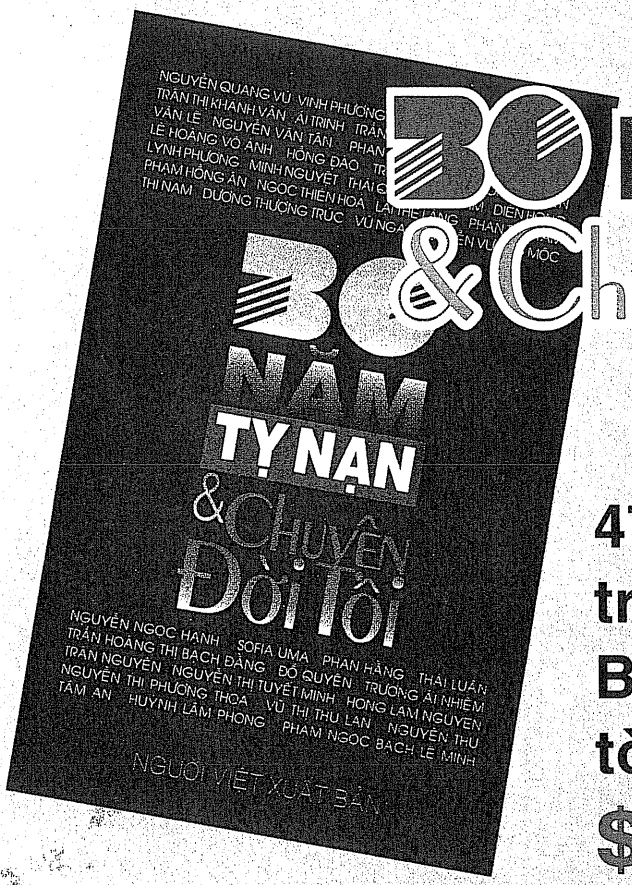

30 NĂM TỴ NẠN
& Chuyện Đời Tôi

47 tác giả,
trên 400 trang
Bán tại
tòa soạn Người Việt
$20.00

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

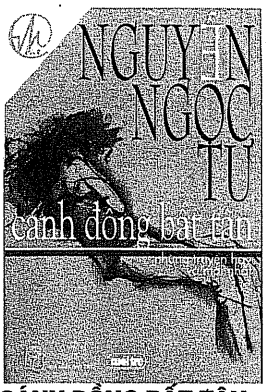

CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN

Tập truyện của **NGUYỄN NGỌC TƯ**

Nguyễn Ngọc Tư là người Cà Mau, năm nay 30 tuổi, đã xuất bản bảy tập truyện ngắn và đoạt nhiều giải thưởng văn chương trong nước. Nhưng đến khi tập Cánh Đồng Bất Tận được xuất bản gần đây thì bắt đầu "có vấn đề": nhà cầm quyền tỉnh Cà Mau lên án cuốn sách mãnh liệt và có đề nghị đòi trục xuất cô ra khỏi tỉnh. Tấn bi kịch của văn nghệ trong chế độ cộng sản lại tái diễn: tài năng và sự sáng tạo tự do tất yếu sẽ bị bóp nghẹt trong cái khuôn khổ thô bạo một cách dốt nát của đảng. Giá 12 Mỹ kim.

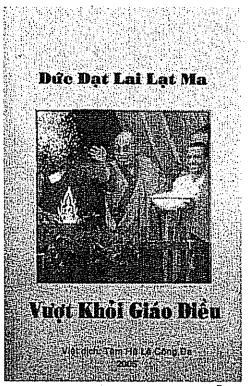

VƯỢT KHỎI GIÁO ĐIỀU

ĐẠT LAI LẠT MA, bản Việt dịch của **TÂM HÀ LÊ CÔNG ĐA**

Đây là một tuyển tập gồm những bài nói chuyện và trao đổi của đức Đạt Lai Lạt Ma, sẽ đưa người đọc tiếp cận với tính cách đa dạng của những quán chiếu sâu sắc liên quan đến những vấn nạn mà nhân loại có thể sẽ phải đương đầu trước ngưỡng cửa của tân thiên niên kỷ. Cuốn sách sẽ góp phần vào mối thông cảm chung vượt ra ngoài biên giới của giáo điều học thuyết, và cho cả bình an của tâm hồn và hòa bình thế giới. Giá 12 Mỹ kim.

VŨNG LẦY CỦA BẠCH ỐC

NGUYỄN KỲ PHONG

Tác giả ghi một câu ngay dưới tựa đề cuốn sách: "Người Mỹ và Chiến Tranh Việt Nam 1945-1975." Có thể xem câu này là tóm lược cho cuốn sách 577 trang, với một thư mục tham khảo dài hàng mấy trăm cuốn sách và tài liệu. Tác giả Nguyễn Kỳ Phong có lẽ là người Việt Nam đầu tiên bỏ công nghiên cứu một cách có phương pháp và kỹ lưỡng sự tham dự, can thiệp vào mảnh đất nho nhỏ hình chữ S ở vùng Đông Nam Á của chính quyền nước Hoa Kỳ trong suốt ba mươi năm sau khi chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt và thời kỳ chiến tranh lạnh bắt đầu. Giá 30 Mỹ kim.

VIỆT NAM CỘNG HÒA 10 NGÀY CUỐI CÙNG

TRẦN ĐÔNG PHONG

Khi quy chiếu cái nhìn lịch sử vào thời gian 10 ngày cuối tháng Tư 1975 trước khi Sài Gòn thất thủ, tác giả bắt buộc phải mở một cái nhìn rộng về nhiều năm về trước, khi bắt đầu có những dấu hiệu là Hoa Kỳ sẽ đi với Trung Quốc và bỏ Việt Nam. Sau đó, như là một hệ quả tất nhiên với việc Mỹ cắt viện trở đến tối đa cho VNCH, trong khi Liên Xô tăng viện gấp bốn lần cho Bắc Việt, sự gì đến đã đến. Một bức tranh sinh động tường thuật lại những gì xảy ra về quân sự, chính trị, vận động, gặp gỡ... không những chỉ tại Sài Gòn và miền Nam, mà còn tại Bộ chính trị đảng CSVN tại Hà Nội và cả tại Hoa Kỳ, trong 10 ngày cuối cùng gay cấn đó. Giá 25 Mỹ kim.

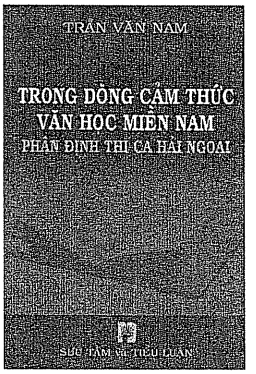

TRONG DÒNG CẢM THỨC VĂN HỌC MIỀN NAM

Sưu tầm, tiểu luận của **TRẦN VĂN NAM**

Nếu bạn là người thích văn học, đặc biệt là thích thơ, thì rất nên đọc cuốn sách này. Sách gồm các bài viết ngắn của tác giả về các vấn đề văn thơ của các tác giả Việt Nam hiện đại (nghĩa là từ thời trước 1975 rồi ra đến hải ngoại) với một cung cách vừa thi vị vừa chững chạc. Riêng phần "phân định thi ca hải ngoại" tác giả đã sưu tầm, lựa lọc để chọn đăng những câu thơ xuất sắc của các thi nhân hải ngoại viết về thơ siêu hình, về tình hoài hương... Nhờ tác giả, người ta cảm thấy hạnh phúc khi cảm được cái hay của thi ca. Giá 20 Mỹ kim.

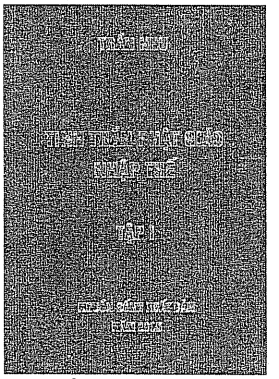

TINH THẦN PHẬT GIÁO NHẬP THẾ

TRẦN NHU

Tác giả, trong công cuộc tranh đấu cho nhân quyền ngay trên đất Bắc, đã bị cộng sản cầm tù gần 20 năm. Ông ra tù năm 1978, vượt biên năm 1981, sau đó được định cư tại Hoa Kỳ. Ông đã có công đối chiếu, phân tích và tổng hợp các hiện tượng lịch sử từ đông sang tây, từ quá khứ xa đến hiện tại, một kho kiến thức rất mênh mông nhưng vẫn đưa về một chủ đề chính: tinh thần Phật giáo nhập thế. Ông cũng khảo sát tinh thần Phật giáo thời Lý Trần của ta để chứng minh sức mạnh của "đạo" khi được nhập vào "đời." Bộ 2 cuốn, giá 50 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

SÁCH MỚI CẦN TÌM ĐỌC

BIÊN-GIỚI VIỆT- TRUNG
1885 - 2000

Lịch sử thành hình và những tranh chấp

Nhân Tuấn NGÔ QUỐC DŨNG

Dũng Châu xuất bản

856 trang

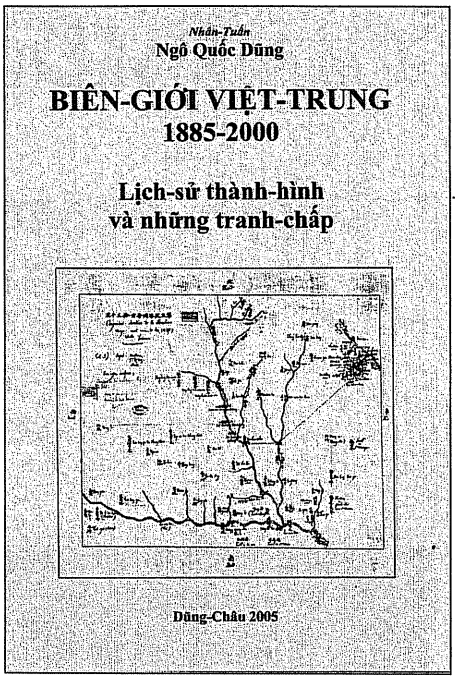

HUẾ CỦA MỘT THỜI

VÕ HƯƠNG AN

Nam Việt xuất bản

256 trang, giá 15 Mỹ kim

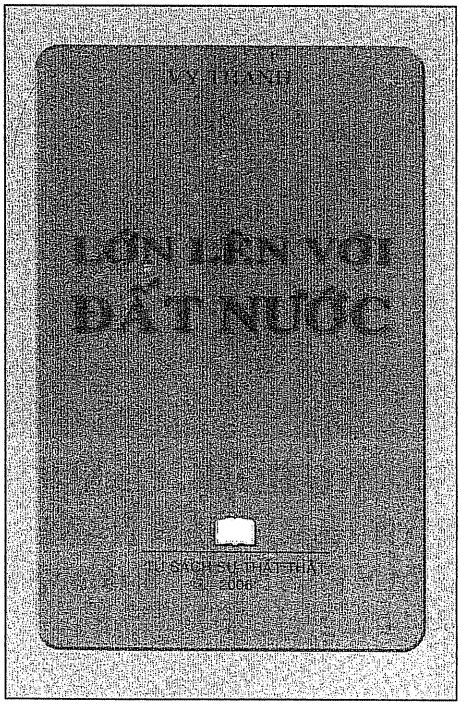

LỚN LÊN VỚI ĐẤT NƯỚC

VY THANH

Sự-Thật Thật xuất bản

753 trang, giá 30 Mỹ kim

Sách Mới Cần Tìm Đọc

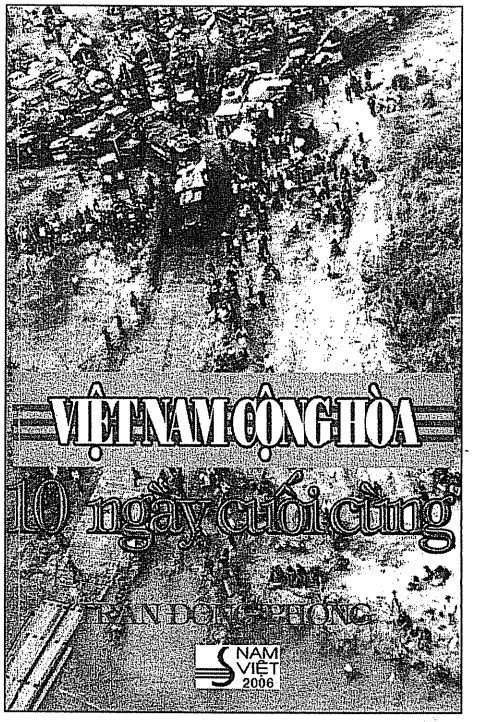

VIỆT NAM CỘNG HÒA
10 NGÀY CUỐI CÙNG
TRẦN ĐÔNG PHONG
Nam Việt xuất bản
458 trang, giá 25 Kỹ kim

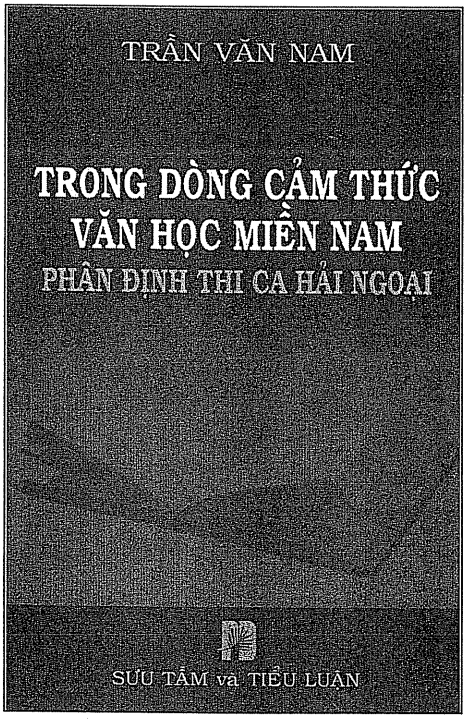

TRONG DÒNG CẢM THỨC
VĂN HỌC MIỀN NAM
TRẦN VĂN NAM sưu tầm và tiểu luận
554 trang, giá 20 Mỹ kim

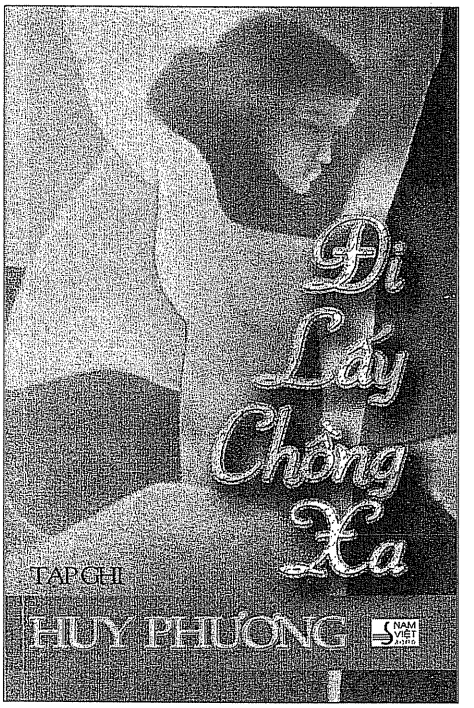

ĐI LẤY CHỒNG XA
HUY PHƯƠNG
Nam Việt xuất bản
292 trang, giá 15 Mỹ kim

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vĩ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: tranh sơn dầu của họa sĩ **Nguyễn Trung**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: tranh của **E. Gras**
Hí họa: **Babui, Val**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: Tư liệu

MỤC LỤC

Số 205 – Tháng Năm 2006

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Vai trò của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa – **Nguyễn Ngọc Bích**
18. Ngọn cờ tự do dân chủ – **Nguyễn Minh Cần**
23. Hồ sơ hạch tâm tại Trung Đông – **Nguyễn Anh Tuấn**
30. Hối mại quyền thế kiểu Mỹ – **Cổ Lũy**

VĂN HÓA – LỊCH SỬ
37. Hạ hồi – Võ Phiến
40. Cần thẩm định lại giá trị của ông Ngô Đình Diệm – **Tôn Thất Thiện**
46. Nhìn lại thể chất và trí tuệ của người Việt Nam – **Lê Văn Lân**
67. Gặp chú voi buồn, nghĩ về tương lai Phật giáo – **Thủy Cánh Lưu**
70. Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp – **Trần Đông Phong**
86. Hình thức gắn bó với nội dung trong thơ Nguyễn Vỹ, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa – **Trần Văn Nam**
112. Nhà Tây Sơn qua ca dao – **Đào Đức Chương**

VĂN
81. Bonsoir Vietnam – **Hồ Đình Nghiêm**
92. Một giọt hư vô – **Lê Tất Điều**
103. Khoảng trống bâng khuâng – **Trần Doãn Nho**
109. Về với biển – **Trần Mộng Tú**
117. Cam thảo – **Trân Nguyên**

THƠ
65. Vàng bướm bên ao – **Hoàng Huy Khánh**. 77. Quen. Ngắn. Thoát. Hóa – **Lưu Văn Vịnh**. 88. Sương rơi – **Nguyễn Vỹ**. 91. Miếng đêm – **Trần Mộng Tú**. 105. Kiều thệ Thủy – **M.loanhoasử**. 115. Anh – **Lê Thị Kim**.

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư Trị sự
54. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
60. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Người cộng sản thuần thành có tinh thần quốc gia?

1. Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, ông Melvin. R. Laird, cũng như nhiều người, Việt lẫn ngoại quốc, hãy còn lấn cấn về vấn đề một lãnh tụ CS có thể có *tinh thần quốc gia* sâu xa! Lãnh tụ nào mà chẳng nói mình vì dân vì nước: Staline, Mao, Kim, Hồ Chí Minh, và ngay Pol Pot nữa, họ ái quốc theo kiểu CS như sau:

Mang một khung cũi ngoại lai về chùm kín đất nước, từ tâm thức tới hành xử, từ mầu cờ tới đồng phục, từ kinh tế tới hành chánh, dùng khí giới ngoại nhập để gây chiến bành trướng, bạo động đấu tranh giai cấp, tiêu diệt "trí, phú, địa, hào," lật tung nền tảng sơn hà xã tắc... mà nói là có tinh thần quốc gia, thì quả là biện chứng *điên đảo tưởng!* Nhưng cứ giả thử một lãnh tụ CS nhiệt thành (*từng di chúc khi chết xin về với Mác Lê!*) có tinh thần quốc gia sâu xa đi chăng nữa, thì thử hỏi **hậu quả** mang đến cho dân tộc là gì, kết quả tổng kết lại ra sao, dân có được tự do hạnh phúc không? Cho dù Cộng sản Hàn, Việt... giữ tinh thần quốc gia, thì vẫn không thoát khỏi cái lưới đệ tam quốc tế mà họ đã chấp nhận, đã dựa vào để thành lập Đảng và sinh tồn, nhất là vào cao điểm cộng sản 1950-60-70. Cái phao quốc gia dân tộc mà CS tiểu quốc đang cố bám vẫn là cái mặt nạ họ dùng thời kháng chiến vậy.

2. Hiện nay vẫn chưa có tài liệu nào ở Mỹ phân tích rõ ràng ảnh hưởng của CS quốc tế trong nhóm phản chiến, với khá nhiều CS và thân CS **gốc Do Thái**. Cuốn Phản Bội (*Treason*) của Ann Coulter có đề cập tới đạo quân thứ 5 này ngay trên đất Mỹ, lời phản tỉnh (nhận có ảnh hưởng CS) của một cựu lãnh tụ sinh viên phản chiến Mỹ gốc Do Thái, ông David Horowitz, sau vụ 9/11, một số websites (có thể tìm qua đề tài Jewish and Vietnam war) hé mở cho ta thấy yếu tố quan trọng đó đối với cuộc chiến VN (như thập niên 1960, số sinh viên Mỹ DoThái chỉ có 2% nhưng hơn 50% lãnh tụ sinh viên phản chiến cực đoan là Mỹ Do Thái - theo Joshua Plaut, giám đốc Trung Tâm Lịch Sử Do Thái tại N.Y. web. www.hws.edu của Hobart & William Smith Colleges, và khỏi nói, ai cũng biết Mác, Ăng Ghen, Trotsky, các lãnh tụ Bolsheviks đều gốc Do Thái, kể cả Lê Nin.) Nó có thể giải thích vì sao ký giả Peter Arnett của AP mới có ngỏ ý nhận lời lên TV của Saddam Hussein mà đã bị mất việc, phải xin lỗi, trong khi *chị Dên* và đồng bọn, ngang nhiên ra tới Hà Nội, giữa cuộc chiến, chụp ảnh tuyên truyền cho địch, mà tới nay, bị nhổ bọt vào mặt, vẫn "*gái đĩ già mồm*" trên đài TV Pháp (Hội luận Pháp ngữ- theo dư luận thì chính giới Pháp, trí thức Pháp, ảnh hưởng Do Thái cũng rất nặng!)

Cuối cùng, vẫn nên chia sẻ tâm tư với đa số thầm lặng Mỹ: làm cũng bị chửi mà không làm cũng bị chửi *damned if you do, damned if you don't*. Việt Nam ta có câu "làm ân nên oán," nên chi chiến lược hay nhất là Mỹ cứ bình chân như vại, để mặc cho Tầu, Nhật, hay Đức, Nga, Ba Tư làm đệ nhất cường quốc thay thế Mỹ, xem họ xoay vần thế giới ra sao!!!

***Chí Linh** (Santa Rosa, CA)*

Thơ Tự Do

Nếu nói thưởng thức thơ là tâm hồn mình "cảm" được bài thơ thì đa số lứa học trò trung học chúng tôi vào giữa thập niên 1950 không thưởng thức được thơ Thanh Tâm Tuyền. Dù có thể bị chê có một trình độ thấp trong thưởng ngoạn thi ca thì cũng đành chịu, chứ thành thực với lòng mình thì phải nói là chẳng cảm thấy gì.

Có thể thế hệ học sinh thập niên 1930 tiếp nhận Thơ Mới êm xuôi hơn thế hệ 1950 tiếp nhận Thơ Tự Do, vì thơ mới thời đó chưa ra khỏi cái du dương êm ái trong cả hình thức lẫn nội dung. Đến thơ tự do thì khựng lại, có lẽ vì thần kinh chưa quen với sự "phá vỡ" trật tự cũ, gây quá nhiều mệt nhọc.

Trong buổi tưởng niệm Thanh Tâm Tuyền tổ chức tại nhật báo Việt Báo (quận Cam, California) ngày 30 tháng Ba vừa rồi, nhà văn Bùi Bảo Trúc có một so sánh rất thông minh để biện hộ cho thơ Tự do. Ông nói đại ý người ta thường diễu cợt câu thơ tự do *Một cửa sổ, hai cửa sổ, ba cửa sổ*, trong khi bà Hồ Xuân Hương viết *Một đèo, một đèo, lại một đèo* thì không ai nói gì, thậm chí còn khen hay. Chúng ta thấy rằng nếu tách riêng hai câu đó thì thấy cấu trúc của nó quả có giống nhau, nhưng trong khi đặt chúng lại trong toàn cảnh bài thơ thì nó lại khác hẳn: bà Hồ tạo liền sự êm ái của vần điệu ngay câu kế tiếp *Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo*, trong khi bài thơ tự do cửa sổ thì cố tình gây nên một cảm tưởng trúc trắc, lộn xộn, "mất trật tự." Bà làm thơ Đường luật, còn tác giả Cửa sổ đang làm thơ Tự do! Một bên "có luật," một bên không chịu theo luật lệ nào cả thì dĩ nhiên phải khác nhau một trời một vực.

Bài "Độc cô Thanh Tâm Tuyền" của Đặng Tiến trong số báo vừa rồi có đoạn tiếc cho thơ tự do Thanh Tâm Tuyền không có người thừa kế, mà ngay cả chính tác giả vào giai đoạn sau cũng trở về với thơ truyền thống. Bây giờ nhìn lại thì thấy mỗi thời kỳ đều mang giá trị của nó, khai phá tìm cái mới thì tạo nhiều hương vị xa lạ, về với truyền thống thì thân thuộc gần gũi hơn, thích hợp với đại đa số lúc nào cũng muốn hưởng những gì du dương êm đềm. Nhưng gì thì gì, phải có tài. Mà tài năng thì Thanh Tâm Tuyền đã chứng tỏ trong suốt một đời thơ văn của ông.

Nguyễn Văn An
(Westminster, CA)

Khổ nhục kế

Sau vụ Bùi Tiến Dũng, dùng bạc triệu đô la để đánh cá bóng đá, tôi nghĩ nhận thức của nhiều người Việt hải ngoại về tình hình thật sự của đất nước Việt Nam chắc phải đổi khác. Rõ ràng Việt Nam không nghèo khổ thiếu thốn như người ta vẫn nghĩ đâu, trái lại tiềm năng tiền bạc của nó lớn lắm. Mấy triệu tiền đánh cá của Bùi Tiến Dũng chỉ là một mảnh nhỏ xíu của phần nổi tảng băng sơn khổng lồ, nếu đem hết tảng đó mà lo cho dân thì chắc dân ta cũng có thể gọi là sướng được.

Mà Việt kiều về nước, cứ thấy cảnh dân khổ, thiếu thuốc men, thiếu dinh dưỡng, thiếu vệ sinh, thiếu phương tiện học hành v.v... thì lấy làm bức xúc, về bên này lo nghĩ lập dự án, kêu gọi đóng góp để thực hiện việc giúp đỡ, cứu trợ. Không ngờ cày cục đi quyên từng đồng để bố thí cho một nhà... triệu phú! Thay vì một thiểu số thâu tóm hết, nếu tài sản của cái nhà đó được trải đều cho toàn dân thì đời sống trong nước đâu đến nỗi gây bức xúc cho Việt kiều đến thế. Quả đây là một khổ nhục kế của nhà cầm quyền cộng sản, trưng bày cái khổ cái nhục của dân để cho người ta (người Việt nước ngoài và các chính quyền tư bản) giúp đỡ để mình rảnh tay vơ vét hết phúc lợi của cả nước.

Các nước cấp viện đang ngừng lại xem xét vấn đề. Còn Việt kiều thì sao?

Bùi Việt *(California)*

Đính chính, bổ túc: Một số chi tiết liên quan đến tài liệu về Thanh Tâm Tuyền trong số trước (số 204) cần bổ túc:

- Về bức tranh bìa: **Thanh Tâm Tuyền, sơn dầu trên carton, 18 x 24 in. Đinh Cường vẽ năm 2003.**

- Bức ảnh trang 35: **Ảnh Thanh Tâm Tuyền do nhà văn Trần Long Hồ chụp năm 1993 tại Virginia.**

THÔNG BÁO VỀ VIỆC TĂNG GIÁ BÁO

Đầu tháng Năm 2006 này, báo Thế Kỷ 21 được tròn 17 tuổi. Ra đời từ năm 1989, báo Thế Kỷ 21 chủ trương dành số trang cho bài vở hơn là quảng cáo, nên "sống còn" chủ yếu là do tiền mua báo của độc giả.

Cách đây mười năm, tờ báo đã một lần lên giá và tăng trang. Và nay xin quý độc giả chấp nhận cho một lần lên giá nữa, như là hậu quả của các đợt lên giá của nhiều vật phẩm và sinh hoạt trong xã hội: xăng, tiền in, tiền giấy, cước phí bưu điện... Với giá báo mới, từ nay trong nội địa Hoa Kỳ chúng tôi chỉ gửi theo hạng First Class.

Giá mới một năm (12 số) của báo dài hạn là :

- 76 USD trong nước Mỹ.
- 80 USD cho Canada
- 109 USD cho Âu châu
- 115 USD cho Á châu và Úc.

Giá bán lẻ: 7 đôla/cuốn.

Rất mong quý độc giả tiếp tục yểm trợ cho Thế Kỷ 21 để tờ báo có thể thẳng tiến vào tương lai, như nó đã đi suốt đoạn đường 17 năm qua.

Trân trọng cám ơn quý vị.

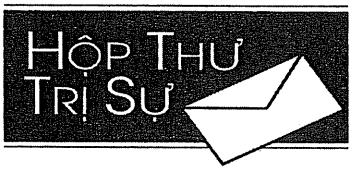

Độc giả mới

KimLoan Hill – CA; Minh Cong Tran – CA.

Độc Giả Gia Hạn

Đỗ Văn Thu – IL; Nguyễn Thành Thẳng – AZ; Thiên Hương Sens – WA; Duong Thieu Hung – MD; Trần Quốc Thái – CA; Trần Văn Tiền – CA; Võ Anh Tuấn – CA; Dang Hieu Kinh – VA; Ngo Phuong Dung – Canada; Glenroy Public Library – Australia; Phan Thanh Nguyen – CA; Thich Minh Duc – CA; Nguyễn Kim Việt – CA; Triệu Ngọc Quách – VA; Nguyễn Đức Cung – NJ; Chuong Le – CA; Do Van Nhan – OR; Nguyen Quy Bong – Canada; Khai Q. Nguyen – MD; Hai Duong – Canada; Thanh Tran – ID; Tay Trinh – CA; Minh Le – CA; Nguyễn Chiêu Giang – CA; Hoàng Huy Khánh – MA; Phieu N. Tran – TX; Tran Thao – OH; Nguyễn Trọng Hiệp – CA; Ban Đức Nguyễn – CA; Nguyễn Văn Cường – OK; Buu Doan - CA.

Độc giả đóng thêm tiền để nâng cấp gửi báo

Lưu Cẩm Ngân Hà – DE; Trương Văn Tấn – Germany; Thiên Hương & Gene Sens;

Tich N. Truong MD – TX; Joseph Vu – TN; Le Thi Lan – TX; Medex Drugs – CA; Lien G. Doan – CA; Nguyen Quy Bong – Canada; Viet L. Trinh – PA; Tran Trung Luong – Canada; Nguyễn Văn Thành – VA; Khoi Dinh Le – CA; Trung Quy Tran MD – CA; Dinh H Anh – CA; Pham Nguyen Hong – CA; Nguyen Viet Lang – Canada; Hau Vu – CA; Nghia H. Le – CA; Võ Doãn Nhẫn – CA; Huu Nam Nguyen – Canada; Tong Tony Hoang – CA; Trinh Doan – CA; Nguyễn Hào – CA; Tru Nguyen – AZ; Nguyen Thanh Nam – CA; Ngô Đa Hùng – CA; Vo Viet Hung – CA; Nguyen Ly – CA; Cao Tieu – CA; Trần Văn Phi, FL; Dam Dung - CA; Chu Vuong Mien - CA; Nhương Nguyen - CA; Dan Dinh Can - CA; Nguyen Duy Nu - CA; Tan Van Hong - CA; Ho Phu Bong - FL; Tran Phi - FL.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Nguyễn Phạm An – MD; Trieu Ngoc Quach – VA; Vo Viet Hung – CA; Ban Đức Nguyễn – CA.

NHÌN LẠI ĐÔI ĐIỀU VỀ CHIẾN-TRANH VIỆT-NAM:

VAI TRÒ CỦA QUÂN-LỰC VNCH

NGUYỄN NGỌC BÍCH

L.T.S.- *Trong hai ngày 17 và 18-3-2006, Trung-tâm Việt-nam ở Đại-học Texas Tech (Lubbock, TX) đã tổ chức một hội nghị chuyên đề về "Quân Lực VNCH: Nhìn Lại và Tái Thẩm Định Sau 30 Năm" ("ARVN: Reflections and Reassessments After Thirty Years"). Nhân dịp này, G.S. Nguyễn Ngọc Bích đã được mời đọc bài diễn văn quan trọng ở bữa ăn trưa ("luncheon keynote speech") ngày đầu hội nghị. Dựa vào nhiều tài-liệu mới được tiết lộ gần đây, không trừ tài liệu từ miền Bắc và các văn khố ở Mạc Tư Khoa, Hoa Thịnh Đốn và Trung Cộng, bài diễn văn này đã trả lại được danh dự cho Quân Lực VNCH và đem cuộc chiến lên một tầm nhìn mới. Sau đây là bản dịch từ bài nói chuyện bằng tiếng Anh.*

Đã 31 năm trôi qua kể từ ngày "chiến-tranh Việt Nam" kết thúc. Có người nói là chúng ta đã cho được cuộc chiến đó nằm yên một chỗ, rằng chúng ta đã thắng vượt được "hội-chứng Việt-nam" và rằng hai dân-tộc, Việt và Mỹ, đã có những nỗ lực phi thường để đẩy cuộc chiến đó lại phía sau lưng. Điều đó có thật không? Và liệu chúng ta đã thành công trong nỗ lực đó không?

Hình như cho đến giờ chúng ta vẫn còn phải tìm lời để mô-tả cuộc xung-đột đó —cuộc chiến dài nhất trong lịch-sử Hoa-kỳ. Chiến-tranh VN dài hơn Chiến-tranh Cách mạng Mỹ, Nội-chiến Mỹ, Thế-chiến I và Thế-chiến II cộng nhập vào với Chiến-tranh Cao-ly, vậy thì làm sao mà dễ quên thế được? Các vết thương hằn sâu quá và trong hai cuộc chạy đua vào Toà Bạch-ốc gần đây, kinh-nghiệm của các ứng-cử-viên Tổng-thống trong thời chiến-tranh VN vẫn được cử tri xem là đáng kể để đánh giá bản-lĩnh của những người như ông Bill Clinton hay, gần hơn nữa, Tổng-thống George W. Bush và địch-thủ của ông, Thượng-nghị-sĩ John Kerry.

Bẫy chữ nghĩa

Chiến-tranh VN có lúc tỏ ra là một bẫy chữ nghĩa. Quá thông-thường, người ta xem đó là một cuộc chiến Mỹ-Việt làm như là chỉ có hai phe rõ ràng, Mỹ ở một bên và VN ở một bên. Song rút gọn chiến-tranh lại thành một phương-trình như thế rõ ràng là không ổn vì chỉ cần một hội-nghị này là ta đủ thấy là có ít nhất hai phe Việt-nam trong cuộc chiến, mà tiếng Việt thường gọi là "Quốc-Cộng." Đây là một định-nghĩa căn-bản mà cả hai phe ở VN chấp nhận trước đây, sự tách bạch này chỉ bị lu mờ trong những năm gần đây khi Hà-nội bắt đầu dùng hai chữ "quốc gia" cho một số định-chế của họ (1). Sự lầm lẫn (là chỉ có hai phe Việt-Mỹ) này không những chỉ thấy trong quan niệm của những người ngoài phố, nó xảy ra quá thông thường ngay trong cả giới trí thức và học thuật, và gần đây hơn cả, trong não trạng của Tổng thống Bush và Tổng trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld, khi hai ông này, trả lời phỏng vấn, cho rằng người Việt miền Nam không chiến đấu đủ để bảo vệ cho mình.

Vậy điều đó đúng không? Thiết-tưởng đó chính là lý-do tồn tại của hội-nghị này. Miền Nam VN có là một chính-quyền và một quốc gia chính-thống không, và Quân-lực VNCH có chiến-đấu hay không?

Cả mấy thập niên trước, ngay trong thời-gian cuộc chiến sôi bỏng nhất, tôi đã phải tranh-luận với ông bạn quý của tôi, G.S. Douglas Pike, người mà chúng ta thương tiếc sự ra đi cách đây ít năm, về một từ rất thông-thường trong tiếng Việt, hai chữ "Việt Cộng." Nếu dựa vào ngữ-nghĩa thì "Việt" hiển-nhiên là thay cho "Việt-nam" còn "Cộng" thì là tắt cho "Cộng-sản."

Hai chữ đó, như người Việt, cả ở Nam lẫn Bắc, dùng thì chỉ có nghĩa là thế. Nói cách khác, trong thực-tiễn cuộc sống cũng như ra ngoài mặt trận, không mấy ai phân-biệt giữa một đơn-vị chính-quy Bắc-Việt và một đơn-vị của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Ngoài chiến-trường, cả hai đều bắn vào mình và ta không có bao nhiêu thì giờ để tách bạch một lính chính-

Hình ảnh của Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân và Việt Nam Cộng Hòa (San Jose)

quy của Quân Đội Nhân Dân miền Bắc (thường mặc binh-phục) và một anh lính Việt Cộng miền Nam, có thể không mặc binh-phục nhưng vẫn bắn AK47 chì không thua gì anh chính-quy kia. Có ai ngây thơ đến độ tưởng là anh chiến-binh CS ở phía bên kia tìm cách phân-biệt đâu là anh G.I. Mỹ anh ta bắn trúng và đâu là một binh-sĩ miền Nam?

Ấy vậy mà trong một thời-gian rất lâu, khi thảo-luận về chiến-tranh VN, người Mỹ thường tìm cách tách bạch hai quân-đội miền Bắc và miền Nam của phía CS, và chính ông Pike là uy-quyền hàng đầu trong việc tách bạch này trong cuốn sách nổi tiếng của ông, cuốn *Viet Cong* (MIT, 1966). Làm như vậy, ông Pike và những đệ-tử của ông đã ăn phải đúng một trong những lập-luận chính của đối-phương, đó là, chiến-tranh ở miền Nam, ít nhất trong giai-đoạn đầu là một cuộc nổi loạn nội-bộ của miền Nam do những bức-xúc của riêng tình-hình miền Nam đẻ ra vì người dân chống lại chính-quyền của ông Ngô Đình Diệm. Giải-thích như thế chính là tách rời một cách giả-tạo cuộc chiến, trong giai-đoạn 1959 đến 1975, chẳng hạn, ra khỏi chuyện xảy ra trước đó và chuyện xảy ra sau tháng 4 năm1975.

"Chiến-tranh Việt Nam" hay "Chiến-tranh Đông-dương"?

Ở Hoa-kỳ, chiến-tranh Việt-nam được xem là kéo dài tám năm, từ 1965 đến 1973. Nhưng khỏi nói cũng biết là sự tham-dự của Hoa-kỳ vào trong chiến-tranh VN có từ trước đó rất lâu và lại cũng kéo dài nhiều năm sau đó. Giờ đây, chúng ta biết rõ là chiến-tranh VN kéo dài ít nhất từ năm 1945 đến tháng 9/1989 và một phần của một trận chiến được theo đuổi trong ba quốc gia là ít: Việt-nam, Ai-lao và Căm-pu-chia. Và nếu ta coi hai miền của VN từ năm 1954 đến năm 1975 là hai quốc gia (Bắc-VN và Nam-VN), một tình-trạng thực-tế cũng như là theo luật-định trong đời sống quốc-tế lúc bấy giờ, thì cuộc chiến phải nói là xảy ra trong bốn nước —một sự-kiện ta có thể thấy phản ánh đầy đủ trong cách Hà-nội đã chia các chiến-trường ra thành bốn mà tất cả đều nằm dưới độc-nhất một trướng chỉ-huy:

Bắc-Việt được gọi là Chiến-trường A
Nam-Việt là Chiến-trường B
Ai-lao là Chiến-trường C

Và Căm-pu-chia là Chiến-trường D.

Người Pháp cũng tỏ ra gần sự thật hơn người Mỹ khi họ ít khi gọi chiến-tranh ở VN là "la guerre du Vietnam." Trái lại, để định các giai-đoạn của cuộc chiến, họ nêu ra:

"La première guerre d'Indochine," cuộc chiến Đông-dương số 1, kéo dài từ 1946 đến 1954;

"La deuxième guerre d'Indochine," cuộc chiến Đông-dương số 2, tương-đương với giai-đoạn chính có người Mỹ tham-gia, 1954-75(2); và

"La troisième guerre d'Indochine," cuộc chiến Đông-dương thứ 3, gồm hai pha cả thảy, Chiến-tranh biên-giới với Trung-quốc (tháng 2, tháng 3/1979) và cuộc Chiếm-lãnh Căm-pu-chia (tháng 12/1978 đến tháng 9/1989).

Vì ý-thức không muốn mở rộng cuộc chiến, do ngại là sẽ lôi kéo thêm sự tham-dự của Trung-quốc cũng như của Liên-Xô (tuy không lo bằng), các trào liên-tiếp của các tổng-thống Mỹ, chỉ trừ có độc-nhất trường-hợp ông Eisenhower, người mà trong hồi-ký *Mandate for Change* vẫn dùng chữ "Indochina" ("Đông-dương") thay vì Việt-nam, đều gọi chiến-tranh ở nước ta là "chiến-tranh Việt-nam." Làm thế, họ đã tuân theo một phần nào thực-tế ở dưới đất nhưng lại quên mất nhiều sự khác-biệt quan-trọng khác: trong khi Hà-nội tha hồ tung hoành và tác chiến ở ngoài biên-giới của miền Bắc VN, trên các mặt trận B, C và D, thì Hoa-kỳ và đồng-minh Nam VN của họ mỗi khi đem chiến-tranh ra ngoài biên-giới của miền Nam, như sang Lào trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 hoặc sang Căm-pu-chia (như từ 1970 đến 1973) thì họ lại bị coi là vi-phạm những luật lệ của cuộc chơi.

Mặc dầu vậy, theo như tôi thấy, chưa có ai bao giờ gọi chiến-tranh VN là "chiến-tranh Nam VN" cả. Tại sao? Tại vì một thứ linh-tính bảo ta rằng nếu Hà-nội làm quá ở miền Nam thì hiển-nhiên Hoa-kỳ và Sài Gòn có quyền trả đũa ở miền Bắc —tỷ như những cuộc oanh-tạc ở miền Bắc để ngăn chặn việc đưa quân vào miền Nam. Do vậy mà ta có thể nói là có cái gì gần như giả-tạo khi Hoa-kỳ, vào năm 1964, đã phải viện cớ vụ tàu Maddox của Mỹ bị bắn tới hai lần để biện-hộ cho việc đem chiến-tranh ra miền Bắc qua Nghị-quyết Vịnh Bắc-Việt (Tonkin Gulf Resolution).

"Xâm-lăng từ miền Bắc" (1961, 1965)

Đây là một vấn-đề then chốt nếu nói về sự chính-thống của chính-nghĩa miền Nam, nếu như Bạch-thư năm 1961 của Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ khẳng-định là đã có "xâm-lăng từ miền Bắc." Sang năm 1965, Bộ Ngoại-giao Mỹ lại đưa ra một cuốn Bạch-thư khác để tiếp nối và cập-nhật-hoá cuốn năm trước. Ta cần chú ý là một trong những tiếng nói phản chiến lớn nhất ở giữa thập niên 1960 ở Mỹ, ông I. F. Stone viết trong báo Ramparts, đã không tiếc thời giờ hay mực để bác bỏ quan-niệm cho rằng đã có "xâm-lăng từ miền Bắc." Thế có nghĩa là trong đầu ông I. F. Stone và của hầu hết các lãnh-tụ phản chiến khác thời bấy giờ, nếu lập-luận của Bộ Ngoại-giao Mỹ được chấp nhận thì rõ ràng là Hoa-kỳ và Sài Gòn có một cơ-sở chính-thống để chống trả cuộc "xâm-lăng" nói trên —nói cách khác, cuộc chiến không phải chỉ là một cuộc nổi loạn ở địa-phương dựa lên trên những điều đáng khiếu nại hay phiền lòng đối với chính-quyền Sài Gòn.

Nhưng bây giờ thì ta biết. Khi được hỏi về tính-cách giả-hiệu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam (viết tắt là NLF trong tiếng Anh), với các lãnh-tụ bị coi là một lũ bù-nhìn không có thực-chất, Nguyễn Khắc Viện, có lẽ là nhà trí-thức nổi tiếng nhất ở Tây-phương của miền Bắc, đã cười một cách ngạo nghễ trên truyền hình Pháp vào năm 1977: "Ê, thế có phải là chúng tôi giỏi đánh lừa quý vị không?"

Nhưng ta không phải chỉ có câu trả lời xấc xược của ông Viện để chứng minh là đã có "xâm-lăng từ miền Bắc." Trong một bản "dự thảo Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam"(3) hoàn-tất vào năm 1986, mà riêng bản của tôi được xem có mang chú-thích "Trình Đại tướng Võ Nguyên Giáp," ở trang 28 đã có ghi đích-xác như sau: "Theo đường lối của đại hội [III của Đảng CSVN.- Theo ghi chú của cuốn sách], ngày 20/12/60, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập." Như vậy, ta không còn gì để cãi nữa.

Song nói một cách cụ-thể hơn nữa và ăn khớp với đề-tài của chúng ta hôm nay, những con số sau đây chép ra từ một tài-liệu khác lấy ngay từ Bộ Quốc phòng ở Hà-nội, có mang ghi chú "Lưu":

Quân số MB [= miền Bắc] tăng cường cho miền Nam (Tân binh*)

Năm	MB tăng cường MN	[Ghi chú]
1955		Theo hồ sơ lưu trữ K4 Văn phòng Bộ Quốc phòng.
1956		
1957		
1958		
1959	542	
1960	1,217	
	1,759**	
1961	5,521	
1962	7,293	
1963	8,719	
1964	17,475	
	39,008**	Thiếu B3, B4 trong khoảng thời gian 1965-1975. (Khoảng vài vạn người).
1965	46,796	
1966	54,794	
1967	94,243	
1968	141,081	Ngoài còn có những đơn vị đi vào B với VK [= vũ khí] trang bị đầy đủ và đi theo đội hình đơn vị, chưa tính số này. Cần tham khảo ở Cục Tổ chức Động viên.
	336,914**	
1969	81,092	
1970	52,090	
1971	49,321	
1972	152,974	
	335,477**	
1973	75,600	
1974	70,798	
1975	117,293	
	263,691**	
	976,849	

** Chữ "tân binh" này không có nghĩa là lính tò te mà có lẽ phải hiểu là những bộ đội mới đưa vào miền Nam. Và họ vào là đi theo đơn-vị để chiến-đấu đến hết cuộc chiến, vì thế nên lúc bấy giờ mỗi có câu "Sinh Bắc, tử Nam" đôi khi được khắc ngay trên tay hay mình của người bộ đội.*

*** Theo bản gốc những con số mang hai hoa mai này được viết ngay vào cùng hàng với những con số khác. Như vậy ta có thể hiểu là một số năm đã có hai đợt đưa quân vào Nam. Dù như 1968 (Mậu thân) và 1972 (Mùa Hè đỏ lửa) là những năm chiến-cuộc lên cao-độ, có lẽ đối-phương cũng đã không đưa đến 1/2 triệu quân vào Nam. Vì vậy nên có người đưa ra ức-đoán đây là những con số tổng-cộng số quân trong những năm trước đó. Song ngay hiểu như thế, con số tổng-cộng ở cuối bảng cũng đã tới gần 1 triệu (976,849 người).*

Dựa vào bảng trên đây, ngay với những con số không đầy đủ của nó, ta cũng có thể thấy là đã có tới 81,534 bộ-đội miền Bắc được gửi vào Nam từ năm 1959 tới năm 1964, trước khi binh lính chiến-đấu của Mỹ được đưa ồ ạt vào VN. Chỉ cần con số này, cộng thêm vào với những đơn-vị của Cục "R" mộ và huấn luyện ở miền Nam, đủ để chứng tỏ là quan-niệm cho rằng Quân-lực VNCH không đánh nhau trước khi Mỹ ồ ạt đưa quân chiến-đấu vào miền Nam (tháng 3/1965) là vô lý.

"Sư-tử của đối-phương, thỏ đế của ta"

Thực-sự, ngay với một số quân lớn như vậy đưa vào chiến-trường miền Nam, nghĩa là tương-đương với 9 sư-đoàn, quân Bắc-Việt vẫn chưa thấy có đủ tự-tín để đụng trận ở cấp đơn-vị lớn. Phải đợi đến Ấp Bắc (tháng 1/1963) ta mới có trận đầu tiên ở cấp tiểu-đoàn, song phía CS chủ-yếu là tìm cách xây dựng lực-lượng ở miền Nam trước khi chạm trán với quân-đội Mỹ. Đó là vì ông Giáp rất ngại khả-năng tham-chiến của Hoa-kỳ,(4) trong khi đó thì sau khi ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ ở miền Nam, Hà-nội ngày càng chịu ảnh-hưởng của Lê Duẩn nên đã liều lĩnh kêu gọi việc đem lại "một đổi thay có tính quyết định trong cán cân lực lượng" giữa hai miền (tháng 12/1963).

Đến khi quân-đội Bắc-Việt quyết-định nhào vô đánh Mỹ dùng đơn-vị lớn hơn đại-đội (trong hai trận Vạn Tường-Starlite, tháng 8/1965, và Ia Drang, tháng 11/1965(5)) thì quân-số của họ ở miền Nam đã lên đến hơn 150 nghìn, không kể những quân phụ lực của họ ở miền Nam. (Ông Bùi Tín, chẳng hạn, cho ta một con số thấp khi ông cho rằng vào năm 1965-1966, "số quân Bắc-Việt đưa vào miền Nam chưa tới 120 nghìn người." (6) Tính đến năm 1966 thì thực ra con số quân Bắc Việt đưa vào Nam đã lên đến 141 nghìn không kể những đơn vị "vũ khí trang bị đầy đủ" đưa vào chiến trường B3 và B4 để chiến đấu một thời gian rồi lại rút về miền Bắc.)

Với những trận chiến lớn ngày càng để cho Mỹ đánh và quân-đội miền Nam chỉ còn giữ những vị-trí phòng thủ, không lạ là báo chí truyền thanh truyền hình Mỹ, đằng nào cũng không mấy có hứng đưa tin nhìn từ quan-điểm của Quân-lực VNCH, bắt đầu nói xấu đồng-minh chính trong chiến-tranh, làm cho phía mình mất đi thêm tính-cách chính-thống. Cú "đâm sau lưng chiến-sĩ" tệ nhất đối với quân-đội miền Nam xảy ra vào tháng 10/1967 khi tuần-báo *Newsweek* đưa ngay lên bìa tên bài báo chính của tuần đó, "Sư-tử của đối-phương, thỏ đế của ta,"(7) chỉ một câu mà nói lên hết sự suy nghĩ của họ về quân-lực VNCH.

Chính sự coi nhẹ, nếu không muốn nói là khinh miệt, đối với đồng-minh chính trong chiến-tranh còn thấy phản ánh trong những trang-bị chiến-tranh được chuyển cho quân-đội miền Nam. Đến tháng 1/1968, để chuẩn-bị cho tổng-công-kích Mậu-thân của họ, nếu quân-đội CS, cả Bắc-quân lẫn quân GPMN, đều đã được cung-cấp AK47 (một chương-trình được bắt đầu từ 1964, súng do Trung-cộng sản xuất theo mẫu mã của Nga) thì đến đó, chỉ có một số đơn-vị chủ-lực của miền Nam (TQLC và Nhảy Dù, cộng thêm một vài đơn-vị Biệt-động-quân) là được trang-bị với M16 (võ-khí cá-nhân được xem là tương-đương với AK47 nhưng chính-thực dễ hóc, dễ hỏng hơn dù như bắn xa thì có chính-xác hơn), trong khi đó thì hầu hết quân-đội miền Nam chỉ được cấp có Garant M1, loại súng cá-nhân có từ thời Thế-chiến II. (Phải đợi đến khi tướng Abrams sang thay tướng Westmoreland sau trận Mậu-thân, ông mới đòi phải cung-cấp

M16 cho toàn-bộ quân chính-quy của miền Nam.)

Mặc dầu vậy, mặc dầu súng ống không bằng quân Bắc-Việt và quân GPMN, quân-lực miền Nam trong trận Mậu-thân đã tỏ ra chiến-đấu vô cùng anh-dũng trong trận thư hùng trên toàn-quốc này. (8) Hai mươi lăm trên tổng số 45 tỉnh ở toàn miền Nam, (9) kể cả ba đô thị lớn là Sài Gòn, Huế và Đà Nẵng, bị đánh trong một cuộc tổng công kích bất ngờ trên toàn lãnh địa từ Bến Hải vào, ngay trong khi đang có đình chiến Tết, có nghĩa là đa phần những trại bót của quân đội miền Nam lúc bấy giờ không đủ quân số. Mặc dầu vậy, mặc dầu đối-phương có được yếu-tố bất ngờ là yếu-tố thường phải có lợi cho họ, quân-lực VNCH đã đánh bật cuộc tấn-công trên toàn-quốc trong vòng 48 tiếng đồng-hồ, trừ có trường-hợp của Huế (mà đối-phương giữ được một phần trong 25 ngày), làm cho quân CS bị thảm-bại. Hà-nội cố gắng một cách vô vọng khai thác cái mà được gọi là cơ-hội "nghìn năm một thuở" này bằng hai đợt tấn-công rộng lớn khác nữa (nhưng ngày càng yếu) vào tháng 5 và tháng 8-tháng 9 năm đó, để chuốc lấy thất bại cay đắng —một điều mà ngay các quan-sát-viên phía CS cũng phải công-nhận. Kết-quả là, chỉ riêng trong cuộc "tổng-công-kích tổng-khởi-nghĩa" năm Mậu-thân của họ, Hà-nội đã mất 58,373 tử vong (10) —nói cách khác, bằng tổng-số tử vong của Hoa-kỳ trong toàn-bộ cuộc chiến ở VN, chưa kể 9,461 người khác bị bắt làm tù-binh.

Đọc lầm

Cuộc "tổng-công-kích tổng-khởi-nghĩa" Mậu-thân là một đại-bại về phía CS, điều này tới nay không còn ai phủ-nhận nữa, kể cả phía CS. Nhà báo Bùi Tín viết: "Tổn thất phía chúng tôi rất lớn. Lẽ ra sau đợt 1, chúng tôi rút về củng cố địa bàn nông thôn, duy trì thế lực lâu dài, thì chúng tôi lại phạm sai lầm, lao vào tiến công đợt 2 (tháng 5.1968), đợt 3 (tháng 9.1968), đợt sau đuối hơn đợt trước, tổn thất sau đó cũng nặng hơn! Ai ở miền Nam cũng hiểu rõ, năm 1968 và năm 1969 là hai năm cực kì gay go của chúng tôi, gay go sang cả năm 1970 và năm 1971, đến năm 1972 mới hồi phục." (11) Trong sách From Enemy to Friend, ông Bùi Tín còn nói rõ hơn nữa lý do thoái trào của CS ở miền Nam trong gần năm năm đó là do, sau trận Mậu Thân, "quân đội Hoa Lỳ và Sài Gòn lập tức phản công trên toàn lãnh thổ miền Nam kèm theo đó là bình định mau chóng, dẫn đến những tổn hại kinh hoàng cho phía chúng tôi trong suốt ba năm 1968, 1969 và 1970." (12)

Đối-phương thất bại là thế, vậy mà khi lên mặt báo, truyền thanh hay truyền hình Mỹ(13) thì chiến-công đó lại bị coi là "thảm-bại" của phía Đồng-minh, dẫn đến một trong những quyết-định có tính-cách định-mệnh trong toàn cuộc chiến, sự rút lui (vào tháng 3/1968) của ông Lyndon B. Johnson, không chịu ra nhận ứng cử chức Tổng-thống cho nhiệm-kỳ 2 vào tháng 11 năm đó. Đây hiển-nhiên là một quyết-định mà Hà-nội có thừa thông-minh để hiểu rằng người Mỹ như vậy là đã đến giới-hạn chót trong sự dấn thân, cam-kết của họ đối với miền Nam, và giờ đây sẵn sàng xuống thang để đi "cầu hoà" —ở Paris.

Tất cả những gì diễn ra sau đó chỉ còn là những cách khác nhau để cho Mỹ rút chân ra khỏi "vũng lầy Việt-nam": Không leo thang nữa (quân-số Hoa-kỳ lên đến đỉnh gần 500 nghìn quân rồi bắt đầu được rút về từng phần), ông Nixon đưa ra chính-sách "Việt-nam-hoá" chiến-tranh (1969), ngoại-trưởng Kissinger bắt đầu thương lượng với Mạc-tư-khoa và Bắc-kinh trên đầu hai nước VN (trong một lần gặp gỡ với ông Chu Ân-lai, thủ-tướng Trung-Cộng, vào năm 1970, ông "K" nói thẳng là Hoa-kỳ sẵn sàng rút lui đơn-phương khỏi VN, bất kể chuyện gì có thể xảy ra sau đó về mặt chính-trị),(14) đến khi Mùa Hè Đỏ Lửa xảy ra (1972) thì quân-số Hoa-kỳ chỉ còn 65 nghìn quân ở miền Nam và không được tham-chiến, tay ông Nixon sau đó bị trói bởi Luật Quyền-hạn chiến-tranh (bị cấm ném bom Căm-pu-chia), rồi đến tháng 1/1973 thì hoàn-toàn không còn bóng dáng quân chiến-đấu của Mỹ nữa ở toàn cõi miền Nam. Thêm vào đó, cuộc khủng-hoảng dầu hỏa vào cuối năm 1973 làm cho hôm trước hôm sau, tiền viện-trợ Mỹ cho Sài Gòn để mua xăng nhớt chỉ còn mua được có bằng nửa trước kia, và cuối cùng thì Quốc-hội Mỹ xoá sổ miền Nam VN sau khi vụ xì-căng-đan Watergate nổ ra (1974).

Song ngay cả khi Hoa-kỳ bỏ cuộc như vậy, quân-lực VNCH vẫn tiếp-tục chiến-đấu anh-dũng, đẩy lui được ba mũi dùi lớn của quân Bắc-Việt thọc vào miền Nam trong vụ Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Thuỷ-quân lục-chiến VN đã viết nên những trang sử oai-hùng nhất trong lịch-sử quân-sự ở VN khi vào tháng 9 năm ấy, họ đổ

xương máu ra để chiến-đấu lấy lại từng tấc đất một của tỉnh Quảng-trị (cuộc chiếm lại Cổ-thành Quảng-trị phải xem là một trận Iwo Jima của VN) và trong cuộc phòng thủ cam go để giữ An-lộc ở phía bắc Sài Gòn, do địa-phương-quân, bộ-binh và Nhảy Dù VNCH đảm trách dưới mưa pháo của địch-quân và hết đợt tấn-công chiến-xa này đến đợt tấn-công khác, trận An-lộc đã đi vào quân-sử với cách gọi là "trận Stalingrad của VN," "trận cứu nguy Sài Gòn" của ký-giả Mỹ P. C. Clarke. (15) Ấy vậy mà vẫn có người tìm cách quy chiến thắng An Lộc cho yểm trợ không quân của Mỹ và nhất là bom trải thảm B52 song thử hỏi, đã mấy ai nghe thấy trong lịch sử chiến tranh là có trường hợp nào bom đạn đã giữ được đất (16) và hất được địch ra khỏi trận địa?

Lỗi lầm hiển-nhiên là vẫn có và phải có

Như trong mọi cuộc chiến, lỗi lầm đã từng xảy ra ở VN; ngoài ra, lại còn có yếu-tố may rủi, có thể mang lại những kết-quả khó lường. Cộng thêm vào đó nữa tính kiên-nhẫn nhịn nhục của Đông-phương mà hai phe người Việt đều có thừa, trái hẳn với sự nôn nóng và tính quyết-liệt của người Mỹ một khi họ đã quyết-tâm "bỏ chạy." Với tính-chất khác biệt như vậy giữa Mỹ và Việt, không lạ là chiến-tranh đã không kết thúc được một cách êm thắm. Cuối cùng, Sài Gòn bị Mỹ bỏ rơi (trước hết là Quốc-hội Mỹ và báo chí Mỹ, rồi đến ngay Tổng-thống Ford nữa) đã đem lại chiến-thắng dễ dàng cho phía Hà-nội, một chiến-thắng mà đáng nhẽ không thể có, chính vì vậy mà cho đến nay, VN vẫn còn phải lãnh chịu hậu-quả không hay của năm 1975: chiến-tranh kéo dài thêm 14 năm nữa đến tháng 9/1989 (khi Quân-đội Nhân-dân buộc lòng phải triệt thoái khỏi xứ Chùa Tháp, sau khi đã hứng chịu hơn 50 nghìn tử vong), rồi thảm-kịch "thuyền-nhân" (chưa kể "bộ-nhân" và "tường-nhân") dẫn đến việc hình-thành một cộng-đồng hải-ngoại gần 3 triệu người, nói chi đến cái ách nạn CS gieo lên đầu lên cổ nhân-dân gây nên những khổ-cực tận-cùng trong hơn 10 năm trước khi có chính-sách Đổi Mới (tháng 12/1986).

Vâng, cũng phải nói là ở phía chúng ta không ít lỗi lầm, kể cả lỗi lầm tai-hại về quân-sự, cũng đã xảy ra. Trong các lỗi lầm này có lẽ không có cái nào lớn hơn là quyết-định của Tổng-thống Nguyễn Văn Thiệu cho rút quân khỏi Cao-nguyên sau khi Ban-mê-thuột bị tấn-công vào tháng 3/1975. Vì thiếu chuẩn-bị nên cuộc rút lui này đã biến thành một đường máu và nước mắt. Trường-hợp Huế và vùng I cũng vậy, rối loạn xảy ra khi tướng Ngô Quang Trưởng, một trong những tướng giỏi nhất của miền Nam, được lệnh bỏ Huế (khi Huế vẫn có thể phòng thủ được) rồi lại được lệnh ngược lại là giữ Huế bằng mọi giá (khi tình-hình đã trở nên tuyệt vọng). Mặc dầu vậy, người chiến-sĩ VN vẫn có những giờ phút can-trường trong một số trường-hợp: nhóm Mũ Đỏ ở Đơn-dương, bộ-binh VN ở Sa-huỳnh, và nhất là trận thư hùng ở Xuân-lộc trong đó một mình sư-đoàn 18, dưới sự chỉ-huy anh-dũng của tướng Lê Minh Đảo, đã chống cự lại ba sư-đoàn Bắc-Việt, gần như ngay ở cửa ngõ vào Sài Gòn.

Bởi những lý-do trên nên tôi cho rằng nếu ta cần phải kết tội ai (một điều tôi không tin là có ích lợi gì) thì còn nhiều tác-nhân đáng trách hơn Quân-lực VNCH, dù như quân-lực này cũng không khác mấy các quân-đội lớn trên thế-giới là có những đơn-vị yếu kém bên cạnh những sư-đoàn dũng mãnh, có tướng giỏi bên cạnh một số tướng khác làng nhàng hay ngay cả tham-nhũng. Ta có thể lấy các con số tử vong của quân-lực này cũng như những con số tương-đương của đối-phương để mà thấy sự hy sinh và dũng cảm của Quân-lực VNCH: ông Bùi Tín cho biết là quân-đội Bắc-Việt mất 230,466 tử vong trên chiến-trường miền Nam bên cạnh 51,532 quân CS miền Nam, chưa kể 300 nghìn người mất tích, tổng-cộng là khoảng 600 nghìn người tổn-thất ở miền Nam; để loại được 600 nghìn "con sư-tử" này, quân-lực miền Nam cũng đã mất 230 nghìn tử vong bên cạnh đồng-minh chính là Hoa-kỳ, mất 58 nghìn người. Như vậy là cứ một binh-sĩ miền Nam hay đồng-minh ngã gục thì họ đã đánh đổi để hạ được hai địch-quân CS. (17) Và đây là bất kể các trận chiến được xem là thất bại hay chiến thắng, tùy theo lối nhìn của mỗi bên.

Cần có một cách nhìn mới hơn đối với chiến-tranh VN

Cuộc tranh cãi về những bài học của chiến-tranh VN vẫn còn tiếp-diễn. Trên một bình-diện, chiến-tranh đó đã thổi phù đi các huyền-thoại về một "chiến-tranh du-kích" nếu đem áp-dụng vào tình-hình VN trong thời-gian Mỹ trực-tiếp

tham-chiến (1965-1973). Tỷ-dụ như hồi đó, ta nghe nói nhiều về quan-điểm của Sir Robert Thompson là ta cần phải có một tỷ-lệ trên 10 người chống 1 (du-kích-quân)(18) mới có thể thắng được họ, một kết-luận mà ông rút ra được từ kinh-nghiệm chiến-tranh chống du-kích CS ở Mã-lai. Nhưng nếu nói thế thì không bao giờ ở chiến-trường VN chúng ta có được tỷ-lệ như vậy. Thế có nghĩa chăng là tất yếu phe Đồng-minh phải thua ngay từ đầu? Tôi cho rằng những con số tử vong nêu trên cũng như những giai-đoạn trồi sụt trong cuộc chiến đã cho ta thấy là câu chuyện thực phức-tạp hơn thế nhiều.

Rồi lại có vấn-đề chiến-tranh VN là một chiến-tranh giới-hạn như thế nào? Đúng là phe Đồng-minh đã không phải đi đến chỗ dùng bom nguyên-tử hay vũ-khí hạch-nhân (như Pháp và Mỹ đã thoáng bàn đến cách dùng bom ấy vào năm 1954 khi Điện-biên-phủ xem chừng sắp thua) và Hà-nội cũng không bao giờ có khả-năng dùng không-lực ở miền Nam cho đến tận những ngày gần cuối cùng. Như vậy thì phải xem chiến-tranh VN là một cuộc chiến địa-phương hay khu-vực? Chúng ta cũng đã nói qua về vấn-đề này ở trên (địa-bàn chiến-tranh là bốn "nước" cả thảy) nhưng phải nói là chỉ khi chúng ta xem đây là một cuộc chiến cho toàn vùng Đông-Nam-Á (19) thì câu chuyện mới có lý, và trong một nghĩa nào đó xem đây là một cuộc tranh-chấp Đông-Tây trong Chiến-tranh Lạnh xem chừng còn có nghĩa hơn nữa.

Để trả lời câu hỏi này, ta không thể có lời chứng nào ý nghĩa bằng lời chứng của ngay ông Bùi Tín:

"Mới đầu, tôi cho là vấn đề rất giản đơn, như cuộc chiến tranh Pháp-Việt trước đó. Đây là cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc của chúng tôi... Càng về sau..., được nghe và đọc nhiều, tôi thấy quả thật đây là vấn đề phức tạp, rất phức tạp. Các cuộc chiến tranh, tuỳ nơi, tuỳ lúc, tuỳ động cơ, điều kiện lịch sử cụ thể, mang tính chất khác nhau: chiến tranh đúng/sai, chính nghĩa/phi nghĩa, bảo vệ tổ quốc/xâm lược, nóng/lạnh, xâm chiếm đất đai, ý thức hệ, dân tộc, tôn giáo, giai cấp, thiêng liêng thần thánh/sai lầm bẩn thỉu. Khi còn trẻ..., tôi cho chiến tranh mà chúng tôi thực hiện là đúng, là chính nghĩa, vì nó nhằm giành và bảo vệ nền độc lập, chống xâm lược, chống sự chiếm đóng của quân đội nước ngoài trên đất nước tôi... Về sau, là người cộng sản, được giáo dục tuyên truyền của đảng cộng sản, tôi thấy đấy còn là cuộc chiến tranh để bảo vệ cả phe xã hội chủ nghĩa, chống lại 'sự xâm lược của phe đế quốc' do Mỹ cầm đầu. Chúng tôi được giáo dục để coi phe xã hội chủ nghĩa... là Tổ quốc lớn của những người vô sản chúng tôi. Cao hơn nữa, chúng tôi coi đây là sứ mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nhằm giải phóng tất cả các dân tộc và các giai cấp trên thế giới khỏi ách áp bức, bất công, xâm lược. Vì thế chúng tôi tự hào, hăng say chiến đấu... Tôi đang cầm súng, đứng trên tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa, của nhân loại tiến bộ, vừa làm nhiệm vụ quốc gia, vừa làm nhiệm vụ quốc tế." (20)

Chỉ có một cái nhìn bao quát, đem cả quốc-tế vào, thì ta mới có thể hiểu được tại sao chiến-tranh VN sau bao nhiêu năm vẫn còn được một số người xem là một cuộc chiến có ý nghĩa toàn-cầu (tỷ-dụ như có thể có ảnh-hưởng ở Trung-Nam-Mỹ, ở Phi-châu, Trung-Đông v.v.), và cũng chỉ có một cách đọc theo kiểu Chiến-tranh Lạnh thì mới có thể hiểu được tại sao Hà-nội đã nhận được sự viện-trợ đều đặn của Liên-Xô, Trung-quốc và các quốc gia khác nằm trong khối CS quốc-tế trong suốt thời-gian chiến-tranh. Giờ đây, chẳng hạn, ta biết quá rõ là trang-bị chiến-tranh của Liên-Xô (không trừ chiến-xa và máy bay MiG) là xương sống của nỗ lực chiến-tranh của Hà-nội cũng như là tình-báo trên không của Mạc-tư-khoa cũng giúp vào nỗ lực này, rằng một số binh-chủng trong quân-đội Trung-Cộng (phần lớn là công-binh và các đơn-vị chống máy bay, mà các nguồn tin Trung-quốc cho biết là tới 320 nghìn người hay, như ông Bùi Tín nói, là 320 nghìn lượt) đã thay phiên nhau sang đóng quân ở miền Bắc, rằng đã có 801 phi-công Bắc-Hàn sang nghênh chiến (22) trên không với máy bay Mỹ trên vùng trời Bắc-Việt, rằng công-an nội-chính STASI của Đông-Đức đã đào tạo và huấn luyện công-an cho Hà-nội, rằng tất cả các súng Kalashnikov đều sản xuất ở Tiệp-khắc và rằng Cuba đã gởi các thẩm-vấn-viên sang khai thác tù-binh Hoa-kỳ.

Đến khi Mỹ rút quân ra khỏi Việt-nam thì cái vỏ quốc-tế của phe CS cũng vỡ ra luôn: Bắc-kinh trở thành một đồng-minh tạm-thời với Mỹ để chống lại đe doạ từ Liên-Xô, và chẳng bao lâu thì ba đồng-minh CS ở Á-đông đè nhau ra làm thịt (Việt-nam, Căm-pu-chia, Trung-Cộng). Khỏi cần phải nói ta cũng biết là những yếu-tố này đã mang lại sự sụp đổ của khối Xô-

viết ở châu Âu.

Để kết, ta có thể nói được là định-mệnh không may của miền Nam tự do và quân-lực VNCH, mặc dù đã tỏ ra vô cùng dũng cảm và hy sinh, đã đưa miền đất này đến chỗ trở thành nạn-nhân của Chiến-tranh Lạnh; song những hy sinh và khổ-nạn của miền đất này không thể xem được là đã tỏ ra vô ích. Chiến-tranh VN, ta có thể nói được khá chắc chắn, đã cứu vãn được thế-giới trong thời-kỳ Chiến-tranh Lạnh khỏi một cuộc chiến cao-độ và lan rộng hơn mà có nguy-cơ lôi cả thế-giới vào.

Đọc tại Vietnam Center
Texas Tech University
Lubbock, Texas
Ngày 17 tháng 3 năm 2006

Chú-thích

1. Từ thập niên 1990 trở lại đây, Hà-nội đã xập xí xập ngầu bằng cách gán hai chữ "quốc gia" cho một số định-chế của họ, như "Nhà xb Sự Thật" đổi thành "Nhà xb Chính trị quốc gia" hay "Đại học tổng hợp Hà Nội" trước kia giờ đây gọi là "Đại học tổng hợp quốc gia Hà Nội."

2. G.S. William S. Turley đã tỏ ra theo cách phân-định này khi ông viết cuốn The Second Indochina War: A Short Political and Military History, *1954-1975 ("Chiến-tranh Đông-dương lần thứ hai: Lược-sử chính-trị và quân-sự, 1954-1975"), New American Library, 1987). Tướng Philip B. Davidson, tuy gọi cuốn sách của ông là* Vietnam at War: The History, *1945-1975 (Oxford University Press, 1991) song cũng nói ngay trong bài tựa là ông Võ Nguyên Giáp là một nhân-vật xuyên suốt ba cuộc chiến mà ông định nghĩa là: "Indochina War I between the Vietminh and the French, Indochina War II between the United States/ South Vietnam and North Vietnam/Viet Cong, and Indochina War III between North and South Vietnam." (trang ix)*

3. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Tóm tắt Dự thảo Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam, *Hà Nội, 1986.*

4. Bùi Tín, trong Mây Mù Thế Kỷ *(Đa Nguyên, 1998, trang 37), viết: "Tôi còn nhớ hồi năm 1965, khi cho ý kiến về bình luận quân sự, tướng Võ Nguyên Giáp có nói riêng với mấy phóng viên quân sự báo* Quân đội nhân dân *rằng:* 'Mỹ vào chừng mười bốn, mười lăm vạn đã thành vấn đề gay go ở chiến trường. Nếu số quân Mỹ lên đến hai mươi vạn hoặc hơn nữa thì sẽ rất gay go cho phía ta!' Chính vì những phát biểu như thế này mà sau đó có tin đồn, do phe Lê Duẩn (sẵn không ưa ông Giáp) đưa ra, rằng ông Võ Nguyên Giáp là một loại thỏ đế, nhát như cáy. Tin đồn này đến năm 1991 còn được nhắc lại trong hồi-ký của Trần Phương." *(Xem thêm Bui Tin,* From Enemy to Friend: A North Vietnamese Perspective on the War, *Annapolis, MD: Naval Institute Press, 2002, trang 14.)*

5. Trận Ia Drang, với tất cả những chi-tiết ghê rợn và vinh-quang của nó, được kể lại trong sách We Were Soldiers Once... and Young *("Chúng ta đã một thời làm lính... trẻ," New York: HarperTorch, 1992) do Trung-tướng Harold G. Moore (hồi hưu) và ký-giả Joseph L. Galloway, người có tham-dự trận đánh này với tư-cách là phóng-viên chiến-trường. Cuốn sách, vì hai tác-giả có sang tận Việt-nam phỏng vấn các đối-tác trong trận này, đã tỏ ra khá công-bằng cho cả đôi bên, Mỹ và quân-đội Bắc-Việt.*

6. Bui Tin, From Enemy to Friend *("Từ thù đến bạn"), sđd, trang 14.*

7. Perry, M.D., "Their Lions, Our Rabbits," Newsweek, *October 9, 1967.*

8. Palmer, Dave R., Summons of the Trumpet: U.S.-Vietnam in Perspective, San Rafael, Ca: Presidio Press, 1978. *Mặc dù ông Palmer cho là phe Đồng-minh đã không nắm được tin tình-báo về cuộc "tổng-công-kích tổng-khởi-nghĩa" này của phía CS, một điều mà các tác-giả khác không nhất thiết đồng-ý, ông cũng viết, theo bản dịch của Nguyễn Đức Phương trong Chiến tranh Việt Nam Toàn Tập (x. chú-thích 10 dưới đây, trang 413): "Tin tưởng rằng sẽ được chào đón như những giải phóng quân và hy vọng nhìn thấy QLVNCH tan rã bỏ chạy, các cấp lãnh đạo của CS đã thất vọng cả hai. QLVNCH dù bị bất ngờ và chỉ có phân nửa quân số hay ít hơn, đã chiến đấu như chưa bao giờ thấy trước đây. Thay vì gây cho các lực lượng của Sài-Gòn bị tan rã, cuộc tổng tấn công đã tạo một hậu quả trái ngược khiến QLVNCH xiết chặt thêm hàng ngũ. Chiến đấu để bảo vệ nhà cửa thành phố của mình, người lính Nam Việt-Nam đã chứng tỏ một tinh thần chiến đấu cao độ và dũng mãnh làm ngạc nhiên hầu hết các quan sát viên, nhất là quân đội miền Bắc Việt-Nam. Cuộc tổng khởi nghĩa hoàn toàn chỉ là một huyền thoại. Dân chúng miền Nam Việt-Nam không bước ra chào đón người khách lạ đầu Xuân. Họ đã đứng dậy nhưng trong sự hãi hùng và chống đối kẻ xâm lược."*

9. Đây là một con số bảo thủ và không liệt-kê vào trong đó những tỉnh thành mà chỉ có bắn phá chứ không có quân CS tiến-công vào. G.S. John Prados, trong sách The Hidden History of the Vietnam War *("Lịch-sử bí-mật Chiến-tranh VN," Chicago: Ivan R. Dee, 1995, trang 142) đưa ra những con số cao hơn nhiều: "Các đơn-vị Bắc-Việt và Việt Cộng đưa từ 67,000 đến 84,000 quân vào tấn-công 39 trong số 44 tỉnh-lỵ, 71 quận huyện, Sài Gòn, tất cả các tổng-hành-dinh của QLVNCH và nhiều căn-cứ không-quân chính —tổng-cộng là 166 tỉnh thành." Kết-luận về chiến-dịch TCK-TKN của Hà-nội, Phillip B. Davidson, trong* Vietnam at War *(sđd, trang 447), đã viết: "Cái yếu bao trùm trong kế-hoạch của ông Giáp là nó được đặt trên căn-bản của những giả-thiết đã tỏ ra không những không có cơ-sở, mà còn hoàn-toàn sai. QLVNCH đã không theo địch quân hay rã ngũ, hoặc tan rã trước các mũi tấn-công dữ dội của phe CS vào Tết Mậu-thân. Nói chung, QLVNCH chiến-đấu dũng cảm và hữu hiệu hơn bao giờ hết trước đó và cũng từ đó, quân-lực ấy không nổi lên chống lại chính-phủ Thiệu; và họ đã không quay lại đánh phá quân-đội Mỹ."*

10. Nguyễn Đức Phương, Chiến tranh Việt Nam Toàn Tập: Từ trận đầu (Ấp Bắc — 1963) đến trận cuối (Sài Gòn — 1975), Toronto, Canada: Làng Văn, 2001, nơi

trang 407, dẫn theo lịch-sử chính-thức của QLVNCH mang tên Cuộc Tổng Công Kích — Tổng Khởi Nghĩa của Việt Cộng Mậu Thân 1968 của Phạm Văn Sơn và Lê Văn Dương (Saigon: Phòng 5/BTTM, 1968). Cũng cần phải nói là John Prados xem tác-phẩm sau này là bản tường-trình đầy đủ nhất trong bất cứ tiếng nào về vụ TCK-TKN của CS mà lại viết chỉ ít tháng sau chứ không phải chờ đến nhiều năm. Trong tiếng Anh, cuốn sử tương-đương viết từ quan-điểm của QLVNCH là cuốn The General Offensives of 1968-69 *của Hoàng Ngọc Lung (Washington, D.C.: Center for Military History, 1981).*

11. Bùi Tín, Mây Mù Thế Kỷ, *sđd, trang 105.*

12. Bùi Tín, From Enemy to Friend, *sđd, trang 63-64. Trong sách ghi ở cước-chú 3 trên đây, chúng ta thấy ghi trong phần "Ưu khuyết điểm và kinh nghiệm của giai đoạn 1969-1972" nơi trang 97 nhận-định như sau: "Qua những gì xảy ra trong hai năm 1969 và 1970, do ta nắm lỏng lẻo nông thôn và cao nguyên, địch đã quyết liệt phản công và đạt được một số thắng lợi trong khi đẩy ta vào những khó khăn kéo dài." Ngoài ra, ta cũng còn có thể trích dẫn một số nguồn tài-liệu cộng-sản khác như hồi-ký Trần Văn Trà (tư lệnh Cộng-quân miền Nam), Lê Minh (chỉ-huy trận Mậu-thân ở Huế), Hoàng Văn Hoan (uỷ-viên Bộ chính-trị đào tẩu sang Trung-quốc năm 1979), v.v. Tất cả những nguồn tin đó đều công-nhận là trận Mậu-thân đã làm cho việc xâm-lăng miền Nam bị trì-hoãn ít ra là bốn năm. Cựu-Tổng-trưởng Quốc-phòng Melvin Laird, viết trong số báo ra tháng 11 và 12 năm 2005 của tạp-chí* Foreign Affairs *("Iraq: Learning the Lessons of Vietnam"), cho rằng QLVNCH không thua một trận lớn nào suốt từ năm 1968 cho đến gần những ngày cuối của VNCH. Theo ông, Tết 1968 là một "chiến-thắng" của miền Nam và một "thảm-hoạ quân-sự" cho miền Bắc làm cho phía Cộng-quân mất "289,000 thương vong" chỉ nguyên trong năm 1968.*

13. Về tất cả những sự xuyên-tạc và hiểu lầm kinh khủng về Tết Mậu-thân trong báo chí, truyền thanh và truyền hình Mỹ, ta cần tham-khảo cuốn sách đồ sộ của Peter Braestrup, Big Story *("Tin Lớn"), hai tập (Denver, CO: Westview Press, 1977). Bản thu lược lại thành một tập của tác-phẩm này (New Haven, CT: Yale University Press, 1983), chẳng may, đã bỏ đi chương trong đó Braestrup kể lại là có ba phóng-viên Mỹ chịu khó đi hành quân với quân-đội VNCH, cả ba đều có những điều tích-cực để nói về những đơn-vị Việt-nam mà họ có dịp đi theo. Tướng Davidson, sđd, trang 483-492, cho ta một bản tóm lược về ảnh-hưởng của báo chí truyền-thông lên trên việc xúc-tiến chiến-tranh mà ông mô-tả là một "trận nước lũ hỗn-độn và kinh-khiếp, làm tràn ngập lên hết cả những ai tìm cách lái nó sang hướng khác hay chặn nó lại." (trang 483)*

14. Lời tuyên-bố đích-xác của ông Kissinger với ông Châu Ân-lai về chuyện này mới đây đã được giải mật sau khi các ghi chú về những cuộc trao đổi bí-mật giữa đôi bên ở Bắc-kinh đã được chuyển sang cho Nha Văn-khố Quốc-gia (Mỹ).

15. Clarke, P.C., "The Battle That Saved Saigon: An Loc" ("Trận chiến đã cứu Sài Gòn: An Lộc"), Reader's Digest, *March 1973, trang 151-156. Về sự chính-xác hay thiếu chính-xác, cân-bằng hay không của báo chí truyền-thông Mỹ đối với QLVNCH, ta có thể dẫn chứng cuốn sách vĩ-đại trong nhiều nghĩa,* Reporting Vietnam, American Journalism 1959-1975 *("Làm tin về VN, ngành báo chí truyền-thông Mỹ, 1959-1975," New York: The Library of America, 2000, 853 trang), trong đó 61 bài báo được đăng lại thì chỉ có bảy bài viết về quân-đội miền Nam, rồi trong số đó lại chỉ có độc-nhất một bài ít nhiều thân thiện đối với phía QLVNCH. Lấy một trường-hợp khác, bài viết bởi John Saar về Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 trong báo* Life *(April 28, 1972), "Report from the Inferno" ("Tường-trình từ Địa-ngục"), thì tình-hình An Lộc trong những ngày khốc-chiến được tường-thuật qua con mắt của "một cố-vấn Mỹ cấp thấp": "Tình-hình càng ngày càng tệ mà bọn Việt-nam họ chẳng làm gì cả. Mùi hôi thối trong tỉnh xông lên quá nên họ phải dùng xe ủi để mà đào một khu mồ tập-thể cho 300 binh-sĩ tử vong của họ. Bọn Bắc-Việt pháo vào nhà thương với súng 155mm mà họ cướp được của ta, giết chết 61 người. Thế là bây giờ bên này không cả có bệnh-viện cũng như đủ đồ y dược để lo cho thương-binh trong khi đó mình có từ 500 đến 600 thương-binh của phía quân-đội miền Nam mà họ cũng không có khả-năng cho tải ra khỏi chiến-trường." Ta chỉ cần coi phần "Chronology" ("Biên niên") ở cuối sách (trang 787) là đã thấy một câu chuyện khác nhiều, dưới mục năm 1972: "Quân Bắc-Việt tung ra một trận xâm-lược qui-mô vào miền Nam (gọi là 'Easter Offensive' vì nó xảy ra vào Phục-sinh năm ấy) nhằm ngày 30 tháng 3, dùng hàng trăm chiến-xa, đại-pháo hạng nặng do cam-nhông chở đi, cũng như hoả-tiễn đất-trời để vượt biên tấn-công vào Quảng-trị, Bình-long [An-lộc nằm trong tỉnh này.- NNB] và Kontum... Cuộc đánh vào Bình-long bắt đầu với quân Bắc-Việt chiếm được Lộc-ninh, vào những ngày 4-6 tháng Tư... Sau đó chúng xuất phát từ Lộc-ninh xuống bao vây An-lộc vào ngày mồng 7 tháng Tư... Được không-quân Mỹ yểm-trợ mạnh mẽ, quân-đội miền Nam đẩy lui được mũi tiến-công vào An-lộc ngày 13 tháng Tư... Cuối cùng, quân-đội miền Nam đánh bật địch-quân ra khỏi An-lộc từ 11 đến 14 tháng Tư." Cũng tương-tự, quân-đội miền Nam đánh bật được quân Bắc-Việt ra khỏi Kontum, ngày 14-30 tháng Năm, phá vỡ vòng vây của đối-phương chung quanh An-lộc ngày 11 tháng Bảy và lấy lại phần lớn Quảng-trị vào ngày 15 tháng 9. Ta cũng cần nhớ là trong những ngày khốc-liệt nhất, An-lộc mà diện-tích chỉ có khoảng 6 km2, phải hứng chịu tới 30,000 đạn pháo của địch-quân một ngày. Để nghe kể về trận chiến kiêu hùng An-lộc, ta bắt buộc phải đọc Mùa Hè Đỏ Lửa (Saigon, 1972) của Phan Nhật Nam và một cuốn nhật-ký ghi lại từng ngày của một bác-sĩ quân-y có dự trận suốt thời-gian An-lộc bị đánh và mới chỉ in lần đầu ở hải-ngoại cách đây chừng hai năm.*

16. Sau khi trận An-lộc kết thúc vào tháng 7/1972, báo chí truyền-thông Hoa-kỳ bắt đầu kể công và cho là chính nhờ bom B52 trải thảm mà quân Bắc-Việt đã không chiếm được An-lộc. Phiền lòng vì lối cướp công vô lối này, một nữ-sinh Việt-nam lúc bấy giờ đang có mặt ở Mỹ, cô Nguyễn Thị Ngân, đã phải viết cho tờ Washington Post *(trong mục "Letters to the Editor") thách thức xem ai có thể chứng minh được là bom đạn có thể giữ được*

một mảnh đất trên chiến-trường.

17. Lewy, Guenther, America in Vietnam ("Hoa-kỳ ở VN"), Oxford University Press, 1978. Xem đặc-biệt những phụ-lục thống-kê để có những con số so sánh. Tưởng cũng nên nhắc lại là trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhà báo người Ý Oriana Fallaci, có in lại trong cuốn Interviews with History in ra năm 1972, ông Võ Nguyên Giáp cũng đã công-nhận là tính đến khoảng cuối năm 1971 Hà-nội đã mất nửa triệu người.

18. Thompson, Robert, Defeating Communist Insurgency ("Đánh bại quân CS khởi nghĩa," Frederick A. Praeger, 1966), trang 48.

19. Brackman, Arnold, The Third Front in Southeast Asia ("Trận-tuyến thứ ba ở Đông-Nam-Á"), 1967. Ông Brackman cho rằng đến cuối năm 1964 Hoa-kỳ và đồng-minh, chủ-yếu là Anh, đang đứng trước một tình-trạng có thể nói là Trung-Cộng dựng đã gần xong một trục Bắc-Nam đi từ Bắc-kinh xuống qua Hà-nội, Nam-vang và sang đến tận Djakarta. Chính vì lý-do đó mà ông hoàng Sihanouk, một người rất tinh ý, đã vội vàng tự xếp mình vào hàng các nước thân Trung-Cộng, lúc bấy giờ lại còn được De Gaulle ủng-hộ. Nếu như vụ đảo chánh bất thành của CS ở Nam-dương mà thành công năm sau (1965), lật đổ được xong ông Sukarno, thì Bắc-kinh đã hoàn-tất được tham-vọng biến thành bá-quyền vùng Đông-Á và Đông-Nam-Á. Có lẽ đứng trước cơ nguy đó, cơ nguy mất hết tài-nguyên của Nam-dương (dầu hoả, khí đốt, cao-su, nguyên-liệu mà Tổng-thống Eisenhower đã nhắc đến trong hồi-ký của ông, Mandate for Change) nên Tổng-thống Johnson và chính-phủ Anh lúc bấy giờ đã quyết-định can-thiệp một cách quyết-liệt để bẻ gẫy trục "tung" của Bắc-kinh — Nam-dương bằng một trục "hoành": Anh đem quân nhảy dù thả xuống Mã-lai, Xinh-ga-po và Borneo để đương đầu và đánh bại chính-sách konfrontasi của Djakarta, đồng-thời Hoa-kỳ gởi quân tác chiến ồ ạt sang Việt-nam (tháng 3/1965). Tháng 9/1965, CIA mớm cho các tướng Nam-dương (như Nasution, Suharto v.v.) biết về âm-mưu của CS Nam-dương nên các tướng này đã bẻ gẫy được mưu-đồ đảo chánh của CS (dẫn đến thảm-trạng gần nửa triệu đảng-viên CS bị giết ở xứ này). Nếu nhìn dưới góc độ đó thì sự can-thiệp của Mỹ vào VN phải xem là đã cứu vãn được gần toàn-bộ Đông-Nam-Á ra khỏi vòng tay của CS không những cho đến ngày nay mà có lẽ là còn vĩnh viễn trong tương-lai, đổi thay hẳn dòng chảy tưởng như là đương-nhiên của lịch-sử.

20. Bui Tin, From Enemy to Friend, sđd, trang 4-5.

21. Smith, Ralph, An International History of the Vietnam War ("Lịch-sử chiến-tranh VN nhìn từ góc độ quốc-tế"), London: MacMillan, Tập I (1983), Tập II (1985). Theo như chỗ tôi được biết thì hình như Tập III cũng đã in xong nhưng chúng tôi không tìm mua được. Chẳng may, G.S. Ralph Smith (Trường Đông-phương và Phi-châu-học thuộc Viện Đại-học Luân-đôn) mất trước khi ông hoàn-tất đại-tác-phẩm dự-tính sẽ gồm bốn tập này. Tuy-nhiên, sau khi CS sụp đổ ở Liên-Xô năm 1991, nhiều kho tài-liệu (văn-khố) ở Liên-Xô đã mở ra cho các nhà nghiên cứu và G.S. Ralph Smith cho rằng một số kết-luận của ông trước kia đã có thể không còn đứng vững nữa, cần được tu chính. Mặc dầu vậy, ta vẫn có thể nói được rằng cách tiếp cận của ông, xem chiến-tranh VN là một cuộc xung-đột quốc-tế giữa Đông và Tây là hoàn-toàn có giá trị.

22. Trong một số trao đổi qua chuyện trò hay thư viết, ông Bùi Tín cho rằng những con số này là quá đáng. Ông cho phía Bắc-kinh tính mỗi lượt người sang VN là một binh sĩ hay cá-nhân; nói như ông, thế có nghĩa là con số 320,000 phải hiểu là có ngần ấy lượt quân của Bắc-kinh sang VN—tương-tự như con số 2,8 triệu quân Mỹ đã có đi tua ở Việt-nam. Ông cũng chê sự hữu hiệu của các đơn-vị bắn máy bay của Trung-Cộng, cho rằng họ không bắn hạ được một chiếc máy bay nào của Mỹ cả. (Ông còn kể, đi đâu họ cũng giơ cao cuốn Sách Đỏ của Mao chủ-xì của họ ra rồi hô khẩu-hiệu thì bảo làm sao bắn rớt được máy bay.) Còn về trường-hợp các phi-công chiến-đấu người Bắc-Triều-tiên thì ông kể, họ gặp nhiều trở ngại liên-lạc với dưới đất (do ngôn ngữ bất đồng) nên cuối cùng họ hoàn-toàn trở nên vô dụng. Tuy-nhiên, ta cũng cần để ý là sự hiện diện của quân Trung-Cộng trên đất Bắc-Việt suốt từ biên-giới Việt-Trung xuống đến Bắc-giang cách xa Hà-nội chỉ có mấy chục cây số (từ 1967 đến 1972), đã giúp cho Hà-nội gởi được nhiều đội quân sang Lào và vào đánh phá miền Nam (Điều này đã quá rõ trong một cuộc nói chuyện tay đôi giữa Mao và ông Hồ trong một lần ông Hồ sang Bắc-kinh xin. Ngày 16 tháng 5 năm 1965, chính ông Hồ, chứ không ai khác, đã đề nghị Bắc-kinh gởi quân sang để cho quân-đội Bắc-Việt có thể rảnh tay đi làm mấy chuyện kia. Xem "Mao Zedong and Ho Chi Minh, Changsha (Hunan), 16 May 1965," trong tập 77 Conversations Between Chinese and Foreign Leaders on the War in Indochina, 1964-1977, thuộc dự-án Cold War International History Project của Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington, DC: May 1998, trang 87). Ngoài ra, ông Bùi Tín còn cho ta thêm bằng-chứng về sự hiện diện và tham-dự của Bình-nhưỡng vào chiến-tranh VN khi ông cho biết là ngoài những phi-công Bắc-Hàn nói trên, họ còn gửi cả người đi đường bộ vào đến Bình-định (Vùng II chiến-thuật) để thực-hiện tâm-lý-chiến, kêu gọi các lính Nam-Hàn bỏ súng về với bên CS. Nhưng ở đây, quân Bắc-Hàn cũng tỏ ra hoàn-toàn vô hiệu và chẳng bao lâu đã bị triệu hồi.

23. Những con số sau này xuất phát từ Hà-nội lại còn cho ta thấy một mức tổn thất cao hơn nhiều. Phần "Chronology" ("Biên niên") trong cuốn Reporting Vietnam ("Làm tin về VN"), sđd, trang 793, đưa ra những con số như sau về tổn thất của hai phe Việt-nam: "Miền Nam mất ít nhất là 200 nghìn binh sĩ tử vong... Năm 1995 chính-quyền Việt-nam [tức Hà-nội] khẳng-định là họ mất 1 triệu 100 nghìn người, cả quân Bắc-Việt lẫn quân GPMN, chết trong giai-đoạn từ 1954 đến 1975." Như vậy thế có nghĩa là dưới con mắt của Hà-nội giờ đây, họ bị tổn thất hơn 1 triệu người trong giai-đoạn chiến-tranh ở miền Nam. Thế cũng có nghĩa là tỷ-lệ chết giữa đôi bên đổi thành ít nhất một đổi bốn —một kết-quả khá lạ kỳ nếu Quân-lực VNCH, một quân-đội thường bị dư-luận quốc-tế xem là không có khả-năng và ngại đánh nhau, ngại chết, lại giết được đối-phương tới mức hơn một đổi bốn, một "thỏ đế" đổi hơn bốn mạng "sư-tử" của đối-phương!

Ngọn Cờ Tự Do Dân Chủ

NGUYỄN MINH CẦN

Ngày 8.4.2006 đánh dấu một mốc nổi bật của phong trào dân chủ nước ta: 118 nhà đấu tranh dân chủ trong nước đã cho ra mắt bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam 2006. Đây là một sự kiện lịch sử ghi nhận bước trưởng thành mới của phong trào dân chủ nước ta. Vì rằng dưới một chế độ độc tài toàn trị cực kỳ bạo ngược, với bộ máy công an hung hãn và mạng lưới mật vụ dày đặc ngày đêm rình rập, đàn áp khốc liệt, trong một môi trường dân tộc mà đại đa số sợ sệt cam chịu cúi đầu nhẫn nhục nhiều hơn là hăng hái đấu tranh... thế mà các chiến sĩ dân chủ trong nước đã tung ra được bản Tuyên Ngôn 2006 ngay trước ngày đại hội của đảng cầm quyền họp — thật là một việc làm vô cùng dũng cảm.

Từ sự kiện này, nhiều người liên tưởng đến bản Hiến Chương 77 ra đời hồi năm 1977 đã thúc đẩy phong trào đấu tranh mạnh mẽ của trí thức, công nhân và dân chúng Tiệp Khắc và 12 năm sau đã đưa đến cuộc Cách Mạng Nhung, xoá bỏ nền thống trị cộng sản, giành lấy tự do, dân chủ thật sự cho người dân. Chúng tôi hy vọng với thời gian, bản Tuyên Ngôn 2006 sẽ vượt qua được mọi khó khăn, ngày càng phát huy hấp lực của nó và sẽ góp phần đưa cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ ở nước ta tiến lên một bước cao hơn.

Cố nhiên, muốn đạt được mong ước đó thì điều kiện tiên quyết là mọi lực lượng dân chủ chân thành yêu nước Việt Nam phải cùng nhau đoàn kết gắn bó, kiên trì đấu tranh dưới ngọn cờ mà bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 2006 đã giương lên để cùng nhau đưa bản tuyên ngôn đó thâm nhập vào đại chúng đông đảo, thức tỉnh và tranh thủ trái tim đại chúng, làm cho số người dũng cảm gắn bó với phong trào dân chủ ngày càng đông đảo.

Nhân đây, chúng tôi xin kể lại một chuyện cũ. Cách đây không lâu, hồi năm 1998-99, chúng tôi cũng đã cố sức vận động để đưa ra bản Tuyên Ngôn 2000 của các nhà dân chủ trong và ngoài nước, nhưng sự việc đã không thành. Hồi đó, chúng tôi đã tính toán đến hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của các nhà dân chủ trong nước, nên trong bản dự thảo chỉ dám đưa ra một cách nhẹ nhàng các đòi hỏi về tự do dân chủ, nhưng sau khi cân nhắc thực trạng phong trào hồi bấy giờ, các nhà dân chủ trong nước cho rằng chưa có đủ điều kiện để tung ra một bản tuyên ngôn như vậy.

Kể lại chuyện đó để thấy rằng dưới chế độ độc tài toàn trị, việc đưa ra một bản tuyên ngôn đòi tự do dân chủ khó khăn biết chừng nào, việc đó bắt buộc phải hội đủ những điều kiện chủ quan, khách quan và đặc biệt nó đòi hỏi một tinh thần hy sinh quên mình, lòng quả cảm cao độ của các chiến sĩ dân chủ. Nhắc lại chuyện cũ, chính là để chúng ta vui mừng nhận rõ là ngày nay phong trào dân chủ trong nước đã tiến được một bước đáng kể, đạt tới một cấp độ mới để các nhà dân chủ có thể tung ra ngay từ trong nước một bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 2006 với lời lẽ đàng hoàng, thẳng thắn, lý lẽ rắn rỏi, sắc bén, đặt ra những mục tiêu và phương pháp đấu tranh minh bạch, cụ thể như vậy.

Dĩ nhiên, về mặt nội dung của bản Tuyên Ngôn 2006, có thể có người này, người khác còn muốn thêm bớt điểm này, điểm nọ, nhưng phải công nhận rằng những điều cơ bản của cuộc đấu tranh cho một nền tự do đích thực, một chế độ dân chủ đa nguyên đều đã được nói rõ trong bản Tuyên Ngôn 2006. Cái chính là bản Tuyên Ngôn 2006 nói lên được khát vọng lớn của Dân tộc ta — một dân tộc đau thương, bị tiếm quyền, bị lừa bịp hàng bao thập niên đang cố vươn lên cuộc sống tự do dân chủ xứng đáng với Con Người (viết hoa) trong thế kỷ 21. Chính vì nhận thức như vậy, nên nhiều nhà dân chủ ở hải ngoại đã nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 2006 của 118 nhà dân chủ trong nước. Một cuộc vận động ký tên sôi nổi đang diễn ra ở hải ngoại, trong tuần lễ đầu tiên đã có 9607 chữ ký cá

nhân, và nhiều tổ chức đã ký tên tập thể. Còn ở trong nước, bất chấp mọi khó khăn, việc ký tên vẫn đang tiếp diễn âm thầm. Đó là một dấu hiệu đầy khích lệ.

Tuy nhiên, "vạn sự khởi đầu nan"! Vượt qua bao gian nguy, bản Tuyên Ngôn 2006 vừa mới tung ra ngày 8.4, thì đến ngày 14.4 một văn bản gọi là "Tuyên Ngôn Dân Chủ/Lời Kêu Gọi Đại Đoàn Kết Vì Một Nền Dân Chủ Thực Sự Cho Việt Nam" (thực ra, văn bản này là một lời kêu gọi đúng hơn là một tuyên ngôn) với nội dung khác hẳn bản Tuyên Ngôn 2006 và với một chữ ký duy nhất của ông Trần Khuê, thay mặt Ban trị sự Phong Trào Dân Chủ Việt Nam, đã được tung ra trước sự ngỡ ngàng của rất nhiều người. Hai văn bản dường như không khác nhau mấy về mục tiêu tự do dân chủ, nhưng về tinh thần và nội dung thì khác nhau rõ rệt. Điều khó hiểu là chính ông Trần Khuê trước đấy mấy ngày đã ký tên mình dưới bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 2006 của 118 nhà dân chủ trong nước. Càng khó hiểu hơn nữa, ông Khuê nhân danh Phong Trào Dân Chủ Việt Nam, nhưng khi một số người hỏi cụ Hoàng Minh Chính là người cách đây không lâu đã tuyên bố cho ra mắt Phong Trào Dân Chủ Việt Nam, thì cụ Chính nói rằng cụ chỉ biết và công nhận bản Tuyên Ngôn 2006 mà cụ đã ký. Trong lúc đó, ngày 15.4, tại California, Hoa Kỳ, ông Nguyễn Xuân Ngãi thay mặt cho Phong Trào Dân Chủ Việt Nam tại hải ngoại đã tổ chức công bố Tuyên Ngôn Dân Chủ của ông Trần Khuê. Một số người đến tham dự cứ tưởng là sẽ công bố bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam 2006, khi biết được là bản tuyên ngôn khác mới thật sự "ngã ngửa ra"! Trong buổi công bố này, người ta đã đọc bài phát biểu của cụ Hoàng Minh Chính. Theo một số người cho biết, trước đó cụ Chính cũng cứ ngỡ là công bố bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam 2006 mà cụ đã ký.

Những người thiết tha với sự nghiệp dân chủ hoá nước nhà rất thắc mắc trước tình trạng "trống đánh xuôi kèn thổi ngược" này. Để mọi người hiểu rõ thật hư, ngày 16.4, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, một trong những người soạn thảo và ký tên dưới bản Tuyên Ngôn 2006 đã đưa ra một lời minh định, kể rõ sự tình của quá trình soạn thảo và vận động ký tên, đồng thời nói rõ Phong Trào Dân Chủ Việt Nam (viết hoa) là danh xưng một tổ chức mới ra mắt ở Hoa Kỳ. Ngoài cụ Hoàng Minh Chính, ông Trần Khuê (trong nước) và ông Nguyễn Xuân Ngãi (ở hải ngoại) còn có những ai là thành viên tổ chức này nữa thì không được rõ. Còn phong trào dân chủ Việt Nam (không viết hoa) là một cuộc vận động có tính quần chúng thực sự rộng rãi, bao gồm nhiều nhóm phái, tổ chức có cùng mục đích chung đấu tranh giành quyền tự do dân chủ.

Đó là những chuyện lủng củng, trục trặc, vấp váp đầu tiên. Phong trào dân chủ chưa thoát khỏi tình trạng chia rẽ mấy năm qua, nay lại xảy ra chuyện này. Thật đáng buồn!

Chúng tôi nghĩ rằng trên nguyên tắc dân chủ, dĩ nhiên, ông Khuê hay bất cứ ai cũng có quyền ra bất cứ tuyên bố, tuyên ngôn nào mà mình thích. Nhưng đồng thời cũng có một nguyên tắc nữa bắt buộc một nhà trí thức dân chủ, một nhà chính trị phải tuân theo — đó là nguyên tắc của nếp sống văn minh, của cách xử sự tử tế và thái độ trung thực về mặt chính trị. Ai vi phạm nguyên tắc này thì xã hội cũng có quyền phê phán.

Nhưng, thiết nghĩ, lúc này không phải là lúc để đôi co, chì chiết nhau, làm chia rẽ thêm hàng ngũ của chúng ta nữa. Sự thể đã xảy ra thế này rồi thì xin các nhà dân chủ trong và ngoài nước, cũng như đại chúng cứ nghiên cứu kỹ nội dung mỗi bản tuyên ngôn để tự mình đánh giá, lựa chọn và quyết định ủng hộ bản tuyên ngôn nào thì cứ vận động đông đảo người đồng tình cùng ký tên dưới bản đó. Chữ ký của mỗi người lúc đó càng có thêm trọng lượng và giá trị vì đã qua sự lựa chọn kỹ càng. Âu cũng là một dịp để chúng ta thực tập cái quyền tự do lựa chọn rất cần thiết cho cuộc sống dân chủ sau này.

Chúng tôi hy vọng rằng với thời gian, những người dân chủ trong và ngoài nước cũng như đại chúng sẽ phân biệt rõ bản tuyên ngôn nào nói lên được khát vọng của dân tộc, đề ra được mục tiêu đấu tranh rõ ràng, xứng đáng là lá cờ chân chính của phong trào dân chủ nước ta, còn bản tuyên ngôn nào chỉ là những lời lẽ kêu gọi chung chung, mờ nhạt, yếu ớt không đáng được quan tâm. Sự sàng lọc của đại chúng và của thời gian là chính xác nhất.

Trong tình hình hiện nay, chúng tôi không muốn phân tích, phê phán bản tuyên ngôn nào để các bạn đọc hoàn toàn khách quan, tự do lựa chọn theo sở nguyện của mình. Tuy nhiên, trong bản Tuyên Ngôn Dân Chủ/Lời Kêu Gọi...

(ngày 14.4) có một câu mà chúng tôi thấy cần bàn thêm cho sáng tỏ: "Nhại lại Descartes đã đề cao một chiều lý tính ở con người, Soloviev đưa ra một định thức mà theo chúng tôi đáng được tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo, dân tộc, giai cấp, ghi tạc trong tâm thức: Tôi xấu hổ tức là tôi tồn tại" .... Chúng tôi hy vọng tất cả 1178 đại biểu sắp dự Đại hội X đều ghi tạc trong tâm thức của mình cái định thức giàu ý nghĩa trên" (ghi lại đúng nguyên văn). Nói một cách dễ hiểu hơn, tác giả văn bản ngày 14.4 bày tỏ lòng hy vọng là tất cả 1178 đại biểu tại Đại hội X của đảng cộng sản sẽ biết xấu hổ trước tình trạng tụt hậu của đất nước.

Không bàn đến câu nói của triết gia Nga V.Soloviev (1853-1900), hay văn phong của câu viết, chúng tôi chỉ xin trao đổi thêm về cái sự "biết xấu hổ" của những người lãnh đạo cộng sản nước ta mà thôi.

Nhiều năm trước, chúng tôi đã viết rằng "đảng cộng sản từ lâu đã biến chất rõ rệt." Nói thế, có nghĩa là từ sau khi nắm được toàn bộ quyền lực ở trên một nửa đất nước hồi năm 1954, đảng cộng sản đã mất tính cách mạng, không còn là đảng của quần chúng lao động, mà trở thành đảng của giai cấp thống trị đè đầu cưỡi cổ đại chúng, cai trị đất nước bằng khủng bố và lừa mị. Những cuộc khủng bố kinh hoàng nhất mở đầu thời kỳ đó là cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu ở miền Bắc, tiếp theo là "vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm," "vụ án Xét lại-chống Đảng." Sau khi thiết lập nền thống trị trên cả nước hồi năm 1975, đảng cộng sản lại càng lộ rõ tính độc tài toàn trị hơn nữa, nhóm thống trị chóp bu của đảng thực sự là những kẻ độc tài độc ác. Hơn một thập niên đầu tiên từ năm 1975, nhóm thống trị đó đã công nhiên trình diễn tính hung bạo của một nền chuyên chính không hạn chế, tính phiêu lưu của những chính sách điên cuồng đẩy cả dân tộc và đất nước vào thảm hoạ. Và ngay bản thân đảng cộng sản cũng bị dồn đến bờ vực thẳm, suýt sụp đổ. Chỉ đến khi đó, giai cấp thống trị cộng sản mới chịu nới ra một tí về mặt kinh tế, nhưng vẫn nắm chặt nền chuyên chế về chính trị. Ngày nay, đảng cộng sản và đặc biệt là giai cấp cầm quyền thống trị đảng thực sự là một lực cản lớn kìm hãm sự tiến bộ của đất nước.

Xin hãy nhìn vào thực tế nước ta để xem giới lãnh đạo cộng sản có biết xấu hổ hay không? Năm mươi năm trước, các lãnh tụ cộng sản "phóng tay phát động" cải cách ruộng đất để tiêu diệt giai cấp địa chủ trên miền Bắc (tính chung, có đến 71,6% người bị oan! — đấy là theo tài liệu chính thức của đảng) thế mà ngày nay không ít quan chức cộng sản đã trở thành địa chủ cường hào cường chiếm ruộng đất của dân, bóc lột nông dân! Cũng năm mươi năm trước, những người lãnh đạo cộng sản đã tiến hành "cuộc cải tạo" (danh từ du nhập từ Trung Quốc) để xoá bỏ giai cấp tư sản trên miền Bắc, và khoảng ba mươi năm trước, họ đã tổ chức đấu tố, cướp đoạt của cải giai cấp tư sản ở miền Nam, thế nhưng bây giờ thì không ít những người lãnh đạo cộng sản và con cái họ đã nghiễm nhiên trở thành những "đại gia," những "ông/bà tư sản đỏ"! Từ khi cướp được chính quyền, các lãnh tụ cộng sản mồm cứ leo lẻo "nhân dân làm chủ," "cán bộ là đầy tớ của dân," nhưng trên thực tế thì "đầy tớ" tham nhũng lại cứ thẳng tay bóc lột, cướp đoạt, áp bức "ông chủ" đến nỗi người dân phải kêu lên "mồm xưng đầy tớ, tay vớ tiền dân"! Như vậy, thực tiễn trong nửa thế kỷ qua chứng tỏ rằng giới thống trị cộng sản nước ta đã mất hết khả năng biết xấu hổ từ lâu rồi.

Hy vọng tất cả cái đám 1178 đại biểu đại hội đảng, hầu hết là những quan chức được Ban tổ chức của đảng sàng lọc, lựa chọn kỹ càng, chủ yếu gồm toàn bộ sậu các cơ quan lãnh đạo trung ương, các "đại thần" ở các tỉnh, thành phố, sẽ biết xấu hổ thì cái hy vọng đó thật quá ư hão huyền!

Chính vì biết chắc là cái đám đại biểu này sẽ nhắm mắt, bịt tai, ù lỳ trước mọi đề nghị chân thành và chí lý của các nhà trí thức, các chuyên gia trong và ngoài đảng, biết chắc là cái đám đại biểu này sẽ ngoan ngoãn "nói thuội," "nói vuốt đuôi," "nói lấy lệ" và cúi đầu làm theo lời chỉ bảo của cái nhóm chóp bu để giữ được "cái ghế" đang ngồi và còn hy vọng leo cao hơn, nên phần đông dân chúng Việt Nam hoàn toàn thờ ơ với công việc của đại hội đảng.

Thật vậy, theo dõi quá trình Đại hội X đang họp, cũng như đọc kỹ các văn kiện đã đưa ra tại đại hội, mỗi người biết suy nghĩ đều thấy ngán ngẩm vì quanh đi quẩn lại vẫn là những lời nói mê sảng nhàm chán muôn thuở: "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh," "kiên trì chủ nghĩa xã hội," "nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" v.v. và v.v... Có thể nghĩ rằng cái não trạng bảo

thủ của giới lãnh đạo đã bị bê tông hoá từ lâu rồi! Nhưng thật ra, đó là một sự bảo thủ cố tình, vì chính bản thân giai cấp thống trị cộng sản hiện nay không muốn và cũng không thể đổi mới toàn bộ và triệt để cái cơ chế độc tài toàn trị đã quàng trên cổ dân ta. Họ chỉ có thể vá víu một cách hời hợt, hình thức bề ngoài mà thôi để cố giữ vững quyền lực. Mà như vậy thì không thể nào đáp ứng được sự đòi hỏi của đại chúng, càng gây thêm bế tắc cho xã hội và không giải quyết được vấn đề căn bản để tiến

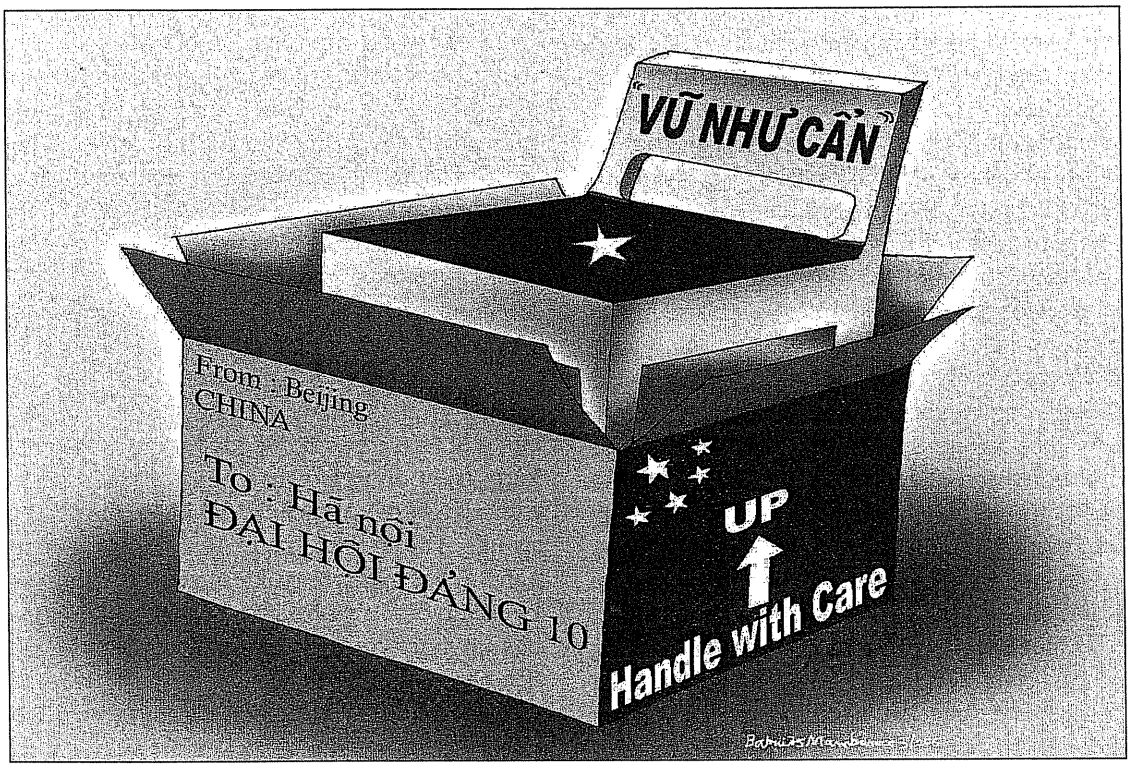

lên, tức là vấn đề tự do dân chủ mở đường cho sự phát triển của đất nước. Chờ mong, hy vọng ở Đại hội X của đảng này quả là điều không tưởng!

Cố nhiên, chúng ta đều biết rõ là trong đảng cộng sản vẫn còn có nhiều người tốt, âm thầm yêu nước, yêu dân. Phần đông họ là những đảng viên bình thường sống gần gũi cuộc sống của người dân, họ lại vô quyền, họ bất bình vì cảnh tụt hậu của đất nước, vì sự bất công xã hội, vì nạn tham nhũng tràn lan, vì cái hố ngăn cách giàu nghèo quá lớn, và họ dần dần thấy được sự thống trị độc đoán của giới lãnh đạo, nhưng số đông họ còn sợ sệt và cam phận. Những người đảng viên này khi thức tỉnh có thể đứng chung trong mặt trận dân chủ cùng với giới trí thức và các tầng lớp bình dân và họ sẽ có vai trò xứng đáng trong cuộc đấu tranh cho sự nghiệp dân chủ chung. Nhưng những người dân chủ không thể hy vọng gì ở tầng lớp đang nắm quyền thống trị trong đảng. Ngay cả những "ông lớn" đã về hưu, thỉnh thoảng hắt hơi vài câu "có vẻ dân chủ," thì những người dân chủ cũng chớ vội hân hoan, tâng bốc họ lên mây. Chẳng hạn như ông cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông ta làm ra vẻ hăng hái đề nghị cái này cái nọ "có vẻ cấp tiến" trước ngày đại hội đảng họp, nhưng về thực chất đến hôm nay ông vẫn là một trong những kẻ hăng hái tụng kinh "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh"! Ông làm ra vẻ "cởi mở", nhưng cái nghị định phát xít 31/CP mà ông ta đã ký để quản chế - thực chất là giam cầm tại gia - hàng trăm người bất đồng chính kiến, thì ông có đề nghị xoá bỏ đâu? Ngay cả khi ông Hà Sĩ Phu xin ông cựu thủ tướng công khai nói lên một tiếng về cái nghị định đó — một việc rất dễ làm trong vị trí của ông ta — thế nhưng ông cũng lờ đi. Hay như tướng Võ Nguyên Giáp, ông viết thư cho bộ chính trị về vụ TC2, T4 cũng là để làm sáng tỏ cái việc ông và một số vị bị vu khống làm gián

điệp, và mọi lời đề nghị của ông với trung ương đảng cũng chỉ nhằm củng cố thêm bộ máy thống trị của đảng, chứ ông có quan tâm gì đến chuyện tự do dân chủ thực sự cho người dân đâu?

Chung quy lại thì tự do dân chủ của nhân dân chỉ có thể giành được bằng bàn tay và sức mạnh của đại chúng, của những con người bình thường, chứ không thể mong đợi, hy vọng, cầu xin gì được ở giai cấp thống trị.

Hoàn cảnh đấu tranh của các người dân chủ nước ta cực kỳ khó khăn. Để không bị động trước mọi tình thế, họ cần phải lượng định trước mọi gian khổ sẽ gặp phải trên mỗi bước tiến của phong trào, những âm mưu thâm độc ngày càng xảo quyệt của giai cấp thống trị, những đòn khủng bố tàn bạo của bọn độc tài "kiểu phong kiến Á châu," cũng như những hành vi "thọc gậy bánh xe" vì lòng ganh tị nhỏ nhen hay tính biệt phái thấp hèn... của một số người. Phải hết sức cảnh giác với những "tổ chức dân chủ cuội," những "nhà dân chủ rởm" do bọn cầm quyền giật dây để đánh phá, chia rẽ phong trào.

Đồng thời chúng ta cần thấy rõ rằng giai cấp thống trị dù có xảo quyệt và gian ác thế nào đi nữa cũng không thể dẹp tan được phong trào đấu tranh dân chủ ở nước ta, và tiền đồ của phong trào đó rất xán lạn. Chưa bao giờ phong trào dân chủ nước ta có được những tiềm năng to lớn như hiện nay, những tiềm năng cả bên ngoài lẫn bên trong. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải biết khai thác, tận dụng những tiềm năng đó cho cuộc đấu tranh chung. Sự ủng hộ của các nước dân chủ, các tổ chức dân chủ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ ở nước ta ngày càng mạnh hơn trước, có thể tạo áp lực lớn với giới cầm quyền, giúp cho phong trào dân chủ có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển, giúp cho xã hội dân sự được bén rễ và phát triển ở nước ta. Sự hợp đồng đấu tranh vì mục đích chung giữa các nhà dân chủ trong và ngoài nước ngày một nhịp nhàng, uyển chuyển và nhanh nhạy hơn trước nhiều đã tăng thêm sức mạnh của phong trào.

Tuy nhiên, những tiềm năng to lớn nhất và căn bản nhất nằm chính ngay trong lòng nước ta. Đó là hàng chục triệu quần chúng bị áp bức, bóc lột ngày càng nhận rõ được bộ mặt giả dối, lừa mị của giới cầm quyền và hết sức căm ghét bọn cường quyền tham nhũng. Đó là hàng triệu bà con nông dân khốn khổ, bị cướp nhà cướp đất, đang đấu tranh hàng chục năm ròng rã để chống lại bọn tham quan ô lại "đỏ," bọn cường hào ác bá "mới," để đòi lại nhà đất, đòi khôi phục lại công lý cho mình. Đó là hàng chục vạn công nhân đang sôi sục đấu tranh chống áp bức bóc lột, càng ngày càng thấy rõ bộ mặt thật của đảng cứ xưng xưng vỗ ngực "Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân," nhưng khi quần chúng công nhân đứng lên đấu tranh cho quyền lợi của mình thì chính đảng cộng sản, tổ chức công đoàn tay sai của đảng, chính quyền trong tay đảng lại ra sức ngăn cản để bảo vệ cho quyền lợi của giới chủ nhân, thậm chí cho công an bắt bớ đánh đập nhiều người đấu tranh. Đó là hàng chục vạn sinh viên, học sinh chán ngán những môn học nhồi sọ về chủ nghĩa Marx-Lenin, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về lịch sử Đảng, đang bi quan vì sau khi ra trường không kiếm được việc. Đó là hàng chục vạn thanh niên thất nghiệp phải đem thân cho đảng dùng làm món hàng "xuất khẩu lao động," hàng vạn chị em phụ nữ phải nhục nhã bán thân cho người nước ngoài để lấy tiền nuôi gia đình. Đó là hàng triệu tín đồ của các tôn giáo nước ta đang uất hận vì sự bóp nghẹt của giới thống trị đối với quyền tự do tôn giáo, hàng triệu đồng bào các dân tộc thiểu số bị cướp đất, bị đẩy vào cảnh khó khăn, túng thiếu mọi bề. Đó là những nhà văn, nhà báo, những nghệ sĩ bất bình với sự kiểm soát tư tưởng, sự kiểm duyệt tác phẩm mà đảng thực hiện qua bàn tay bọn "cai tù" văn nghệ... Đấy, tiềm lực của phong trào dân chủ Việt Nam lớn lao như vậy đó. Niềm hy vọng của chúng ta phải đặt vào cái tiềm lực đó, vào cái khối quần chúng đông đảo đó. Chúng ta cần dũng cảm đi vào khối quần chúng đó mà vận động, giúp đỡ họ trong cuộc đấu tranh vì quyền sống, vì quyền tự do dân chủ, khéo léo tổ chức họ lại. Làm được như vậy thì phong trào dân chủ nước ta sẽ có được sức mạnh vô địch có khả năng quyết định bước tiến và tương lai của dân tộc.

118 chiến sĩ dân chủ trong nước đã dựng lên ngọn cờ đấu tranh rồi, đã tung ra một bản tuyên ngôn với mục tiêu đấu tranh rõ ràng minh bạch rồi, thì chính lúc này mọi người Việt Nam yêu nước hãy đoàn kết lại với nhau để cùng nhau hành động bất chấp mọi gian nguy.

Tương lai tươi sáng của một nước Việt Nam tự do, dân chủ, giàu mạnh đang vẫy gọi chúng ta!

21.04.2006

Hồ sơ hạch tâm tại Trung Đông:

Đòn tháu cáy giữa Hoa Kỳ và Iraq

NGUYỄN ANH TUẤN

Cuộc đấu khẩu giữa Hoa Kỳ và Ba Tư (*Iran*) càng ngày càng leo thang dữ dội khiến cho nhiều người bắt đầu quan tâm và lo ngại. Chính quyền Ba Tư, vốn đang bị Hoa Kỳ và Tây Âu và Cơ Quan Nguyên Tử Năng Quốc Tế (*International Atomic Energy Agency, IAEA*) kết án là có âm mưu theo đuổi chương trình phát triển hạch tâm trong mục đích xấu, (tức là có ý đồ chế tạo bom nguyên tử), trong tuần qua lại còn huênh hoang tuyên bố cho mọi người biết rằng họ đã đạt được một tiến bộ khả quan trong kế hoạch nghiên cứu là đã tinh luyện được chất *uranium*, nguyên liệu chính cho năng lượng hạch tâm và bom nguyên tử. Trong khi đó thì tại Hoa Kỳ, đã có ít nhất là ba bài báo tiết lộ về việc chính quyền Bush đã ráo riết chuẩn bị cho kế hoạch tấn công Ba Tư, có thể bằng một cú đánh phủ đầu ra tay trước bằng cách đợt oanh kích nhằm triệt hạ tất cả các cơ sở hạch tâm của đối phương, và lần này có thể bằng vũ khí độc hại hơn, đó là bom nguyên tử loại nhẹ có thể xuyên phá hầm. Những cố gắng ngoại giao trong thời gian vài năm qua của Âu Châu và Liên Hiệp Quốc (xuyên qua tổ chức IAEA) nhằm thuyết phục Ba Tư từ bỏ tham vọng hạch tâm và Hoa Kỳ nên bớt cứng rắn hơn để có thể lôi kéo Ba Tư trở lại con đường đàm phán và hợp tác với IAEA xem chừng như không đem lại thành quả khích lệ nào.

Đầu tiên là một bài báo của ông Joseph Cirincione, đăng trên tạp chí uy tín Forein Policy (Chính sách Ngoại giao) phát hành vào cuối tháng Ba với tựa đề Fool Me Twice (Lại Bị Gạt lần Thứ Hai), trong đó ông cho rằng giải pháp quân sự để tấn công Iraq dường như có nhiều khả năng được áp dụng trong suy tư hiện nay của các nhà lãnh đạo hoạch định chính sách quốc phòng của Hoa Kỳ. Ông Cirincione là một cựu viên chức cao cấp trong chính quyền Mỹ trước đây và được coi là một chuyên viên trong các lãnh vực an ninh và tình báo, hiện nay đương giữ chức vụ giám đốc một dự án nghiên cứu về phòng chống phổ biến hạch tâm có tên là Non-Proliferation Project của Viện nghiên cứu Carnegie Endowment for International Peace. Kế đó là tờ báo lớn và uy tín hàng đầu tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn là tờ *Washington Post* cũng đã chạy bản tin đăng trên trang nhất trong số ra ngày Chủ Nhật 09-04-2006 với bài viết của ký giả Dana Priest cho rằng mối căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Ba Tư đã lên khá cao khiến cho giới tình báo Mỹ và các chuyên viên về phòng chống khủng bố hiện nay tin rằng Ba Tư sẽ trả đũa bằng cách huy động các toán tình báo ngầm nằm rải rác khắp nơi và tổ chức Hezbollah để tung ra các đợt tấn công khủng bố khắp nơi trên thế giới nếu như bị Hoa Kỳ ra tay tấn công trước. Nhà báo Priest còn cho rằng, theo nhận định của hầu hết các chuyên gia về khủng bố, Bộ Tình Báo và An Ninh của Ba Tư, Lực Lượng Vệ Binh Cách Mạng (thành phần chủ lực quân xuất phát sau ngày cuộc cách mạng Hồi-giáo nổ ra vào năm 1979 tại Ba Tư) và tổ chức khủng bố Hezbollah đặt căn cứ tại Lebanon, là những cơ cấu đáng ngại cho cuộc chiến chống khủng bố của Hoa Kỳ vì tất cả đều được tổ chức, huấn luyện và trang bị đầy đủ và tối tân hơn nhiều so với mạng lưới al-Qaeda. Sau cùng là bài báo của Seymour Hersh, đăng trong tuần báo *New Yorker* số đề ngày 17-04-2006, kể khá chi tiết về kế hoạch hành quân mà các tướng lãnh cao cấp ở Bộ Chỉ Huy vùng Miền Trung (Central Command) và Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Hoa Kỳ đã và đang nghiên cứu ráo riết để đệ trình lên các cấp chỉ huy dân sự ở Bộ Quốc Phòng (tổng trưởng Donald Rumsfeld) và Toà Bạch Ốc (TT Bush) quyết định lựa chọn sau cùng, trong đó lần đầu tiên nói đến chi tiết về vũ khí bom nguyên tử B61-11 loại xuyên phá hầm đang được nghiên cứu như là một giải pháp hữu hiệu để có thể triệt hạ toàn bộ những cơ sở hạch tâm của Ba Tư có thể được chôn giấu kỹ dưới lòng đất kiên cố nếu như chiến tranh nổ ra. Ông Hersh là một ký giả kỳ cựu hành nghề hơn 40 năm tại thủ đô

Hoa Thịnh Đốn và là một trong rất ít nhà báo uy tín và nổi tiếng nhất chuyên về thể loại phóng sự điều tra với những loạt bài phanh phui những vụ chấn động thế giới mà chính quyền không thể che giấu được, điển hình như loạt bài phanh phui về vụ lính Mỹ hành hạ tù nhân Iraq tại nhà tù Abu Ghraib vào tháng 4 năm 2004.

Tác giả các bài báo trên, cũng như ban chủ biên của các tờ báo đăng bài, dĩ nhiên có nhiều lý do để tin tưởng về tính xác thực nội dung của nó, cho dù tất cả đều dựa trên những nguồn tin giấu tên của một số viên chức cao cấp đã hoặc đang giữ những trọng trách trong chính quyền, và do đó thấu hiểu nhiều chi tiết quan trọng trong nội vụ. Vì nhiều lý do, nguyên nhân, động lực hay quan điểm chính trị khác nhau, việc các viên chức cao cấp trong chính quyền chịu tiết lộ một số tin tức bí mật trong hậu trường cho một số ít nhà báo được lựa chọn là một sinh hoạt cố hữu và quen thuộc vẫn thường được áp dụng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, cho dù chính quyền hiện hữu có thuộc về đảng Cộng Hoà hay Dân Chủ. Đôi khi với lý do muốn đo lường phản ứng của dư luận một cách gián tiếp, chính quyền có thể cố ý ngầm tiết lộ những nguồn tin bí mật này để làm một quả bóng thăm dò hoặc đưa ra một thông điệp bán chính thức dưới hình thức một áp lực gián tiếp.

Đối với những ai thường hay nghi ngờ về các âm mưu giàn dựng hay xếp đặt sẵn trong hậu trường của các tập đoàn hay thế lực chính trị, những bài báo này có thể được coi như là một âm mưu tinh vi mà chính quyền Mỹ muốn hé mở chút ít để mong lộ ra lời đe dọa mỗi ngày mỗi gia tăng hầu có thể cảnh cáo cho chính quyền Ba Tư đừng mong tiếp tục lao đầu vào con đường phát triển vũ khí hạch tâm. Tuy nhiên, uy tín cá nhân cũng như của ban chủ biên các cơ quan truyền thông nổi tiếng trên khiến người ta phải đặt câu hỏi là những tác giả trên có là công cụ tuyên truyền gián tiếp cho quan điểm và chính sách của chính quyền Bush hay không, hoặc phải chăng đó là những lời tiết lộ khá chính xác về những gì đang thật sự diễn ra trong hậu trường chính trị cũng như trong những hành lang quyền lực ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn? Nhất là quá khứ đã chứng minh rằng những bài báo tiết lộ mà các tờ báo này đã đăng thường đều phản ảnh đúng thực trạng đã và đang xảy ra cũng như suy tư của nhiều nhân vật cao cấp cầm quyền, chứ không phải chỉ đơn thuần là những bài báo gây ồn ào nhưng thực chất không chính xác theo cái kiểu mỉa mai xách mé mà nhiều người thường gán cho ngành này với câu nói "làm báo nói láo ăn tiền."

KHẢ NĂNG HẠCH TÂM VÀ QUÂN SỰ CỦA BA TƯ

Nói về mối nguy tiềm ẩn cho nền an ninh của Hoa Kỳ và thế giới nói chung, Ba Tư là quốc gia hiện nay có đầy đủ những yếu tố để hiện thực những mối đe doạ. Với thành tích là một trong những quốc gia bảo trợ và ủng hộ các tổ chức khủng bố, với bộ máy quân sự khá hùng hậu trong vùng Trung Đông cùng tham vọng không che giấu về chương trình phát triển hạch tâm, Ba Tư quả thật là một mối đe doạ lớn mà các nhà hoạch định quốc phòng và an ninh của Hoa Kỳ bắt buộc phải nghĩ đến để đề phòng. Với những giàn thuỷ lôi tối tân (có tốc độ khoảng 350 cây số một giờ và có khả năng tránh né *ra-dar* cũng như các thuỷ lôi phòng chống) mà Ba Tư vừa mới thử nghiệm thành công và khoe ra mới đây cùng với một màn lưới các loại mìn nằm dưới biển, lực lượng hải quân của Ba Tư đóng tại vùng Vịnh có thể khống chế eo biển Hormuz, sinh lộ quan trọng nhất mà các tầu dầu xuất cảng từ các quốc gia Ả Rập trong vùng phải đi qua trước khi đến các nước khác trên thế giới. Ba Tư cũng có khá nhiều giàn phi đạn loại Shabbaz-3 hay X-55 để có thể phóng sang các nước lân cận như Iraq, Saudi Arabia, Kuwait, Do Thái hay xa hơn nữa để phá huỷ các cơ sở dầu hoả hay tấn công các căn cứ quân sự hoặc trại quân của Hoa Kỳ đặt tại các nơi này. Các tổ chức tình báo ngầm của Ba Tư có thể được lệnh tung ra khắp nơi để mở các cuộc tấn công khủng bố tại nhiều thành phố lớn nhằm gieo không khí bất an trên toàn thế giới. Ba Tư cũng được coi như đã thủ đắc được các loại bom hoá học và sinh hoá, và cũng đang trên đường mong chế tạo được bom nguyên tử. Do đó, mối lo về Ba Tư trong tương lai càng ngày càng gia tăng.

Tuy vậy, sức mạnh về quân sự của Ba Tư vẫn không thể nào địch lại với khả năng tối tân và dồi dào hơn gấp bội của Hoa Kỳ, nhất là trên mặt kỹ thuật cũng như khả năng khống chế trên không của Không Lực Hoa Kỳ với biết bao chiến đấu cơ và khu trục cơ tàng hình có dư khả năng nhanh lẹ để giành lấy thế thượng phong cũng như làm chủ chiến trường một cách dễ dàng. Hơn nữa, hệ thống phòng chống phi đạn của Hoa Kỳ

với các giàn hoả tiễn Patriot có hiệu năng rất cao trong việc triệt hạ các phi đạn tấn công của đối phương như đã được thử nghiệm tại chiến trường Iraq trong hai kỳ chiến tranh vào năm 1991 và 2003. Theo lời của ông Anthony Cordesman, một cựu nhân viên cao cấp trong chính quyền Mỹ và hiện nay là một chuyên viên tư vấn cho các nghiên cứu về lãnh vực quốc phòng trong vùng, thì đa số các chiến cụ của Ba Tư (khoảng 2000 xe tăng, 300 phi cơ, hàng trăm chiếc trực thăng, ba tiềm thuỷ đĩnh, hơn một chục giàn phi đạn Scud) đều thuộc loại cũ hoặc khá lỗi thời và cũng thiếu bảo trì, không còn ở trong tình trạng hoàn hảo. Nhất là trong cuộc chiến kéo dài tám năm với kẻ thù Iraq vào đầu thập niên 1980, Ba Tư đã bị hao hụt từ 50 đến 60% khả năng của mình, và sau đó cũng không được dịp bổ sung hay tân trang bởi lệnh cấm vận của Hoa Kỳ không cho mua các loại vũ khí tối tân khác.

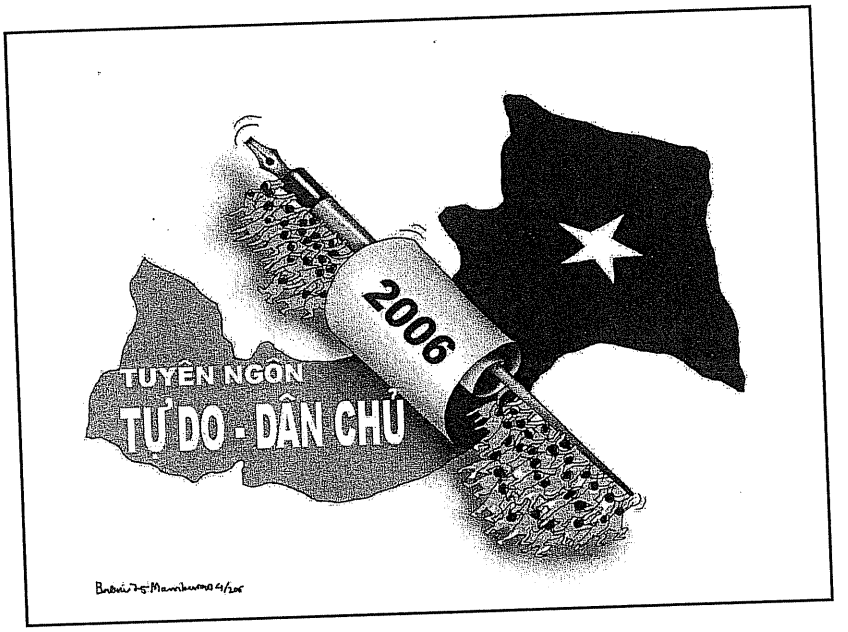

Nhưng yếu tố có thể làm thay đổi cục diện là vũ khí hạch tâm, nếu như Ba Tư thành công trong nỗ lực chế tạo được bom nguyên tử, cho dù trên mặt chính thức các lãnh tụ của Ba Tư vẫn cứ một mực chối mình không có tham vọng đó, nhưng lại quyết không đình chỉ các chương trình phát triển hạch tâm vì cho là để dùng vào mục đích dân sự cũng như đây là quyền tự quyết của người Ba Tư. Dĩ nhiên, cho dù Ba Tư có thủ đắc được một hay hai quả bom nguyên tử (ít nhất cũng phải mất từ 5 đến 10 năm nữa) cũng chẳng thể nào sánh nổi với kho vũ khí khổng lồ khoảng hơn 12000 đầu đạn hạch tâm của Hoa Kỳ. (Các kho đạn nguyên tử của Hoa Kỳ và Nga Sô nhiều đến nỗi mà hai cường quốc này đã phải thoả hiệp để cùng nhau tự huỷ diệt bớt kho vũ khí độc hại này từ thập niên 1970 qua các hiệp ước tài giảm binh bị SALT I và II). Thế nhưng mối nguy cho Hoa Kỳ về vũ khí hạch tâm nếu như Ba Tư thủ đắc được có tính cách gián tiếp và tổng quát hơn vì có thể đe doạ cho nền an ninh trong vùng Trung Đông (vốn đã chẳng lấy làm gì an bình trong nhiều thập niên qua), cũng như có nguy cơ tiêu diệt Do Thái, một đồng minh quan trọng có nhiều ảnh hưởng và thực lực lên các chính sách của Hoa Kỳ, dù chính quyền Cộng Hoà hay Dân Chủ. Hơn thế nữa, một Ba Tư trở thành quốc gia nguyên tử cũng là mối lo ngại cho các lân bang như Saudi Arabia, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ khiến cho các nước này cũng sẽ tìm nhiều cách khác nhau để thủ đắc cho mình một thứ đồ chơi đáng ngại và nguy hiểm nhưng cần thiết cho kế hoạch quốc phòng hữu hiệu nhất, đó là khả năng có thể cho nổ bom nguyên tử. Lúc đó thì nhiều nước trong vùng Trung Đông sẽ lao vào cuộc chạy đua vũ khí, bắt buộc những nhà hoạch định chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ phải lo ngại trước nhiều bất trắc có thể xảy ra, chưa kể đến tác hại không nhỏ về mặt kinh tế toàn cầu nếu như nổ ra chiến tranh tại các nước này, vốn là những quốc gia sản xuất dầu hoả trong khối OPEC.

Mới đây, TT Mahmoud Ahmadinejad của Ba Tư cũng vừa tuyên bố trong một chương trình phổ biến rộng rãi trên màn ảnh truyền hình chiếu đi khắp nước là các khoa học gia và chuyên viên của họ đã thành công trong việc tinh luyện được chất *uranium* đến "mật độ 3,5%", tức là trên lý thuyết có thể được sử dụng làm nguyên liệu cho các lò phản ứng nguyên tử có khả năng sản xuất năng lượng, tuy rằng chưa đủ tinh đặc đến mức có thể dùng để chế tạo đầu đạn nguyên tử (thường phải lên đến mức tinh ròng cỡ 80 đến

90%). Việc các chuyên viên ở Ba Tư có thể đạt được mức tinh chế khoảng 3,5% sau khi đã sử dụng một chuỗi 164 ống ly tâm tuy là một dấu hiệu tốt cho khả năng phát triển của nước này, nhưng chưa phải là điều đáng lo ngại về khả năng có thể chế biến mau lẹ và đầy đủ chất liệu này với mức độ tinh đặc hơn và số lượng dồi dào đủ để thử nghiệm và sản xuất vũ khí hạch tâm.

Tiến trình thu góp và tinh chế chất *uranium* đòi hỏi nhiều công sức khó khăn cũng như mất nhiều thời gian. Đầu tiên, chất mỏ quặng có *uranium* phải được đào lên, đem nghiền nát, tinh lọc lại và nén thành một hợp chất như bột gọi là *yellowcake*. Phải mất 500 tấn mỏ quặng mới lọc ra được khoảng 1 tấn *yellowcake*. Rồi trong chất này, cũng chỉ có khoảng 1% là chất *uranium-235*, một chất đồng vị (*isotope*) có đặc tính nhiễm xạ mạnh, tức là tự tách rời phân tử của mình để bám vào các phân tử khác tức là phá tan những vật thể mà nó đụng vào, cùng lúc đó tạo ra một phản ứng hoá học là năng lượng rất mạnh, có sức nóng và tiếng nổ kinh hồn gây thiệt hại phá huỷ tất cả những phần tử xung quanh. Phần lớn còn lại là chất đồng vị *uranium-238*, có đặc tính nhiễm xạ thấp hơn. Vì chất U-235 tương đối nhẹ hơn chất U-238, nên người ta mới dùng nguyên tắc ly tâm để tách rời nhau và gom góp chất U-235 cho tinh đặc hơn. Hợp chất *yellowcake* được phối hợp với các loại khí như *hydrogen* hay *fluor* và nung nấu lên thành chất hơi gọi là *uranium hexafluoride* và được đưa qua các ống ly tâm quay với tốc độ cực nhanh từ 50,000 đến 70,000 vòng một phút. Vì có tỉ trọng nặng hơn, chất U-238 sẽ bị lực ly tâm kéo ra bám vào bờ thành ống, trong khi chất U-235 nhẹ hơn sẽ lơ lửng nằm vào giữa. Từ đây, chất U-235 sẽ lại được chuyển sang một ống ly tâm khác để tiếp tục thêm chu kỳ tinh chế nữa, và diễn tiến này lại bắt đầu tiếp nối trong một chuỗi các ống ly tâm khác nằm tuần tự tiếp theo, gọi theo thuật ngữ chuyên môn là một "tầng tháp" (*cascade*).

Với tầng tháp đầu tiên của 164 ống ly tâm, các chuyên viên của Ba Tư đã thành công tinh chế được chất U-235 ở mức 3,5%, thường được gọi là chất uranium đậm đặc nhẹ (*low-enriched uranium, LEU*). Trên lý thuyết, và nếu như mọi sự xảy ra xuông xẻ, Ba Tư có thể tiếp tục tiến trình này trong một chuỗi các tầng tháp khác, tức là vài ngàn ống ly tâm khác thì Ba Tư có thể sẽ thành công đạt được chất U-235 với mức độ đặc khoảng 90%, gọi là uranium đậm đặc cao (*high-energy uranium, HEU*) để có thể tính đến chuyện chế tạo bom nguyên tử, tức là có thể phải mất hàng chục ngàn ống ly tâm. Việc căn cứ hạch tâm ở Natanz, nằm ở phía nam thủ đô Tehran, được coi như là có khả năng chứa được khoảng 50,000 ống ly tâm khiến cho nhiều người lo ngại rằng trong tương lai gần, Ba Tư có thể sản xuất dễ dàng hay mau lẹ số lượng to lớn chất U-235 tinh chế. Trong thực tế, việc điều chế ở các phòng thí nghiệm này không phải lúc nào cũng thành công vì đòi hỏi nhiều tiêu chuẩn gắt gao và khó khăn với các phòng thí nghiệm thật tinh khiết, cũng như tốn kém và mất nhiều thời gian. Đó là trường hợp của Ấn Độ phải mất mấy chục năm để trải qua tiến trình tích tụ chất U-235, nhưng giờ đây nếu được Hoa Kỳ thông qua hiệp ước hợp tác hạch tâm (mới được hai bên ký kết) thì sẽ được cung cấp hay mua lại dễ dàng nguyên liệu cần thiết này một cách mau lẹ, với điều kiện là chỉ để dùng vào mục đích sản xuất năng lượng dân sự. Ngược lại, phía Ba Tư sẽ gặp khó khăn bội lần, nhất là còn đang bị cơ quan kiểm soát IAEA theo dõi gắt gao nên khó lòng rảnh tay để nhanh chóng phát triển chương trình nghiên cứu. Dĩ nhiên, Ba Tư có thể lén lút tiếp tục con đường nghiên cứu, nhưng tốc độ phát triển do đó sẽ chậm trễ đi rất nhiều.

Trong chương trình chiếu trên đài truyền hình vào ngày 11-04, TT Ahmadinejad long trọng tuyên bố với mọi người dân Ba Tư: "*Tôi chính thức tuyên bố kể từ giờ này Ba Tư đã có mặt được trong khối các quốc gia thủ đắc được kỹ thuật hạch tâm. Đó là thành quả của cuộc kháng chiến toàn dân.*" Sau đó, ông Muhammad Saeedi, phó viện trưởng Cơ quan Nguyên tử Năng của Ba Tư, tuyên bố rằng họ sẽ đẩy mạnh chương trình thiết lập – đầu tiên là khoảng 3000 ống tại lò tinh chế Natanz vào cuối năm nay, với ước vọng sau đó đạt được khoảng 54,000 ngàn ống ly tâm đi vào chu kỳ hoạt động (với hy vọng thành công mau lẹ trong tương lai gần). Tuy nhiên, theo hầu hết các chuyên viên về hạch tâm thì ước mong hay những lời tuyên bố này có tính cách cường điệu, và thành quả mới nhất của Ba Tư cũng không khiến họ thẩm định lại ước đoán trước đây về thời gian mà Ba Tư phải trải qua để có thể mong chế được một quả bom nguyên tử, nếu như đó là mục đích tối hậu

của chính quyền nước này. Chính quyền Mỹ thì ước lượng theo giới tình báo rằng có thể Ba Tư sẽ phải mất từ năm đến mười năm, trong khi một số chuyên gia khác còn cho rằng có thể phải đợi đến năm 2020 mới mong đạt được dấu mốc thành công này.

Ông David Albright, một cựu thanh tra vũ khí hạch tâm của Liên Hiệp Quốc và hiện nay là giám đốc Viện nghiên cứu về Khoa học và An ninh Quốc tế có tên là *Institute for Science and International Security*, cho rằng chính quyền Ba Tư đang "khoe nổ" về thành tích của họ. Hai chuyên viên khác là Anthony Cordesman và Khalid R. al-Rodhan thì cho rằng những tuyên bố mới đây của giới lãnh tụ ở Ba Tư không khác gì "những luận điệu chính trị kiểu khoe khoang võ ngực" với mục đích chính là khích động tinh thần yêu nước của người dân trong nội địa cũng như muốn tạo ra một không khí coi như trước sau gì rồi cũng phải chấp nhận sự thể này trong công luận thế giới. Theo những chuyên viên này, Ba Tư đã phải mất hơn 20 năm, khởi đầu từ năm 1985, nghiên cứu và lên kế hoạch, cộng với khoảng bảy năm thực nghiệm chế biến, từ năm 1999 đến nay và phần lớn là trong bí mật, mới tập tễnh đạt được thành quả đầu tiên rất khiêm nhường là tích tụ được chất LEU.

ĐÒN HÙ DỌA TẤN CÔNG BẰNG OANH KÍCH CỦA HOA KỲ

Về phía Hoa Kỳ, tuy rằng đã có ít nhất ba bài báo như đã nêu trên nói về giải pháp quân sự mà Hoa Kỳ đang tính tới, nhiều phần là sẽ qua một cuộc tấn công đánh phủ đầu để triệt tiêu tất cả các cơ sở hạch tâm của Ba Tư trước khi nó có cơ nguy phát triển mạnh. Thậm chí các tướng lãnh tham mưu còn phải tính đến giải pháp dùng bom nguyên tử (tuy rằng không ai muốn phải đem ra áp dụng) vì có thể phải tính đến chuyện tận diệt các căn cứ đang nằm sâu dưới lòng đất (có thể sâu đến khoảng 25 thước).

Liệu đây có phải là một trận đòn hù doạ kiểu chiến tranh tâm lý mà phía Mỹ cố tình tiết lộ ra ngoài với mục đích ngầm là tạo áp lực cho Ba Tư phải trở vào bàn hội nghị thương thảo và từ bỏ tham vọng hạch tâm, nếu như muốn tránh bị tấn công bởi Không lực Mỹ? Trước đây, nhiều người nói đến trường hợp có thể Do Thái sẽ là quốc gia ra tay trước tấn công vào các cơ sở hạch tâm của Ba Tư như đã từng tấn công lò phản ứng Osirak của Iraq vào năm 1981. Tuy nhiên, giờ đây thì giải pháp này không còn khả thi được nữa, phần lớn vì khả năng của Không lực Do Thái không thể nào lo nổi. Đầu tiên là Ba Tư ngày nay không chỉ có một cơ sở hạch tâm duy nhất như lò Osirak của Iraq năm xưa. Kế đến là đoạn đường từ Do Thái bay đến Ba Tư dài hơn, các phi cơ dội bom của Do Thái bắt buộc phải có tiếp tế xăng trên không nếu như muốn thi hành các phi vụ này. Điều này sẽ làm giảm đi tính bí mật cũng như hiệu năng của công tác, chưa kể là phải nhờ đến sự tiếp tay phần lớn của Hoa Kỳ. Và do đó, để cho dễ dàng tính toán và lên kế hoạch, Hoa Kỳ sẽ tự mình ra tay tính sổ luôn, nếu như giải pháp tấn công Ba Tư được các nhà lãnh đạo ở Ngũ Giác Đài và Toà Bạch Ốc lựa chọn.

Dĩ nhiên, trong bối cảnh Hoa Kỳ còn đang bị gần như sa lầy ở chiến trường Iraq, cộng thêm với sự mất mát to lớn về uy tín và chính nghĩa của cuộc chiến tấn công Iraq mở ra cách đây hơn ba năm với những lập luận và bằng chứng sai lầm hay được dựng đứng về cái gọi là vũ khí tàn sát quy mô, việc các nhà lãnh đạo ở Bộ Quốc Phòng và Bạch Cung còn lo nghĩ đến chiến lược tiền kích (*pre-emptive strike*) quả đã đem lại nhiều lời công kích nặng nề từ nhiều phía, kể cả những nhân vật bảo thủ từng ủng hộ việc tấn công Iraq trước đây. Người ta cho rằng phải chăng những nhân vật diều hâu quá khích trong chính quyền Bush đã không thực sự học hỏi được điều gì sau những thất bại và khó khăn trong thời gian qua vì thái độ hung hăng lúc nào cũng chỉ nghĩ đến giải pháp dùng sức mạnh quân sự để giải quyết vấn đề theo tâm lý của kẻ cao bồi hay như những kẻ ỷ mạnh hiếp yếu (*bully*). Một viên chức cao cấp trong Ngũ Giác Đài có tham dự trong những buổi họp liên quan đến kế hoạch này, khi nghe đến việc các viên chỉ huy dân sự chăm chú bàn tán đến giải pháp dùng bom nguyên tử loại nhẹ B61-11 có đặc tính xuyên phá hầm với mục đích triệt hạ các căn cứ bí mật nằm sâu dưới lòng đất, đã ngao ngán thuật lại chi tiết với nhà báo Hersh và kết luận rằng: "*Tôi chẳng biết họ ăn phải cái bã gì mà lại có những ý nghĩ điên rồ như vậy?*"

Chẳng vì thế mà Toà Bạch Ốc đã phải tìm cách chối bỏ, tuy không hoàn toàn phủ nhận tính trung thực của các bài báo đó. Phát ngôn viên Bạch Cung, ông Scott McClellan, trong

buổi họp báo thường ngày vào sáng thứ Hai hôm sau, đã phải dùng từ ngữ "sự võ đoán ngông cuồng" (*wild speculation*) đến tám lần khi được yêu cầu bình phẩm về nội dung các bài báo liên quan đến kế hoạch mà Hoa Kỳ đang tính nhằm ra tay trước tấn công Ba Tư. Tuy rằng ông vẫn có vẻ như chấp nhận quan điểm rằng chính phủ Mỹ cũng đã nghiên cứu những biện pháp quân sự để giải quyết vụ khủng hoảng tuy không đặt nặng tầm quan trọng. Ngay cả Tổng Thống Bush, trong buổi nói chuyện tại trường Đại học Johns Hopkins, cũng dùng từ ngữ "võ đoán ngông cuồng" khi phủ nhận những ý kiến cho rằng Hoa Kỳ đang tính tới giải pháp oanh kích Ba Tư. Ông Bush cho rằng chính sách tiền kích của ông không có nghĩa là lúc nào Hoa Kỳ cũng phải sử dụng đến vũ lực để ngăn chặn các quốc gia khác trong việc phát triển vũ khí tàn sát quy mô.

Vào tháng trước, Toà Bạch Ốc đã đưa ra một hồ sơ mới mang tên là Chiến Lược An Ninh Quốc Gia, trong đó nhấn mạnh rằng chính sách tiền kích vẫn được áp dụng khi cần đến để ngăn chặn những mầm mống có thể gây nguy hại cho nền an ninh của nước Mỹ. Bản tường trình mới này cũng nhấn mạnh rõ rệt xem Ba Tư như là một quốc gia tạo thách đố lớn nhất hiện nay cho Hoa Kỳ.

Trong số những người lên tiếng chỉ trích mạnh nhất về kế hoạch oanh kích để ra tay trước triệt hạ các cơ sở hạch tâm của Ba Tư, sự góp ý của cựu đại tướng Anthony Zinni có lẽ được nhiều người để ý nhất, một phần vì ông là vị tướng bốn sao từng là Tư Lệnh Bộ Chỉ Huy Vùng miền Trung (Central Command), đặt bản doanh tại Florida, nhưng có vùng trách nhiệm ở toàn cõi Trung Đông. (Đây là một trong chín bộ chỉ huy đặc trách từng miền hay có nhiệm vụ đặc biệt, cấu tạo nên hệ thống phân quyền của bộ máy quân sự của Ngũ Giác Đài). Ông Zinni nói tuy không biết nhiều chi tiết liên quan đến kế hoạch tấn công này, nhưng cho rằng một cuộc oanh kích đánh phủ đầu lên Ba Tư chắc chắn sẽ có nhiều rủi ro rất cao: "*Bất cứ giải pháp quân sự nào để tấn công Ba Tư cũng đều có nhiều khó khăn. Chúng ta đừng có mơ nghĩ rằng có thể mang bom sang dội vào các mục tiêu này rồi thảnh thơi bay về và mọi chuyện sẽ được giải quyết thoả đáng. Phía Ba Tư chắc chắn sẽ trả đũa, và họ quả tình có khá nhiều cơ hội để ra tay trong một vùng mà chúng ta (Hoa Kỳ) có nhiều sơ hở và nhược điểm, từ vị trí đóng quân đông đảo của binh lính Mỹ cho đến các cơ sở dầu hoả nằm đầy đặc trong vùng gây ảnh hưởng lên nền kinh tế toàn cầu, và có thể tấn công trả đũa dễ dàng lên Do Thái cũng như tung ra những vụ tấn công khủng bố khắp nơi.*"

Zbigniew Brzezinski, cựu Cố vấn An ninh Quốc gia dưới thời TT Jimmy Carter, đưa ra những nhận định bi quan tương tự: "*Tôi cho rằng nếu như cuộc chiến với Ba Tư nổ ra thì coi như chấm dứt thời kỳ vàng son của Hoa Kỳ với vai trò siêu cường trên trường quốc tế. Tình trạng Iraq có thể được coi như là một bài học báo trước về những thất bại phải chuốc lấy, chỉ vì cái tội ỷ y và không chịu đắn đo suy nghĩ kỹ trước khi ra tay; tuy nhiên, chúng ta cũng còn cơ hội để chấn chỉnh lại lực lượng và bảo tồn thực lực và vị thế hàng đầu của mình nếu như có thể rút ra một cách êm thắm. Nếu như Hoa Kỳ phải tham chiến tại Ba Tư, thì sẽ bị chôn chân ít nhất là từ 20 đến 30 năm. Cả thế giới sẽ lên án chúng ta. Hoa Kỳ sẽ không còn vị thế lãnh đạo hàng đầu thế giới nữa.*" Ông Brzezinski cho rằng TT Bush cần phải bình tĩnh và sáng suốt hơn để phân tích lợi và hại của tất cả các giải pháp đang được nghiên cứu chứ không nên hấp tấp chỉ nghe lời khuyên của những phụ tá diều hâu nằm dầy đặc chung quanh ông. Theo ông, thời gian sẽ nằm về phía Hoa Kỳ, tức là chúng ta có thể bình tĩnh chờ đợi cho các vị giáo chủ thần quyền đang lãnh đạo tại Ba Tư sẽ không còn cơ hội để tiếp tục cai trị đất nước này trong lâu dài.

Giáo sư Graham Allison của trường Đại Học Harvard, một chuyên gia nghiên cứu về trận đối đầu hạch tâm giữa Hoa Kỳ và Liên Sô vào năm 1962 liên quan đến các giàn phi đạn của Nga đặt tại Cuba thời bấy giờ, đã cho rằng cuộc đụng độ lần này giữa Hoa Kỳ và Ba Tư cũng giống như "vụ khủng hoảng phi đạn ở Cuba" lúc trước nhưng diễn ra một cách chậm rãi hơn nhiều. Ông Allison cho rằng TT Bush hiện nay cũng rơi vào tình trạng đắn đo khó nghĩ như trường hợp của TT Kennedy thời bấy giờ, với những lời góp ý đề nghị khác nhau trong bộ tham mưu của mình. Giải pháp lựa chọn nào của ông xem chừng cũng khó nuốt: hoặc là phải chấp nhận sự hiện hữu của vũ khí hạch tâm trong tay một đối thủ nguy hiểm, hoặc là ra tay trước cho nổ chiến tranh để mong trừ một thực thể nguyên tử đang trở thành hiện thực. Phe

diều hâu cứng rắn trong chính quyền lúc bấy giờ đã cảnh cáo ông Kennedy rằng nếu đi tìm những giải pháp loanh quanh thì cũng chỉ có thể tạm đình hoãn cái ngày phải tính sổ chung cuộc, chẳng thà dứt khoát ra tay ngay từ bây giờ. Có lẽ ông Bush cũng đang nghe những lời khuyên tương tự từ những phụ tá hay cố vấn bảo thủ của ông hiện nay.

Tuy nhiên, TT Kennedy đã không thực hành theo những lời khuyên của các phụ tá mình, dù là theo phe diều hâu hay bồ câu. Một mặt ông ra tối hậu thư yêu cầu Liên Sô phải rút hết ngay các phi đạn nguyên tử ra khỏi Cuba, nhưng bên trong thì tìm cách đình hoãn yêu cầu này. Mặt khác ông tuyên bố rằng sẽ không rút hết các phi đạn của Mỹ ra khỏi Thổ Nhĩ Kỳ như phía Liên Sô đòi hỏi, nhưng trong thực tế lại âm thầm tìm cách rút ra. Chiến tranh nguyên tử giữa hai siêu cường nhờ đó đã được né tránh bởi vì lãnh tụ Khruschev của Liên Sô tin rằng TT Kennedy sẵn sàng cho khai chiến, nhưng đã tìm cách tránh né để khỏi gây đại họa cho cả đôi bên. Bởi vì trong thực tế, có lẽ không ai muốn tham chiến, khi biết rằng mình sẽ phải chuốc lấy hậu quả ghê gớm, đồng thời cũng biết rằng đối phương không hẳn thực sự muốn gây chiến. Trường hợp của TT Bush và các lãnh tụ cầm quyền hiện nay ở Ba Tư cũng tương tự, tuy nhiên những lời lẽ đanh thép và cứng rắn xem chừng như không bên nào chịu nhượng bộ đã khiến cho hai bên khó tìm được một giải pháp để rút lui hay dịu giọng mà không sợ mất thể diện hay uy tín với người dân trong nước mình.

Thật ra thì việc lên kế hoạch hay bàn tính đến những giải pháp quân sự để giải quyết vấn đề tự nó không phải là điều gì ghê gớm, mà có thể nói gần như là điều tất yếu mà tất cả các bộ tham mưu đều phải nghĩ đến trước để phòng khi hữu sự. "*Cư An Tư Nguy,*" câu nói về binh pháp của cổ nhân, được làm câu học thuộc lòng của bất cứ tân sinh viên sĩ quan mới bước vào quân trường Thủ Đức thời trước năm 1975, chứ không phải chỉ có ông Bush là người duy nhất nghĩ đến. Bởi vì muốn nghĩ đến thanh bình cho đất nước trong lâu dài, các nhà lãnh đạo phải lo đến những mối nguy tiềm ẩn hay có thể xảy ra bất ngờ, và do đó lúc nào cũng phải lo chuẩn bị sẵn sàng cho bộ máy chiến tranh, không phải để gây hấn mà là để phòng khi cần đến.

Chính quyền Bush đã chứng minh trong thời gian qua về khả năng gây sự khai chiến của mình xem ra có phần thành công dễ dàng hơn là thanh toán dứt điểm hay dọn dẹp chiến trường và mang lại thành công lợi lộc cho mình. Người ta hy vọng rằng những kinh nghiệm khó khăn đã xảy ra tại chiến trường Iraq sẽ giúp cho các nhà lãnh đạo hiện nay ở Ngũ Giác Đài và Bạch Cung không đi vào vết xe cũ để lập lại những sơ hở khiếm khuyết đáng tiếc. Quá khứ đã chứng minh rằng những kẻ có thực tài hay có sức mạnh tuyệt luân thường không bao giờ cần khoe khoang, và những lời đe doạ dùng sức mạnh để trừng phạt thường là hữu hiệu hơn nếu nó không được đem ra sử dụng thường xuyên, cũng như có tính thuyết phục cao hơn nếu nó được nhắc đến một cách nhẹ nhàng và từ tốn, để cho đối tượng bị nhắm đến có thời gian để suy nghĩ đến lợi hại và biết rằng cuối cùng người đưa ra hăm doạ có khả năng và sẵn sàng ra tay chứ không phải chỉ đe doạ suông.

Cuộc khủng hoảng hạch tâm ở Trung Đông có thể được giải quyết êm đẹp để tránh xảy ra một cuộc chiến như trường hợp năm 1962 hay không, hay nó lại dẫn đến một kết quả đen tối hơn như cuộc Đệ Nhất Thế Chiến nổ ra vào năm 1918 vì một số lo sợ về các hiểm hoạ của các lãnh tụ lúc bấy giờ đã dẫn đến những tính toán chiến lược sai lầm, có lẽ thời gian sắp tới mới trả lời được. Thế nhưng theo lời của nhà báo và cũng là sử gia người Anh, ông Niall Ferguson, phân tích trong cuốn sách của ông mang tựa đề *The Pity of War* (Chiến Tranh Đáng Tiếc), thì việc Anh Quốc, một đế quốc siêu cường thời bấy giờ, quyết định tham chiến là một sự lầm lẫn tai hại trong phán đoán của các lãnh tụ quốc gia và dẫn đến sự suy sụp của đế quốc này.

Trong vụ xung đột hiện nay, có thể nói cả hai lãnh tụ của Hoa Kỳ và Ba Tư đều dùng những lời lẽ hay lập trường mang nhiều mầu sắc như một lá bài tháu cáy để gây hoang mang lo sợ cho đối phương hầu khiến họ có thể rút lui trước. Đây là một lối đánh nguy hiểm vì có thể bị tố ngược lại, nhưng đồng thời cũng đầy hào hứng và căng thẳng bởi kết quả sẽ là "*được ăn cả, ngã về không.*" Tuy nhiên, trong trò chơi xì phé, khi mọi người lật bài lên thì có kẻ thắng người thua, ngược lại, khi chiến tranh bùng nổ, nhất là một cuộc đại chiến với vũ khí nguyên tử thì sẽ dẫn đến những hậu quả giây chuyền mà những người trong cuộc chưa thể tính hết được, thì không ai có thể tự hào là người thắng cuộc.

Houston, Texas 19-04-2006

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

HỐI-MẠI QUYỀN-THẾ KIỂU MỸ II

CỔ LŨY

Khi viết về hối-mại quyền-thế ở Hoa-Kỳ cho Thế-Kỷ 21 tháng Mười-Một năm 2005, chúng tôi đã bắt đầu: Ngày 21 tháng Chín năm 2004, ba chuyên-viên gây quĩ chính-trị (political fund-raiser) có liên-hệ với ông Tom DeLay, lãnh-tụ khối đa-số Cộng-hòa Hạ-viện Mỹ và được xem là nhân-vật quyền-thế thứ nhì sau tổng thống George W. Bush, bị đại bồi-thẩm-đoàn (grand jury) tiểu-bang Texas kết tội chuyển tiền bạc bất hợp-pháp thu từ các đại công-ty tư đến các ứng-viên Cộng-hòa cấp tiểu-bang.

Cuối tháng Chín cùng năm, ông DeLay bị Ủy-ban Đạo-đức Chính-trị (Ethics Committee) Hạ-viện khiển-trách vì tội hứa ủng-hộ con dân-biểu Nick Smith (Cộng-hòa, tiểu-bang Michigan) lên thay quyền bố trong Hạ-viện nếu dân-biểu này chịu bỏ phiếu ủng-hộ dự-luật mua thuốc trong chương-trình Medicare do tổng-thống đề-nghị.

Liên-tiếp sau đó trong cùng năm 2004, ông DeLay bị khiển-trách hoặc liên-hệ đến những trò "ma-nớp" chính-trị dính-dáng đến tiền-bạc. Cuối năm 2004 phe đa-số Cộng-hòa Hạ-viện thay-đổi luật-lệ với mục-đích giữ ông DeLay trong chức-vụ lãnh-tụ đa-số dù ông có bị kết tội bởi đại bối-thẩm. Nỗ lực trắng trợn này bị giới truyền-thông (được xem như quyền thứ tư trong xã-hội dân-chủ thực-sự) và phe Dân-chủ phản-đối kịch-liệt, và rồi phe Cộng-hòa phải gạt bỏ.

Tháng Ba, Tư, Tám và Chín năm 2005 liên-tiếp cho thấy các liên-hệ đáng-ngờ giữa ông DeLay, hoặc những người gây quĩ chính-trị có dính-dáng tới ông, với giới "lốp-bi" chuyên-nghiệp đầy rẫy ở Hoa-Thịnh-Đốn. Cuối tháng Chín, đại bồi-thẩm Texas kết tội ông DeLay và hai người gây quĩ tội âm-mưu chuyển tiền bất-hợp-pháp vào quĩ tranh-cử. Đầu tháng Mười ngay sau đó ông lại bị đại bồi-thẩm Texas kết tội "giặt tiền" (money laundering, biến tiền bất-hợp-pháp thành tiền hợp-pháp). Cũng trong thời gian này đại bồi-thẩm liên-bang dòm-ngó vào việc ông DeLay có thể dùng tiền gây quĩ tranh-cử tổng-thống năm 2000 vào việc tranh-cử thống-đốc Missouri của con dân-biểu Roy Blunt, người vừa được chọn vào chức-vụ lãnh-tụ đa-số thay ông Delay. Theo luật-lệ Mỹ các tòa án tiểu-bang và liên-bang sẽ xét-xử các kết tội của bồi-thẩm.

Chi-tiết đáng chú-ý là ông Roy Blunt, bị xem là "lem nhem" không kém gì ông DeLay, đã được khối dân-biểu Cộng-hòa cực-kỳ bảo-thủ làm áp-lực với chủ-tịch Hạ-viện Dennis Hastert đưa vào chức-vụ này ("vì ông [Blunt] có nhiều liên-hệ với giới 'lốp-bi'," theo lý-luận của họ), sau khi ông Hastert đã chọn dân-biểu David Drier (Cộng-hòa, California) tương-đối "sạch sẽ" và ôn hòa hơn. Đầu năm nay, khối Cộng-hòa đa số ở Hạ viện thấy cần, và phải chọn dân biểu John Boehner (Ohio) thay thế ông Blunt.

Những hành-động và liên-hệ đi liền với hối-mại quyền thế trắng trợn nói trên không chỉ là độc quyền của đảng Cộng-hòa; nói chung đảng đang nắm quyền, Cộng-hòa hoặc Dân-chủ, đều có "cơ-hội đồng-đều" (equal opportunity) để làm chuyện này —tuy phe Cộng-hòa có cơ-hội nhiều và lớn hơn vì chủ-trương nòng-cốt ủng-hộ giới đại kỹ thương với tiền bạc, quyền lợi và ảnh-hưởng bao trùm xã-hội Mỹ (thông thường hai-phần-ba giới này dùng tiền bạc ủng hộ phe Cộng-hòa).

Những hành-động và liên hệ trên cũng không phải là hiện-tượng mới mẻ; chúng như đi liền với hệ-thống kinh-tế thị-trường và văn-hóa với định-nghĩa về "chính-trị" khá thực-tế và đơn-giản: "ai được quyền-lợi gì? lúc nào? và bằng cách nào?" ("politics: who gets what, when and how?"). Nay chỉ khác một ít là mức-độ hối mại quyền-thế như gia tăng với nhiệm kỳ hai của tổng-thống Bush, nhất là trong hai nhánh hành-pháp và lập-pháp.

Bài sau đây sẽ nhắc lại những điểm chính từ bài trước và tiếp nối với những phát-triển khá bất-ngờ.

CỔ-LŨY

Như đã nhắc tới trong bài trước, nhiệm kỳ hai của tổng thống Bush, giống như nhiệm kỳ hai của nhiều tổng thống tiền nhiệm, có nhiều triển vọng bị mang tiếng với

những xì-căng-đan vì ảo tưởng quyền lực lớn lao của mình, đặc biệt là những xì-căng-đan liên hệ đến tiền bạc và quyền thế của giới nắm quyền. Tiền bạc và quyền lực chính trị thường đi đôi với nhau ở nhiều nơi trên thế giới từ trước đến nay. Nhưng ở Hoa-Kỳ giây liên hệ này khá rõ rệt, một phần vì hệ thống kinh tế chính trị cho cơ hội, một phần vì tự do ngôn luận và vai trò quan trọng của giới truyền thông, nhất là người cầm bút, cho phép những phát giác được đưa ra trước dư luận quần chúng như một lối quân bằng quyền lực hữu hiệu ("checks and balances," giữa ba nhánh lập pháp, hành pháp, tư pháp và giới truyền thông —nhánh "quyền thứ tư;" mà giới truyền thông đạt được qua sự tín nhiệm và tôn trọng của dân chúng).

NHỮNG PHÁT-TRIỂN MỚI

Dùng tiền bạc để mua chuộc giới nắm quyền đem lợi nhuận gián tiếp cho mình là điều thông thường ở khắp mọi nơi. Dùng tiền bạc để trực tiếp nắm lấy quyền lực và đem lại lợi nhuận cho mình, gia đình và bè phái là điều thông thường ở Hoa-Kỳ.

"Lốp-bi," hoặc vận động hành lang cửa quyền bằng tiền bạc hoặc quyền lợi vật chất khác để mang lại lợi nhuận cho "khách" (client) và cho mình —nhất là với giới dân cử liên bang, tiểu bang và địa phương— là một hoạt động chính trị hợp pháp, một hiện tượng đặc thù Mỹ mà ở những xã hội khác bị xem là hối mại quyền thế và bất hợp pháp. Từ vận động trực tiếp, giới kỹ thương trong và ngoài nước, các tổ chức, hội đoàn, nghiệp đoàn công, tư, thị xã, tiểu bang, hoặc cả các chính quyền, tổ chức nước ngoài nay có những tay lốp-bi chuyên nghiệp làm trung gian đi lại với giới có quyền. Các tay lốp-bi phần lớn là cựu nhân viên, chuyên viên nhà nước thuộc đủ mọi nhánh chính quyền, nhưng phần đông là giới dân cử hoặc các phụ tá của họ, làm việc độc lập hoặc góp lại với nhau trong các tổ hợp (firm) lốp-bi với cái mỹ danh và ý nghĩa mơ hồ bao quát "public relations." Về mặt pháp lý người làm lốp-bi chỉ cần ghi danh đăng ký làm lốp-bi cho ai mà thôi. Về mặt lợi tức lốp-bi con số phải là rất đáng kể, vì nhiều người bỏ ra tiền triệu để thành nhân vật dân cử (để được lốp-bi), và sau khi về hưu hoặc bị mất chức để hành nghề lốp-bi —với những liên hệ, móc nối cùng hiểu biết chuyên môn lúc còn tại chức.

Với chủ trương công khai ủng hộ giới kỹ thương, chuyển tiền công vào tay tư nhân qua các đấu thầu từ nhỏ đến lớn (contracting, outsourcing), với cuộc chiến hai mặt A-Phú-Hãn (Afghanistan) và Iraq tiêu cả chục tỉ đô-la hàng tháng của chính quyền George W. Bush, cơ hội móc nối làm tiền rất lớn và nhiều —và con số người làm "lốp-bi" từ năm 2001 đến 2005 đã tăng từ mười lăm ngàn lên gần bốn mươi ngàn. Dĩ nhiên, điều không tránh khỏi là những xì-căng-đan lốp-bi dính dáng tới phe Cộng-hòa cũng gia tăng ghê gớm, đáng kể là những xì-căng-đan quá quắt và lộ liễu— đến nỗi phe Dân-chủ đang lập đi lập lại cái "văn-hóa bại-hoại" ("culture of corruption") của phe Cộng-hòa như một khẩu hiệu nhắc nhở người đi bầu để chiếm thế thượng phong trong những bầu cử sắp tới. Chiến lược gia nòng cốt thuộc đảng Cộng-hòa Frank Luntz mới đây tuyên bố: "Chỉ trong vòng mười hai năm [kể từ 1994, khi Cộng-hòa chiếm đa số trong quốc hội] phe Cộng-hòa đã đến chặng đường bại hoại mà phe Dân-chủ phải cần đến bốn-mươi năm mới tới."

A. DÂN BIỂU TOM DELAY VÀ TAY "LỐP-BI" JACK ABRAMOFF

Lãnh tụ khối đa số Cộng-hòa, ông Tom DeLay trong lời giới thiệu đầu bài, ngoài những rắc rối hối mại quyền thế kể trên còn đang bị liên bang nhòm ngó vì những liên hệ chặt chẽ với một tay lốp-bi chuyên nghiệp với thành tích "đáng nể," Jack Abramoff —cũng là một trong những người gây quĩ tranh cử nhiều nhất cho ông Bush (một trăm ngàn đô-la trở lên). Ông Abramoff đã bị kết tội lem nhem ở Florida, lại dính líu với ông Michael Scanlon, nguyên tùy viên báo chí của ông DeLay, và cả hai đang bị kết tội lấy sáu mươi sáu triệu đô-la của các bộ lạc người "Da Đỏ" để lốp-bi chính quyền liên bang và địa phương cho mở sòng bài. Tháng Tám vừa qua FBI điều tra một cộng sự của ông Abramoff và ông này khai rằng, "Họ trao đổi vô số các điện thư, vô số những đi lại giữa văn phòng chúng tôi và văn phòng ông DeLay." Luật lệ cho phép dân biểu nhận quà cáp một cách hạn chế, nhưng dân biểu không được phép đòi hỏi quà cáp. Người cộng sự nói tiếp, "Ông DeLay không trực tiếp đòi hỏi, nhưng có nhiều đòi hỏi qua các phụ tá của ông. Các phụ tá thường cho biết ông DeLay muốn cái này cái nọ." Ông DeLay, cùng vô số viên chức lớn khác, từng có nhiều chuyến xuất ngoại giải trí đài thọ bởi Abramoff với hình

ảnh, chi tiết rõ ràng trên báo chí và truyền hình, nhưng lại giải thích rằng không biết đây là tiền Abramoff bỏ ra. Ông Abramoff cũng dính dáng đến chuyện lốp-bi tòa Nhà Trắng (White House) nhằm đổi quan tòa liên bang đang điều tra bất lợi một khách hàng của ông ở đảo Guam.

Tháng Mười Một năm qua, ông Michael Scanlon nhận tội âm mưu hối lộ viên chức công quyền, sau khi liên bang điều tra ông và ông Abramoff lem nhem sáu mươi triệu đô-la tiền lốp-bi sòng bài cho người "Da-Đỏ." Điều tra còn đang tiến hành như nói trên. Tháng Mười Hai quan tòa tiểu bang Texas loại bỏ việc buộc ông DeLay tội âm mưu, nhưng giữ lại buộc tội "giặt tiền." Ông DeLay, với triển vọng một vụ án về tội hình trước mắt, không còn hy vọng lấy lại được chức vụ lãnh tụ đa số Hạ-viện.

Tháng Giêng vừa qua ông Abramoff nhận những tội liên bang: âm mưu, trốn thuế, gian lận qua đường bưu điện. Ông cũng đồng ý hợp tác với liên bang (để nhẹ bớt án) trong những điều tra về hối mại quyền thế liên quan đến một số nhân vật quan trọng trong quốc hội. Ông DeLay cũng ngưng ngay những vận động nhằm lấy lại chức vụ lãnh tụ đa số Hạ-viện; phe Cộng-hòa đa số Hạ-viện chọn ông John Boehner vào chức vụ này.

Ngày 29 tháng Ba, Abramoff và "pạc-nơ" Adam Kidan bị án tù tiểu bang Florida bẩy mươi tháng vì những lem nhem tiền bạc trong vụ mua những tầu bè làm sòng bài nổi; ông Kidan còn đang bị điều tra vì nghi ngờ có dính dáng tới vụ ám sát người bán tầu sau đó. Ngày cuối tháng Ba, ông Tony Rudy, một phụ tá cũ của ông DeLay, nhận tội âm mưu và hứa hợp tác với liên bang điều tra những hối lộ và lốp-bi gian lận có thể dính dáng tới ông DeLay.

Nhưng có lẽ nặng hơn hết là những gì và người hãy còn trong hậu trường mà giới truyền thông lần lần đi tới; một nhân vật quan trọng là ông Edwin Buckham. Ông Buckham vốn là phụ tá cao cấp nhất,và người tổ chức nhánh gây quĩ chính trị toàn quốc của ông DeLay; các cơ quan điều tra liên bang và tiểu bang đang đi tới ông này và chắc chắn sẽ biết nhiều hơn về những hoạt động kín của ông DeLay. Ngày 13 tháng Tư, ông Buckham bị báo chí phanh phui đã thành công trong việc lốp-bi quĩ liên bang tài trợ một công ty tư mà ông có cổ phần lớn năm 2003. Với trợ lực của dân biểu Dave Weldon (Cộng-hòa, Florida), một đồng minh chính trị của ông DeLay, ông Buckham gài vào số tiền chuẩn chi hơn một-triệu-rưỡi của bộ Lao-động để tài trợ cho Florida Institute of Technology; viện đại học này ký ngay giao kèo với công ty Map Roi, một "khách" và "pạc-nơ" của ông Buckham qua dịch vụ nâng đỡ tiểu thương. Ông Buckham lúc bấy giờ đứng đầu tổ hợp lốp-bi có đăng ký dưới danh hiệu Alexander Strategy Group - với nửa triệu cổ phần trong Map Roi theo tài liệu công khai của nhà nước. Ông cũng là một cộng tác viên với ông Abramoff, theo lời khai với cơ quan liên bang điều tra hối mại quyền thế.

Đây là ví dụ điển hình chuyển tiền công (tiền thuế thu hoạch từ dân chúng) sang túi tư nhân. Với giao kèo mới này Map Roi lên uy tín và thu hút được thêm ba triệu tiền đầu tư tư nhân khác. Viện đại học xác nhận, "Dân biểu Dave Weldon là người nòng cốt trong việc đưa Map Roi đến với Florida Technology Institute." Trước đây ông Weldon tuyên bố ông "biết ngay" là "Florida Tech và Map Roi sẽ thiết lập một chương trình tuyệt hảo." Nay thì ông Buckham và Weldon cùng luật sư của họ không trả lời điện thoại của báo chí. Cũng theo lời khai của ông Tony Rudy nói trên, "tay lốp-bi B" giúp chuyển năm mươi ngàn trả cho công ty lốp-bi riêng của vợ ông Rudy. "Lốp-bi B" không ai khác hơn là ông Buckham; ông Rudy làm việc cho ông Buckham và lốp-bi có đăng ký cho công ty Map Roi.

Giây liên hệ giữa ông Buckham, Abramoff và DeLay còn chằng chịt hơn nữa. Nhóm Alexander Strategy từng trả hơn một trăm ngàn "lệ phí tham vấn" cho vợ ông DeLay, và tổ chức toàn quốc Americans for a Republican Majority PAC của ông DeLay từng nằm ngay trong trụ sở của Alexander Strategy. Con gái và phụ tá của ông DeLay là Danielle cũng nhận được ba trăm ngàn vào cơ quan gây quĩ ARM-PAC (Người Mỹ Ủng-hộ Một Đa-số Cộng-hòa; PAC là Political Action Committee, ủy ban vận động chính trị).

Năm 1999 ông Buckham tới vùng quần đảo Bắc Mariana thuộc Hoa-Kỳ để vận động cho một đồng minh của Abramoff lên làm chủ tịch quốc hội. "Đồng minh" đó là Benigno Fitial, sau thành thống đốc quần đảo và giúp Abramoff với giao kèo lốp-bi cho quần đảo. Công ty Map Roi là một "khách" khác được thành lập bởi Carl Gutierrez, con rể của nguyên thống đốc giảo Guam. Nguyên thống đốc có hai triệu cổ phần, cùng với con gái và con rể với hai mươi bẩy triệu cổ phần trong công ty. Người nhà ông Gutierrez cũng như vệ sĩ và tùy viên báo chí đều có cổ phần. Theo viên chức đảo Guam, thêm một nỗ

lực lốp bi chuyển đến Map Roi hai mươi triệu từ liên bang trong một giai đoạn năm năm qua các cơ quan trên đảo. Map Roi vẫn được giúp đỡ của ông Buckham, lần này với sự cộng tác của nghị sĩ Conrad Burns (Cộng-hòa, Montana), người mới vội vàng —cùng với nhiều nhân vật Cộng-hòa lớn khác, kể cả tổng thống Bush— trả lại ông Abramoff một trăm năm mươi ngàn tiền ủng hộ vận động tranh cử. Lần hồi mọi sự như dẫn gần đến ông DeLay.

Đầu tháng Tư trang nhà điện toán của tuần san TIME loan tin ông DeLay từ chức và bỏ tranh cử. Ngày 3 tháng Tư, viên chức Cộng-hòa tuyên bố ông DeLay sẽ từ chức dân biểu Texas và sẽ ngừng tranh cử nhiệm kỳ mới tháng Mười Một tới. Ngày hôm sau, bốn ngày trước sinh nhật 59 tuổi, ông DeLay họp báo xác nhận hai điều trên; tháng Sáu ông sẽ rời Hạ-viện (thống đốc Texas Rick Perry có thể sẽ tổ chức bầu cử đặc biệt cho người thay thế hoặc để trống chức vụ này cho đến bầu cử tháng Mười Một năm nay), chấm dứt một sự nghiệp chính trị cực kỳ lừng lẫy nhưng cũng đầy hoen ố dơ bẩn.

Lý do thật đưa đến quyết định lớn lao có lẽ là những thăm dò dư luận cử tri cho thấy ông sẽ thất cử dân biểu mùa Thu tới ở đơn vị bầu cử Texas số 22; lý do chính ông đưa ra là ông muốn hy sinh mình để đảng Cộng-hòa khỏi phải gập những khó khăn trong tương lai gần và xa, và ông hy vọng tiếp tục hoạt động tích cực cho đảng từ vị trí ngoài chính quyền. Nhưng có lẽ nhiều người trong đảng không muốn dính dáng gì đến tên tuổi Tom DeLay, ít nhất trong những tranh cử 2006 và 2008 —chưa nói đến việc ông khó có thể hoạt động gì được nếu phải ngồi tù.

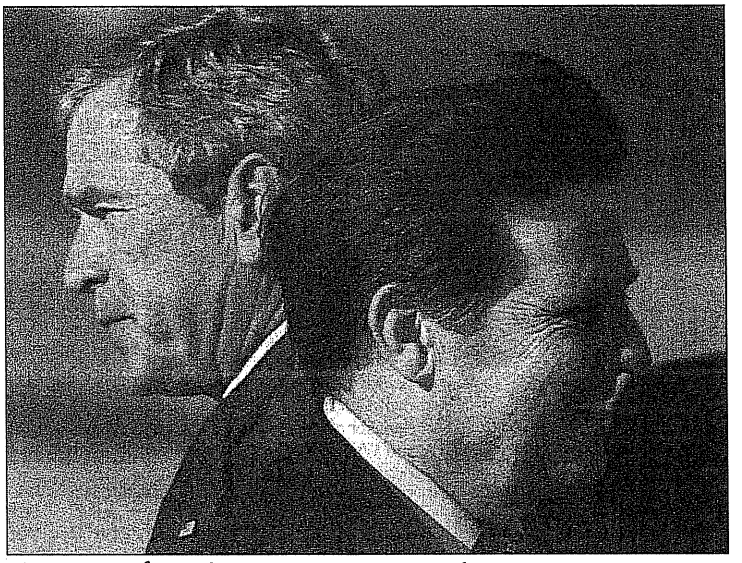

Đồng minh: *Tổng-thống Bush và lãnh-tụ đa-số Hạ-viện Tom DeLay, người được xem như quyền-lực hàng thứ nhì sau tổng-thống vừa từ-nhiệm và cũng ngưng ứng-cử dân-biểu đơn-vị 22, Texas, lần nữa.*

B. THAM VỌNG VÀ THẤT VỌNG

Sự nghiệp chính trị gẫy đổ của ông DeLay bắt nguồn từ tham vọng phát triển và duy trì đa số Cộng-hòa lâu dài ở Quốc-hội và cả toàn quốc nữa; trong chiều hướng này ông chia xẻ tham vọng với tổng thống Bush và cố vấn thân tín đầy uy quyền Karl Rove của ông Bush (tuy nhiên ông Bush không thân với ông DeLay lắm vì ông này coi thường và chỉ trích ông Bush bố không bảo thủ cực đoan). Ông muốn, và qua các ma-nớp chính trị không lương thiện lắm, thực hiện được chuyện vẽ lại ranh giới đơn vị tranh cử ở Texas có lợi cho đảng Cộng-hòa, sau khi đảng này chiếm được đa số tại hai viện thuộc quốc hội Texas. Kết quả là Texas được thêm năm ghế dân biểu trong Hạ-viện liên bang, và ông muốc chắc là năm ghế mới này là năm ghế Cộng-hòa.

Để thực hiện tham vọng này ông cần tiền đóng góp của các đại công ty kỹ thương vào tổ chức Texans for a Republican Majority-PAC (Người Texas Ủng hộ Đa số Cộng-hòa) của ông, nhưng luật lệ Texas cấm việc đóng góp của các công ty vào chính trị. Theo kết tội của đại bồi thẩm ông cùng hai đồng lõa lấy được 190 triệu đô-la (trong đó phải kể đóng góp của công ty ENRON, Sears-Roebuck và hãng rượu Bacardi USA) rồi gửi tiền này về Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc (Republican National Committee, RNC); sau đó Ủy-ban RNC gửi một ngân phiếu đúng 190 triệu xem như tiền của RNC cho TRM-PAC sử dụng, với kết quả là thêm bẩy dân biểu Cộng-hòa Texas có nhận tiền đều đắc cử, gia tăng khối đa số Cộng-hòa có sẵn trong Hạ-viện liên bang. Nhưng cũng từ đây ông DeLay bị buộc ba tội hình nặng nề: âm mưu, vi phạm luật tiểu bang và "giặt tiền," có thể bị tù tới hai năm và cả chục ngàn tiền phạt

hoặc hơn nữa.

Dĩ nhiên ông DeLay là người gây quĩ hữu hiệu nhất cho đảng mình và người cùng đảng trong quốc hội, và họ chịu ơn ông rất nhiều; ông cũng là người duy trì kỷ luật sắt đối với dân biểu cùng đảng và có hỗn danh là "Búa Tạ" ("The Hammer"). Bên ngoài giới Cộng-hòa Hạ-viện mạnh mẽ lên tiếng bênh vực ông DeLay và xem chuyện kết án là trò chính trị của công tố viên Dân-chủ Ronald Earle (tuy ông Earle có tiếng là gắt gao với các tay chính trị phạm pháp lớn: ông từng kết tội mười hai nhân vật Dân-chủ trên tổng số mười lăm người phạm pháp lớn ở Texas). Nhưng bên trong Hạ-viện nhiều nhân vật Cộng-hòa đang ráo riết vận động giành chức ông DeLay vừa mất; họ hiểu rằng có trắng án ông cũng không thể trở về chức vụ cũ. Và giới lốp-bi trước đây có liên hệ chặt chẽ với ông DeLay cũng ráo riết móc nối với các nhân vật sáng giá có thể chính thức thay thế ông DeLay như dân biểu Roy Blunt và David Dreier. Một phụ tá cho hai dân biểu cho biết, "Có cả triệu đô-la đang được đặt lên bàn. Những tay 'lốp-bi' sẽ giết lẫn nhau để liên hệ với hai vị này." Cuối cùng dân biểu John Boehner, như đã nói trên, được chọn vào chức vụ đầy tiền bạc và uy quyền này.

Nhưng nhiều nhà quan sát chính trị và giới truyền thông đều nhận rằng khó tìm thấy người nào có thể hoàn toàn thay thế ông DeLay. Ông là người xây dựng nên guồng máy chính trị sử dụng hữu hiệu lợi thế lớn lao của các đại công ty kỹ thương và tạo cách cho họ dồn tiền bạc vào đảng Cộng-hòa. Bắt đầu với việc đảng này nắm đa số trong quốc hội năm 1994, ông là người mạnh tiếng nhất trong việc đòi hỏi giới đại kỹ thương ủng hộ đảng này, không những bằng tiền bạc mà còn chọn người trong đảng vào các hãng lốp-bi và các công ty lớn. Hơn hai tá người làm việc dưới quyền ông trước đây hiện là nhân viên cao cấp trong các hãng lốp-bi lớn nằm trên Đường K tại thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn. Trong "Kế-hoạch Đường K," cùng với ông Grover Norquist (người cầm đầu tổ chức bảo thủ Americans for Tax Reform, một đồng minh chính trị của tổng thống Bush và Abramoff) ông đưa ra biện pháp đe dọa "trả thù chính trị" những công ty không giúp đảng Cộng-hòa mà đóng góp tiền bạc cho đảng và tạo công ăn việc làm cho giới lốp-bi Dân-chủ; ngoài thực tế ông có tiếng là người thực thi biện pháp này.

C. TỪ TEXAS TỚI CALIFORNIA, VÀ IRAQ

Những hoạt động vi phạm đạo đức chính trị gần như công khai —và có thể vi phạm luật pháp khi ra trước tòa— của ông DeLay hầu như khó có thể tưởng tượng được ở một nước dân chủ tự do hàng đầu, nhất là trong thế-kỷ 21. Nhưng một điển hình khác cuối năm qua khiến giới theo dõi chính trị không ngạc nhiên lắm về cái "văn hóa bại hoại": trường hợp ông Randall "Duke" Cunningham, dân biểu Cộng-hòa, California.

Khi mới vào Hạ-viện đầu thập niên qua ông được xem là người gốc "nhà binh" (ông từng là phi công xuất sắc thuộc Hải-quân Mỹ trong chiến tranh Việt-Nam với thành tích bắn hạ nhiều máy bay MiG trong hơn ba trăm phi vụ tác chiến) ngay thẳng, thấy sao nói vậy. Giới truyền thông mô tả ông như người đạo đức thẳng thắn với cái ngang tàng "dám ăn, dám nói" của người từng trải hiểm nguy cho đất nước. Ủy-ban Dân-cử Cộng-hòa xem ông là một tài sản quí hóa cho phe Cộng-hòa. Cuối năm qua giới dân cử Cộng-hòa từng ngợi khen ông Cunningham "ngay thẳng, đạo đức" vội tránh né mọi câu hỏi về ông từ phía truyền thông.

Đầu tháng Mười Hai, ông Cunningham đứng khóc lóc trước giới truyền thông ngoài tòa án tuyên bố từ chức dân biểu: ông đã nhận tội ăn hối lộ và trốn thuế hơn hai triệu bạc, vì theo chính lời luật sư của ông ông không có lý do nào để bào chữa. Bản án mười năm tù cho thấy ví dụ ông từng nhận những món quà sang trọng đắt giá như thảm quí, một du thuyền, một xe Rolls-Royce, một tủ com-mốt thời vua Tây Louis Philippe. Nói tóm lại cái lối hối mại quyền thế của ông rất hoa hòe, phô trương, không kín đáo hay có bề ngoài "hợp pháp" như nhiều người cùng thời khi nhận hối lộ từ "khách." Những tội này có vẻ như không mấy liên hệ đến những xì-căng-đan nghiêm trọng trong giới dân cử, nhưng ông Cunningham có thể dẫn người điều tra đến những "ổ" hối mại quyền thế kín đáo khác nằm trong hai ngành đang phân phát nhiều giao kèo quí giá vì cuộc chiến chống khủng bố hiện nay: quốc phòng và tình báo.

Theo lời khai ông Cunningham cho biết, với nhiệm kỳ thứ nhất của tổng thống Bush năm 2001 ông bắt đầu lợi dụng vị thế trong Ủy-ban Tình-báo Hạ-viện để thu hút những hối lộ. Ngay sau đó ông nhận nhiều quà cáp từ các công ty kỹ thuật cao cấp; một trong số công ty này mua lại nhà ông ở Del Mar, California với giá cao gấp bội giá thị trường và cung cấp cho ông một du thuyền trị giá hơn hai trăm ngàn

làm nơi ở khi làm việc ở Hoa-Thịnh-Đốn. Những công ty khác giúp ông hơn nửa triệu để mua nhà mới ở Rancho Santa Fe, California, và hai trăm ngàn để mua một nhà "công-đô" ở Virginia. Từ lớn tới nhỏ, ông nhận thêm hơn bốn trăm ngàn chuyển vào quĩ nhà băng trong vòng bốn năm, một trăm ngàn tiền đồ đạc trang hoàng trong nhà, hơn chín ngàn đồ chơi bắn súng tia "laser," hơn hai ngàn cho tiệc tốt nghiệp của con gái và gần hai ngàn cho nữ trang tặng vợ ông.

Người bào chữa cho ông Cunningham, thường giấu tên tuổi, danh tính, giải thích những hối mại quyền thế về già của ông như trùng hợp với bệnh tật tiết nước: sau giải phẫu ông như người thay đổi hẳn.tính tình, và từ đây có thể đi đến những hành động kỳ lạ. Giới truyền thông — và dĩ nhiên phe Dân-chủ— thì chú ý hơn đến cái "văn hóa bại hoại" đưa đến âm mưu, hành động không thể tưởng tượng nổi của những người như Abramoff, DeLay, Buckham và Cunningham. Giới này cũng đưa ra nhiều tin tức về những món tiền kếch xù ông chú và anh tổng thống Bush thu được một cách hợp pháp qua hoạt động thương mại trực tiếp liên hệ đến cuộc chiến ở Iraq và A-Phú-Hãn. Đây chưa kể đến cả chục tỉ bạc liên hệ đến những đấu thầu quốc phòng độc quyền với đại công ty Halliburton dưới quyền phó tổng thống Dick Cheney trước khi ông từ chức để làm phó tổng thống.

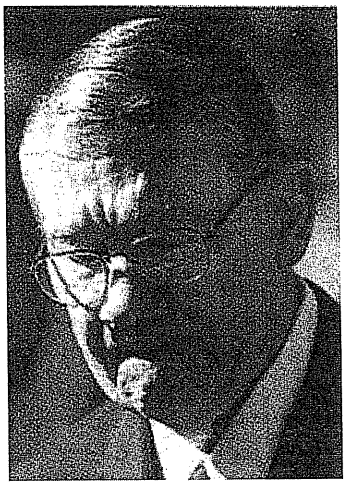

Vào tù: *Dân-biểu Randall "Duke" Cunningham (Cộng-hòa, California) trước khi vào tù vì hối-lộ và khai gian thuế hơn hai triệu bạc.*

Cuối tháng Ba các thanh tra thuộc bộ Quốc-phòng cho thấy họ làm đủ mọi cách, từ năn nỉ cho đến đe dọa giới lãnh đạo đại công ty này phải theo đúng thủ tục báo cáo trong giao kèo một tỉ hai mà không đi đến kết quả nào. Báo cáo mười lăm trang từ các thanh tra, do dân biểu Henry Waxman (Dân-chủ, California) thuộc Ủy-ban Cải-tổ Chính-quyền đưa ra cho thấy Halliburton "rõ ràng là cố ý" ăn gian chính phủ bằng những tính toán mờ ám, với một thí dụ công ty đòi chính quyền phải trả hai mươi sáu triệu tiền phí tổn không có thực. Các thanh tra cũng đặt câu hỏi về số tiền bốn mươi lăm triệu bị xem là "không hợp lý và thiếu bằng chứng," và trách bộ Quốc-phòng vẫn ký giao kèo với Halliburton dù đã có cảnh cáo rằng những dự phóng phí tổn từ công ty này "đầy những khiếm khuyết nghiêm trọng." Dù với những cảnh cáo và lem nhem gần đến một trăm triệu ngay từ lúc khởi đầu cuộc chiến Mỹ ở Iraq cách đây ba năm, dù với đe dọa ngưng giao kèo vì các vi phạm lớn lao, Halliburton vẫn là nhà thầu lớn nhất ở Iraq —một hình thức chuyển tiền công vào túi tư nhân nhưng với bề ngoài hợp pháp rất rõ rệt nữa, chỉ khác là ở mức độ to lớn khủng khiếp.

Giao kèo trùng tu bãi dầu phía nam Iraq này, bắt đầu từ năm 2004, là giao kèo lớn thứ ba giữa bộ Quốc-phòng và Halliburton, và có cạnh tranh theo đúng thủ tục đấu giá. Hai giao kèo trước lớn hơn gấp bội, một cung cấp quân nhu thực phẩm cho gần 150 ngàn binh lính Mỹ, một sửa chữa hệ thống dầu khí ở Iraq, bị chỉ trích nặng nề vì là giao kèo độc quyền dành cho Halliburton mà thôi. Sau khi xâm chiếm Iraq chính quyền Bush tuyên bố việc hồi sinh bãi dầu do Halliburton đảm trách sẽ cung cấp tiền bạc nhằm tái thiết nước này. Ba năm sau trùng tu chưa đi đến đâu với mức sản xuất dầu thô còn kém hơn mức trước chiến tranh, và dân chúng Iraq phải trả giá dầu nhớt gia tăng gấp ba lần trước đây, ngay sau bầu cử quốc hội giữa tháng Mười hai năm qua.

Tài liệu từ Cơ-quan Thanh-tra Giao-kèo Quốc-phòng gửi tới Halliburton nói công ty "hoàn toàn không cung cấp chi tiết về chi phí như giao kèo đòi hỏi... Hơn nữa công ty lại gồm những chi phí quá quắt không liên hệ tới giao kèo, với mức độ gia tăng cực kỳ nhanh chóng." Một văn thư khác cho biết "KBR [Kellog-Brown and Root, một nhánh thuộc Halliburton, có tiền thân là MRK ở cuộc chiến Việt-Nam trước đây] đã thi hành giao kèo ở mức tối thiểu và không chịu cung cấp báo cáo cần thiết dù Thanh-tra đã liên tục đòi hỏi."

Cuối năm 2004 Halliburton bị chỉ trích thiếu biện pháp kiểm soát chi phí; sau đó các thanh tra khám phá ra Halliburton trong báo cáo hàng

tháng đã dự phóng gần nửa tỉ bạc phí tổn thặng chi. Đầu năm 2005 Thanh-tra đe dọa Halliburton phải sửa sai những khiếm khuyết hoặc giao kèo sẽ bị đình chỉ, "Cho đến nay KBR chưa cung cấp một báo cáo có thể xem là chấp nhận được theo tiêu chuẩn giao kèo." KBR đáp ứng với một kế hoạch sửa sai và hứa "làm những gì cần thiết để sửa chữa những khiếm khuyết," nhưng cũng trách ban thanh tra đòi hỏi quá nhiều tài liệu. Một thanh tra giải thích chính quyền liên tiếp bị từ chối những báo cáo với con số, sự kiện có thực về chi phí, "Vì những thiếu sót liên tục trong báo cáo, chính quyền phải đi đến mức đòi hỏi bất cứ tài liệu nào để có thể theo dõi những chi phí KBR đưa ra [đòi chính quyền trả]."

CÓ CHĂNG MỘT BIỆN-PHÁP?

Nghị sĩ Cộng-hòa John McCain (Arizona), một tù nhân Hỏa-Lò Hà-Nội thời chiến trước đây và cũng là một người trong sạch cương trực, từng tranh đấu sát cánh với một số lãnh tụ dân cử Dân-chủ nhằm giảm bớt phần nào những hối mại quyền thế đe dọa trực tiếp căn bản dân chủ tự do. Nhưng từ những nỗ lực cải tổ tài trợ tranh cử ứng cử (campaign finance) nhằm hạn chế phần nào ảnh hưởng tiền bạc từ các nhóm quyền lợi (interest group) cho đến chống hối mại quyền thế kết quả cho đến nay xem ra rất khiêm nhượng. Tiền bạc, nhiều người nhận xét, là dầu nhớt cho guồng máy chính trị vận hành ở nước tự do dân chủ này.

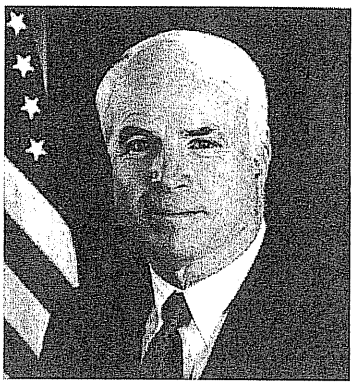

Người hùng: *Nghị-sĩ John McCain (Cộng-hòa, Arizona) muốn làm sạch giới dân-cử trong Quốc-hội.*

Với những hối mại quyền thế chi tiết trên cũng như trong bài viết trước, với Jack Abramoff như "tay lốp-bi đắc ý nhất của mọi giới Cộng-hòa" và Tom DeLay "người Cộng-hòa đắc ý nhất của mọi tay lốp-bi," tưởng như khối Cộng-hòa đa số trong Quốc-hội sẽ làm một vài hành động tiến bộ chống hối mại quyền thế . Thay vào đây, đầu tháng qua Thượng-viện thông qua, với số phiếu 90 trên 8 một dự luật mệnh danh là cải tổ luật lệ lốp-bi. Với tỉ số 90 trên một trăm nghị sĩ, cả hai phe Cộng-hòa lẫn Dân-chủ đồng ý người dân cử không thể nhận quà cáp hoặc ăn uống từ giới lốp-bi, nhưng du lịch bằng máy bay do giới lốp-bi trả hết hoặc một phần (trị giá cả ngàn đồng) vẫn được tiếp tục miễn là công khai hóa. Dự luật vẫn cho phép các nghị sĩ tiếp tục móc nối những "ngân khoản dành riêng" ("earmark," như kiểu ông Buckham nói trên và dân biểu nghị sĩ thường làm cho giới lốp-bi) vào các dự luật —phần lớn không dính dáng tới dự luật— như một điều kiện để những người này bỏ phiếu thông qua dự luật. Hy vọng lớn đặt vào một tổ chức giám sát độc lập với Quốc-hội (hai viện hiện có Ủy-ban Đạo-đức Chính-trị, Ethics Committee, cơ hữu), nhằm theo dõi chế tài hoạt động lốp-bi và điều tra vi phạm đạo đức chính trị, bị gạt bỏ hoàn toàn với hơn hai-phần-ba nghị sĩ bỏ phiếu chống đối.

Nói chung, giới dân cử lập pháp không phải thay đổi mấy về mặt đạo đức và không chịu mấy những ràng buộc bởi luật lệ chính do họ làm ra. Ví dụ, không phải giới dân cử mà giới lốp-bi nay phải công khai hóa chi tiết những đi lại với giới dân cử trên mạng lưới điện toán. Một dự luật khác áp dụng với những cựu nghị sĩ: những vị này sẽ không được lốp-bi với đồng nghiệp đang tại chức trong vòng hai năm, thay vì một năm sau khi họ rời Thượng-viện như hiện nay. Dĩ nhiên không ai nghĩ đây là những "cải tổ" nhằm thay đổi hiện tình bi đát. Giới dân cử chắc vẫn chưa ý thức tầm quan trọng hay mức cần thiết phải cải tổ; họ không ý thức được rằng trong một nước dân chủ thực sự người nhà nước không thể nào "mua được," hoặc theo lối Mỹ là "for sale."

Người ta quay về phía Hạ-viện với hy vọng dự luật chống hối mại quyền thế từ đây sẽ bù vào những thiếu sót, kẽ hở ở Thượng-viện. Dân-biểu David Dreier (Cộng-hòa, California) đề nghị cấm du lịch đài thọ bởi giới lốp-bi hoàn toàn, nhưng các đồng nghiệp cả Cộng-hòa lẫn Dân-chủ trong Hạ-viện xem điều này quá chặt chẽ - và chỉ chấp thuận việc cấm này trong một năm (2007) thôi!

Cũng như nhiều người khác, nghị-sĩ McCain —người bỏ phiếu phản đối dự luật ở Thượng-viện— chỉ biết hy vọng những lời khai của Abramoff sẽ đưa ra ánh sáng nhiều tên tuổi dính dáng tới những xì-căng-đan hối mại quyền thế lớn lao. Có lẽ đây là cách khiến giới dân cử sẵn sàng thay đổi hơn.

HẠ HỒI

VÕ PHIẾN

CÁI SUY TƯỞNG

Rời phần nghệ thuật, xin qua phần học thuật (1)

Cái đóng góp ở địa hạt này nhằm tiếp tay giúp con người hay thêm, tốt thêm. Bách gia chư tử đều là những đấng suy nghĩ về triết, về đạo; không có "tử" nào gieo vần chuyên nghiệp, kể tiếu lâm chuyên nghiệp, vẽ tranh tôm chuyên nghiệp. Có Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, Mặc Tử v.v... Có luôn Lão Tử là kẻ xúi ai nấy đừng làm gì cả, cứ lửng lơ con cá vàng. Xúi đừng làm cũng như xúi cố làm, đều là những phát biểu đóng góp, hữu dụng. Khác với phía nghệ thuật. Không hề có Lý (Bạch) Tử, Đỗ (Phủ) Tử. Hát cực hay như Trương Chi không thành Trương Tử, soạn nhạc giỏi như Kê Khang cũng không được gọi là Kê Tử.

Học thuật nhằm cải tiến cuộc sống, nhằm cải thiện con người. Cái giá trị của kiến thức là ở chỗ cao sâu và mới mẻ. Để được tiếp nhận niềm nở, cái sau phải cao hơn, phải mới hơn cái trước. Người cổ sơ lưu lại hình vẽ ở hang động, lưu lại những bộ xương cốt trong huyệt mộ; hậu thế gặp được hình vẽ càng xưa càng quí, gặp được xương cốt càng xưa càng hay. Nhưng về mặt học thuật thì kiến thức đưa ra càng mới càng tốt. Sách dạy ở nhà trường mỗi năm mỗi bổ sung, chỉnh đốn, cho cập nhật.

Do đó một người viết đã "có tuổi" không mấy hào hứng khi ngoái nhìn "sự nghiệp" mình. Lắm lúc không còn hứng thú tiếp tục sự nghiệp suy tưởng.

Riêng bản thân tôi trong khoảng mười năm trước Hiệp định Genève đã sống trong khu vực cộng sản. Ở đó muốn viết phải viết đúng chiều hướng. Tôi không thuận chiều hướng; sau mười năm, rời Liên khu V ra đi, không có thành tích viết lách gì.

Sau 1955, tôi đọc huyên thiên, lóa mắt, thấy gì cũng ham. Cái viết bấy giờ đâm ra huyên thiên. Cứ thế vài chục năm; rồi bị văng ra khỏi Việt Nam. Mọi cái đổi mới: mình xa lạ, sống lạc lõng, sống lai rai, suy nghĩ lai rai... Cái viết càng lai rai.

Huyên thiên với lai rai không phải là những chữ nặng ký. Vả lại kẻ đánh giá một người không thể chính là người ấy. Chuyện "tự phán" may ra cụ Phan làm lấy mới tránh khỏi lố lăng. Bởi vậy ở đây chỉ có dăm ba điều thuật lại, kể lại; không có lời phán xét.

Nói chung trong hai mươi năm trước 1975 mọi ba hoa của mình đại khái là về hai cái: văn nghệ và chính trị. Văn nghệ là cái mình chúi đầu làm, chính trị là cái đè nặng lên số phận miền đất mình đang sống.

Viết với đọc, mình đã trằn trọc háo hức trong bao nhiêu năm, bấy giờ gặp cơ hội, tha hồ vung vít. Vả lại bấy giờ ở Miền Nam Việt Nam văn học bột phát, thịnh mãn chưa từng có. Di dân ở Bắc kéo vào tở mở, cùng với khối người chợt thoát chế độ cộng sản ở Miền Trung, họ mở ra một cảnh tưng bừng. Văn giới hoạt động tíu tít. Tôi bám theo cơ hội, vừa viết phần mình vừa trầm trồ ca ngợi cái viết của người xung quanh, vừa đọc thiên hạ tìm hiểu tứ phương vừa nghí ngố về trào lưu này xu hướng nọ. Tóm lại, về mặt văn nghệ, bấy giờ mình là đứa hớn hở.

Về mặt chính trị, cái vui không được bao lâu. Vào khoảng năm năm sau Hiệp ước Genève, ở Miền Nam xuất lộ những dấu hiệu phân liệt. Người Bắc mới người Bắc cũ khác ý nhau, kẻ Bắc người Nam khác tính nhau, lớp trẻ hôm nay với lớp già hôm qua khác quan điểm, lớp từng lăn lộn chín mười năm trong các chiến khu bỏ trốn về với lớp đi du học nhìn tình hình Việt Nam từ các xứ Âu Mỹ nhận định khác nhau, kẻ tôn giáo này người thuộc giáo phái nọ phản ứng cách khác nhau v.v... Cảnh nhốn nháo, tranh

chấp, hỗn loạn mỗi lúc một gay gắt.

Về sự chuyển biến tinh thần trước tình hình, xin lấy trường hợp Vũ Hoàng Chương làm tiêu biểu. Tiên sinh là một tên tuổi lớn, được kính trọng; hầu hết thơ văn của ông được nhớ thuộc rộng rãi, khỏi cần trích dẫn dông dài.

Thoạt mới di cư vào Nam, tiên sinh sôi nổi; Miền Nam tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để truất phế nhân vật cũ lập chế độ mới, thi nhân reo mừng: "Lá phiếu trưng cầu một hiển linh." Ông có cả một "Bài ca Bình Bắc" trong tập *Hoa Đăng* xuất bản vào buổi ấy.

Tám năm sau, đón tết Quí Mão (1963) ông Vũ có hai câu:

"Tám giao thừa, chín năm dư
Cành mai trắng mộng, đêm trừ tịch suông."

Nghe buồn hiu.

Đầu năm Canh Tuất (1970) trong văn giới có những thì thào lo ngại về lão thi nhân. Ông Nguyễn Mạnh Côn thay mặt báo *Văn* đến gặp Vũ Hoàng Chương. Ông Vũ nói thẳng: "Tôi bây giờ chỉ chờ ngày chết thôi. Lắm lúc muốn tự tử." Ông Nguyễn "nghe mà lạnh gáy," không dám tin ở tai mình. Một tuần lễ sau, ông Nguyễn trở lại nhà ông Vũ hỏi thêm cho cẩn thận. Ông Vũ (cũng cẩn thận) xác nhận: Muốn chết.

Năm 1975 Bắc quân vào Sài Gòn, có người bảo ông bà Vũ đã sẵn thuốc độc cho ba người: vợ chồng và cậu con trai. Thuốc độc chưa kịp dùng thì ông bị bắt vào tù. Ra khỏi nhà tù, ông Vũ chết một mình.

Đó là diễn tiến trong giai đoạn cuối đời ở một nhân vật can trường. Cùng thời gian ấy, kẻ cầm bút xoàng xĩnh loay hoay theo cách xoàng xĩnh. Năm 1966, tôi lo lắng về sự phân hóa trong thái độ chính trị ở Miền Nam (2). Năm 1968, kêu hoảng: Không khéo cả nước vào tay cộng sản (3). Cuối năm ấy, hoảng hốt báo động (4). Một tháng sau, cùng năm ấy, tôi buông ra "tiếng cú" bất tường (5). Đầu năm 1975: đại họa. Con cú may mắn thoát hiểm.

Những năm chót là những năm bấn loạn: đánh nhau ác liệt, dân chết lính chết, dân mất đất mất... Trong tình hình ấy lại phát lên tiếng cú, tai nào chịu dung nạp một báo hiệu như thế? Vậy mà không biết tòa soạn *Bách Khoa* đã phân trần ra sao, rốt cuộc bài báo cũng được xuất hiện. Nghĩ lại về những cố gắng của nhà báo, về sự nhân nhượng của cơ quan kiểm duyệt: thật quí hóa.

Nhưng về bản thân của bài viết, thực chẳng có tác dụng nào. Trong tai họa, cái viết tất nhiên không phải để chơi. Mà bảo rằng để... dùng, thì lại không thành một công cụ hữu dụng gì cả. Nghe chới với, chẳng ra làm sao.

TIẾNG CỰA MÌNH CỦA TRANG GIẤY

Bây giờ hoàn cảnh đổi khác. Cục diện thế giới biến chuyển sâu xa. Các đại cường thay đổi chiến lược, các chế độ lỗi thời loay hoay tìm cách tự giải thể, tự... sụp đổ cách êm ái... Hoàn cảnh mới lăm lăm những món vũ khí khốc liệt, những sách lược cực đoan. Kẻ cầm bút trông lại cây bút, thấy nó ngo ngoe mà ngán ngẩm: Hoàn cảnh nó loại bỏ mình?

Viết chơi thì đây không phải lúc viết chơi; viết để dùng thì cái viết của mình lại e không xứng để dùng. Khoản thời gian còn lại trong đời ít dần, rồi rất ít. Thời khoản rất ít còn lại không dùng được vào việc gì, cái ít lẽ ra là thiếu thốn lại hóa thừa thãi.

Một câu thơ của ông Trần Vấn Lệ ám ảnh tôi. Ông Trần than thở: "Mỗi ngày là một ngày xưa."

Ngày xưa không còn nữa: đáng quí. Tất cả thời xưa, cũng có thể đáng quí luôn. Nhưng khi cái xưa không chịu ở yên tại vị trí, nó cứ lướt thướt kéo về ám ảnh mình, thì khốn đốn thôi. Mỗi một ngày qua, thời gian chôn nó trân trọng, có thổn thức, có tiếc thương, đủ lễ nghi. Lẽ ra nó nằm yên dưới mồ yên mả đẹp. Xem đấy: ngày qua của trâu, bò, ruồi, muỗi... là ngày qua hẳn. Tốt thôi. Còn lũ ngày xưa của con người — đặc biệt là của đám người cầm bút — chúng nó quá quắt.

Trong cuốn *Đôi bạn* của Nhất Linh, anh chàng Dũng có lần đưa mẹ con cô Loan đi Hà Nội. Đêm trăng, bà cụ yên giấc, Dũng cùng Loan đi dạo phố một lát. Trên đường phố, gió phất tà áo của Loan, chạm vào tay Dũng. Chạm nhẹ, chút xíu thôi. Cả hai xúc động. Trong *Bướm trắng,* Trương lẻn vô phòng hít trộm chiếc áo lót của Thu vừa mới cởi vất ra giường. Trong *Xóm Cầu Mới*, cô Mùi lén nằm lên giường của Siêu, đắp chăn của Siêu, hít mùi gối của Siêu. Trong cuốn *Loạn* của Chu Tử, bé Liễu từng được cậu Xương cởi quần áo, công kênh trên vai, đem ra ao, cùng tắm với lũ em nhỏ; hơn mười năm sau, chính Liễu ấy lớn lên, nõn nà, sang trọng, làm chủ nhà thổ và tình cờ một hôm đấm bóp cho Xương, nhận ra người "cậu" tàn tạ, Liễu khóc nấc lên, đè đầu "cậu" xuống hôn lấy hôn để. Edgar Poe một đêm để con quạ giữa khuya

đến kêu lên mấy tiếng tai quái rợn người. Gustave Flaubert gặp bà Schlésinger một lần, lằng nhằng với bà trong truyện cả 33 năm v.v...

Sống ở đời ai chẳng gặp chuyện: chuyện hay chuyện dở, chuyện buồn chuyện vui. Thời gian trôi qua, rồi chuyện xảy ra ngoài đời tan biến dần, mất dần. Có thế con người ta mới sống được, cuộc đời mới trôi xuôi suông sẻ. Bé Mùi nhi đồng thành cô Mùi thiếu nữ, có lúc nóng người vì hỏa bốc bất ngờ; rồi cô lấy chồng; rồi con cái đùm đề, cháu chắt đông đảo lít nhít đầy nhà... Mùi hóa kiếp thành bà, già nua, bận bịu, lẩm cẩm... Bấy giờ đố bà còn nhớ được mùi chiếc gối của Siêu nó ra làm sao.

Thế nhưng ông Nhất Linh thì không được thế. Sách ông còn đấy. Trong đó có tà áo đêm trăng, có chiếc gối ở đầu giường ai... Lỡ lọt vào sách ông, chúng nó không tự biến mất được. Chúng ám ông suốt đời. Cũng như con quạ bí hiểm ám Edgar Poe. Như bà Schlésinger ám Gustave Flaubert...

Chúng nó cũng có quấy ông nọ bà kia, cô này cậu khác trong giới độc giả, nhưng thỉnh thoảng thôi, nhẹ thôi. Còn ám ảnh, quấy động tác giả thì quấy kỹ, tới chết. Chao ôi! Đêm nay một con quạ đen, đêm mai cả bầy cáo trắng, rồi vài sợi tóc mai lơ phơ, một màu áo nhàn nhạt v.v... chúng từ một cuốn sách, một câu thơ trót viết ra đã lâu, lén lút mò về tìm tác giả, ngó đăm đăm. Ông tác giả nào, bà tác giả nào chịu thấu hả trời!

Cặp mắt, tiếng kêu, làn da, hơi thở v.v... của những người nọ vật kia có liên hệ xa gần thế nào với ông bà tác giả? ông bà tác giả có liên hệ gì, nợ nần gì với chúng? Không rõ đâu. Mơ hồ lắm. Rắc rối lắm. Xa xôi lắm. Cứ chỉ nọ, nhân vật kia, có thể là cái tác giả yêu thích nhất, có thể là cái ghét sợ nhất; có thể là cái tác giả chưa từng biết, chỉ nghe qua rồi mơ ước, có thể là thực tại xấu xa trây lì ám ảnh mãi không cách nào xua đuổi nổi, ngấy muốn chết!

Tôi lại nghĩ tới ông Trần Vấn Lệ:

"Đà Lạt ơi! Đà Lạt ơi!
Những cây thông nói với trời điều chi?
Hồ Xuân Hương, liễu thầm thì
Phải chăng thông đã nói gì mà quên?"
(Tôi về thăm chỗ tôi đi)

Liễu thầm thì bảo vậy có tin được không? Thông nói rồi thông quên tuốt! Cả thông, cả liễu, cả hồ, cả Đà Lạt, cả Trời đều sống thảnh thơi, an lành, nhẹ nhõm. Ngay người đời nói chung, thỉnh thoảng có gặp điều gì — hoặc vui hoặc buồn — đem ra tỉ tê với bạn bè; rồi trải qua năm tháng biền biệt cũng có thể quên dần, có khi quên luôn. Chỉ có các tác giả là không thoát được quá khứ. Nó nằm đó, đủ bầy đủ lũ, im lặng mà chòng chọc. Nó ám ảnh đấng sinh thành không buông tha.

Buổi trưa rạo rực xa xưa, một đêm trằn trọc mấy chục năm trước, một làn da, một bàn tay, gót chân, tiếng guốc, tiếng khua lén lút, một sáng nọ chiều kia trong vô số sáng chiều trong đời mình... Những cái như thế tốt cả, quí cả. Hít áo lót: tốt. Vùi đầu vào ngực "người ta": tốt. Những cái như thế làm ra cuộc sống, ra cái hấp dẫn của cuộc sống. Nhưng xong việc, chúng nó nên mờ đi, biến đi. Những cái quí còn nên tự xóa dần, huống hồ những cái kỳ cục! Đã thế, các tác giả lại còn bị thúc đẩy: Viết cho sâu vào, sâu tuốt vào tiềm thức. Ối!

Vừa rồi nêu ra là những tên tuổi lớn. Thực ra, người viết lớn người viết nhỏ, đại văn hào tiểu văn nô, đã viết đều điêu đứng, càng viết càng điêu đứng. Thời gian, ngày tháng của kẻ khác đến rồi đi, lặng lẽ. Ở người viết, chúng nó thành oan hồn uổng tử, kêu khóc tỉ tê...

Mọi cuộc đời đều kết thúc. Trước tan biến là nghỉ ngơi. Hưu là nghỉ (cũng có nghĩa là vui). Bởi vậy hưu thì hưu dưỡng, hưu nhàn, hưu hạ. Ở người viết là cái *hưu hoảng, hưu hốt*. Đó là những tiếng đã có từ khuya, đặt ra để tiện dùng, nằm sẵn trong các tự điển.

Người viết nghỉ ngơi trong hỗn hển. Nằm thở phì phà phì phào bên cạnh một ngổn ngang, khúc mắc, u ám... Đêm khuya thao thức, chợt nghe sột soạt: tiếng cựa mình của mấy trang giấy cũ. Bèn thảng thốt. Giật nẩy người.

- Vậy bỏ quách. Ai bảo ham. Viết lách làm gì?

- Thì đấy. Nào mình có viết gì nữa đâu. Đây là nói về nghiệp "cũ" thôi.

Tháng 3 - 2006

Chú thích:

1 Phần trước, xin xem bài "Thẫn thờ" cùng tác giả, trên tạp chí Thế kỷ Hăm Mốt *số 204 tháng 4 năm 2006.*

2 Tức bài "Từng lớp cách nhau", viết tháng 4-1966, đăng ở tạp chí Bách Khoa *ở Sài Gòn, in lại trong cuốn* Tạp luận, *năm 1987.*

3 Bài "Dù có bao giờ", viết tháng 7-1968, đăng ở Bách Khoa, *in lại trong cuốn* Tạp luận, *năm 1987.*

4 Bài "Bắt trẻ đồng xanh", viết tháng 10-1968, đăng ở Bách Khoa, *in lại trong cuốn* Tạp luận, *năm 1987.*

5 Bài "Tiếng cú", viết tháng 11-1968, đăng ở Bách Khoa, *in lại trong* Tạp luận.

Trên đà xét lại lịch sử Việt Nam
Cần Thẩm Định Lại

GIÁ TRỊ CỦA ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ CHẾ ĐỘ VIỆT NAM CỘNG HÒA I

Ông Diệm do Chính phủ Pháp đưa lên cầm quyền và được Pháp ủng hộ? Thuyết Nhân Vị phủ nhận cá nhân, cốt lõi của dân chủ?

TÔN THẤT THIỆN

Sau cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963, số sách báo nói về Ông Ngô Đình Diệm, gia đình Họ Ngô, và chế độ Việt Nam Cộng hoà I nhiều có thể nói đếm không hết.

Trong những năm gần đây vấn đề xét lại lịch sử Việt Nam được đặt ra và càng ngày càng được hưởng ứng. Trong sự xét lại này, giai đoạn 1954-1963, giai đoạn Ông Ngô Đình Diệm cầm quyền, là một giai đoạn rất sôi động nhưng lại chưa được khảo xét đầy đủ và đứng đắn, và nay cần được chú ý nhiều hơn. Về điểm này có thể nhắc đến những tác phẩm:

Nhớ lại những ngày ở cạnh Tổng thống Ngô Đình Diệm, của Đại tá Nguyễn Hữu Duệ.

Dòng họ Ngô Đình, Ước mơ chưa đạt, của ông Nguyễn Văn Minh.

Đệ nhất Cọng hoà Việt Nam, 1954-1963, Một cuộc cách mạng, của Tiến sĩ Phạm Văn Lưu, và Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn.

Những tác phẩm trên đây đáng đánh giá cao vì các tác giả của nó hội đủ những điều kiện cần thiết về vô tư và chính xác. Những tác phẩm này ra đời đúng lúc. Nó có tác dụng góp một phần quan trọng vào sự dọi ánh sáng mới vào lịch sử giai đoạn 1954-1963. Đặc biệt nhất là nó đã nói lên những điều mà, đáng lẽ, chính anh em họ Ngô phải nói lên trong hơn 50 năm qua để trả lời những công kích chỉ trích về họ và chế độ Việt Nam Cọng hoà I. Anh em Họ Ngô đã im lặng. Họ đã im lặng, vì họ đã bị sát hại. Nay mới có người nói thay họ.

Bài này chỉ bàn về tác phẩm của TS Phạm Văn Lưu và TS Nguyễn Ngọc Tấn, vì, khác với các tác phẩm của Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ và của ông Nguyễn Văn Minh, nó không thuộc về loại hồi ký/hồi ức, mà là một công trình sử học, đúng nghĩa của nó, nghĩa là thoả mãn những tiêu chuẩn về khoa học của những trường đại học lớn của thế giới: khảo sát tường tận, hoàn toàn khách quan, dữ kiện được cân nhắc kiểm tra kỹ lưỡng, trình bày một cách bình tĩnh, vô tư, ngôn ngữ đứng đắn. Nó thoả mãn những điều kiện trên vì nó trích từ những luận án tiến sĩ của hai tác giả.

Hai tác giả trên đây đã tốt nghiệp từ Đại học Monash University ở Melbourne, Úc, và đã từng là giáo sư của các đại học đó. Họ đã chọn Việt Nam và giai đoạn Ngô Đình Diệm làm đề tài luận án tiến sĩ, và những bài họ viết được trích từ các luận án của họ. Năm nay họ đều 62 tuổi, nghĩa là trong thời gian 1954-1963 họ còn là học sinh nên không có liên hệ gì với chế độ Cọng hoà I. Họ cũng không có quan hệ gia đình gì với họ Ngô. Sau khi đến Úc, họ theo học các đại học nói trên, và họ đã bỏ rất nhiều công đi sưu khảo tại rất nhiều nơi có chứa tài liệu dồi dào liên quan đến Việt Nam: Bảo tàng viện chiến tranh Úc; East-West Center, Đại học Hawaii; Archives of Indochina, Đại học Berkeley, CA.; Thư viện của Austin University, Texas; Đại học Harvard; Đại học Cornell, Ithaca, N.Y.; Thư viện Eisenhower, Thư viện Kennedy, Thư viện Johnson; và Library of Congress, Washington D.C. Cuối cùng, sau khi tốt nghiệp, họ đã giảng dạy ở những đại học Úc, và vị thế này bắt buộc họ phải vô tư để giữ uy tín đứng

đắn của mình và... khỏi mất việc. Như thế ta có thể chắc về tính chất khả tín của những gì họ viết: chính xác, vô tư, và đứng đắn.

Quyển Đệ nhất Cọng hoà Việt Nam 1954-1963 (ĐNCHVN I), 229 trang, có 5 chương. Hai chương 4 và 5 không quan hệ lắm vì nó chỉ chứa một số hình ảnh về các cuộc viếng thăm các quốc gia bạn, hay đăng lại một số diễn văn của Tổng thống Diệm. Ba chương còn lại là những chương đáng chú ý. Chương 1, "Những thách thức nghiệt ngã khi về chấp chánh",của P.V.Lưu, nói về những thách thức mà Ông Diệm gặp phải trong hai năm 1954-1955 sẽ được bàn đến một cách khá chi tiết, vì nó chứa đựng nhiều điều mới mà người Việt Nam cần biết. Chương 2, "Chủ nghĩa Nhân Vị, Con đường mới, Con đường tiến bộ", của N.N.Tấn, nói về thuyết Nhân Vị cũng vậy vì đây là lần đầu mà thuyết này được trình bày một cách tường tận, đầy đủ, và nhất là trung thực khách quan. Chương 3, "Thành quả chín năm cầm quyền", của TS Lưu, nói về thành tích chín năm cai trị của Ông Diệm cũng là một cái gì mới. Trong quá khứ, sách báo nói về Ông Diệm và chế độ Ông thường chú tâm vào khía cạnh chính trị, cá nhân và gia đình ông — độc tài, gia đình trị —, nhưng không hề đề cập đến những thành quả lớn mà Chính phủ Ông đạt được trong chín năm ông lãnh đạo: kiện toàn độc lập — lấy lại chủ quyền quốc gia trong tất cả các lãnh vực: chính trị, ngoại giao lẫn quân sự và kinh tế tài chính— cải thiện đời sống của dân chúng bằng cách phát triển tất các lãnh vực hoạt động — kỹ nghệ, nông thôn, ngư nghiệp, chuyên chở, giáo dục... — Chương này rất phong phú về thống kê, cho độc giả một ý niệm rõ ràng về những thành tích lớn lao mà Việt Nam đã đạt được dưới chế độ Việt Nam Cọng hoà I.

Trong 50 năm qua, sách báo về Việt Nam rất nhiều, nhưng phần lớn trong loại "khảo cứu" xuất phát từ các giới Tây phương, đặc biệt là Hoa Kỳ, thường xuyên tạc sự thực bôi xấu Việt Nam, và đặc biệt là Ông Diệm. Đó là vì, như David Horrowitz, lãnh tụ phát động trào phản chiến "sit in" của Đại học Berkeley, C.A., trong thập niên 1960 thú nhận sau khi đã bỏ và chống lại phong trào này trong thập niên 1980, những giới đại học và truyền thông Hoa Kỳ đã bị các tổ chức phản chiến và cọng sản mang danh "cách mạng" xâm nhập, chi phối và áp đặt quan điểm "politically correct" của họ. Ông Diệm bị công kích bôi xấu đặc biệt vì ông chống thực dân cả Pháp lẫn Mỹ đã gắt gao mà chống cọng sản còn gắt gao hơn nữa. Phần khác, trên những kệ sách của các thư viện vắng bóng những tác phẩm loại "khảo cứu" của người Việt có đủ tầm thuyết phục phản bác lại các tác phẩm của những giới phản chiến và "cách mạng" trên đây. Có nhiều tác giả lại vô tình a dua người Tây phương lặp lại những luận điệu bôi xấu Việt Nam và lãnh tụ Việt Nam, nhứt là lãnh tụ chống cọng hữu hiệu như Ông Diệm.

Vì lý do trên đây, không ít người Việt phe "quốc gia" thường có mặc cảm xấu hổ hay nghi hoặc về xứ sở, dân tộc, và các lãnh đạo của Việt Nam khi nghĩ hay bàn về thời sự. Riêng về Ông Ngô Đình Diệm, thì họ lại càng chê bai, kết tội hơn nữa, và những gì tốt về Ông thì không nói đến. Khuyết điểm trên đây cũng dễ hiểu. Đối với nhiều người Việt, Bụt nhà không thiêng!

Trong chương 1, TS Lưu đã dùng những từ ngữ "thách thức" và "nghiệt ngã" để nói về những trở ngại mà Ông Diệm gặp phải khi về nước chấp chánh và trong hai năm đầu để giữ chính quyền. Hai từ ngữ này rất đúng. Ông Diệm đã gặp vô vàn trở ngại. Nhưng những trở ngại lớn nhất là do Chính phủ Pháp ở Paris hoặc Washington, những viên chức Pháp và những giới tài phiệt Pháp ở Việt Nam gây ra trong việc tìm cách lật đổ Ông, một đằng bằng cách

xúi dục những người Việt chống đối Ông dùng đủ mọi cách, kể cả quân sự, để gây bất ổn, một đằng bằng cách thuyết phục lôi kéo đại diện chính phủ Hoa Kỳ ở Paris, ở Sài Gòn, và ngay cả Ngoại trưởng và Tổng thống Hoa kỳ ở Washington đừng ủng hộ Ông ấy nữa, vì ông ấy không có khả năng.

Tuyên truyền cọng sản và các giới phản chiến "politically correct" Tây phương đã không ngớt quả quyết rằng Ông Diệm là "người của Mỹ," được Chính phủ Mỹ lựa chọn và đưa lên làm Thủ tướng và yểm trợ hết mình. Phần khác, gần đây lại có tác giả quả quyết rằng "Ngô Đình Diệm do chính phủ Pháp đưa lên cầm quyền và được Pháp hỗ trợ."

Cả hai luận cứ trên đều là những quả quyết vu vơ, và đã bị TS Phạm Văn Lưu phản bác với những dữ kiện rất vững chắc không thể phủ nhận được, vì rút ra từ các điện văn mật trao đổi giữa những toà đại sứ Mỹ ở Paris, Saigon, Bộ Ngoại giao Mỹ và Toà Bạch Ốc, và với chính phủ Pháp. Các điện văn đó được bạch hoá và phổ biến trong những năm gần đây đã cho ta biết được sự thực đích xác về những gì đã xảy ra ở Việt Nam trong những năm 1954-1956, thời gian mà Ông Diệm chấp chánh và ổn định tình hình.

Ông Lưu đã cho ta thấy rằng ngay từ ngày được Cựu Hoàng Bảo Đại bổ nhiệm làm Thủ tướng ngày 16-6-1954, và ngay cả trước đó nữa, cho đến cuối năm 1956 ông đã bị nhân viên dân sự cũng như quân sự Pháp ở Sài Gòn và chính phủ Pháp, dù là thiên tả — như Mendès-France —, hay thiên hữu — như Edgar Faure — ở Paris nói xấu và tìm đủ mọi cách lật đổ. Và trong cố gắng thực hiện ý đồ này, họ đã hết mình thuyết phục các đại diện Mỹ ở Sài Gòn, Paris, Bộ trưởng Ngoại giao J.F.Dulles, và ngay cả Tổng Thống Eisenhower chấp nhận giải pháp loại bỏ Ông Diệm, và đã suýt thành công trong sự vận động này.

Ngày 13-6-1954, ba ngày trước khi Ông Diệm được chính thức bổ nhiệm làm Thủ tướng, ông Dejean, Phó Cao ủy Pháp ở Sài Gòn, nói với ông McClintock, đại diện Mỹ tại Sài Gòn, rằng Ông Diệm "không có cơ may để lập một chính phủ hữu hiệu cho Việt Nam." Ngày 15-6-1954, một tuần trước khi Ông Diệm bước chân xuống Sài Gòn và ba tuần trước khi Ông Diệm trình diện Chính phủ của Ông, Tướng Ely, Cao ủy Pháp ở Sài Gòn cũng nói với ông McClintock rằng Ông Diệm không đủ khả năng lãnh đạo. Ngày 20-6-1954 tại Paris, ba ngày trước khi Ông Diệm đáp máy bay đi Sài Gòn, hơn hai tuần trước ngày Ông Diệm trình diện chính phủ của Ông (7-7-1954), Thủ tướng Pháp Mendès-France nói với Đại sứ Mỹ Dillion rằng Ông Diệm là một người cuồng tín và nhờ Hoa Kỳ ngăn cản không cho Ông làm hỏng Hội nghị Genève. Ông Mendès France không đặt vấn đề không cho Ông Diệm làm Thủ tướng vì bận tâm của ông ta (Mendès) lúc đó là phải ký cho được hiệp định nội trong ngày 20-7, nếu không ông ta phải từ chức, vì khi nhận chức Thủ tướng ông đã cam kết với Quốc hội Pháp như vậy! Trong nhưng cuộc tiếp xúc khác với đại diện Mỹ, lúc Ông Diệm quyết định dùng binh đương đầu với thách thức quân sự của Bình Xuyên, Tướng Ely nói Ông Diệm là người "mắc chứng hoang tưởng tự đại" (mégalomane), hoặc "điên khùng." Trong cuộc hội nghị với các ngoại trưởng Mỹ, Anh, ở Paris ngày 8-5-1955, Thủ Tướng Pháp E.Faure đả kích Ông Diệm nặng nề, gọi ông là "điên khùng".

Trong những buổi họp với đại diện Hoa kỳ để bàn về Việt Nam, luận đề được đại diện Pháp luôn luôn đưa ra là "giải pháp" Ngô Đình Diệm chỉ là một cuộc thí nghiệm, "thời gian thí nghiệm đã qua," Ông Ngô Đình Diệm đã tỏ ra "không có khả năng tập họp các lực lượng chính trị," không được quân đội yểm trợ, không ổn định được tình hình, gây hận thù đối với Pháp, cho nên phải thay thế Ông bằng một người, hay nhóm người, có khả năng hơn. Người, hay nhóm người "có khả năng hơn" này tất nhiên lấy trong những nhân vật mà Pháp chi phối.

Những đại diện Mỹ ở Sài Gòn — các cố vấn McClintock và Kidder, Đại sứ Heath, Đặc sứ Collins —, cũng ngả xiêu theo quan chức Pháp, nhất là những quan chức này có uy tín như Phó Cao ủy Dejean, và Tướng Ely, và nhiều lần đề nghị với Chính phủ Hoa Kỳ nên thay thế Ông Diệm. Ngay cả Ngoại trưởng Dulles và Tổng thống Eisenhower cũng chấp nhận nguyên tắc này sau khi nghe phúc trình của Đặc sứ Collins về vụ ông Diệm ra lệnh cho quân đội quốc gia dẹp Bình Xuyên, và ngày 27-4-1955 đã điện cho Toà Đại sứ Sài Gòn chỉ thị về quyết định này. Họ bực bội với Ông Diệm vì ông từ chối những giải pháp mà họ cho là có khả năng ổn định tình hình.

Lý do thật sự của thái độ này là sự bực bội

của họ trước thái độ cứng rắn, không nhân nhượng của Ông Diệm. Nói cho đúng, quan chức Pháp cũng như quan chức Mỹ ở Sài Gòn hồi đó bực bội với Ông Diệm vì ông tỏ ra một người không dễ bảo. Nói trắng ra, Ông Diệm không chịu làm bù nhìn, dù là của Pháp hay của Mỹ, nhất là khi những đề nghị của họ vi phạm độc lập, danh dự, và tương lai của Việt Nam. Ví dụ: sau những xáo động ở Thủ đô do Bình Xuyên và Tướng Hinh gây ra trong mùa thu 1954, Đại sứ Heath đề nghị Ông Diệm lưu Tướng Hinh lại trong quân đội, nhưng Ông Diệm không chấp nhận.

Đại sứ bèn quyết định là Ông Diệm phải ra đi, và ông tường trình về Washington như sau: "Chúng ta phải tranh thủ thời gian để chuẩn bị điều mà Mendès-France gọi là 'một cơ cấu chính quyền khác'... Tất cả mọi người ở Toà Đại Sứ tin chắc rằng ông Diệm không thể tổ chức và điều hành một chính quyền vững mạnh."

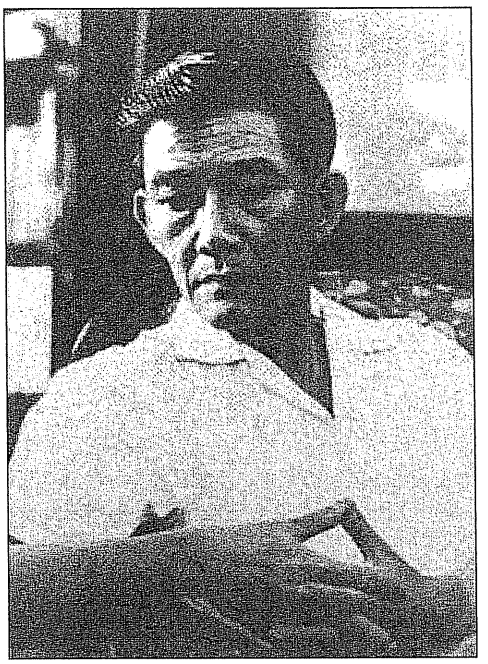
Ngô Đình Nhu

Đặc sứ Collins đã nhiều lần, đặc biệt là ngày 13-12-1954 và ngày 31-3-1955, điện cho Toà Bạch Ốc đề nghị thay thế Ông Diệm vì ông Diệm "quá cứng rắn." Các đề nghị của ông không được chấp nhận. Nhưng hạ tuần tháng 4-1955, sau vụ chạm súng giữa Bình Xuyên và quân đội quốc gia, một buổi họp quan trọng được tổ chức tại Toà Bạch Ốc để nghe ông phúc trình, một giải pháp do ông đề nghị được chấp nhận: loại ông Diệm khỏi chức vụ Thủ tướng, đưa ông Trần Văn Đỗ thay thế ông, và cử Bác sỹ Phan Huy Quát làm Phó Thủ tướng. Trong những người chấp thuận có cả Ngoại trưởng Dulles và Tổng thống Eisenhower. Lập trường này được thông báo cho Toà Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn ngày 27-4-1955.

Sự chấp nhận trên đây của Ngoại trưởng Dulles cũng khá lạ, vì ông là người ủng hộ giải pháp Diệm mạnh nhất. Nhưng thật ra, ông cũng đã phòng xa. Trong một văn thư gởi cho Đặc sứ Collins ngày 20-4-1955, trước khi ông này dời Sài Gòn đi Washington, ông nêu ra hai điều kiện để quyết định sự ở lại hay ra đi của Ông Diệm:

1/ Ông Diệm có can đảm và quyết tâm để hành động và

2/ Ông ta có được sự trung thành của quân đội không?

Nếu Ông Diệm thất bại một trong hai điều kiện này thì ông phải ra đi.

Nhưng ngày 28-4-1955 quân đội Bình Xuyên lại tấn công quân đội quốc gia. Ngày 29-4-1955, bất chấp sự khuyến cáo của Tướng Ely, ông Diệm ra lệnh cho quân đội đánh trả, và quân đội quốc gia đã thắng. Chính phủ Mỹ hiểu rằng những dự đoán của Tướng Ely về Ông Diệm không có khả năng địch lại Bình Xuyên là sai lầm, và làm cho Đặc sứ Collins cùng Chính phủ Mỹ quyết định sai lầm. Từ nay họ không còn tin vào nhận định của Pháp nữa. Ngày 1-5-1955 nhận lệnh Tổng thống Eisenhower, Ngoại trưởng Dulles gởi điện đến Paris và Sài Gòn hủy bỏ điện tín ngày 27-4-1955. Ngày 8-5-1955, tại hội nghị Anh-Mỹ-Pháp ở Paris Ngoại trưởng Dulles tuyên bố rằng về Việt Nam, từ nay sẽ không còn thoả hiệp chung Mỹ-Pháp nữa.

Ông Diệm thắng.

Cái thắng của Ông Diệm là sự thắng của can đảm, và cương quyết bảo vệ chính nghĩa quốc gia Việt Nam. Đặc biệt hơn nữa, nó là một cái thắng của chính Ông, dù ông bị Pháp cản trở và không có sự ủng hộ của Hoa Kỳ.

Sự thắng này đưa đến những quyết định căn bản mang lại độc lập thật sự cho Việt Nam trong vòng chỉ một năm: về chính trị Việt Nam ra khỏi Liên Hiệp Pháp tự chọn quy chế cho mình — chế độ cọng hoà —; thâu hồi chủ quyền về ngoại giao: bang giao giữa Việt Nam và Pháp qua Bộ Ngoại giao Pháp thay vì Bộ Các Quốc Gia Liên Kết nữa và Cao ủy Pháp ở Sài Gòn và Cao ủy Việt Nam tại Paris thành Toà Đại sứ,

chấm dứt lệ thuộc ngoại giao Việt Nam vào Pháp; thâu hồi chủ quyền về quân sự: ngày 26-4-1956 quân đội Pháp rút hết khỏi Việt Nam, quân đội Việt Nam không còn lệ thuộc vào Pháp nữa, viện trợ Hoa Kỳ cấp trực tiếp cho Việt Nam; chủ quyền kinh tế tài chính: cuối tháng 12 năm 1955, Việt Nam ra khỏi khu Phật lăng; giáo dục: Việt Nam tự do nhận giáo sư, chuyên viên từ bất cứ nơi nào, và gởi sinh viên ra bất cứ nơi ngoại quốc nào.

Như TS Lưu nhấn mạnh: những chuyển biến trên "mang theo ý nghĩa chính thức chấm dứt 72 năm chế độ Pháp bảo hộ Việt Nam (1884-1956)." Người thực hiện được điều này cho Việt Nam là Ông Ngô Đình Diệm. Với tác phẩm Đệ nhất Cọng hoà Việt Nam 1954-1963 TS Phạm Văn Lưu đã giúp ta thấy rõ điều này.

Cũng như với TS P.V.Lưu , những sưu khảo của TS Nguyễn Ngọc Tấn đóng góp một phần quan trọng vào việc soi sáng giai đoạn lịch sử 1954-1963, thời gian Ông Diệm cầm quyền. Những sưu khảo này nhằm vào chủ thuyết Nhân Vị. Theo TS Tấn, trong 40 năm qua, "chưa có cuốn sách nào viết về chủ nghĩa Nhân Vị dưới khía cạnh hàn lâm [khoa học] cũng như đánh giá về tầm quan trọng của nó như là một chủ thuyết chính trị" dù rằng chủ thuyết này là chủ thuyết khai sanh ra nền Cọng hoà đầu tiên tại Việt Nam. Đây là "một vấn đề lịch sử còn tồn đọng" trong thế kỷ qua. Bài của ông tìm hiểu vấn đề này, đặc biệt là tìm giải đáp cho những "nghi vấn lịch sử" sau đây:1/ chủ nghĩa Nhân Vị là gì? 2/Quan niệm Nhân Vị về các lý tưởng của cuộc cách mạng quốc gia ra sao và thể hiện qua các đường lối chính sách như thế nào? 3/ Về nguồn gốc triết học Nhân Vị là một thuyết ngoại lai hay mang bản chất chính trị văn hoá của Việt Nam?

Ông Tấn nói: những câu trả lời cho các nghi vấn trên đây "sẽ đặt nền móng cho công việc thẩm định phẩm chất lãnh đạo và những đóng góp lịch sử của Tổng thống Ngô Đình Diệm trong chín năm cầm quyền... Bài khảo luận của TS Tấn "Chủ nghĩa Nhân Vị, Con Đường Mới, Con Đường của Tiến Bộ"chứa rất nhiều dữ kiện, suy diễn, và phân tích rất tỉ mỉ, buộc độc giả phải đọc kỹ và nghiền ngẫm, không thể kể chi tiết ở đây. Bài này chỉ đề cập đến một số khía cạnh cần được độc giả đặc biệt chú tâm.

Về Nhân Vị là gì, TS Tấn đã dựa trên những lời của chính Ông Diệm để giải thích: Nhân và Vị là hai học thuyết Nho giáo. *Nhân - do chữ Nhân và chữ Nhị hợp thành - (仁) có nghĩa là lòng thương người, đạo lý làm người; Vị - do chữ Nhân và chữ Lập hợp thành - (位) có nghĩa là người có cái vị trí của họ, đứng giữa và ngang hàng với Trời và Đất.* Hai chữ này hợp lại để diễn tả ý tưởng: vị trí và phẩm giá con người trong cộng đồng nhân loại và trong vũ trụ. Ông viết:

"Tóm lại, chủ thuyết Nhân Vị là một triết lý nhằm đề cao giá trị của con người trong tương quan với vũ trụ, Trời và Đất, với người khác trong xã hội. Lý thuyết Nhân Vị chủ trương rằng: vì con người có một giá trị tối thượng nên mọi sinh hoạt trên đời này đều phải hướng về việc phục vụ con người. Chủ nghĩa Nhân Vị lấy CON NGƯỜI biết tu thân (vừa tĩnh vừa động) làm nền tảng để giải quyết các mâu thuẫn trong sinh hoạt của con người."

Về nguồn gốc, TS Tấn nhận xét rằng trong suốt 40 năm qua không mấy ai chú ý tìm hiểu Lý thuyết Nhân Vị vì cho rằng lý thuyết đó là ngoại lai, cho rằng "Nhân Vị của các Ông Diệm-Ông Nhu là của Mounier, là của Công Giáo." Những lời phê bình này hoặc a) mang một chủ đích chính trị nào đó, hoặc b) thiếu hiểu biết về Chủ Nghĩa Nhân Vị.

Trong số những người loại (a) có những người như Nguyễn Thái. Trong tác phẩm *Is South Vietnam Viable*?, Ông nói rằng Ông Nhu đã say mê thuyết dân chủ xã hội dựa trên lòng bác ái và giá trị nhân bản mang danh Personnalisme của Emmanuel Mounier, và "mối liên hệ của nó với xã hội mà ông Nhu cổ võ chẳng có gì là mới mẻ, và cái thuyết Nhân Vị "Personnalisme" cũng chẳng có gì xa lạ vì trong một trường phái triết học Pháp trong đó có Emmanuel Mounier và Jacques Maritain đã hết mình cổ võ cho nó..." Trong số những người loại (b) thì có thể kể ông Nguyễn Gia Kiểng. Gần đây, trong một bài phê phán Ông Ngô Đình Diệm, ông viết:

"Nếu dựa trên những gì ông Nhu đã viết [sic!]về chủ nghĩa Nhân vị thì có thể nói là chính ông cũng chỉ hiểu lơ mơ [sic!] Có lẽ [sic!] ông đã du nhập chủ nghĩa nhân vị vào Việt Nam vì lý do là lúc đó nó được coi là giải pháp Thiên chúa giáo cho hoà bình Công giáo của thế giới. Nó có tham vọng là một vũ khí tư tưởng chống lại chủ nghĩa cọng sản. Trên thực tế, nó là một bước lùi lớn, gần như một sự đầu hàng, bởi vì nó phủ nhận cá nhân [sic!], cốt lõi của dân chủ."

TS Tấn đã bác bỏ dễ dàng những nhận định sai lầm nặng nề và những phê phán hời hợt trên đây. Ông đã trích dẫn những tuyên bố, phát biểu của các Ông Diệm-Nhu, và những khảo luận của những nhà học giả Việt Nam có uy tín để chứng minh rằng "Nhân Vị là một lý thuyết chính trị mang một bản sắc dân tộc rõ rệt," và "với biện chứng mạch lạc rõ rệt của Triết gia Kim Định, G.S. Nghiêm Xuân Hồng, và học giả Đinh Văn Khang, Chủ Nghĩa Nhân Vị (Tâm linh, Đông phương) của Ông Ngô Đình Diệm và Ông Ngô Đình Nhu bắt nguồn từ nền tảng văn hoá của Việt Nam, không thể nào lầm lẫn với Personalisme của Mounier (Duy tâm Tây phương) được." Ông nói: "Mọi việc đã được sáng tỏ và cuộc điều tra lịch sử này chấm dứt với kết luận: **Chủ Thuyết Nhân Vị của hai Ông Diệm-Nhu mang một bản chất văn hoá và chính trị hoàn toàn Việt Nam**" (In đậm của chính TS Tấn).

TS Tấn đã minh chứng thêm xác quyết của ông với những trích dẫn trực tiếp từ một số tuyên bố của Ông Diệm và Ông Nhu:

Ông Ngô Đình Diệm:

"Nhắm mắt bắt chước nước ngoài khác gì nhận trước sự bảo hộ của ngoại bang"

(nói với ký giả Marguerite Higgins)

Ông Ngô Đình Nhu:

"Chủ thuyết [Nhân Vị] đặt nền tảng trên quan niệm tôn trọng phẩm giá con người và đẩy mạnh sự phát triển đến mức độ cao nhứt. Quan niệm này ... ở ngay trong truyền thống dân gian Việt Nam."

(Đại hội văn hoá Quốc gia, 11-1-1957)

"Tôi phải nói ngay rằng: 'Chủ thuyết Nhân Vị' của tôi chẳng có dính dáng gì đến cái Nhân Vị Công giáo đang được giảng dạy bởi các tổ chức Công giáo tại miền Nam Việt Nam... Hiện nay cái học thuyết nhân vị mà tôi cổ võ là một nền dân chủ đấu tranh trong đó tự do không phải là một món quà của Ông Già Noel, nhưng mà là kết quả của một cuộc chinh phục bền bỉ và sáng suốt trong đời sống thực tế, không phải trong một khung cảnh lý tưởng, mà trong những điều kiện địa lý chính trị đã được định sẵn."

Phỏng vấn với báo *Toronto Globe and Mail*, trong Nguyệt san Gió Nam, 5-5-1963)

TS Tấn kết luận:

"Giải pháp Nhân Vị mà Ông Diệm và Ông Nhu đã cổ võ 40 năm về trước là mô hình 'Xã hội Dân Chủ Nhân Vị' đã được thí nghiệm ở Miền Nam từ 1954 đến 1963: kinh tế thị trường với sự mềm dẻo của một chính phủ phúc lợi, thực hiện công bằng xã hội và dân chủ thực sự ở hạ tầng cơ sở với định hướng dân chủ trên thượng tầng cấu trúc... Chủ Nghĩa Nhân Vị chỉ được thử nghiệm trong một thời gian ngắn ở Miền Nam Việt Nam, nhưng trong lãnh vực lý thuyết hàn lâm, Chủ Nghĩa Nhân Vị có một giá trị đóng góp lâu dài và quan trọng vào công cuộc phát triển con người nói chung và đặc biệt tại các quốc gia nghèo đói hiện nay."

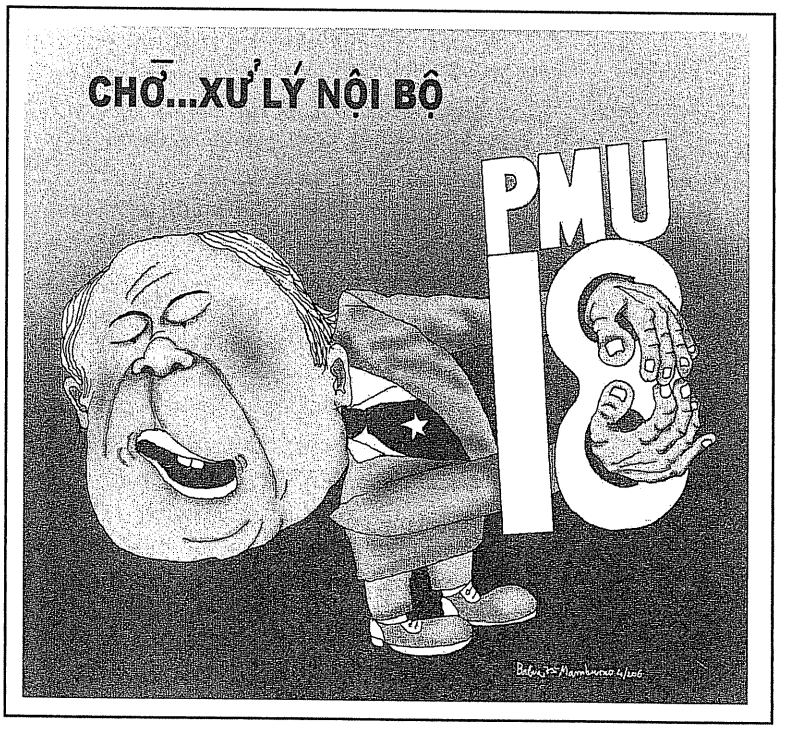

và:

"Ông Diệm đã hạ quyết tâm, 'chọn con đường hy sinh để bênh vực phẩm giá con người: ... người ta có thể hủy diệt Ông Diệm, nhưng không thể cướp đi những giá trị thuộc về Ông ấy. Do đó trên căn bản đạo đức nghề nghiệp, các sử gia có bổn phận đem trả lại cho Ông Diệm những gì thuộc về Ông ấy và nền Đệ Nhất Cọng Hoà. Hãy trả lại cho lịch sử những gì thuộc về lịch sử."

Ottawa, tháng 3, 2006

Thử nhìn lại thể-chất và trí tuệ của người Việt-Nam sau nửa thế kỷ phế hưng thế cuộc

LÊ VĂN LÂN

Trải qua nửa thế kỷ kể từ ngày Việt Nam bị chia đôi sau hội nghị Genève, bao nhiêu nước đã chẩy dưới cầu. Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975, thấm thoát đã 31 năm, kể như là một thế hệ Việt được trưởng thành: một em bé sơ sanh ngày này đã tốt nghiệp sự học vấn và bắt đầu có một cuộc sống tự lập rồi. Nhưng nếu chúng ta đi còn ngược lên đến năm 1954, thì ta thấy một ông bà nào nào sinh ra vào thời gian này nay đã là những bậc sơ lão niên 52 tuổi và có thể bắt đầu có cháu nội ngoại rồi.

Trước những cái mốc lịch sử ấy chúng ta cảm thấy thao thức, có khuynh hướng muốn nhìn lại để nhận định xem từ bấy đến nay người Việt Nam đã có những biến đổi nào về thể chất và tinh thần.

Trong nửa thế kỷ qua, đất nước Việt Nam đã là sân khấu diễn ra nhiều tấn tuồng tranh chấp giữa hai thế lực đối nghịch, giống như một cuộc cờ sắp rồi xoá, xoá rồi sắp giữa hai đối thủ. Cuộc chiến Pháp-Việt chấm dứt qua hội nghị Genève chia Việt Nam thành hai vùng Bắc Nam với hai thể chế chính trị khác nhau. Rồi sự can thiệp của Hoa kỳ gây thành Viet-Nam War để chấm dứt bằng Hội nghị Paris năm 1973, và cuối cùng là sự sụp đổ của miền Nam vào ngày 30 tháng 4, 1975.

Về phương diện dân cư, Việt Nam trong 52 năm qua (1954-2006), luôn luôn hĩC-n ḥ-u hai khĐ-i lớn, ấy là khối dân miền Bắc dưới chế độ cộng sản và khối miền Nam theo chế độ tự do (1954 – 1975); kể từ 1975 lại cũng hình thành hai khối, là người Việt quốc nội và người Việt quốc ngoại.

Cùng là con dân một nòi giống, chúng ta lâm vào hoàn cảnh nước loạn người ly:

Hợp tan, tan hợp bao lần,
Loạn ly, ly loạn mấy tầng cách xa.

Làm người Việt bị bất đắc dĩ chia thành hai phía, có thể nhiều người đã có lần tự hỏi: Đâu là mẫu số chung cho cái căn cước (ID) về nòi giống và thể chất của dân mình? Và phải chăng 52 năm chia cắt đã tạo ra hai loại người Việt về phương diện thể chất?

Nói một cách khác, thể chế chính trị đã ảnh hưởng thế nào trên môi trường sống để tạo ra sự biến thái của người dân. Mắc xích liên hệ từ nhân đến quả cần chứng minh là: chế độ cầm quyềñ dinh dưỡng và giáo dụcề thể chất và trí tuệ của người dân.

Trong mục đích tìm hiểu cho hai vấn nạn trên, tôi xin dựa vào hai tài liệu viết vào trước năm 1954 làm khởi điểm cho sự khảo sát dưới đây ngõ hầu đưa ra vài suy luận thô thiển trong khi chờ đợi những dữ kiện hiện đại mà chúng ta chưa có trong tay.

Đặc thù về thể chất và diện mạo của người Việt vào tiền bán thế kỷ 20

Trình bày những dữ kiện

Theo tác giả Trần Trọng Kim trong cuốn **Việt Nam Sử Lược** mà ấn bản đầu tiên có kèm tên Pháp là *Précis d'histoire de Việt Nam* (do Imprimerie du Trung Bắc Tân Văn, 1920), người Việt Nam về thể chất thì thuộc loài "da vàng," nhưng tùy theo điều kiện sống, con nhà nghèo làm lụng ngoài trời thì da "ngăm ngăm đen," còn con nhà giầu thì "nước da trăng trắng, như mầu ngà cũ":

Trạc người thì thấp nhỏ hơn người Tàu, mà lăn lẳn con người, chứ không to béo. Mặt thì xương xương , trông hơi bèn bẹt, trán thì cao và rộng , mắt thì đen và hơi xếch về đằng đuôi, hai gò má thì cao, mũi hơi tẹt, môi hơi dày, răng thì to mà lại nhuộm đen. Râu thì thưa mà ít, tóc thì nhiều và dài, đen và hơi cứng. Dáng điệu đi đứng thì nhẹ nhàng và xem ra bộ vững vàng chắc chắn." (trang 6 VNSL)

Sự miêu tả trên của cụ Trần là do sự quan sát bên ngoài mà nhận định khái quát thôi. Vậy để tìm hiểu một cách khoa học hơn, ta hãy tra cứu cuốn **Connaissance du Viet-Nam** bằng Pháp ngữ dịch là "Hiểu biết về Việt Nam." Sách này do trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp in năm 1954 với Gs Pierre Huard và Gs Maurice

Durand là đồng tác giả. Giáo sư Pierre Huard – y khoa bác sĩ kiêm nhà nhân chủng học, nguyên là khoa trưởng cuối cùng của trường Đại học Y khoa Hà Nội cho đến năm 1954. Trong nhiều năm, ông đã giảng dậy môn cơ thể học và bảo trợ cho nhiều sinh viên Việt Nam làm luận án về nhân chủng nhân-thể (anthropologie physique). Ông cũng là thành viên thông tấn (member correspondant) của trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (École francaise d'Extrême-Orient – EFEO). Còn giáo sư Maurice Durand là giám đốc cuối cùng của trường này trước cuộc di cư vào Nam cửa dân chúng miền Bắc. Sinh tại Hà Nội, cha ông là người Pháp phụ trách Văn phòng dịch thuật địa phương và mẹ là người Việt. Ông viết nhiều công trình về nhân chủng học nhân văn và ngôn ngữ Việt Nam. Sách Hiểu biết về Việt Nam của hai ông rất giá trị vì đã cung cấp những dữ kiện chính xác về cơ thể học và nhân chủng học dựa trên những công trình luận án y khoa tiến sĩ qua những phẫu nghiệm tử thi.

Người Việt Nam xưa (tranh E. Gras)

Về phương diện nhân chủng hiện tại, sách cho biết có hai nhóm dân chính là nhóm Indonesian và nhóm Mongoloid, và nếu có thể kể thêm thì có một số lai tạp trong nhóm sau:

- Nhóm ***Indonesian*** hiện nay được đại diện bằng những nhóm người thiểu số phân phối chia thành từng lớp chủng tộc (stratigraphie ethnique) ở những vùng đất cao hơn người Việt.

Với chỉ số sọ là 77 (chỉ số sọ - cephalic index - là chiều rộng tối đa của sọ chia cho chiều dài tối đa rồi nhân 100) thì sọ của nhóm Indonesian này thuộc loại trung sọ (mésocéphale) hay hơi hơi trường sọ (dolicéphale) tức là sọ dài. Mũi của họ thuộc loại giữa mũi trung và mũi xẹp – mesorhinie và platyrhinie (chỉ số mũi – nasal index – là chiều rộng tối đa giữa hai lỗ mũi chia cho chiều dài tối đa của khoảng cách giữa chân mày và chót mũi rồi nhân 100). Tóc họ có thể xoăn và dợn. Mắt không hí và xếch. Da thì trắng sạm và hung đỏ. Chiều cao trung bình, vì mới chỉ đo trên một thiểu số là 1m57, nên chưa được coi là chính xác.

Theo ông H.V. Vallois, những hiểu biết nhân chủng học về giống Indonesian này cần bàn lại, có thể đây là một giống lai tạp với giống Mongoloid vào thời đại cổ sử mà sự phân biệt giữa ba nhóm nhân chủng lớn là đen, vàng và trắng còn mờ nhạt. Giống này là giống Protomalais (nguyên sơ Mã-Lai), sau một thời gian ở trải ra lan rộng ở miền Đông Nam Á và khi đến vùng đất Đông Dương thì bị giống Mongoloide lấn áp nên họ một vài phần nào bị đồng hoá.

- Nhóm ***Mongoloid*** đại diện cho một nòi giống rất ư là phân biệt trong chiều hướng màu da vàng và rất cách xa cái gốc chung của nhân loại. Chính đại đa số người Việt đã nhập vào nhóm Mongoloid. Giống Nam-Mongoloid vóc dáng lớn con và nặng hơn đã ở miền bắc Việt Nam (vóc cao 1 m 60, nặng 50 đến 60 kilô). Càng tiến về nam, những đặc tính nhân chủng Mongoloid càng bị giảm thiểu với những yếu tố của miền nam.

Trong sách "Hiểu biết về Việt Nam," những tác giả duyệt lại vài đặc thù thể chất của người Việt miền bắc dựa trên những *cơ cấu khám nghiệm tử thi* mà Phòng Nghiên Cứu Nhân Chủng học của Hà Nội từ năm 1933 đến 1945 đã thâu hoạch từ các luận án Y khoa tiến sĩ của những bác sĩ Việt Nam danh tiếng như Đỗ Xuân Hợp, Tôn Thất Tùng, Đào Huy Hách, Phạm Biểu Tâm v.v...

a) Về bộ xương:

Luận án Đỗ Xuân Hợp (Hà Nội 1941) bổ túc bằng những khảo sát của Chippault và Olivier ở Sài Gòn đã cung cấp những dữ kiện: Xương chậu hẹp, hình trụ nhưng thích hợp cho đường kính sọ-mặt của hài nhi; sọ thường là đoản sọ (brachycephaly) với chỉ số 81.0 đến 85.4 gần như chiều dài rộng bằng nhau) và sức chứa nhỏ (1341 cm3 48) mà bộ não bằng 1/37 trọng lượng toàn cơ thể. *Tứ chi ngắn:* Những

lóng xương dài có một *chỉ số cường kiện (index de robusticité) của con người tiền sử*, chứng tỏ là bắp cơ đã lao động mạnh. Trên xương cựa (astragal), xương ống chân và xương đùi có những sự biến thái hay chỗ mòn hay lằn xếp liên quan đến *tư thế ngồi xổm* (Huard và Montagné) của người bình dân Việt cổ truyền. Hồi tôi mới học y khoa năm đầu, còn nhớ trên khớp xương cựa chân (astragale) có một lằn nứt gọi là "lằn nứt Đỗ Xuân Hợp." [Xương cựa còn được dịch là xương sên vì hình giống như ốc sên.]

b) Về hệ thống cơ bắp:

Luận án Đào Huy Hách (Hà Nội 1938) đã cung cấp những ý niệm có thể so sánh với công việc của những tác giả khảo sát trên người Trung Hoa và Việt Nam. Luận án này bổ túc với công trình khảo sát về những bắp cơ ở ngực của Chippault và Olivier (1944) cho thấy hệ thống bắp cơ của người Việt rất đồng dạng giữa đàn ông và đàn bà, khác hẳn nhiều chi tiết nhận xét trên những giống lai Âu châu (europoid). Cơ bắp vùng ngực nẩy nở là do sự lao động chân tay trong công việc đồng áng của cả hai phái nam và nữ ở Việt Nam.

c) Về da:

Những vết chàm bẩm sinh (taches mongoliques) đều có 94,8 lần trên da của 100 trẻ Việt sơ sanh. (Nguyễn Đức Nguyên – Hà Nội 1952 _ Trần Văn Lới – Sài Gòn 1953). Những dấu tay của dân Việt khá gần với dân Tầu (Nguyễn Hữu Thuyết – Hà Nội 1938).

d) Về răng:

Khảo sát của Jakowski và Nguyễn Huy Tiếp cho thấy một số điểm sau: - răng cửa trên rất to (răng lưỡi cuốc hay xuổng: "en pelle") và cời ra như cánh quạt ("en éventail" (tức là hô răng hay "răng mái hiên" – prognathisme), - răng sữa và răng thực sự mọc đồng thời chen chúc (răng lòi xỉ), răng cấm dưới có hình 5 góc trong 40%. Trước nay, nhiều dân Việt nhuộm răng đen, tục này không vượt quá vĩ tuyến 25 độ 35 bắc. Hai xương hàm cũng có nhiều đặc thù liên quan đến típ ăn cỏ như quai hàm rộng, răng chó không có hoặc ít có hố v.v...

e) Về các giác quan:

Mắt phần lớn theo kiểu Mongoloid với mí dày và có khoé mắt trong gần sống mũi có một lằn xếp thẳng đứng (épicanthus). Mũi về loại mũi trung (mesorhinian) và sụn của hai cánh mũi kém nẩy nở và lỗ mũi hầu như rất tròn mở ra phía trước và trên.

Tai và thanh quản không được khảo sát. Và cũng chưa thấy những khảo sát có hệ thống về những phản ứng giác quan ngoài vài sự điều tra kỹ thuật –tâm lý (psycho-techniques) đầu tiên do cơ quan quân y của quân đội Pháp ở Đông Dương và sở Học chánh Pháp, nhưng chưa đưa ra kết quả. Người ta biết rằng sự giải thích những tài liệu thu thập rất tế nhị, với nhiều lỗi lầm xảy ra: ví dụ những nhóm người bản xứ (không phải Âu) "được trắc nghiệm một cách thực thà" (honnêtement testés) chỉ khác những người Âu với một trình độ giáo dục nào đó và có một yếu tố hành xử (facteur de comportement) nào đó (chẳng hạn sự chậm chạp - lenteur) chỉ có nhận thấy ở những người da mầu ở theo vùng cách biệt (ám chỉ dân thiểu số?). Vả lại, một điều rất quan trọng trong sự nhận thức sự việc là người ta cần phân biệt cái gì liên quan đến thể chất thân xác của từng cá nhân với cái gì tùy thuộc vào sự giáo dục văn hoá của quốc gia (Musafer Sherif – Harward).

f) Tạng phủ:

Phổi, tim, gan, lá lách, tụy tạng, thận, nang thượng thận và hạch hung-tuyến cân đo kỹ thì thấy không nặng bằng người Âu. Đo ruột thì thấy ruột non dài 7m 62 rõ ràng thuộc típ ăn cỏ (type herbivore) nhưng đo ruột già 1m 42 thì không như vậy. Khảo sát về người Việt thì cho đến bấy giờ người ta chưa thấy cái gì thuộc về những típ ăn thịt mà Swaim mô tả (Harward). Ruột gan của dân Việt thường có rất nhiều trường hợp bị nằm sái vị.

g) Cơ quan sinh dục:

Cơ quan này chỉ nhận xét sơ lược ở người nam, nhưng ở người nữ thì kỹ hơn và không ít những biến dị. Luận án Đặng Trần Hoàng (Hà Nội 1951) là kết quả của những khảo sát trên số rất lớn phụ nữ Việt về kinh nguyệt (Có kinh lần đầu vào 14 tuổi 10 tháng, tắt kinh vào 44 tuổi 10 tháng), về số lần và nhịp cách khoảng của sanh sản, kích thước của bộ phận sinh dục.

h) Về Máu:

Máu của dân Đông Dương thuộc típ Phi-Nam Á - type afro-sudasiatique. (H.Yu–China Journal 1938). Khảo sát Facteur Rhesus mới khởi sự.

Thành phần sinh lý hoá (bio-chimiques) của máu dân Việt miền Bắc có những con số trùng trập với máu của dân Mã Lai ở Nam Dương và rất gần dân Ấn Độ.

Lượng Calcium huyết thanh (106m/g) vượt

hơn lượng của dân Âu và có lẽ là do ảnh hưởng khí hậu. Về những thành phần máu khác, thì không phải do nòi giống mà là do thực phẩm đóng một vài trò thiết yếu. Chính là do sự nghèo về khẩu phần chất protéines nên đã gây ra chứng thiếu–azốt (hypoazotémie). Sự ăn uống thiếu thốn gây ra sự thiếu-cholesterol, thiếu-hémoglobine, thiếu-đường.

Những dữ kiện kể trên trong sách *Hiểu biết về Việt Nam* 1954 là kết quả những khảo sát về nhân chủng học nhân thể cách đây hơn 52 năm, đương nhiên cần phải bổ túc và xét lại với những phương tiện và khảo cứu hiện đại. Trong sự khảo sát này ở Đông Dương, có chỗ còn thiếu sót, nhưng có chỗ đã đạt đến mức độ tiên tiến và vững chãi vào thời đó để rút ra những kết luận lâu dài. Tuy nhiên, cuốn sách này rất quí giá vì đã cung cấp những tài liệu khá chính xác bằng những cố gắng lớn lao và phương tiện khả tín thời bấy giờ và cho người ta một cái nhìn tương đối trung thực về thể chất dân Việt Nam cách đây hơn nửa thế kỷ để có thể suy luận và so sánh với con người Việt Nam hậu chiến và lưu vong nơi hải ngoại trên một vài phương diện.

Phần suy diễn của người viết

Sau đây, tôi có vài suy luận thô thiển:

A- **Về màu da vàng** chủng tộc, tôi rất đồng ý khi đọc nhận định của Trần Gia Phụng trong cuốn Việt Đại Cương (Toronto 2004) qua những phát biểu sau:

- *Những người đầu tiên đến ngụ cư ở cổ Việt thuộc nhiều chủng mà ngày nay được sắp chung vào nhóm Mã-lai hay Mã-lai Đa Đảo, rồi đến người Da Đen và sau cùng là người Mongoloid (Mông Cổ).* ***Người Việt Nam hiện nay là hợp chủng của các sắc dân trên.*** *(tr. 40)*

- "*Đã có sự hỗn hợp chủng tộc ngay từ đầu giữa các giống người đến sinh sống trên đất cổ Việt. Vào cuối thời kỳ đồ đá, người ta đã tìm được những sọ người lai Mongoloid (Mông Cổ) và sọ người Mông Cổ càng ngày càng nhiều, chứng tỏ người Mông Cổ đã đến cổ Việt rất sớm và càng ngày càng đông. (Người Mông Cổ sẽ đến rất đông trong các cuộc di dân trước khi bắt đầu Công Nguyên).*

Trong cuốn *Peoples of the World* của National Geographic, Washington DC 2001 tr.44-45 cũng có nêu những ý kiến tương tự: *The Vietnamese people originated in the Red River Delta region of the north, but their early roots are very hazy. Sometime between 500 to 200 B.C, they emerged as an ethnic entity from a melting pot that contained seaborne travelers from Oceania and various migrants from Asia, with northern Mongol characteristics predominant.*

Thành ra, màu da vàng của người Việt thực sự ở miền đồng bằng ngoài Bắc đương nhiên chứa rất nhiều sắc vàng của giống Nam Mông Cổ, có hoà trộn ít nhiều sắc thái tiềm ẩn khác là ngăm ngăm đen của các người Mã Lai Đa đảo. Điều này càng gia tăng khi dân Việt trên đường Nam tiến chung đụng và lai tạp với thổ dân trong nam như Chàm và Khmer. Mặt khác, mầu da vàng hơi trắng ngà của người Việt miền bắc càng trở nên sẫm màu hơn nơi những dân Việt miền nam một phần cũng do ảnh hưởng ánh nắng miền xích đạo chăng?

Về diện mạo Việt thì Sọ thuộc loại đoản sọ với chỉ số 81.0 đến 85.4 nên chiều dài và chiều rộng tối đa của sọ gần bằng nhau, rất phù hợp với mẫu miêu tả đặc thù của cụ Trần Trọng Kim trong *Việt Nam Sử Lược*: *Mặt thì xương xương, trông hơi bèn bẹt, trán thì cao và rộng, mắt thì đen và hơi xếch về đằng đuôi, hai gò má thì cao, mũi hơi tẹt...* Đối với những dân tộc ít người ở miền cao riêng rẽ còn giữ nhiều tính chất Indonesian lai Negroid thì hơi trường sọ, da xạm đỏ, tóc xoăn và mũi xẹp, mí mắt không

dày, mắt không hi hí và hơi xếch như Việt.

Những bớt chàm trên da của trẻ mới sanh, đặc biệt vùng mông và lưng như các sinh viên y khoa và các cô mụ thường thấy khi đỡ đẻ, phải chăng là một đặc thù của chủng tộc Mongoloid?

Về phương diện khảo sát DNA, hiện vẫn còn bàn cãi về kết quả vì trên mặt chuyên môn, những dữ kiện về yếu tố di truyền cực kỳ đa dạng và vô cùng phức tạp nên tôi chưa dám lạm bàn vì sợ sai lạc. Xin xem phần cước chú*

* Cước chú:

[Về phương diện khảo sát DNA, nếu người khảo sát mang một thiên kiến chủng tộc hay lập trường chính trị, thì sự kết luận không tránh khỏi sai lầm và phản bác lẫn nhau. Ví dụ như trên computer tôi thấy hai cuộc khảo sát sau:

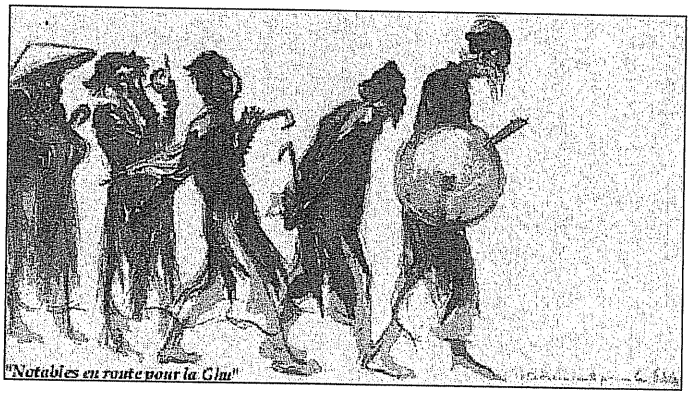

a) Một nhóm có một vài khoa học gia gốc Trung Hoa can dự vô thì cho là sự phân tích về Mitochondrial DNA của nhiều dân Đông Nam Á hé lộ rằng có một tiếp tục về di truyền của những cuộc di dân của nhóm cựu Mông Cổ (Southeast Asian Mitochondrial DNA Analysis reveals Genetic Continuity of Ancient Mongoloid Migrations - Genetic Society of America 1992). Theo sự khảo sát này, tần số cao nhất về mtDNAs với *yếu tố dạng số I HpaI/ HincII* nhận thấy nơi người Việt gợi ý rằng họ là những người Á châu có một nguồn gốc gần như ưu thế là Nam Mông Cổ.

b) Một nhóm thứ hai có sự tham gia của vài khoa học gia người Việt khảo sát trên 103 người Việt Kinh ở Hà Nội chứng tỏ có một sự đa dạng về yếu tố DNA nên có nhiều sự cách xa về di truyền giữa các nhóm dân Việt, Á châu và Đại dương châu, và những kết quả cho thấy dân Việt gần với dân Thái và phần nào với một số dân Tàu tuỳ địa phương khác nhau. Theo họ, những kết quả trên phù hợp với những sự hiển nhiên về khai quật khảo cổ và phương diện ngôn ngữ nên giúp người ta hiểu rõ hơn về nguồn gốc của dân Việt mà hiện nay còn mù mờ.

Điều này nói lên rằng dân Việt là một sự hợp chủng giữa dân Nam-Mông Cổ và Nam Á Đa Đảo, hơn là hoàn toàn từ Mông Cổ. (HLA-DR and DQB1 DNA Polymorphisms in aVietnamese Kinh Population from Hanoi - European Journal of Immunogenetics – October 1997).

Một điểm cần nhấn mạnh về mầu da vàng của người Việt, theo tôi thì dù là giống Việt phần lớn đương nhiên có pha chủng với chủng Nam- Mông Cổ, thì người ta không thể nói người Việt là bản sao chép của người Hán từ phương bắc. Người Việt vẫn có những nét Việt đặc thù vì đã tạo cho mình một thực thể riêng qua một quá trình lâu đời trên giòng lịch sử. Mời các bạn hãy suy gẫm giòng chữ đầu tiên trong chương nhập đề của cuốn Những hiểu biết về Việt Nam của P. Huyard và M. Durand: "*Cuộc sống của loài thú, nói đơn giản ra là một sự thích ứng trực tiếp và quyết định vào một môi trường mà nó bị bỏ vào đó như nó đã tìm ra. Ở con người –"loài sinh vật độc đáo"- rõ ràng là có một sự thích ứng vào môi trường, nhưng mà cũng có một sự phản chống, nghĩa là sự phát minh ra những phương tiện vật chất và sự quan niệm về những cứu cánh tâm linh cốt để bảo đảm sự trường tồn của cọng đồng dân cư và ngăn ngừa sự loại trừ thù nghịch. Từ đó mới nẩy sinh ra văn minh và văn hoá.*" Lịch sử Việt đã chứng minh rằng dân Việt nhỏ bé vừa mở nước vừa giữ nước, vừa học hỏi và vừa chống đối với người Tàu, nên dân ta mới tồn tại đến ngày nay để không bị đồng hoá như đám dân thổ trước vùng nam nước Tàu. Tuy nhiên, tôi thiển nghĩ về phương diện tìm hiểu về nguồn gốc dân Việt còn chờ đợi nhiều dữ kiện thâm cứu và hiện đại hơn để có một kết luận đúng.

B- **Về sự phát triển thể chất và bệnh lý** của người Việt hiện nay:

"*Dáng điệu đi đứng thì nhẹ nhàng và xem ra bộ vững vàng chắc chắn*" như sự miêu tả của

cụ Trần Trọng Kim được chứng minh là xương của dân Việt cổ truyền có một chỉ số cường kiện vì lượng Calcium trong máu cao còn hơn dân Âu do ảnh hưởng khí hậu nhiều nắng nên không thiếu sinh tố D để hấp thụ Calcium. Tuy nhiên, đáng tiếc là "*xương ở tứ chi của dân Việt ngắn*" nên vóc người không cao ráo. Điều này là do thực phẩm thường nhật có nhiều rau mà rất ít thịt như bộ ruột của típ ăn-cỏ của người mình! Ít ăn thịt nên thiếu chất protein để tạo ra chất cốt giao (ossein) cần cho sự tăng trưởng ống xương khi còn bé và lúc dậy thì. Ở Việt Nam, trước đây chỉ có người giàu được dư miếng thịt mà ăn, còn lớp bình dân có cá ăn thường kể như là sang lắm: *Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ lót lá mà nằm.* Để đắp đổi cho sự thiếu protein, người Việt may sao còn biết ăn nước mắm và bắt chó, chuột, ếch nhái, cua còng và sâu nhộng ăn bù!

Hậu quả di truyền cho người Việt kém dinh dưỡng tổng quát nhất là thiếu thịt trong nhiều năm chiến tranh loạn lạc cho đến nay, ít ai cảm thấy cho đến khi dân Việt tỵ nạn xứ người bỗng tự khám phá ra khi họ đi mua áo quần may sẵn: té ra mình là người lớn nhưng chỉ mặc vừa áo quần của Mỹ thuộc loại "petite" hay small size. Và tuy chọn cùng một tầm khổ hay chiều cao với người bản xứ nhưng khi ướm thử thì chiều dài của tay áo và ống quần lại dài nên dân Việt tỵ nạn phải đến những tiệm may sửa áo quần trả thêm một số tiền xấp xỉ tiền mua mới mà thu ngắn mặc cho vừa. Người mình về kích thước thì lưng dài mà chân ngắn, nên khó mà thi tuyển thân thể cân đối và đẹp như người Tây phương. Tuy nhiên, đối với những trẻ Việt Nam sinh tại Mỹ hay đến Mỹ khi còn bé tí, thì nhờ ăn thực phẩm có thịt và sữa nhiều, chúng lớn "nhổ giò" một rõ rệt. Chiều cao của đa số thanh thiếu niên Việt Nam ở Mỹ đương nhiên không còn ở mức 1m60 như trước đây và khi mua giầy, chúng phải chọn số lớn dài hơn anh chị em chúng.

Tuy nhiên, nếu sự dư thực phẩm ở Mỹ gây tác dụng tốt cho người trẻ thì đó là một rủi ro cho người Việt lớn tuổi ở hải ngoại với chứng dư cholesterol, dư mỡ, dư đường trong cơ thể. Người già Việt Nam bắt đầu chết vì bệnh tim mạch và ung thư, béo phệ không kém gì người Mỹ nếu họ ham ăn thịt mà không trở lại lối ăn cổ truyền với nhiều cá, rau cỏ, cộng với việc tập thể dục. Nhưng dù sao, cũng an ủi là tuổi thọ trung bình của giới già Việt lại được nâng cao nhờ hệ thống y tế và kỹ thuật tiên tiến của Hoa Kỳ.

Về tình hình dinh dưỡng và y tế bấy lâu nay trong nước Việt Nam, chúng ta không có trong tay một thống kê hay báo cáo nào đáng tin vì cố tật bưng bít của nhà cầm quyền cộng sản. Ta chỉ nghe BS Dương Quỳnh Hoa (nguyên bộ trưởng y tế của chính phủ Mặt trận Giải phóng Miền Nam) có lần bất mãn mà công khai chỉ trích chính quyền không biết lo gì cho sự phát triển của nhi đồng nên chúng rất èo uột, thảm hại. Hồi 1975, dân miền nam đã từng thấy những chú bộ đội xanh rớt như tầu lá vì sốt rét và thân hình nhỏ bé quắt lại, bơi thùng thình trong bộ áo trận rộng. Xương quai hàm (mandibule) vốn dĩ rộng và hàm răng hô là đặc thù cố hữu của một số người Việt như sự khảo sát trên. Đặc thù này khi người ta ăn uống đầy đủ thì không thấy rõ nhưng lại nổi bật một cách điển hình khi họ ăn thiếu thốn, mặt ốm sát xương để người ta nhớ lại tranh hài hước ở miền nam trước đây về "chú bộ đội cụ Hồ" cằm bạnh răng hô. Bắp thịt ở cằm dưới của một số dân nghèo ngoài bắc nhiều khi trông lại càng bạnh ra, phải chăng là vì họ phải ăn bo bo trong hàng chục năm cơ khổ! Cái gì năng dùng thì nẩy nở nên một điều nhận xét khác là bàn chân của các nàng sơn nữ Thổ Mán rất lớn

vì đi chân đất và leo đồi núi. Những cán bộ miền bắc từ rừng rú vô tiếp thu những cơ sở miền nam có tật buồn cười là ngồi bỏ chân trên ghế sa-lông, gợi lại tư thế "ngồi xổm" của đa số người nông dân cổ truyền. Thuở tiền chiến, dân quê VN không có bàn ghế, nên họ ngồi xổm là đương nhiên, đàn bà ngồi xếp tè he trên chiếu để cúng lễ hay đánh tứ sắc cũng đúng. Còn các cán bộ "ngồi kiểu nước lụt," trên ghế mà thu hai chân lên là vì quen thói ngồi trong rừng lạnh lẽo, phải co gối lên cho ấm ngực, ấm bụng!

Một điều cũng nên nói ra để thương cho người phụ nữ Việt cổ truyền trong mấy ngàn đời vì họ cũng phải làm việc cấy cầy gánh gồng lao động lam lũ như sự khảo sát về hệ thống bắp thịt thời tiền chiến của các bác sĩ như Đào Huy Hách, Chippault, Olivier. Cụ Trần trọng Kim viết: "*Đàn bà Việt Nam thì hay làm lụng và đảm đang, khéo chân, khéo tay, làm đủ mọi việc, mà biết lấy gia đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thường giữ được các đức tính rất quí là tiết, nghĩa, cần kiệm.*" Trong thời chiến thì *Thân cò lặn lội bờ sông, Gánh gạo nuôi chồng nước mắt nỉ non!* Những sĩ quan VNCH bị CS giam tù đầy ngoài Thượng Du Bắc Việt nếu không có vợ lặn lội thăm nuôi thì mấy ai đã trở về.

Bên cạnh sự thiếu ăn và thiếu thuốc, dân chúng bên nhà còn bị nạn trúng độc vì ăn những thức ăn không được kiểm soát chặt chẽ về sự chế biến với những chất phụ gia độc hại hay thuốc giả, rượu giả, trà giả.

Thành ra, cũng là người Việt nhưng có hai tình cảnh trái ngược về sự phát triển cơ thể: thái quá thặng dư ở hài ngoại, bất cập thiếu thốn ở bên nhà. Việt Nam được xếp vào loại những quốc gia nghèo đói trên thế giới nên cơ thể con người Việt trung bình bên nhà không phát triển đúng mức là chuyện đương nhiên. *Làm thầy thuốc lầm thì hại một người, làm chính trị lầm thì hại cả một nước!* Ngẫm lại đúng lắm. Người ta vẫn còn nhớ câu nói của ông Phạm Văn Đồng sau khi "giải phóng miền Nam": Chúng ta đã tranh đấu để "ăn no, mặc ấm," bây giờ chúng ta đang tiến lên "ăn ngon, mặc đẹp"! Sau 30 năm nhìn lại thì thấy điều này đúng 100% với những cán bộ lãnh đạo, còn nếu đi về miền quê thì mức đúng là 0%!

C- **Về diện mạo của người Việt**

Với đặc thù lai Nam-Mongoloid như mí mắt dầy và sống mũi thấp, dân Việt chia xẻ nhiều nét tương đồng về nhân chủng với các dân tộc Đông Nam Á. Đàn ông Việt cũng giống phái nam của nhiều xứ luôn luôn tự hào với diện mạo cha sinh mẹ đẻ của mình, nên không bao giờ đến thẩm mỹ viện. Và phái nam Việt ít để râu vì râu ít và thưa. Trái lại, phụ nữ Việt ở hải ngoại và tại các đô thị trong nước rủng rỉnh tiền bạc thì rất đỏm dáng như bản tính cố hữu của phụ nữ ở mọi nơi nên dịch vụ thẩm mỹ coi bộ lấy tiền của họ rất nhiều qua những quảng cáo như mổ mí mắt, độn cho mũi cao, bơm ngực... Các nha sĩ hay chuyên viên chỉnh nha cũng hốt bạc qua dịch vụ niềng răng, mổ răng lòi xỉ, cấy răng. Nói chí tình, đời sống vật chất căn bản đủ rồi thì tiến lên chuyện làm đẹp là đúng vì phụ nữ là hoa của cuộc đời mà!

Về vấn đề tóc, thì tóc phụ nữ Việt cổ truyền mọc rất mạnh, mầu đen nhánh và rất dài như những danh từ "suối tóc" hay "tóc mây," trước đây tóc nhiều còn để đuôi gà hay bới tóc bí bo thì nay họ lại chạy theo thời thượng để hớt cuốn và nhuộm mầu hay"hai- lai" như Tây phương.

Sau 1975, sự khác nhau giữa người trong nước và Việt kiều rất rõ rệt: người trong nước ốm o, da xạm xấu, má hóp; Việt kiều thì béo tốt, phương phi, da sáng, ngó biết liền, ăn mặc đẹp đẽ lịch sự. Điều này dễ hiểu vì Việt kiều ăn uống quá đầy đủ, ít lao động chân tay, làm việc trong các xưởng hãng và quen sống trong nội thất có máy điều hoà không khí, khi di chuyển thì đi xe buýt hay lái xe hơi. Dân trong nước nhìn Việt kiều là biết ngay qua hình dạng dù cố tình ăn mặc xuềnh xoàng giống như người trong nước, ngoài ra họ còn được nhận ra do một số thói quen như thường nói lời cám ơn hay xin lỗi, hoặc là đi quá mau.

D- **Về sự phản ứng giác quan**:

Người Việt không rù rờ chậm lụt như những nhóm người thiểu số trong các trắc nghiệm về tâm lý. Thuở xưa dân Tàu tuy tự cao tự đại, phải thừa nhận Việt Nam là một nước có văn hiến. Cụ Trần trọng Kim nhận định là dân Việt "*trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, người sáng dạ, nhớ lâu...*" Sau 30 năm, học chung với người bản xứ, trẻ em Việt ở Mỹ có nhiều nơi được khen là giỏi và có tỉ số tốt nghiệp đại học đáng kể. Điều này chứng tỏ là người ta cần phân biệt cái gì liên quan đến thể chất thân xác của từng cá nhân với cái gì tùy thuộc vào sự giáo dục văn hoá của quốc gia (Musafer

Sherif – Harward). Lấy ví dụ riêng về xứ Mỹ là xứ mà chính phủ quan tâm đặc biệt đến sự dinh dưỡng và giáo dục của người dân. Đây là xứ của cơ hội đồng đều, thiếu nhi được no đủ vì có chính sách dinh dưỡng ưu tiên cho trẻ em nên thể chất phát triển tốt đẹp. Ăn vóc thì học hay và có cơ hội đồng đều về giáo dục nên thanh thiếu niên Việt thành công trong học vấn và tốt nghiệp đại học về đủ ngành không phải là điều lạ.

Nhìn lại Việt Nam, là cả một câu truyện dài lùng bùng. Dù hoà bình trở lại 30 năm rồi, mà nền kinh tế đất nước dưới sự quản lý của nhà đương quyền Cọng sản vẫn tụt hậu mặc dù họ vẫn ồn ào với chủ trương "cởi trói' và "đổi mới." Nạn đốn gỗ và phát cây đốt rẫy đã góp phần vào sự tàn phá rừng và phá đất, thêm vào đó là tình trạng nguồn nước ô nhiễm và sự đánh cá quá độ đã đe doạ tài nguyên về thủy sản; nguồn mạch nước ngầm dưới mặt đất bị ô nhiễm làm hạn chế sự cung cấp nước sạch cho dân chúng; sự gia tăng kỹ nghệ ở các đô thị và chính sách di dân ồ ạt không qui hoạch đã làm mau chóng giảm phẩm chất của môi trường sống của người dân nói chung. Dựa theo vài dữ kiện thống kê nhật tu đọc được trên Internet tháng 11, 2005, dân số Việt Nam là 83triệu 535 ngàn 576 người (ước tính July 2005). Tử vong trẻ: tổng số 25.95 chết / 1.000 trẻ sơ sinh. Sự rủi ro bị những chứng bịnh nhiễm trùng chính rất cao gồm những chứng do thức ăn và nước uống đưa vào như tiêu chảy do vi khuẩn, viêm gan A, sốt thương hàn, và những chứng do muỗi mòng như sốt xuất huyết, sốt rét, não viêm hay bệnh dại vẫn tồn tại ở một số nơi. Đa số trẻ em thì thiếu dinh dưỡng và chăm sóc về y tế, lại bị hạn chế về giáo dục nên chúng không thể lớn mạnh và khôn ngoan. Trong khi đó nhà cầm quyền không dám mở tung cánh cửa vào một nền giáo dục khai phóng tiên tiến mà trái lại còn bưng bít nếu không nói là kỳ thị, độc tài, nhồi sọ về chủ nghĩa...

Một lời kết tạm

Nhìn lại quá khứ, bản chất con người Việt Nam về cơ thể học và nhân dáng nói chung thì vẫn thế kể từ nửa thế kỷ nay dù ở đâu cũng vậy. Tuy thời gian 52 năm vừa qua hoàn toàn phù du so với cả chục ngàn năm để tạo ra những biến thái trường tồn về cơ thể và tạng chất, nhưng cũng để lưu dấu một số hiện tượng suy thoái hay phát triển do ảnh hưởng của môi trường sinh hoạt khác nhau. Sự cải tổ của nước Nhật Bản là một cái gương để chúng ta suy gẫm:

- Trước hết là sự cải tổ với tinh thần tiến thủ vào đời vua Minh Trị ở cuối thế kỷ 19 khiến nước này canh tân theo kịp đà văn minh cơ khí của Tây phương và trở thành một cường quốc.

- Người Nhật vốn bị coi là lùn (nụy hay ải nhân), nhưng sau đệ nhị thế chiến, nhờ cải tổ về dinh dưỡng nên đa số người Nhật cao hẳn lên mười mấy phân.

Nếu con người Việt được phát triển thuận tiện với những điều kiện dinh dưỡng và giáo dục lý tưởng thì thể chất sẽ càng lớn, càng đẹp, trí tuệ càng mở mang và thông minh; còn làm ngược lại thì họ sẽ đèo đẹt, xấu xí, ngu si, và tạo ảnh hưởng suy thoái lưu truyền cho thế hệ con cháu.

Nói một cách khẳng định, một quốc gia càng có một chế độ thịnh trị bao nhiêu thì đương nhiên sản xuất ra những người dân càng có trình độ văn minh và văn hoá, khỏi cần tự khoe rằng mình là *"lương tâm của thời đại, đỉnh cao trí tuệ của nhân loại."* Còn chế độ cai trị hà khắc, thì *"nếu cột đèn biết đi thì chúng cũng bỏ xứ mà đi."* Không cần một triết lý hay chủ nghĩa nào cả mà đây là một sự thật rất đơn giản.

Một điều thao thức thầm kín trong tâm tư cho dân Việt dù ở bên nhà hay bất cứ ở một phương trời nào là ai cũng muốn giữ cái căn cước vẫn là dân Việt:

- Dân Việt ở hải ngoại nẩy nở, giỏi dang, sung túc nhờ cơm áo, giáo dục và địa vị của xứ người nhưng cũng không vì thế mà cảm thấy hãnh diện, vẻ vang. Vì lẽ sinh tồn, họ phải chấp nhận làm công dân một xứ không phải quê hương, nhưng trong thâm tâm còn canh cánh nỗi niềm cố quốc. Họ đang trăn trở muốn giúp đất nước và đồng bào với khả năng của mình nhưng luôn luôn dụng phải cái thành trì độc đảng, độc quyền mọi thứ, cho đến nay chưa thấy có cách nào vượt qua được!

- Còn dân Việt bên nhà thì đa số vẫn nghèo đói, lạc hậu và ẩn nhẫn vì chưa thấy có cơ hội để phát triển trong đường hướng đi về tương lai cho thế hệ của mình và con cháu. Đã có một phong trào các nhà trí thức trong nước lên tiếng đòi cải tổ đất nước, ảnh hưởng ngày một lan rộng trong quần chúng, hầu mong chấm dứt sự tung hoành, thao túng, áp bức bóc lột của một giới thiểu số cầm quyền đang tiếp tục *"nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ"* (Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi).

NGÔ NHÂN DỤNG

Vịt hai chân

Đại hội Mười của đảng Cộng Sản đã kết thúc. Từ hai năm nay trong đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn có người hô hào trong kỳ Đại hội này đảng phải tỏ ra "cực kỳ" dân chủ. Trước khi họp thì các cụ ở trên đã chọn danh sách những người được đưa vào Ban Chấp hành Trung ương sắp tới rồi. Ông Nông Đức Mạnh thì vẫn làm Tổng Bí thư. Quyền lợi chung của họ ràng buộc với nhau, quan trọng hơn tất cả những quy tắc sinh hoạt dân chủ. Đảng Cộng Sản sẽ lạch bạch bước tới, quay sang tả một bước lại ngả sang hữu một bước, nhất định lãnh đạo nhân dân lạch bạch tiến lên chế độ "chuyên chính tư bản hoang dã."

Có nhà bình luận Trung Quốc đã ví ông Hồ Cẩm Đào giống như một con vịt: Khi con vịt bước đi thì chân này quay về bên phải, chân kia lại chỉ sang bên trái. Lập trường chính trị của ông Hồ Cẩm Đào cũng giống như con vịt đi, bước một chân thì đầu ngón chân quay về phía tả, bước chân kia, nó lại ngả sang phía hữu. Mà đó không phải là hình trạng của riêng ông Hồ Cẩm Đào. Mấy người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam cũng vậy. Cả cái Đại hội Đảng của họ cụng lạch bạch như vậy. Họ không dám cương quyết thay đổi cơ cấu kinh tế, chính trị. Cho nên cứ bước đi theo đường lối của Vịt Bắc Kinh.

Xã hội Trung Quốc, cũng như Việt Nam, hiện giờ cần những điều kiện nào để tiến thêm lên? Cần một guồng máy cai trị dựa trên luật lệ và thủ tục rõ rệt, chứ không dựa trên cá nhân, bè đảng. Cần một hệ thống tư pháp độc lập và thi hành hữu hiệu để người dân khi làm ăn, sinh sống thấy được pháp luật bảo đảm an toàn. Cần một hệ thống tài chánh, ngân hàng theo quy luật thị trường chứ không theo lệnh các đảng ủy. Đó là những điều tối thiểu phải thực hiện để phát triển kinh tế và giảm bớt tham nhũng. Nếu không thì bắt Bùi Tiến Dũng này sẽ có ngàn Bùi Tiến Dũng khác lấy tiền dân đi đánh bạc. Có giảm bớt được tham nhũng, lạm quyền thì mới phát triển được giáo dục, khai thác được các nguồn lực kinh tế của nhân dân.

Sau khi những lãnh tụ chuyên chế tàn bạo như Stalin, Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình hay Lê Duẩn chết đi, những người leo lên được địa vị cầm đầu các đảng Cộng Sản thường chỉ là những tay khéo đi dây, không dám có những ý kiến rõ rệt hoặc lập trường mạnh mẽ nào cả. Vì mạng lưới quyền lợi trong đảng và cơ chế quyết định trong Trung ương đảng và Bộ Chính trị không cho phép những người đóng vai lãnh tụ tỏ ra cương quyết giữ một lập trường rõ rệt về một vấn đề lớn, như cải tổ cơ cấu. Giai cấp lãnh đạo trong đảng là một mạng lưới chia chác và bảo vệ những quyền lợi họ đang hưởng. Để tuột một mắt lưới là có thể làm cho cả mạng lưới bị rách tung. Cũng có những người cấp tiến và trong sạch. Nhưng ví thử một bí thư tỉnh ủy hữu hiệu và lành mạnh mà lại có thái độ cương quyết muốn cải tổ, thì khó ngóc đầu lên nổi trong guồng máy đó. Không những các tay tham nhũng ở trung ương muốn ngăn cản không cho anh ta tiến lên, mà những bí thư, cấp ủy tham nhũng ở các tỉnh khác cũng lo sợ, phải chặn đường ngay. Những người có lập trường cấp tiến rõ ràng sẽ không bao giờ ngoi lên được.

Đảng Cộng Sản vẫn cương quyết bảo vệ quy tắc "dân chủ tập trung," tức là trên bảo dưới nghe. Dân chủ đâu chẳng thấy, chỉ thấy tập trung thôi! Các cụ cốp vẫn kịch liệt chống "diễn biến hòa bình," lo lắng tiêu diệt "các thế lực thù nghịch."

Nhưng ai là thù nghịch? Rõ ràng là các cụ cốp nhìn thấy dân chúng Việt Nam trong nước chính là khối người nguy hiểm nhất chứ không phải người ngoài. Bằng cớ là các cụ cốp tăng gấp rưỡi, gấp đôi số người ở bộ Công an và bộ Quốc phòng vào ngồi trong câu lạc bộ. Ngược lại, các cụ không coi việc ngoại giao có gì đáng quan tâm cả, không có ai trong bộ Ngoại giao được vào câu lạc bộ chè chén Trung ương. Ông bộ trưởng Công An vọt lên hàng thứ nhì sau ông Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh. Tức là Đảng ta cần súng và cần còng số tám để đề phòng "những thế lực thù nghịch" ở bên trong để bảo vệ "dân chủ tập trung" – chứ không cần tranh

đấu với ai ở bên ngoài!

Một trong những "thế lực thù nghịch" làm cho đảng lo lắng, chắc phải là các công nhân. Bọn này khó bảo quá, năm ngoái đình công liên miên. Cho nên bà Cù Thị Hậu, người lãnh đạo tổng công đoàn, đã hụt mất cái ghế trung ương khóa này. Ai bảo? Đã được đảng giao phó nắm cổ công đoàn mà lại nói năng bốp chốp. Khi xảy ra những cuộc đình công năm ngoái trong các xí nghiệp Đài Loan, bà Cù Thị Hậu đã buột miệng tiết lộ rằng ngay ở các xí nghiệp quốc doanh cũng có các công nhân đình công! Bà còn than thở là người lao động muốn đình công khó quá, ở xí nghiệp nào cũng phải xin phép chi bộ đảng ở đó. Mà chính người lãnh đạo chi bộ cũng ăn lương của chủ rồi, còn ai bảo vệ quyền lợi công nhân nữa? Chỉ cần nói lỡ mấy câu là sai chính sách hết! Bà Cù Hậu lỡ miệng làm tuột cái mặt nạ "đại biểu giai cấp công nhân" của đảng, thế là bà hụt cái ghế trung ương và chắc sắp mất luôn cái ghế công đoàn, tội nghiệp thế. Nếu ở một nước dân chủ tí ti thôi, không cần dân chủ lắm, thì bà Cù Hậu sẽ đứng lên lập một cái công đoàn mới, tranh đấu cho giai cấp công nhân thật sự. Nếu không dám làm thì bà Cù Hậu từ nay yên phận đóng vai "hầu cụ," đi hầu các cụ cốp cho xong việc. Việc nào cũng là lao động cả.

Chúng ta lại nhớ trong một bài của ông Nguyễn Trung, ông nhắc tới một ý kiến nói rằng: "Người đảng viên cộng sản bây giờ có quá nhiều đặc quyền đặc lợi, đã dính chặt vào cái ghế cầm quyền của mình rồi! Không thay đổi được." Chắc ông Nguyễn Trung thấy đó là một lời tâm đắc! Thật là uổng công ông vắt tim, vắt óc ra viết những bài văn thiết tha nóng bỏng.

Cần tiếp tục "góp ý"

Trước khi họp cả năm trời, "Đảng ta" làm rùm beng yêu cầu các đảng viên và người ngoài "góp ý" với đại hội. Các "cụ cốp" đã tiếp thu các ý kiến đó ra sao? Các ông Nguyễn Nam Khánh, Lê Đăng Doanh, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Trung, Đặng Văn Việt, anh bạn trẻ Nguyễn Tiến Trung ở Pháp, và biết bao nhiêu người khác; những lời tâm huyết của họ bay đi đâu rồi! Quý vị nghĩ giờ này có nên "góp ý" nữa hay không?

Nên tiếp tục, và cần góp ý nhiều hơn trước. Nếu bây giờ quý vị im lặng nghỉ ngơi không nói gì nữa, thì người dân Việt Nam sẽ hiểu lầm. Họ sẽ nghĩ rằng trong một hai năm qua quý vị cũng chỉ lên sân khấu, bôi mặt đóng vai phụ trong "vở tuồng góp ý" do đảng đạo diễn mà thôi! Họp xong đại hội rồi, vai chính cũng như vai phụ ai nấy trở về chỗ cũ của mình, lo việc chè chén!

Nhưng tôi tin chắc bao nhiêu người góp ý là những người thành tâm, thiện chí. Được dịp nói, thời cơ vàng để nói, tội gì không nói? Không ai chịu đóng vai hề phụ diễn cho các cụ cốp mà lòng không hổ thẹn. Nhưng để người khác hiểu lầm mình chỉ đóng tuồng, cũng phải thấy hổ thẹn. Cho nên quý vị đã góp ý rồi, cần phải tiếp tục "góp ý" nữa, không thể ngưng được. Vở tuồng Đại hội X do các nhà đạo diễn ở Ba Đình hay ở Trung Nam Hải bầy ra hoàn toàn không tôn trọng những quy tắc dân chủ, không coi ý kiến của ai ra cái gì cả. Nhưng quý vị là những công dân Việt Nam, lo lắng cho tương lai nước Việt Nam, quý vị không sợ thiên triều mà cũng không sợ bọn vua chư hầu. Cho nên phải tiếp tục suy nghĩ và thảo luận, tìm xem cái gì tốt, cái gì phải, để người Việt Nam nghe với nhau, rồi cùng làm với nhau. Sau khi được tái cử, ông Nông Đức Mạnh mới nói là ông sẽ chấp nhận các lời phê phán dù là phê phán gay gắt, thế thì tội gì quý vị không phê phán?

Bao nhiêu đảng viên đã "góp ý kiến" với đại hội trong năm qua, bây giờ nghĩ sao? Những người như ông Lê Đăng Doanh dám nói thật, nói thẳng cảnh suy nhược trong guồng máy kinh tế, xứng đáng là người trí thức. Như ông Nguyễn Trung đầy nhiệt huyết thiết tha nhắc nhở lại các lý tưởng thời xa xưa bây giờ đang bị sôi thịt và bè phái vùi lấp. Có những bạn sinh viên Việt Nam đang học bên Pháp cũng thiết tha gửi ý kiến về yêu cầu xóa bỏ chủ nghĩa Mác Lê. Tựu chung, ai cũng muốn góp ý kiến để đất nước thêm tự do, dân chủ. Có ai thấy các ý kiến đó được phản ảnh trong kết quả của Đại hội Mười hay không?

Hy vọng quý vị sẽ không ngừng lên tiếng. Hy vọng sẽ không ai bỏ cuộc. Ở địa vị người dân lành, xin cứ phát biểu ý kiến. Dù là đảng viên hay không đảng viên, cứ nghĩ gì thì hãy nói thẳng ra, ai buộc cho cái tội diễn biến hòa bình cũng mặc kệ họ. Cây ngay không sợ chết đứng. Quan nhất thời, dân vạn đại. Lời nói phải củ cải nó cũng nghe. Chắc chắn người dân Việt, các thanh niên, người trí thức, họ sẽ nghe. Không nên bỏ lỡ "thời cơ vàng" này! Những

đảng viên cộng sản cũng phải tiếp tục đòi đảng của họ thay đổi. Để chính mình không hổ thẹn và sau này con cháu mình cũng không thẹn về ông cha.

Tính Hổ Thẹn

Một cựu đảng viên cộng sản là cụ Nguyễn Minh Cần, vẫn góp ý kiến đề nghị thay đổi đảng, cụ mới nhắc các đồng chí cũ hãy "biết hổ thẹn." Hiện nay cụ Cần sống ở Nga và đã ra khỏi đảng từ mấy chục năm nay, cụ cũng gửi một thông điệp cho những người tham dự Đại hội Mười. Thông điệp vắn tắt nhại René Descartes. Triết gia người Pháp viết: "Tôi suy tư, nên tôi tồn tại." Cụ Nguyễn Minh Cần gửi cho các đại biểu đại hội đảng Cộng Sản, sửa câu đó thành: "Tôi biết hổ thẹn, nên tôi tồn tại" – nên tôi mới là con người.

Không hy vọng các vị vừa mới tham dự Đại hội X về lại quan tâm đến tính hổ thẹn. Vì nó không nằm trong chương trình giáo dục, đào tạo đảng viên. Một người bạn mới về Việt Nam nghiên cứu dự án làm ăn, khi trở lại đây mới nhận xét rằng điều làm cho anh bối rối nhất là khi đến các bàn giấy nhìn các khẩu hiệu như "Cần, Kiệm, Liêm, Chính." Nó trâng tráo quá. Anh không thể hiểu nổi làm cách nào người ta có thể tạo dựng nên một xã hội trong đó con người nói dối và nghe những lời dối trá một cách thản nhiên đến như vậy.

Người có liêm sỉ, biết trọng danh dự, thì cũng có khi nói dối nhưng không thể nói dối tất cả mọi người và nhất là không thể nói dối chính lòng mình. Người biết liêm sỉ có thể nói dối đôi lần trong đời về một chuyện nào đó nhưng không thể cứ hô những khẩu hiệu dối trá suốt cả đời mà không thấy hổ thẹn. Làm sao người ta có thể cứ tự nhận là đại biểu của giai cấp công nông vô sản trong khi ăn cắp hàng tỷ mỹ kim tiền viện trợ? Đại biểu công nông gì mà chỉ lo tậu dăm bẩy cái nhà, những trang trại mênh mông, gửi tiền ra cho con cái tậu nhà tậu đất ở nước ngoài, làm chủ những xe Mercedes, BMW, Lexus, trong khi các em bé con nhà công nông phải liều mạng kiếm ăn từng ngày? Chắc quý vị độc giả đã thấy cảnh các em bé lội sông, nắm sợi dây bám theo cái phà chuyển mình trên sông Cửu Long, chờ dịp nhẩy lên, vừa rét run vừa mời khách trên phà mua vé số, những tấm vé số được bọc ni lông kỹ như bảo vệ châu báu – những hình ảnh đã đăng trên nhật báo Người Việt tuần qua? Những người đọc các bài diễn văn hùng hồn và rỗng tuếch trong đại hội, trong lúc xã hội chung quanh khốn khó cơ cực như thế, họ phải là những người trong đầu không mang khái niệm về tánh biết hổ thẹn như chúng ta, như loài người bình thường.

Phải kết luận rằng họ không chia sẻ quan niệm của loài người về tính hổ thẹn. Cho nên cụ Nguyễn Minh Cần gửi cho họ thông điệp của Mạnh Tử: Biết hổ thẹn mới là con người. Mạnh Tử, vị á thánh trong Nho giáo, viết rằng: "Sỉ chi ư nhân, đại hĩ." Nghĩa là: Nơi con người, lòng biết hổ thẹn là một đức tính lớn. "Vi cơ biến chi xảo giả, vô sở dụng sỉ yên." Làm những việc dối trá, là không có lòng hổ thẹn vậy. (Chương Tận tâm, thượng).

Những người biết hổ thẹn thì không ngậm miệng trước cường quyền được. Quý vị đã từng lên tiếng "góp ý với Đại hội X" đừng nản lòng, hãy tiếp tục góp ý. Đây là góp ý kiến cho đất nước, cho tương lai thế hệ trẻ, cho các nhi đồng đang lội sông bám phà bán vé số; chứ không phải góp ý để giúp các cụ cốp bảo vệ cơ đồ. Nếu mấy tháng trước hô hào tha thiết mà bây giờ mà lại im thin thít, không dám nói gì nữa, thì xấu hổ quá! Mạnh Tử sống vào thời phong kiến mà còn khuyên người ta đừng sợ hãi, đừng chịu nhục. Nếu bị một ông vua chư hầu làm nhục thì sao? Thầy Mạnh khuyên: "Giết một ông vua có vạn cỗ xe thì cũng không khác việc giết một kẻ thường dân (làm nhục mình)." – Thị thích vạn thặng chi quân nhược thích hạt phu. Ông còn suy rộng ra để đề nghị một quy tắc cư xử: "Không sợ hãi các vua chư hầu, hễ nghe nói điều sai quấy thì phản đối ngay." – Vô nghiêm chư hầu, ác thính chí tất phản chi. (Chương Công Tôn Sửu, thượng). Những ai cứ chê bai nhà Nho là không biết tranh đấu đòi tự do ngôn luận, cứ nghĩ Nho giáo tôn sùng chế độ quân chủ, phong kiến độc quyền, đọc mấy câu này chắc sẽ phát tâm đi tìm đọc để hiểu thầy Mạnh hơn.

Tại sao Mạnh Tử, từng đi thăm viếng, dậy dỗ hết vua chư hầu này đến vua khác, mà dám mạnh miệng nói năng như vậy? Có thể ông là người dũng cảm, xứng đáng bậc đại trượng phu uy vũ bất năng khuất. Cũng có thể là vì chế độ phong kiến thời ông sống nó không ác đến mức như bây giờ. Cho nên nếu có những vị mấy tháng trước nói rất hăng mà bây giờ không thể nói được câu nào, chúng ta cũng thông cảm và

chờ đợi. Chắc sẽ còn nhiều thời cơ vàng khác!

Một cuốn hồi ức nhân hậu

Bà Đặng Anh Đào mới in một tuyển tập những hồi ức, mang tựa chung là Tầm Xuân. Bà không phải là một nhà văn chuyên nghiệp. Đọc xong các đoạn ghi chép và hồi tưởng của bà người ta cảm thấy được chia sẻ những niềm vui lành mạnh. Bà kể chuyện đời mình, từng mảng nhỏ trong cuộc đời một phụ nữ đã trải qua những thời gian đầy biến cố của nước Việt Nam từ những năm 1944, 45. Chuyện những tách cà phê buổi sáng, những điếu thuốc lá, hay thú đọc sách của cha; chuyện đi chạy loạn nơi đâu mẹ cũng kiếm ra những bữa cơm đơn giản; hình ảnh những cây sấu ở Hà Nội hoặc bãi cát ở Sầm Sơn, cảnh tấp nập trong đường metro xe điện ngầm ở Paris hoặc đi dạo Di Hòa Viên tại Bắc Kinh. Cuộc đời là những "hạnh phúc đơn sơ, ước mơ nho nhỏ." Tất nhiên, người kể chuyện cũng chứng kiến những hình ảnh đau thương. Những người chết đói năm Ất Dậu trước. Hình ảnh "đứa trẻ sơ sinh đỏ hỏn như một con chuột nhăn nheo, trụi lông, bên cạnh mẹ nó – người con dâu địa chủ trắng nhễ nhại – nằm dưới gầm cái trõng kê dưới vòm cửa"(trang 161). Nhưng tác giả thú nhận, bà "rất ít khi nhớ lại những hình ảnh u ám."

Sống một cuộc đời hơn 70 năm, nhớ lại những cảnh u ám để làm gì? Cho nên trong cuốn sách ghi chép cuộc sống bình thường, cuối cùng chỉ cho chúng ta thấy một tấm lòng trung hậu, giầu tình cảm và cuộc sống nội tâm phong phú. Chúng ta vui mừng chia sẻ chung tấm lòng nhân hậu đó, một tâm hồn Việt Nam đôn hậu, yêu thương cuộc đời.

Báo chí trong nước vẫn cho thấy cảnh những em bé ở thôn quê không đi học mà lại tổ chức đi nhổ những cây cọc bê tông bên đường để đập ra lấy sắt bán cho hàng đồng nát kiếm miếng ăn, nhưng chỉ thấy bên trong là ống tre. Hoặc chuyện những phụ nữ phải đứng xếp hàng cho đàn ông ngoại quốc tới coi chọn mua về làm vợ. Nhưng nước Việt Nam vẫn có những gia đình êm đẹp, lễ giáo, những con người lạc quan, yêu cái đẹp, cái lành, yêu sự thật. Có một chữ trong cuốn Tầm Xuân tôi hiểu nghĩa nhưng không biết nó từ đâu sinh ra, là chữ "cụ cốp." Một đoạn bà Đặng Anh Đào kể có một cụ cốp rất ghét Nguyễn Tuân, đã hạ giá Nguyễn bằng cách khen thân phụ bà sự nghiệp lớn hơn. Cụ Cốp bảo "Nguyễn Tuân làm gì... bằng anh." Thân phụ tác giả, nhà văn Đặng Thái Mai gạt đi: "Tôi sao có bề dầy bằng Nguyễn Tuân!" Cụ Cốp không nói nhưng mắt long lên. Bà viết: "Tôi hiểu ông là người rất ác. Rất đáng sợ khi nhìn vào mắt ông" (trang 103). Trong một đoạn khác, bà Đặng Anh Đào bị con gái một "cụ cốp" quyền lực nhất nước phê phán vì "mất lập trường" (trang 186) chỉ vì tác giả kể chuyện thật: Năm 1981, đi Pháp về ghé Mát cơ va, nửa đêm trên xe lửa bị một đám cảnh sát Nga hoạch hẹ, làm khó dễ, lục tung các túi, vỡ cả cái ấm trà cũng mặc kệ, chỉ để tìm đô la Mỹ. Tác giả đã so sánh với nhân viên hải quan Pháp, chỉ có một người, vừa khám hành lý vừa nói xin lỗi và cảm ơn rối rít.

Bà Đặng Anh Đào kín đáo không bàn chuyện chính trị. Nhưng có lúc bà nêu những câu hỏi để mọi người suy nghĩ. Khi trông thấy cảnh sát Pháp đang chặn một chiếc xe chạy quá tốc độ, bà "trông người lại nghĩ đến ta" và tự hỏi, "không hiểu được vì sao" bọn cảnh sát ở Pháp "họ lại không ăn tiền của người bị phạt?" (trang 292 – 293).

Các cụ cốp nghĩ thế nào?

Tất nhiên, các cụ cốp bao giờ cũng có phương thuốc pha sẵn. Các cụ sẽ bảo phải làm trong sạch đội ngũ cán bộ. Khiếp, làm trong sạch suốt 76 năm trời nay, đến bây giờ là sạch như li như lau rồi còn gì nữa? Chắc bà Đặng Anh Đào cũng có câu trả lời cho thắc mắc của bà.

Con người sống với con người

Trong tập hồi ức, bà Anh Đào kể lại một chuyến thăm Cao Bằng, mảnh đất trong giấc mơ thời trẻ tuổi của bà, với những câu hát về dòng sông Bằng, "Dòng Bằng lững lờ chẩy về đâu?" Bà Đặng Anh Đào ở trong một phái đoàn Hà Nội lên Cao Bằng, được vào ngụ trong một nhà khách đẹp, với toa lét hiện đại lắp những "bồn xí vào loại xịn" dán mác "Cottco."

Nhưng toa lét không có nước.

Cô tiếp viên hướng dẫn phái đoàn, chắc cũng có quyền thế ở khu nhà khách, giải thích là có "trục trặc kỹ thuật." Nước thường được dẫn theo ống cao su từ trên ngọn suối đưa xuống nhà khách, vào toa lét. Nhưng cô tiếp viên cho biết có những người sống trong cái nhà tập thể phía trên đồi đã thản nhiên lấy cái vòi nước ở đầu nguồn, đem bắt vào bể nước của họ. Toa lét nhà khách không có nước, "một hiểm họa cho

những gian phòng khép kín," theo lời kể của bà Anh Đào.

Cái hành động "ăn cắp" vòi nước của người khác đem về chỗ mình ở, một cách thản nhiên, làm chúng ta ngạc nhiên. Ở một xã hội bình thường, người ta không ăn ở với nhau như vậy! Mấy người ở cái nhà tập thể đó chắc phải là những quan chức lớn trong tỉnh, cho nên mới dám tự tiện làm như thế. Suối nước là của trời, của chung, cũng giống như công quỹ, ngân sách nhà nước vậy. Những người có quyền tự cho họ tự nhiên phải hưởng trước thiên hạ! Chế độ độc tài nào cũng sinh ra những hạng người như thế.

Nhưng nhà khách của tỉnh là nơi người ngoài đánh giá cả tỉnh. Tại sao người ta không lo đến danh dự chung nhỉ? Đó là một xã hội mà ngay cả các quan chức cũng không lo tới danh dự chung nữa. Họ có khái niệm về danh dự hay không? Không biết! Nhưng tại sao mọi người không nghĩ tới việc "san sẻ" với nhau một nguồn suối được nhỉ? Tại sao không bắc thêm một vòi cao su khác cho mình, chia nhau mỗi nơi một phần nước suối, ai cũng được dùng? Tại sao phải chiếm đoạt lấy làm của riêng, gây thiệt hại và đau khổ cho người khác như thế nhỉ?

Chắc vì mọi người ở đó đã mất hết các khái niệm về "công ích," "chia sẻ," "cộng tác," quên mất những ý niệm về danh dự, liêm sỉ rồi! Thay vào đó họ thể hiện tính ích kỷ, tinh thần giành giật, dĩ công vi tư, không thẹn thùng. Đọc tới đó phải thấy rất đáng ngạc nhiên.

Nhưng người đọc ký ức của bà Đặng Anh Đào còn ngạc nhiên hơn nữa về thái độ, phản ứng của cô tiếp viên. Đứng trước các hành động bất công, phi pháp và phi luân đó, thường thì chúng ta phải làm gì? Cô tiếp viên cho bà Anh Đào biết cô "sẽ rình để cướp lại cái vòi đầu nguồn" (nguyên văn). Nghe vậy thì phải kinh ngạc thật.

Chúng ta thử nghĩ như thế này: Việc ăn cắp vòi nước như thế rõ ràng là sai trái, nó vi phạm luật pháp của bất cứ xã hội văn minh nào. Nó còn trái với đạo đức bình thường của nhân loại khắp thế giới nữa. Vậy mà tại sao khi thấy người ta ăn cắp vòi nước của nhà khách thì cô tiếp viên không nói đến chuyện cô sẽ lên tận nơi nói mấy câu lễ phép để đòi cái vòi nước lại? Hay là cô đã đòi mà không được? Nhưng nếu đòi không được thì cô phải đầu đơn kiện lên quan trên chứ? Trong xã hội phải có luật pháp, mọi người phải thỏa thuận với nhau cùng tôn trọng đức công bằng chứ? Bà Anh Đào không kể gì đến các biện pháp đạo đức hay pháp luật đó, chắc vì không ai làm cả. Hầu như trong câu chuyện này không ai nghĩ tới đạo công bằng và guồng máy pháp luật cả. Như vậy làm sao người ta có thể sống với nhau theo lối con người sống với con người?

Câu chuyện này cho thấy một vấn đề chung của nước ta: Con người sống với nhau như thế nào? Khi bị đối xử bất công thì phải làm gì? Tại sao mọi người không thể nói chuyện phải trái với nhau? Tại sao không thể nhờ pháp luật xét xử coi ai phải ai trái? Không lẽ chỉ có một phương cách cư xử với nhau là ăn miếng trả miếng, mà lại toàn là những miếng võ rừng: "Mày ăn cắp của bà? Bà sẽ rình, bà cướp lại, cho mày biết tay!"

Tưởng tượng một đất nước rất nhiều người đã quen sống với nhau theo lối đó từ bao nhiêu năm qua. Thử tưởng tượng đồng bào ta đang sống với nhau như thế đấy. Những anh chị em đó đều đã được ông bà, cha mẹ dậy phải ăn ở theo đạo lý: Phải thương yêu, nhường nhịn, phải công bằng, phải hợp tác với nhau.

Nhưng khi ra ngoài xã hội thì tại sao mỗi người lại tự biến mình thành kẻ cướp. Sao lạ như vậy nhỉ? Bà Đặng Anh Đào đã tự kiềm chế không viết một lời phê phán, bà không nói thẳng những nỗi đau lòng khi bà thấy cảnh đó; nhưng chỉ cần kể lại câu chuyện trên cũng đủ rồi.

Kể lại chuyến đi Cao Bằng, bà Anh Đào cũng kể ngay một chuyện vui, để độc giả vẫn tin tưởng ở lương tâm và lương tri nhân loại. Tại cái nhà khách đó, bà gặp một sinh viên người Thụy Sĩ đang tới Cao Bằng nghiên cứu về các sắc dân thiểu số. Anh ta ra bể nước (thành cao quá đầu người), thòng sợi dây buộc cái thùng đỏ xuống bể, kéo từng thùng nước lên đem về phòng dùng. Anh còn lễ phép hỏi các "ma đam" có cần nước thì bảo, anh sẽ đi múc nước đem đến tận phòng giúp (Tầm Xuân, trang 148). Trong cuốn hồi ức Tầm Xuân có những hình ảnh làm ấm lòng người như vậy.

Nhưng người đọc phải tự suy ngẫm về tình trạng luân lý trong xã hội nước ta. Khái niệm về liêm sỉ, về danh dự đã bị thủ tiêu. Đất nước ta vẫn đầy những con người biết hổ thẹn, nhưng họ không thể đem đức tính đó ra làm tiêu chuẩn cho người khác. Tình trạng chung, là rất nhiều người không quen cư xử theo đạo lý, cũng không tin ở luật pháp có thể giữ đạo công bằng. Chắc chắn phải có một nguyên nhân chung nào đó tạo nên tình trạng này. Chúng ta thử nhìn trước

nhìn sau coi có nguyên nhân chung nào không. Chỉ có một thứ, đó là nền luân lý do chủ nghĩa Cộng Sản đem vào áp dụng ở miền Bắc Việt Nam từ thập niên 1950 đến nay. Câu chuyện bà Anh Đào kể xẩy ra trong thập niên 1990. Chủ nghĩa Cộng Sản không cố ý dậy người ta sống vô đạo đức. Nhưng khi họ dùng chế độ độc tài chuyên chế, dùng mọi thủ đoạn để tranh thắng, tuyên truyền dối trá không biết hổ thẹn, tay ăn cắp miệng hô hào đạo đức, thì họ đã phá sạch các nền tảng đạo lý của dân tộc. Điều nguy hiểm hơn nữa là nếp sống phi đạo đức kiểu cộng sản lại đang biến thành nếp sống tư bản hoang dã với nền tảng hỗ trợ của cùng một chế độ độc tài như cũ! Thế rồi đạo đức sẽ đi về đâu?

Đây thực ra là một vấn đề giáo dục hay một vấn đề chính trị?

Bắt tham nhũng ở Mỹ

Nhân mới đọc báo thấy mấy câu chuyện bên nước Mỹ, xin kể hầu quý vị độc giả. Nước Mỹ có hối lộ, tham nhũng hay không? Ở đâu mà chẳng có? Chắc quí vị cũng biết chính phủ Mỹ có ngân sách nhiều tỷ đô la để tái thiết xứ Iraq? Số tiền đó không lớn bằng ngân sách xây dựng mà các PMU ở bộ Giao thông Vận tải Việt Nam quản trị, nhưng cũng đủ làm nhiều người nổi máu tham. Tuần trước tòa án ở tiểu bang Virginia mới phạt công ty Custer Battles LLC 10 triệu mỹ kim, bắt trả lại công quỹ, vì ăn gian khi đấu thầu tại Iraq. Khỏi kể dài dòng các thủ đoạn ăn gian, ai không biết cứ phỏng vấn ông Bùi Tiến Dũng (Dũng cá độ) hay Nguyễn Việt Tiến cũng đoán ra được. Điều đáng nói là: "Làm sao người ta biết mà đem công ty trên ra tòa?"

Câu trả lời có thể làm quý vị ngạc nhiên: Hoàn toàn do tư nhân! Có một ông luật sư Mỹ, sau khi đã đầu tư kiếm nhiều triệu mỹ kim làm vốn, bỗng đổi nghề, chuyên đi làm công việc bắt tham nhũng!

Ông Luật sư Alan Grayson này đi tìm được những "tay trong" ở các công ty thường ăn gian, trong guồng máy tham nhũng hối lộ. Tìm cũng dễ, bởi vì nước Mỹ có một đạo luật mang tên là "Luật chống đòi tiền gian" (False Claims Act). Theo luật này, ai tố giác để khám phá ra một nhà thầu ăn gian của chính phủ thì khi chính phủ đòi lại được số tiền bọ mất, người tố giác sẽ được thưởng, số tiền thưởng có thể lên tới 30 phần trăm số tiền đòi lại được. Vì thế có nhiều người "tay trong" của các nhà thầu sẵn sàng tố cáo xí nghiệp chủ nhân của họ; trước là làm nghĩa vụ của một công dân lương thiện, sau là kiếm chút tiền tiêu. Đạo luật False Claims Act này có từ giữa thế kỷ 19, quốc hội Mỹ làm ra để trừng trị các nhà thầu khai gian trong thời Nội chiến ở Mỹ. Hiện nay có trên 50 vụ kiện áp dụng đạo luật này, tố cáo các nhà thầu cho chính phủ Mỹ, riêng tại Iraq không thôi – trong số các bị cáo có cả công ty Halliburton mà hồi xưa ông Phó Tổng thống Cheney làm chủ tịch. Ông luật sư thất nhiên cũng được người tố giác và thắng kiện trả công, có thể từ một phần ba tới một nửa số tiền thưởng! Luật sư Grayson tìm các nhân chứng tố cáo cũng không khó, vì ai cũng thấy mình có lợi trong khi làm việc nghĩa!

Trên đây là câu chuyện trong lãnh vực công. Trong lãnh vực tư cũng có những vụ tố cáo và trừng phạt những tay gian tham lừa đảo. Chắc quý vị còn nhớ ông Jack Abramoff, ông ta đã "vận động hành lang quốc hội" giúp cho mấy bộ lạc da đỏ mở sòng bài, nhờ quen biết lớn với văn phòng Nghị sĩ Tom Delay. Ông ta lấy mấy chục triệu đô la tiền công, sau bị tố cáo phải đem trả lại mấy ông lãnh tụ bộ lạc khù khờ này. Từ vụ đó, mấy nhân viên cũ của Nghị sĩ Delay đã bị truy tố và thú tội nhiều vụ khác, chính ông nghị sĩ thì phải từ chức, đang chờ ra tòa về mấy vụ khác. Nhờ đâu mà mấy câu chuyện này bị vỡ lở? Nhờ nhà báo. Báo *Washington Post* ở thủ đô Mỹ tìm ra, đăng cả câu chuyện lên, thế là bộ Tư pháp phải điều tra, mà đi điều tra ngay mấy người cùng đảng với ông tổng thống, không chừa ai cả.

Bài học của những vụ "bắt tham nhũng" trên là gì?

Trước hết, hãy thử làm luật lệ tưởng thưởng những người tố cáo tham nhũng, hối lộ. Không những phải bảo vệ họ, phải thưởng công cho họ nữa.

Thứ hai, báo chí phải được tự do. Phải bỏ cái luật báo chí trói chân trói tay bịt miệng nhà báo ở Việt Nam đi.

Những biện pháp giản dị như thế, liệu các cụ cốp có nghe thấy không?

Nếu không thì những đảng viên cộng sản ở Việt Nam phải bắt họ nghe chứ? Không lẽ bao nhiêu thế hệ hy sinh suốt 70 năm để cho mấy cụ cốp ăn uống với nhau, thừa tiền đem đi cá độ hay sao? Không lẽ các đảng viên đều sợ hãi không ai dám nhận danh hiệu "đảng viên trong sạch và vững mạnh" nữa?

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

TRO

Bà thím tôi vướng vào căn bệnh ngặt: ung thư cổ tử cung. Lúc đó là những năm buồn thảm sau cuộc đổi đời. Mọi người thoi thóp sống trong một hoàn cảnh ngặt nghèo đến kỳ lạ. Bà chẳng có thuốc thang gì để tốp lại sự hoành hành của anh chàng bệnh tinh quái. Chỉ có những mẩu sái thuốc phiện viên nhỏ để dằn bớt cơn đau. Trước khi mất, bà nói với các con: "Khi tao chết, chúng bay mang xác đi thiêu, rồi có đứa nào tìm đường vượt biên được thì mang tao ra biển rải tro lên mặt nước cho mát mẻ. Dù chết, tao vẫn không muốn sống trong cái xã hội này." Cuộc toan tính vượt biên muộn màng của bà không thành tuy thể xác bà cũng đã hóa ra tro.

Ông chú tôi định cư ở Vancouver, Canada đã lâu, hình như năm nào cũng về Việt Nam để xây mồ mả dòng họ. Ông rất chí thú trong "công tác" cuối đời này và đã tạo dựng được một khu nghĩa trang bề thế trong đó có xây một ngôi tháp để đặt những hũ tro của những người trong họ chết ở ngoại quốc có chỗ trú. Ngôi tháp vừa hoàn thành. Ông nhận được hình ảnh rõ ràng. Ông làm một chuyến trở về để tận mắt nhìn công trình của mình. Vé máy bay sẵn sàng, hành lý xong xuôi, đúng buổi chiều hôm trước ngày ra phi trường, ông bỗng đột quị vì bệnh tim. Và ông mất ngay tại thành phố tạm dung. Thân xác ông được hỏa thiêu. Và ông cũng về, không cần vé máy bay, trong một chiếc bình nho nhỏ, để làm cư dân đầu tiên trong ngôi bảo tháp do chính ông vẽ kiểu xây cất.

Một bà cụ cư ngụ tại Montreal mới đây đã về thăm quê hương và chẳng may nằm xuống trước khi hoàn tất chuyến đi. Nói là nằm xuống nhưng cụ không được nằm. Vì không có hộ khẩu! Gia đình xin thiêu. Không được thiêu vì không có con cháu đứng ra khai tử. Cuối cùng con phải bay về để lo những thủ tục rắc rối. Sau đó, tro cốt của cụ được mang ra trải trên sông Sài Gòn. Mặt nước bao la chẳng nề hà gì một nhúm tro nho nhỏ!

Chết với xác thân nặng nhọc chôn vùi một chỗ có nhiều cái bất tiện. Như một cỗ máy dính chặt vào một chỗ, muốn di dời gì cũng không được. Nếu đã có cái radio chạy bằng đèn nặng nề kềnh càng chiếm hẳn cả một chiếc tủ được cải tiến thành cái radio transistor để cho các anh bộ đội đeo vào vai đi dạo khắp các chợ, nếu đã có cái điện thoại lằng nhằng dây nhợ cột cứng vào một chiếc bàn nay đã thong dong trên đường bằng chiếc điện thoại di động, nếu đã có chiếc computer nặng nề vướng víu nằm chết dí một chỗ nay đã bay bổng khắp chốn bằng chiếc laptop, thì hà cớ chi mà thân xác con người khi chết phải nằm im trong lòng huyệt với nhiều điều phiền toái? Ai có ý nghĩ "giải thoát" xác thân con người bằng cách... barbecue quả là một ân nhân quí báu. Ngọn lửa hỏa thiêu mang lại nhiều cái lợi. Trên báo mạng Người Việt Online, Giáo sư Nguyễn Văn Phú vừa cho phổ biến một "Thư gửi con cháu" trong đó ông căn dặn kỹ lưỡng: *"Riêng phần bố mẹ, già thì sẽ bệnh, bệnh rồi sẽ... ra đi! Quy luật tự nhiên là vậy. Đến ngày ấy, các con hãy lo thu xếp tổ chức tang lễ cho bố mẹ được trang nghiêm nhưng đơn giản. Nếu chôn cất bố mẹ ở một nghĩa trang thì, sau này, khi phải đi làm ăn nơi khác, các con sẽ thắc mắc vì ở xa không trông nom được phần mộ! Bố mẹ chọn cách hỏa táng, thuận tiện hơn; mà khỏi phải chiếm đất, vì đất rất cần thiết cho các thế hệ sau. Có thể đem trải tro của bố mẹ lên núi hay xuống sông, xuống biển. Cát bụi trở về cát bụi, có gì đâu!"*

Chết một cách... bao la như vậy được mọi người thích. Có người cho xác thân con người như một cánh áo, chết đi là vứt bỏ chiếc áo lại để cho tâm thần nhẹ nhàng phiêu du tới những miền huyễn mộng khác. Vậy thì tiếc chi chiếc áo cũ đã một đời đeo dính lấy hình hài! Đốt cho thành cát bụi rồi tung bay với thiên nhiên chẳng là một cách về trữ tình sao!

Mà chỉ như là đêm sẽ đi
Rồi mai khi nắng lửa thiêu về
Trần gian bay biến vào hư ảo
Ta sẽ mơ bằng tim đã tro.
(Pha Lê)

Nhà văn Trùng Dương, trong bài "Tháng Tư

Ở Bandon," cũng tiễn chồng bằng những nắm tro tàn vung trên vũng biển: *"Palle ra đi vĩnh viễn ba ngày sau đó, sau lần con gái út Christina và tôi vào thăm anh trong khi anh vẫn còn tỉnh và còn đủ sức để nói với tôi là sẽ không đưa tôi đi thăm thú Bandon được. Anh đi vào lúc hai cháu Tony và Tiêu Dao đang trên đường đến Bandon. Hai ngày sau mẹ con tôi đem tro anh trải ra ngoài vùng biển trước ngôi nhà ở Bandon."*

Về một cách yên ổn và... quần chúng hơn là nép vào cửa chùa hay cửa nhà thờ. Hầu như các chùa chiền, mọi nhà thờ nhà thánh đều có một chỗ cho những bình tro. Người ta nghĩ rằng tro được nằm ở những nơi thánh này sẽ được nghe kinh kệ sớm tối, được hoa nến thường ngày sẽ ấm áp và siêu thoát hơn. Chỉ có điều khó lý giải là có nhiều nơi được coi là thánh này chỉ nhận tro với một điều kiện là người gửi phải nộp lệ phí. Một số tiền nhỏ đủ để trang trải phí tổn nhang đèn hay quét dọn thì cũng được đi. Nhưng nhiều nơi đã bắt nộp những món tiền lớn và chia ra đẳng cấp theo sự gần gũi bàn thờ hay sự cao thấp của bảo tháp. Kể cũng khó hiểu! Giai cấp vẫn lẳng nhẳng theo con người khi thân xác đã biến thành tro!

Gia đình tôi nhìn thấy cảnh... đoàn tụ khi người khuất mặt được hỏa thiêu và mang gửi tại nhà thờ Thị Nghè. Ông bà nội tôi mất từ lâu, được chôn cất tại nghĩa trang nhưng khi nghĩa trang bị... đuổi thì gia đình mang đi thiêu cho tiện, tro được gửi tại nhà thờ. Khi cha tôi mất, rồi mẹ tôi theo chân một năm sau đó vào đầu thế kỷ mới này thì hình hài các cụ cũng biến thành tro và về "ngồi" gần các bậc sinh thành. Cứ thế mà quây quần với nhau, sống cũng như chết. Mai mốt đây, tới lượt thế hệ kế tiếp, chắc các cụ cũng... bảo lãnh đoàn tụ!

Hơn là đoàn tụ, bà Venora Galon ở Edmonton, Canada, muốn khít rịt với người chồng quá cố hơn nữa. Bà muốn tro của chồng là ông George Galon lúc nào cũng ở bên mình, lúc nào hai vợ chồng cũng bên nhau mà cái chết cũng chẳng thể làm họ rời nhau được. Làm sao mà kè kè như vậy được? Chẳng lẽ đi đâu cũng ôm theo bình tro tàn của chồng? Bất tiện chết! Bà biết là tro có thể được nén thành đá quý nhân tạo. Nhưng như vậy chẳng... thiên nhiên! Bà muốn xác thân chồng bà được lưu giữ theo tự nhiên hơn. Một ý tưởng nảy sinh. Tại sao không cô đọng tro lại trong một viên kim cương thật? Bà tiếp xúc với một xí nghiệp chuyên về hột xoàn nhỏ tại Tel Aviv, Do Thái, để nhờ họ nghiên cứu thực hiện nguyện vọng của bà. Họ làm được. Bằng cách dùng tia laser đục một rãnh nhỏ trong lòng viên kim cương, bơm tro vào, rồi hàn lại như cũ. Mắt thường không thể nhìn thấy tro trong hột xoàn nhưng có thể thử nghiệm để xác nhận tro nằm trong đó bằng một phương cách không gây tổn hại cho kim cương. Tin về cách giữ tro mới này được đồn thổi khắp nơi. Nhiều người muốn đặt làm. Bà Venora Galon và xí nghiệp Do Thái mở một dịch vụ mang tên Memorial Gems. Họ phục vụ một lượng khách hàng chọn lọc đang càng ngày càng nhiều thêm trên khắp thế giới. Bạn muốn... chơi không? Nếu muốn, bạn có thể chọn kích thước hột xoàn. Cỡ nào cũng có. Toàn loại hột xoàn xịn có giấy chứng nhận đàng hoàng. Thường thì khách hàng thích cỡ nửa ca-ra. Giá cả? Một hột cỡ một phần tư ca-ra giá 2200 đô Mỹ, hột hai ca-ra giá 11.900 đô. Có mắc không? Cỡ nhìn hột xoàn mà cứ tưởng cục đá như tôi thì giá cả là chuyện hết sức mơ hồ! Nhưng theo bà Venora này thì mắc hơn giá hột xoàn trơn khoảng một ngàn đô. Nói vậy cho nó văn hoa chứ cứ trừ đi thì công nhét tro vào hột xoàn là một ngàn đô. Nhưng bà Venora nhấn mạnh: Memorial Gems không phải là một tiệm kim hoàn. Nó chỉ giúp những người có nhu cầu. Vì vậy mọi việc đặt hàng phải qua các ông chủ nhà quàn!

Hỏa thiêu không chỉ có một cách. Nó đã biến hóa nhiều. Tôi vẫn nhớ những ngày người chết bị đuổi ra khỏi nghĩa trang trong những năm sau 1975. Mộ của một số người trong gia đình tôi bị buộc phải đào lên, mang thiêu. Tôi có mặt tại nghĩa trang Thánh Minh Tương Tế, gần rạp Đại Lợi, một rạp hát đã biến thành nhà giam những tù nhân vượt biên hay bị gán cho thuộc loại tệ nạn xã hội. Nghĩa trang như một nhà máy thời... Trung cổ. Họ thiêu xương người ngay tại chỗ. Những lóng xương được đặt trên những miếng tôn đã được đập thẳng, bẻ góc. Lửa được đốt ở phía dưới, thỉnh thoảng xương lại được đảo lên cho đều. Khi xương đã biến thành vôi, người ta dùng chày và cối đá quết cho thành... bột xương rồi cho vào hũ! Ngày nay, ngay tại Việt Nam, người ta đã dùng điện và các phương tiện tân tiến khác để hóa kiếp cho người chết. Nhà văn Trần Thị Ngh., trong truyện ngắn "Mataco, ltd" bằng một giọng văn riêng đã kể

lại cuộc hỏa thiêu thân xác bà mẹ có tám con được nhà văn đánh số chứ không gọi tên. *"Bình Hưng Hòa cơ ngơi ra gì. Phòng nghi lễ lạnh lẽo. Vài tràng hoa tượng trưng được ai đó chọn mang theo từ nhà, dựng sơ sịa trước quan tài. Thầy lại tụng. Số 7 xả tang tại chỗ để hôm sau theo Japan Airlines về Mỹ. Quan tài sau đó được điều khiển cho hạ xuống một cái huyệt ảo. Không có ném đất ném hoa. Số 8 cúi chồm ngó xuống. Vĩnh biệt Gigi. Lúc đó nỗi niềm trào lên nhưng phải nuốt ngược. Màn hình đặt gian bên cạnh cho thấy quan tài được đưa vào lò thiêu; hai phút sau TV có sọc. Không biết, nhưng có thể hình dung. Những lóng xương sụm xuống giống căn nhà bị hỏa hoạn, điêu tàn một nhúm tro. Như thế vẫn ấm áp hơn là để Gigi nằm dưới lòng đất lạnh với bọn dòi bọ tự tung tự tác. Thế là xong. Y như chương trình phát hình mỗi đêm, hết giờ thì có sọc hoặc lấm tấm. Chiều cùng ngày Gigi đã nhập hộ khẩu chùa Già Lam quận Bình Thạnh, nơi người ta gửi cốt tro thân nhân trong những hộc tủ 60x40x30cm có cửa kính trượt lắp khóa. Địa chỉ mới mang số 144 dãy A. Cùng hộ với Gigi là Zorba, con-người-chịu-chơi. Mười chín năm trước ông già tạ thế đúng nơi chôn nhau cắt rốn; địa chủ ngang dọc một thời, ngày tàn không có lấy một vuông đất an táng!"*

Cuộc đoàn tụ muộn màng của Gigi và Zorba cũng giống như cuộc đoàn tụ của dì tôi. Bà góa bụa từ năm vừa tròn hai chục tuổi, khi vừa có đứa con gái đầu lòng. Đó là đầu thập niên 1940 tại miền Bắc Việt Nam. Dì ở vậy nuôi con, thủ tiết với chú Hòa. Sau 1975, dì sang Pháp đoàn tụ với gia đình con gái. Chính tại nơi đây, một cái té đã làm dì tàn phế, chỉ biết nằm bất động. Nghe khi được khi không, nói thì ú ớ, mọi sinh hoạt đều nhờ vào sự săn sóc của con cháu. Điều mong ước duy nhất là được về Việt Nam gặp lại anh chị em và các cháu. Dì không biết là tất cả anh chị em đều đã về với Chúa! Tuy vậy cô con gái cũng đã trù tính cùng hai cháu trai đưa dì tôi về Việt Nam như là thực hiện ước muốn cuối cùng của người mẹ nặng lòng với gia đình. Cô con gái chưa thực hiện được ý định thì dì tôi vĩnh viễn nhắm mắt. Di cốt của chú Hòa tôi cũng chẳng nằm yên được nơi quê cũ. Nhà cầm quyền đã giải tỏa nghĩa trang, gia đình phải ra lại ngoài Bắc bốc mộ, hỏa thiêu và mang về đặt tại nhà thờ Huyện Sĩ. Trong truyện ngắn "Cũng Gọi Là Về," tôi kết chuyện về dì tôi. *"Cô em tôi không quên lời hứa với mẹ. Cô đã đưa dì tôi về Việt Nam. Chẳng cần tới ba người như trù liệu trước đây. Chiếc bình sứ thu nhỏ người dì tôi lại trong chiếc xách tay theo cô em tôi lên máy bay. Cũng là một chuyến về. Lần này là chuyến về quê vĩnh viễn của dì tôi. Chắc dì tôi hài lòng dữ vì cái xác thân tro bụi của dì đã nằm kề ngay bên xác thân chú Hòa trong một chốn trang nghiêm yên ả. Tính ra hai người đã xa nhau vừa tròn nửa thế kỷ."*

Nhà văn Hiếu Chân Nguyễn Hoạt lại đoàn tụ theo một kiểu khác. Kiểu sĩ phu Bắc Hà... di cư rất khảng khái! Ông là một nhà văn nhà báo lừng danh từ thời chính phủ Quốc Cộng, năm 1945, trên tờ Việt Nam Hồn của Quốc Dân Đảng ở Hà nội. Di cư vào Nam, trên nhật báo Tự Do, ông nổi tiếng với mục Nói Hay Đừng ký tên Hiếu Chân và truyện dài Tỵ Bái ký tên Nguyễn Hoạt. Ông cũng là Tổng Thư Ký đầu tiên của Văn Bút Việt Nam cùng với Chủ Tịch Nhất Linh. Sau 1975, khi nhà cầm quyền cộng sản bắt bớ cầm tù các nhà văn nhà báo, không hiểu sao họ... quên ông. Ông tức khí khi thấy việc tự do nhởn nhơ ở ngoài vòng tù tội của mình là một điều sỉ nhục. Ông phải được chia sẻ khốn khó với anh em. Tại sao họ có quyền bắt ông phải tự do trong khi bạn bè ông tù tội? Ông bèn lôi máy đánh chữ ra gõ còng cọc trước mặt công an khu vực. Cuối cùng, ông cũng được toại nguyện. Họ bỏ tù ông. Và ông về theo cách của ông. Một cung cách rất phải đạo với bạn bè. Nhà văn Nhã Ca kể lại trong cuốn hồi ký của bà.

"Trưa nắng. Một người mang áo vải xô, đội mấn gai, chít khăn tang, tay dắt xe đạp, từ phía nhà sách Ngoại Văn, băng qua đường. Anh ta dựng xe vào gốc cây me già, rồi tới trước cửa hàng 142, cúi đầu chào, chờ đợi.

Khi tôi bước ra, người mặc đồ tang nói:

" Thưa cô. Cháu mang Bố cháu lại chào cô."

" Bố cháu?"

Người mặc tang phục, nét mặt trang trọng:

"Dạ. Thưa cô. Bố cháu đây."

Hai tay anh ta chắp lại, xoay người về phía chiếc xe đạp dựng bên gốc me. Sau xe đạp có cột một gói nhỏ, bọc bằng vải xô. Người thanh niên mặc tang phục là chồng của cháu Vĩnh, con rể anh chị Hiếu Chân.

Bị bắt cùng lúc với các anh Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Khánh Giư, Hồ Văn Đồng... từ hồi tháng 5-1985, anh Hiếu Chân vừa chết trong nhà tù Chí Hòa. Gia đình và thân

hữu lo lót. Thượng Tọa Trí Quang và các tăng chùa ấn Quang phụ giúp. Sau bao nhiêu thủ tục quanh co, mới hôm qua thôi, di hài anh vừa được hỏa thiêu.

Tôi đã bước được tới gần chiếc xe đạp. Trong gói vải xô cột sau xe là một cái hũ đất nung. Anh Hiếu Chân. Đúng là anh, tro cốt anh, trong cái hũ đất bọc vải xô kia.

"Từ hồi sáng, Bố cháu đã tới chào bên bác Giư, bác Sỹ. Chào cô xong, bây giờ cháu đưa Bố cháu ra sông Sài gòn. Bố cháu vẫn muốn khi chết tro cốt ông được rải trên mặt sông. Cháu xin phép cô."

Chiếc xe đạp được dắt qua đường, đạp ngược về phía bờ sông. Mới chừng hai giờ trưa. Đường phố vắng lặng.

"Chuyện gì vậy chị Vân?"

Có tiếng hỏi. Một người lối xóm.

"Có gì đâu. Đứa cháu đi qua nhà, ghé vô chào."

Tôi trả lời và ngạc nhiên thấy giọng nói của mình không hề có vẻ gì khó khăn, khác lạ. Vậy mà từ lúc bước ra đứng cạnh hũ tro cốt của anh Hiếu Chân, tôi đã tưởng mình không thể nói nổi thành tiếng.

Cửa hàng kế cận, lại có thêm mấy người bước ra. Bộ tang phục, cung cách khác thường của người con rể anh Hiếu Chân làm lối xóm chú ý. Đừng đứng lại. Đừng vô nhà. Cũng đừng trả lời. Họ sẽ hỏi tới nữa. Tôi băng qua đường, đi dọc theo vỉa hè. Có nên ra bờ sông? Không kịp đâu. Bộ áo xô gai trên xe đạp đã khuất ở góc đường Lê Lợi."

03 / 2006

THỬ

Đi mua tấm áo, manh quần chúng ta có quyền thử coi có vừa, có đẹp không rồi mới mua. Ra chợ mua đồ ăn thức uống chúng ta cũng được nhà hàng mời thử coi có ngon không rồi mới móc hầu bao. Vậy thì "mua" một anh chồng hay một chị vợ, tại sao chúng ta lại không có quyền thử? Quyền quá đi chứ!

Hỏi một ông bạn, ông ấy không đồng ý. Với những thứ lục lục thường tình người ta cho thử, nhưng với những thứ có dán nhãn bảo chứng đồ gin, anh bóc ra thử thì còn gì là gin của người ta nữa! Cái thứ hàng loại... *nature made* mỗi cái là một "niềm riêng" thì không có thử thiếc gì hết!

Hỏi một bậc tiền bối thì cụ gạt phắt ngay. Tụi bay bây giờ khéo hư đốn. Ngày xưa người ta có thử thiếc gì đâu mà cũng cứ nong đâu vừa đấy, chẳng có vấn đề gì cả. Tụi bay phải nhớ là áo không qua đầu được đâu. Xưa sao nay cứ vậy. Cứ phải cưới xin đàng hoàng rồi muốn gì mới được. Khéo bày đặt! Rồi cụ... ca dao:

Ai chồng ai vợ mặc ai,
Bao giờ ra bảng ra bài hẵng hay.
Bao giờ tiền cưới trao tay,
Tiền cheo rấp nước mới hay vợ chồng.

Nói gì thì nói, mặc, giới trẻ ngày nay vẫn cứ thử. Cái sự thử bên đất nước chúng ta đang ngụ cư được coi như mặc nhiên. Chẳng ai lấy đó làm điều. Hãng thăm dò dư luận quen thuộc ở Canada chúng ta, hãng Ipsos Reid, vừa mới hỏi han bằng điện thoại 8431 người trên khắp Canada trong thời gian từ 24 tháng 2 đến 3 tháng 3 năm 2006 về cái vụ thử. Kết quả có 73 % dân Canada được thăm dò đã đồng ý cho thử. Dân Montréal của tôi còn phóng khoáng hơn. Có tới 86% OK cái rụp. Sếp phó của hãng Ipsos Reid, ông John Wright, sau khi công bố kết quả thăm dò, còn băn khoăn: "Tôi thắc mắc rằng không biết hai chục năm trước đây người ta có đồng ý với tỷ lệ phần trăm cao như vậy không? Câu trả lời là không!"

Không đứt đuôi đi rồi. Thế hệ chúng tôi, ba bốn chục năm trước, tiền hôn nhân là một thời kỳ... căng thẳng. Chỉ có thấy bóng người mình yêu đã run như cầy sấy rồi. Ngày đó giống cây si phát triển hơn bây giờ. Tình yêu không có ngực có đùi. Tình yêu nằm trong những giấc mơ. Mà mơ thì vô vọng, có gì thực tế đâu. Cầm được tay nhau đã thấy trời xuống gần rồi. Kéo nhau vào được rạp xi nê thì trời sập từ hồi nào chẳng biết. Còn đâu đất trời mà thử với thiếc!

Bây giờ thì tình hình khác hẳn. Chẳng những ở bên đây mà ở Việt Nam cũng rứa. Trong một cuộc thăm dò dư luận giới trẻ ở Việt Nam mới đây, có tới 90% sinh viên đã OK chuyện sống thử. Trong số này có tới 65% đã thực thụ sống thử rồi! Theo họ, "sống thử tiền hôn nhân là nhằm đảm bảo cho hạnh phúc gia đình sau này."

Nói vậy mà có phải vậy không? Hình như đó chỉ là cái bảng hiệu treo bên ngoài. Bên trong thực ra có khác. Sống thử của giới trẻ chỉ là một cái mốt. Đã là một cái mốt thì không theo chưa phải là dân chơi, chưa... văn minh! Chưa theo được thì... bức xúc lắm! Một anh chàng tên V.C. tâm sự: "Em cảm thấy mình còn

nhỏ quá, chẳng biết cái gì cả. Thấy mấy anh trong nhóm bạn ai cũng sống thử rồi mà em không dám. Mà các anh ấy cũng giỏi khi dám sống thử như thế, chứ em mà làm vậy thì chắc ông bà già cấm cửa mất!"

Đã dám sống thử thì được tôn lên làm đại ca. Nhiều đại ca chịu khó giảng... đạo sống thử cho các đệ tử. Anh chàng công tử bột con nhà giầu H.A. lớn lối: "Cái gì mà tôi chẳng biết. Sống thử chỉ là một chuyện quá bình thường. Tôi đã từng sống thử ba lần rồi. Thường thì yêu nhau một tháng rồi sống thử luôn. Có người sống thử được hai tháng, sau đó chia tay, đường ai nấy bước, thế cũng là quá đủ rồi. Mà cũng phải qua những cuộc sống thử đó mình mới biết người ấy có hợp với mình hay không để còn cưới xin chứ không lấy nhau về rồi bỏ thì còn mệt mỏi hơn."

Một đại ca khác, anh chàng sinh viên Đại Học Kinh Tế khét tiếng ăn chơi A.Q. cũng... giảng: "Thế mày đã sống thử bao giờ chưa? Nếu chưa thì còn bé lắm chú ạ, về nhà mà học lại đi rồi mới ngồi cùng mâm với các anh nhé. Anh mày đây này, sống thử hai lần rồi, toàn với những em xinh như người mẫu. Ở với nhau được nửa năm thì thấy không hợp nên chia tay. Nói chung, sống thử thì thoải mái chứ để đến hôn nhân rồi thì coi như chấm hết."

Nghe giảng thuyết như vậy, những chàng trẻ người non dạ muốn leo lên ngồi cùng mâm với các đại ca đành phải nhắm mắt đưa chân. Một ngựa non đã... tuyên thệ: "Rồi mày sẽ thấy. Hai tháng nữa tao sẽ sống thử cho mà xem! Tao về nói với người yêu, sống thử được ba tháng cảm thấy hợp thì cưới luôn, không thì thôi. Khỏi phải yêu nhau lâu la mất thời giờ!"

Cái loại thử... chết người này thường có những tổn thất. Bên thiệt thòi là bên các cô. Thường thì mọi người nghĩ như vậy, chẳng cần phải nêu lý do. Lý do nó sờ sờ trước mắt. Nhưng dân chơi tóc dài lại nghĩ khác. Như cô sinh viên trường Đại Học Quản Trị Kinh Doanh H.T. đã ngôn: "Sống thử là một chuyện quá bình thường giữa những cặp nam nữ yêu nhau bây giờ. Là một cách tốt cho họ biết có nên ở với nhau lâu dài không? Vì thế, nếu sống thử mà hợp thì cưới xin, không thì thôi, đỡ lằng nhằng thủ tục này thủ tục kia cho đám cưới rồi ly dị. Mà làm thế, cả hai đều thấy nhẹ nhàng, thoải mái." Thoải mái chăng khi theo một cuộc điều tra thì 80% các chàng, sau khi gài vào bụng người tình cái cục u, đã quất ngựa truy phong, chẳng tình chẳng nghĩa gì cả?

Thử có nhiều cỡ. Sống thử là cỡ nặng nhất. Cỡ nhẹ hơn là thử loại... tốc hành. Loại này thường diễn ra ở những nhà nghỉ. Nhà nghỉ hình như là một loại văn hóa mới ở Hà Nội. Đi trên phố phường ngàn năm kinh kỳ Hà Nội, tôi đã thấy nhan nhản những nhà nghỉ. Thường chỉ là những căn nhà nhỏ như một nhà ở bình thường. Bụng tôi nghĩ có lẽ đây là nơi người ta nghỉ trưa chăng? Dân Hà nội bây giờ sang thật! Hỏi bác tài xế tắc xi sao dân Hà Nội ngày nay "la siết" kỹ thế, bác tài vui tính cười xòa. Nghỉ ngơi gì đâu, vào đó mà nghỉ cái gì! Bác cười tiếp, lần này tiếng cười có chất lượng hơn! Có một điều mà báo chí Hà Nội bật mí là cứ ở gần các trường Đại Học là nhà nghỉ mọc lên như nấm. Như trên đường Phạm Văn Đồng, đối diện với trường Đại Học Ngoại Ngữ; đường Hoàng Quốc Việt, gần Đại Học Dân Lập Phương Đông, trường Trung Cấp Du Lịch, Học viện Kỹ Thuật Quân sự, Cao Đẳng Sư Phạm Mẫu Giáo. Thời điểm... căng nhất của các nhà nghỉ là giữa trưa hoặc chiều tối, khi các trường tan học. Vì khách hàng phần lớn là sinh viên nên giá cả cũng rất sinh viên. Một giờ 20 ngàn đồng, nguyên ngày đêm từ 100 ngàn tới 150 ngàn. Các cô cậu sinh viên, vừa trường lớp xong, cặp sách còn trên tay, thản nhiên tạt qua nhà nghỉ tâm tình... cụ thể tỉnh bơ. Cứ như tạt vào tiệm uống một tách cà phê! Nếu khách thuê có xế gắn máy thì nhân viên nhà nghỉ sẽ giữ dùm, dựng quay bảng số vào phía trong tường để bảo đảm bí mật cho... chiến trường!

Nếu ít địa hơn, không với được tới nhà nghỉ thì... cà phê vườn. Không tiện nghi bằng, không kín đáo bằng nhưng cũng gọi là có bến bờ để buồm căng gió lộng. Gọi là vườn nhưng những địa điểm này thường ở ngay trong các ngõ ngách của thủ đô. Có lẽ nó vườn ở chỗ là các vật liệu dùng để quây và che chắn thường là cót ép hoặc mành tre. Nó vườn hơn nữa là không gian của một cặp thường chỉ nhỏ bé như một cái chuồng, trong chỉ vẻn vẹn một cái ghế băng dài và một cái bàn nhỏ xíu.

Muốn không có cảm tưởng mình là một cặp thú nhốt chung trong chuồng thì đi dã ngoại. Chỉ cần vượt cầu Thăng Long hoặc cầu Chương Dương, mất khoảng nửa tiếng đồng hồ, là đã có phong cảnh hữu tình của một miền quê êm ả. Mà êm ả thật vì nơi đây, bên một bờ ao là

những... chòi câu. Ao có cá không thì chẳng ai cần biết nhưng câu được cá là cái chắc! Chỉ cần bỏ ra khoảng 20 ngàn đến 30 ngàn là có thể làm chủ nhân những căn chòi xinh xinh đó cả ngày trời. Tha hồ mà câu!

Không có xế đi xa, không có tiền thuê... bãi đáp, sinh viên vẫn có chốn để... thử như thường. Ngay trong căn phòng trong ký túc xá của trường! Các cậu chung phòng đã có thỏa hiệp ngầm với nhau là khi một người có khách thì các người khác cứ tự động... di tản chiến thuật. Cửa khép, chốt cài, đèn tắt. Khi cuộc cờ đã vãn, cửa phòng sẽ mở ra làm dấu hiệu cho những cánh chim di tản có chỗ hồi hương.

Sinh viên ngoại trú lại có chiêu khác. Họ góp gạo thổi cơm chung. Tiện đôi ba bề. Vừa tiết kiệm, vừa riêng tư, vừa thừa bứa thời gian thử. Tha hồ thử tới thử lui. Những cô cậu này chia ra làm hai loại. Loại... cáy, sợ ông bà già ở quê lên bất gặp, đành phải bóp bụng thuê hai phòng nhưng chỉ ở một phòng. Loại xâm mình thì cứ tiết kiệm chui vào một phòng, chuyện ông bà già lên thăm thì tới đâu tính đó.

HOÀNG HUY KHÁNH

Vàng bướm bên ao

Cánh bướm ngày nao bay đến đây
Bên ao vàng bướm xanh ngàn cây
Áo em màu tím ta còn nhớ
Trong mắt đầy trời mây trắng bay.
Em tựa bên cầu ngắm xa xôi
Bướm kia trong nắng sánh từng đôi
Tình trần e cũng mong manh quá!
Thoáng đó chiều lên nắng xế rồi.
Bên em buổi ấy rồi xa nhau
Em lấy chồng như chuyện trước sau
Tình riêng hạnh phúc em chưa chọn
Đời đã dành cho cuộc bể dâu.
Cánh bướm ngày nao không trở lại
Bên ao cầu gãy gió đùa cây
Nắng vàng trải nhẹ như tơ óng
Gợi nhớ trưa nào bươm bướm bay.
Em và cánh bướm mịt mờ xa
Bay mãi bay trong nỗi nhớ ta
Một góc trời riêng em đâu biết!
Bên cầu ao cũ một mình ta.

Quốc nội đã vậy, quốc ngoại dĩ nhiên phải hơn. Những du học sinh Việt Nam, trong khung cảnh văn minh hơn, trong tâm trạng cô đơn cần xích vào nhau hơn, đã thử búa xua. Anh Nguyễn Quang Ngọc, sinh viên du học bên Anh, đã ca tụng việc sống thử như là một giải pháp trọn vẹn nhiều bề: " Hồi mới sang nhớ nhà và cô đơn kinh khủng. Từ khi về chung sống, chúng tôi như đôi chim non. Bạn gái tôi biết nấu ăn và khéo thu vén nên tôi luôn luôn được ăn các món ăn ngon mà chẳng tốn tiền nhiều. Ở đây giá thuê nhà rất đắt, hai đứa ở chung coi như gánh nặng được chia đôi. Riêng cái khoản nói tiếng Việt thoải mái cũng đủ khiến bạn bè tôi ghen tỵ lắm rồi!"

Sống thử, ngoài những lợi ích... tình cảm, còn lấn sang kinh tế và văn hóa nữa! Cô sinh viên Lê Trang, dân Đà Nẵng, 26 tuổi, du học tại Mỹ, còn thêm vào một khía cạnh lợi ích khác của... thử: cùng nhau trau dồi ngoại ngữ! "Mình sang Mỹ được hơn một năm thì chàng của mình cũng giành được học bổng VEF. Giờ chúng mình sống chung, vừa có điều kiện chăm sóc nhau, vừa có thời gian để mình rèn tiếng Anh cho anh chàng."

Sống thử nó tài tình như vậy nên hầu như phần đông các du học sinh Việt Nam đều cặp đôi. Nhiều vị đã vợ con rồi, đi học tiến sĩ, thạc sĩ, thấy sống thử vui quá nên, tuy chẳng còn tư cách gì mà thử, cũng vẫn cứ nhào vào thử. Có chết con ma nào đâu. Cứ thử cho đã, mai mốt học xong, trở về nước, thì lại châu về hiệp phố như thường. Mồm miệng đã chùi xong, ai biết đó là đâu!

Trẻ cũng thử, già cũng thử, tuổi choai choai thì lại càng muốn thử hơn nữa. Nhiều cô cậu, 17 tuổi, 18 tuổi, xa nhà, thấy cái xã hội chung quanh mở toang hoác, chẳng có một ý niệm gì về cuộc sống lứa đôi, nhưng thấy sống thử vui quá cũng nhào vào... thử. Có cậu trai muốn "khám phá" xem người đàn bà ra sao. Có cô bé sống thử vì "mọi người đều có đôi, em rất lẻ loi."

Thử luôn luôn mang trong nó ý nghĩa tiềm tàng là bước khởi đầu để tiến tới thật. Thử tấm áo, đôi giầy là bước đầu để mua. Thử như vậy mới có ý nghĩa là thử. Chứ thử để mà thử, chán rồi lại đi thử cái khác thì thử là lợi dụng. Trong lối sống thử, các thanh niên thiếu nữ hình như cứ nhắm mắt hành động theo... bản năng. Cứ thử đã rồi... que sera sera!

Trong một cuộc tọa đàm, một sinh viên năm thứ hai Đại Học Ngoại thương đã phân tích rõ ràng: "Sống thử ở Việt Nam mới chỉ bắt chước phương tây về hình thức chứ chưa nắm bắt được nội dung. Các bạn trẻ cũng chưa thực sự vững vàng về mặt tâm lý, kinh tế, nhận thức để sống thử một cách nghiêm túc. Hầu hết đều tìm đến sống thử với nhau vì những lý do không 'bền vững' như: xa nhà, thiếu thốn tình cảm nên cần một chỗ dựa; tiết kiệm bớt tiền nhà, tiền sinh hoạt phí... Chính vì thế rất hiếm các cặp sống thử để tiến tới hôn nhân cũng là điều dễ hiểu."

Cũng tại Việt Nam còn một loại thử khác khá đau lòng. Đau lòng không những cho người trong cuộc mà đau lòng cả... con quốc quốc! Đó là dịch vụ đưa các cô gái Việt muốn lấy chồng Đài Loan, Đại Hàn, Mã Lai... cho các anh ấy thử. Mấy anh cắc ké này, vốn là những người không có khả năng lấy vợ bản xứ vì đui què mẻ sứt, vì già cả hay vì i tờ rít, sang Việt Nam tìm vợ Việt vì... giá rẻ. Đây là một dịch vụ thương mại thuần túy chứ vợ chồng gì. Vậy mà báo chí trong nước cứ khơi khơi gọi là cô dâu Việt, nghe không vừa lỗ nhĩ chút nào cả. Họ làm ô uế chữ "cô dâu" vốn là một hình ảnh rất đẹp, rất cưới xin, rất lễ nghĩa. Tôi vừa nhận được một bức ảnh rất cay đắng về những "cô dâu" này. Trong ảnh là một hàng chừng hai chục thiếu nữ Việt, không một mảnh vải che thân, đứng quay mặt xuống... khán giả là những anh Tàu, anh Hàn tới chọn vợ. Ống kính chụp trực diện không che giấu gì cả. Nhìn kỹ vào các khuôn mặt và cách đứng của đám thiếu nữ này thì thấy mỗi người một vẻ. Không phải là vẻ đẹp nhưng là vẻ ngượng ngùng. Họ phần lớn là những gái quê, có lẽ chưa một lần để lộ hình hài trước mặt người khác, nay phải đứng trần truồng trước những cặp mắt xa lạ để cốt được chọn làm vợ một người lạ hoắc từ phương nảo phương nao tới. Gọi là vợ thì lại làm ô uế chữ "vợ". Chữ "nô lệ" có lẽ đúng hơn. Có khi lại là nô lệ tình dục vì nhiều cô đã gặp trường hợp đem thân làm một món đồ chơi cho cả gia đình gồm người cha và tất cả các con trai trong nhà, nhiều cô phải phục vụ một người tâm thần không ra người, chắc cũng cỡ... cậu chó của nhà văn Trần Đức Lai, nhiều cô đã bị bán cho những ổ mãi dâm sau khi đã ong chê bướm chán. Sau cái màn nồng nỗng trình diện như vậy, nếu được chọn, tiếp theo là những màn thử. Thử ra sao, tôi không muốn nghĩ tiếp. Tất cả nông nỗi đắng cay này chỉ để kiếm vài trăm đô để lại cho bố mẹ trả nợ hoặc làm vốn sinh sống!

Để tiện lợi cho dịch vụ thử, ngày nay các cô gái Việt còn được gửi qua nước ngoài để thử ngay tại chỗ. Khách chẳng cần phải về Việt Nam cho tốn thời giờ và tiền bạc. Báo *Sinacom* ở Singapore, ngày 20/11/2005, đã đưa tin là tại Singapore, các "chú rể" chỉ cần đặt cọc 10 ngàn đô tiền Singapore là có quyền nhận một cô gái Việt về thử trong một tuần. Nếu chịu thì trả thêm 10 ngàn nữa để sở hữu luôn. Nếu không vừa ý thì trả lại, đổi cô khác. Một cô gái Việt nam mới 21 tuổi đã được một ông già 64 tuổi mang về thử. Tưởng là ông già sẽ cưới, cô gái khốn khổ này đã phải chiều chuộng những sở thích tai quái của ông già. Năm ngày sau, ông mang tới trả lại!

Tại Mã Lai, báo *The Star Online*, số ngày Thứ sáu 11/11/2005, đi một bài có nhan đề là "Made-to-order Brides Shocker" cho biết hai cô Thi Kim Huyen, 26 tuổi, và Duong My Tham, 21 tuổi, bị mang tới Kuala Lampur để... thử. Họ tới trong một đoàn gồm chín cô gái đi lao động. Khi tới nơi mới hay bị lừa. Họ bị dẫn tới nhà một người đàn ông 53 tuổi và bị bắt buộc ở lại. Họ thoát được sau đó, tìm tới Tòa Đại Sứ Việt Nam. Tòa Đại Sứ đã đòi mỗi cô phải nộp 1100 RM để cấp giấy tờ du hành khẩn cấp!

Đọc những tin tức loại trên chắc nhiều người trong chúng ta nghĩ tới những cuộc buôn bán nô lệ thời Trung cổ. Nghĩ thêm một chút nữa, chúng ta thử hỏi là trong lịch sử bốn ngàn năm của chúng ta, có bao giờ xảy ra cái trò nhục quốc thể này chưa nhỉ? Con gái Việt ngày nay được các bích chương rao bán trên gốc cây, vỉa hè tại các thành phố ở Đài Loan, Đại Hàn, được trưng bày *live* trong các thùng kính ở Singapore, được phô diễn hình ảnh như một món đồ bán trên mạng internet. Những thân gái Việt nam được bán rao như một món hàng mạt hạng trên nhiều nước Á Châu. Những người có trách nhiệm với đất nước hình như họ không biết đỏ mặt. Lạ thật! Có lẽ họ đang cầm quyền... thử!

04/2006

Website: www.songthao.com

Gặp chú Voi buồn, nghĩ về tương lai Phật giáo

THỦY CÁNH LƯU

Phố xá Bangkok phát triển ngổn ngang, bừa bãi. Dù đã xây thêm các vành đai xa lộ chạy giữa trời quanh thành phố nhưng nạn kẹt xe vẫn không giảm. Khói bụi, hàng lớp xe nối nhau, người chen nhau đi giữa ngày, người nằm ngủ trên vỉa hè giữa đêm. Có những con đường ở khu trung tâm nhìn bằng mắt như sạch và đẹp nhưng mùi khai thì đến ngạt thở. Có lẽ người Thái làm du lịch giỏi vì họ biết phô trương khía cạnh nổi bật nhất của đất nước họ, như chùa chiền, và biết che đậy các phần tối nằm song song hay lẫn trong các màu sắc rực rỡ của miếu đền.

Tôi đến Bangkok vài ngày sau khi dân chúng thủ đô vừa buộc được ông Thủ tướng tham nhũng phải từ chức. Đường phố đã ngưng các cuộc biểu tình nhưng vẫn nhộn nhịp. Thái Lan trong mấy năm qua có ba biến cố lớn. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997, trận sóng thần năm 2004, và biến động chính trị đầu năm 2006. Nhiều người mừng cho nước Thái ngày càng trưởng thành trên con đường dân chủ. Có vẻ như sau mỗi biến cố Thái Lan như khá hơn, nhiều dấu hiện lạc quan hơn.

Mỗi biến cố hay mỗi một hiện tượng thấy được, hay làm cho người ta chú ý, thường là sự phản ảnh của một hay nhiều vấn nạn tiềm tàng và triền miên. Sự nảy sinh một hiện tượng giống như sự xuất hiện của một ung mủ trên da thịt người, điều mà ai cũng biết không phải 'tự nhiên' mà có cái ung nhọt. Nó phải là tích tụ của 'nóng', như ăn cay nhiều quá, uống rượu nhiều quá, ít uống nước hay do các nguyên nhân mà y khoa đã biết, chẳng hạn. Theo dòng suy tư đó thì không phải tự nhiên mà Bangkok kẹt xe triền miên và bị khủng hoảng tài chính. Đó là kết quả của sự phát triển ồn ào thiếu đầu tư chiều sâu, nói theo danh từ bây giờ là phát triển thiếu bền vững. Không phải tự nhiên mà ông Thủ tướng từng được coi là nhân vật của người nghèo lại tham nhũng và độc tài. Đó là kết quả của lòng tham. Và không biết có phải là một sự tình cờ không mà sóng thần không tàn phá đồng đều các bãi biển của đảo Phuket, nó chỉ đánh nặng vào bãi Patong của Phuket, nơi tập trung đông nhất các quán bar trên hòn đảo du lịch, vừa dọn sạch khu vực này nhưng cũng gây biết bao tang tóc và đổ vỡ.

Đó là những điều tự nhiên và thoạt như không tự nhiên. Chúng ta thường đồng ý một sự việc là hiển nhiên nếu giải thích được. Còn những biến cố được coi là không hiển nhiên là vì không giải thích được, mình thường đổ lỗi do trời hay tìm chỗ dựa nơi tôn giáo. Ừ thì cũng là một cách giải thích chứ biết nói làm sao.

Không có cái này thì không có cái kia. Gọi là nhân và quả, hay nhân cũng là quả mà quả cũng là nhân. Nhưng cứ giải thích như thế trước một hiện tượng nào đó thì thật tiện nghi quá, bởi vì dù cắt nghĩa đúng nhưng chưa hẳn đã làm người ta thỏa mãn. Con người có khuynh hướng ngay cả một vấn đề tinh thần cũng phải căn cứ vào một cái gì cụ thể, tức căn cứ vào một hay các hiện tượng vật chất thì mới thực sự an tâm. Thí dụ như nhiều người đồng ý rằng Thái Lan là một xứ Phật giáo, không những thế mà còn là một xứ mà Phật giáo rất thịnh. Mình đồng ý với nhau như thế mà không thắc mắc gì nhiều bởi có rất nhiều hiện tượng ở Thái Lan để chứng minh sự suy nghĩ chung này: chùa chiền rất nhiều. Cố đô của Thái Lan là Ayutthaya có hàng trăm ngôi chùa cổ, lớn, được công nhận là Di sản Thế giới. Thủ đô Bangkok ngày nay cũng có vài trăm ngôi chùa, trong đó có vài chục ngôi chùa lớn, nổi tiếng, trở thành các điểm du lịch. Đó là các hiện tượng thực tế, nhưng sống động và thuyết phục hơn cả khi nói Thái Lan là xứ sở của Phật giáo, là hình ảnh các vị sư áo vàng mà người ta có thể gặp mọi nơi trên đường phố, ở thôn quê. Người Thái chào nhau bằng hai bàn tay chắp lại, cung kính hướng đến người đối diện. Một biểu hiện không còn cái-tôi, sinh động dễ thương như huyền thoại, ngay giữa những phố chợ đông đúc bát nháo. Không ai có thể phủ nhận các biểu tượng của Phật giáo phản ảnh trong đời sống của người

dân Thái. Nếu căn cứ vào các cử chỉ đó, căn cứ vào các hiện tượng vừa vật chất vừa tinh thần như sự nguy nga của các ngôi chùa và đền miếu, người ta có thể hài lòng kết luận rằng người Thái Lan rất sùng đạo.

Có một buổi tối tôi lang bang ở một khu phố của Bangkok. Đây là nơi có nhiều con đường nhỏ dành cho người đi bộ, hai bên lối đi có các quầy bán áo quần, quà lưu niệm, các xe bán thức ăn chen nhau san sát. Người ta đi lại tấp nập, chật chội. Họ ngồi nhậu nhẹt hút thuốc ngay trên các ống cống và nước thải bẩn thỉu, tiếng nhạc ồn ào từ các quán bên đường vọng ra, các con đường và lối đi chìm trong tiếng ồn và tiếng người đến như bầu không khí đặc lại. Tôi chợt thấy một thanh niên Thái đứng ngay giữa một con đường nhỏ, bên cạnh một con voi, giữa mấy người da trắng nước ngoài. Con voi cao khoảng một thước rưỡi, thân hình nó đảo qua đảo lại và cái vòi cong lên cong xuống giữa mấy người vây quanh nó. Người chủ voi đứng bên cạnh cầm một túi nhựa đựng các khúc mía ngắn và nhỏ khoảng hai đôi đũa ghép lại. Anh ta bán mía cho người đi đường để cho voi ăn. Một người ngoại quốc mới mua một khúc mía, anh ta quơ đi quơ lại trước con voi để đùa, một khi cái vòi chú voi quơ vô khúc mía để xin thì anh ta lại nhanh chóng chuyền qua tay khác để tránh hay hất bàn tay cầm mía qua hướng khác. Anh ta cứ đùa giỡn như vậy. Nhờ đứng gần tôi thấy rất rõ, dưới ánh đèn đường, đôi mắt chú voi nhọc mệt đảo theo hướng khúc mía nơi tay người nước ngoài. Đôi mắt nó lờ đờ, như phủ một nỗi buồn không thể nào tả được, có vẻ như vừa lạc lõng, ngơ ngác, vừa van nài, chịu đựng. Chỉ ở ngay điểm giữa con mắt nó có một màu sáng nhỏ bằng đầu cây kim là long lanh, không biết do phản chiếu ánh sáng của đèn đường hay tự con ngươi nó vốn như vậy. Cái điểm sáng lung linh đó thỉnh thoảng toé lên một sức sống thiết tha, nhưng bao quanh điểm sáng ấy là cả một màu mắt bơ phờ khổ nhọc. Tôi không biết con voi nhìn con người to hay nhỏ, cũng không biết nó có nhìn ra màu sắc không, chỉ thấy cả cái tròng đen xanh màu lá cây nhạt của nó hiện lên một vẻ thiểu não lạ lùng, khi nó đảo mắt để nhìn khúc mía thì hiện ra một chút lòng trắng ở góc mắt, cái chút màu trắng ấy chạy lên chạy xuống theo khúc mía đung đưa trước cái vòi của nó. Chợt nó quỳ hai chân sau xuống, tôi thấy ngay không phải tự nhiên nó quỳ mà do hiệu lịnh từ người chủ: nó quỳ ngay khi anh ta kéo rịt lỗ tai của nó một cái, hai chân trước vẫn chống, đầu lắc lư qua lại. Liền sau đó anh ta lại rịt lỗ tai nó một cái nữa, chú voi nằm bẹp xuống cả bốn chân, thế rồi anh ta lại rịt thêm một cái nữa, lần này thì chú voi nằm lăn quay ra một bên, người chủ tức tốc ngồi ngay lên trên cổ nó, một tay đè lên má của chú voi. Đến lúc này thì người du khách da trắng mới chịu đưa khúc mía cho chú voi trước khi cười ha hả bỏ đi.

Tôi không nghi ngờ gì là người chủ của chú voi là một người nghèo, đã huấn luyện nó để kiếm sống. Anh ta đã bắt (hay mua) và dắt chú từ một khu rừng nào đó, tập tành cho chú cách xin ăn rồi đưa chú về thành phố, đứng ăn xin ngay giữa những con đường đông nhất Bangkok, trong tiếng nhạc kích động, trong ánh đèn đường nhàn nhạt màu xanh đỏ nhảy múa, cái đầu nó lúc lắc lảo đảo, cái vòi nó đưa qua đưa về ngơ ngác giữa đường.

Thái Lan không chỉ là xứ sở có rất nhiều di tích và hiện tượng Phật giáo, mà còn là nơi có nhiều voi. Ai đi vào các quầy bán quà lưu niệm đều thấy nhiều nhất vẫn là các tượng Phật và hình voi lớn nhỏ. Trong các tua du lịch thì trỗi bật nhất là các chuyến tham quan cỡi voi và viếng thăm chùa chiền di tích.

Cũng như bên Trung Quốc, các chùa dành cho khách du lịch chỉ có mục đích triển lãm. Ở Bangkok có hai chùa nổi tiếng là Wat Pho và Wat Arun. Trong chính điện của Wat (Chùa) Pho có một tượng Phật nhập Niết bàn rất lớn, đi hết các chùa nhỏ và tháp nằm trong khuôn viên của Wat Pho phải mất vài tiếng đồng hồ. Có nhiều tượng Phật lớn bằng tượng Phật ở trong chính điện như thường thấy ở một ngôi chùa Việt Nam, được đặt trong tủ kiếng sắp lớp dọc theo hiên chùa. Các tháp được kiến trúc đẹp đẽ và công phu. Còn Wat Arun nằm bên kia sông, có một cái tháp cao chọc trời cũng rất đẹp. Nhưng cả hai ngôi chùa hoành tráng này lại nằm trong một bối cảnh có thể coi là phản ảnh sự 'phát triển không bền vững' của Thái Lan. Bên trong Wat Pho có một phòng để mát-xa và hai bàn coi bói cho du khách. Còn bên cạnh cái tháp đẹp đẽ của Wat Arun thì có một cột ăng-ten chọc trời, cũng cao bằng cái tháp. Nói chung, hai ngôi chùa nổi tiếng này, và các ngôi chùa khác chỉ thoả mãn sự tò mò của khách du lịch. Vì vậy dù cố giữ vẻ trang nghiêm như vô điện phải cởi giày, người địa phương sùng

đạo thắp nhang hay khá giả hơn thì dát vàng lá lên tượng Phật, nhưng dường như không có bầu khí u nhã trầm lắng của một ngôi chùa.

Tôi cũng đã đến một ngôi chùa rất lớn chỉ cách phi trường Bangkok độ 20 cây số, chùa Pháp Thân (Dhammakaya). Trên khuôn viên rộng bát ngát, sau chính điện hình vòm màu vàng rực rỡ dưới ánh nắng là một hội trường rộng mênh mông có sức chứa cả trăm ngàn người. Trung tâm này còn là nơi thường xuyên tổ chức dạy phương pháp tọa thiền, nơi huấn lịnh cảnh sát, sinh viên. Hàng nghìn người dân địa phương mặc áo quần trắng sắp hàng đi vào hội trường sau các vị sư áo vàng. Ngay ở giữa hội trường là bức ảnh vị sư sáng lập rất lớn. Mọi thứ ở đây đều ngăn nắp trật tự, cả ngàn người mà không ồn ào lắm, tiếng giảng bài trên loa phóng thanh nghe rõ ràng trong hội trường mêmh mông. Tôi tin chắc rằng dù không hiểu tiếng Thái, nhưng lời giảng của vị sư người Thái Lan trên hệ thống âm thanh ít nhất cũng phải là những lời dạy bảo tốt đẹp.

Đây là một quốc gia mà Phật giáo là quốc giáo.

Một xứ sở có hàng chục ngàn ngôi chùa.

Đi đâu cũng thấy các thầy, đi đâu cũng thấy người ta chào nhau bằng hay bàn tay chấp lại hiền hòa.

Ở các nơi buôn bán ồn ào cũng thấy bàn thờ, ở rất nhiều góc đường bàn thờ Phật được tôn trí trang trọng.

Ngay cả trong các khách sạn lớn nhỏ cũng tôn trí tượng Phật.

Nhiều người dân đi chùa cúng dường bằng cách dát những miếng vàng lá nhỏ óng ánh lên tượng Phật.

Không còn nghi ngờ gì Thái Lan có quá nhiều các hình tượng và biểu tượng của Phật giáo.

Tại sao một nơi sùng đạo như vậy nhưng vẫn không làm ảnh hưởng đến một chú voi khốn khổ ăn xin hằng tối ngay giữa đường phố đông đúc! Tại sao nhìn đâu cũng thấy số đông bày tỏ những cử chỉ hướng thượng hiền lành nhưng rồi chú voi kia vẫn bị bắt đứng chợ hàng đêm! Tại sao người ta đua nhau đi chùa, cung kính lễ Phật, cung kính chào nhau, tôn trí hình voi đứng chầu xung quanh tượng Phật, tai nghe những lời dạy tốt đẹp, nhưng người ta không làm gì cả trước một chú voi còn sống — mà những người đi chùa nghe kinh đều hiểu nó cũng là một chúng sanh, để vẫn bắt nó xuống phố làm người thay vì trả thiên nhiên về với thiên nhiên.

Con người có khuynh hướng sống lười trong một tín ngưỡng rất sống động. Thích thờ phụng hình tượng trong khi chính ra, ý nghĩa to lớn nhất không phải chỉ sì sụp cúi lạy một hình tượng bất động.

Ý nghĩa to lớn nhất là thực hành lời dạy mà vì có các lời dạy đó, con người của đời trước dựng nên các hình tượng như một hình thức nhắc nhở, chứ không phải một cứu cánh để phụng thờ. Vì thế hẳn là hữu ích hơn để thay vì chỉ dát những miếng vàng lá lên tượng Phật, thì hãy dùng nó để tạo môi trường để trả thiên nhiên về lại thiên nhiên. Thay vì tụ tập đình đám, nói những điều hướng thượng thì tốt đẹp hơn, im lặng thực hiện những lời vàng đã được nói lên từ hàng nghìn năm trước. Thay vì chẻ nhỏ phân tích những nghĩa lý sâu thẳm không chắc đã vì mục đích học hỏi mà để thỏa mãn trí tò mò thì hãy im lặng hành hương bằng hành động ngay giữa chợ người.

Ở Thái Lan, ở Trung Quốc, ở Đài Loan, có những tượng Phật và ngôi chùa lớn nhất thế giới. Dân chúng ở các nơi ấy đang xây dựng niềm tin và bày tỏ niềm tin, nhưng đó không phải là cách duy nhất để giữ gìn đạo Phật theo tinh thần nguyên thủy. Một ngôi chùa lớn chỉ có ý nghĩa nếu coi nó như là phương tiện để người ta quây quần nhằm thực hành lời vàng của gần ba nghìn năm trước. Bởi lẽ nếu coi việc xây chùa lớn là cách duy nhất để giữ gìn tinh thần Phật giáo thì cũng như tin rằng khi quân Taliban của Á Phú Hãn nã đại pháo vào tượng Phật, họ đã thành công trong việc tiêu diệt Phật giáo. Quân Taliban đã thất bại khi bắn vào tượng Phật. Lính Trung Quốc cũng thất bại khi phá hủy chùa chiền của Tây Tạng. Họ chỉ thành công trong việc phá hủy hình tượng, còn tinh thành của biểu tượng đó vẫn như nguyên.

Người Thái có phong tục tát nước lên nhau trong ngày tết của họ, cũng là một biểu tượng của tẩy sạch cấu uế trên thân thể và tinh thần. Tôi đến Thái trong những ngày cuối năm của họ. Dân chúng đi chùa lễ bái đông đúc hơn. Nhưng tôi vẫn không thấy có sự liên hệ nào trong các hành vi của họ với chú voi con đứng ngơ ngác giữa chợ đêm. Người ta vẫn trang trọng với các hình tượng rực rỡ của miếu đền và bỏ quên một sinh vật sống động. Buổi tối hôm sau, chú voi vẫn còn đó, đứng giữa hai quầy bán quần áo, giầy dép, quà lưu niệm. Đầu chú lắc lư, đôi mắt nhạt nhòa lạc lõng.

Bangkok, Tết Thái 2006

Đối Lập Chính Trị Thời Đệ Nhất Cộng Hòa:

Vụ Thủ Tiêu Ông Tạ Chí Diệp

TRẦN ĐÔNG PHONG

Trong chín năm ông Ngô Đình Diệm cầm quyền, về phương diện chính trị, chỉ có một chính đảng và một phong trào được chính thức cho phép hoạt động tại miền Nam, đó là *Đảng Cần Lao Nhân Vị* và *Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia,* hai đoàn thể này được chính quyền từ trung ương đến địa phương yểm trợ tối đa và gần như đại đa số dân biểu trong quốc hội cũng như hầu hết các vị tỉnh thị trưởng, các vị tư lệnh sư đoàn đều thuộc hai tổ chức chính trị này.

Tạ Chí Diệp

Theo một bản phúc trình của Bác sĩ Trần Kim Tuyến gửi cho ông Ngô Đình Nhu, người được xem như là nhân vật lãnh đạo Đảng Cần Lao Nhân Vị thì "*Đảng Cần Lao không sinh ra chính quyền mà chính quyền sinh ra đảng. Đảng Cần Lao không lãnh đạo Tổng Thống Ngô Đình Diệm được. Để hậu thuẫn cho chính quyền, đã có các công chức thuộc Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia là những người ăn lương của chính phủ, còn người của đảng Cần Lao sống như thế nào? Họ không có lương do đó họ phải tìm cách để sống, để tồn tại. Từ chỗ này đưa đến tham nhũng. Tình trạng tham nhũng trước còn nhỏ, sau lan rộng, gần như trở thành một bệnh dịch. Như vậy có thể kết luận rằng tổ chức Đảng mà ăn bám vào chính quyền là điều tai hại...*" [1]

Ông Nguyễn Trân, một người từng theo ông Ngô Đình Diệm từ trước năm 1954 cũng có nhận xét về hai đoàn thể này như sau:

"*Cả hai đảng Cần Lao và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia tuyệt nhiên không có một lý thuyết gì xây dựng để cải tiến con người và xã hội, Một người giữ một chức vụ chỉ huy hành chánh hay quân sự thì được giao cho một chức vụ trong Đảng hay Phong Trào: Tư Lệnh Vùng hay Sư Đoàn trưởng kiêm chức quân ủy, tỉnh trưởng kiêm chức Bí Thư Tỉnh, quận trưởng kiêm chức Bí thư Quận v.v.*" [2]

Về sau, chính quyền Ngô Đình Diệm còn tổ chức thêm *Phong Trào Thanh Niên Cộng Hoà* dưới quyền lãnh đạo của Ngô Đình Nhu và *Thanh Nữ Cộng Hoà* cùng với *Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới* dưới sự chỉ đạo của bà Ngô Đình Nhu. Chính quyền Ngô Đình Diệm nghĩ rằng hai tổ chức Thanh Niên và Thanh Nữ Cộng Hòa, riêng con số đoàn viên Thanh Niên Cộng Hòa trên toàn quốc cũng đã lên đến trên một triệu người, là nòng cốt của chế độ, tuy nhiên đến khi quân đội làm đảo chánh vào ngày 1 tháng 11 năm 1963 thì không hề thấy một anh Thanh Niên hay một chị Thanh Nữ Cộng Hòa nào đứng ra ủng hộ hai vị lãnh tụ là Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố vấn Ngô Đình Nhu cả. Ông Nguyễn Trân cho biết rằng trong số những tướng tá tham gia vào cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 thì chỉ có "*Trung Tướng Dương Văn Minh là người không theo đảng Cần Lao, Thiếu Tướng Mai Hữu Xuân thì có xin gia nhập đảng Cần Lao nhưng không được chấp nhận, còn tất cả là đảng viên Đảng Cần Lao cầm quân đánh Đảng Trưởng và Lãnh Tụ Đảng...*" [3]

Ông Nguyễn Trân nhận xét rất đúng, tuy nhiên ông còn thiếu một điểm: đó là trước khi đám sĩ quan này gia nhập vào Đảng Cần Lao thì vào năm 1954, khi ông Ngô Đình Diệm mới về nước, họ đều là đảng viên của "***Đảng Con Ó***" do Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh thành lập trong quân đội để chống lại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm

Trong khi các đoàn thể chính trị của chính

quyền được hoạt động và được yểm trợ một cách công khai như vậy thì tuy không chính thức bị cấm đoán nhưng các chính đảng và đoàn thể chính trị khác đã từng hoạt động trước khi ông Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Duy Dân, Dân Xã Đảng (Hoà Hảo), Việt Nam Phục Quốc Hội (Cao Đài), Nhóm Tinh Thần, Phong Trào Tranh Thủ Tự Do v.v. lại vẫn thường bị chính quyền gây khó dễ, bị theo dõi bởi các cơ quan như Sở Nghiên Cứu Chính Trị của Bác sĩ Trần Kim Tuyến, Tổng Nha Cảnh Sát và Công An, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung v.v., do đó những người nào muốn tham gia vào các hoạt động chính trị thì cũng gặp phải rất nhiều khó khăn, bị mất việc, bị vào tù ra khám và đôi khi cũng có thể nói là nguy hiểm đến tính mạng.

Nhà báo Đỗ Tiến Đức hiện nay là chủ nhiệm Báo Thời Luận tại California có kể cho người viết bài này về kinh nghiệm bản thân của ông hồi năm 1955: khi đó ông mới di cư vào Nam và đang trú ngụ tại Trại Thanh Niên Sinh Viên Học Sinh Di Cư dành cho những thanh niên di cư không có gia đình gần trường đua Phú Thọ. Vì cần có tiền để tạm sinh sống, ông và nhà thơ Hà Huyền Chi đã nhận báo mang đi bán. Ông Đức nói rằng cả hai ông cũng chẳng cần biết đó là báo gì và của ai, miễn là kiếm được chút tiền còm để sống tạm qua những ngày mới chân ướt chân ráo ở miền Nam. Chẳng may cho ông là tờ báo mà hai ông nhận mang đi bán là báo của Đảng Đại Việt, do đó mà chẳng ít lâu sau cả ông lẫn Hà Huyền Chi đều bị bắt. Ông Đức nói rằng cả hai ông bị Công an của chính phủ Ngô Đình Diệm tra khảo để truy tầm cho ra những người đảng viên Đại Việt chủ trương tờ báo mà ông chỉ là một anh bán báo thì làm sao biết được họ là những người nào. Thế là cả hai ông bị tra tấn, đánh đập vô cùng dã man dù lúc đó cả hai người còn ở tuổi học sinh chưa tới 18 tuổi. Về sau nhờ có những người tù lớn tuổi chỉ bảo, khuyên Đỗ Tiến Đức và Hà Huyền Chi nên khai là họ "*theo bọn Bình Xuyên chứ không phải theo đảng Đại Việt*," nhờ đó mà ít lâu sau cả hai ông đều được trả tự do. Ông Đỗ Tiến Đức về sau theo học tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và từng giữ nhiều chức vụ điều khiển tại Bộ Thông Tin, còn Hà Huyền Chi thì về sau trở thành một sĩ quan cao cấp trong quân đội và một nhà thơ rất nổi tiếng tại miền Nam.

Cụ Đoàn Văn Thái, cựu Phó Tỉnh Trưởng Bình Định, có quen biết cả ông Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn khi cùng tham gia vào Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hòa Bình để vận động đưa ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh vào đầu năm 1954, cũng có kể lại cho người viết nghe về những đòn tra tấn tại Công an khi ông cùng với một số đồng chí trong đảng Đại Việt bị bắt giam vào năm 1956: "*Tôi bị Đặc Cảnh Miền Đông của Tống Đình Bắc giăng lưới bắt với gần 40 đồng chí giữa năm 1956 cho đến 1962. Trong tù tôi bị công an đánh đập gảy cả xương sườn. Tôi có cởi áo chỉ cho Tống Đình Bắc thấy chỗ tôi bị nhân viên công an tra tấn, ngực bị nám đen... Tống Đình Bắc sau đó cho kết thúc hồ sơ rồi tôi bị đưa vào giam tại trung tâm cải huấn Tam Hiệp...*"

Trường hợp cụ Đoàn Văn Thái, dù là người có quen biết rất thân thiết với các ông Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn, và 40 đồng chí của cụ bị tù trên sáu năm trời chỉ vì họ là đảng viên của Đảng Đại Việt cho thấy chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với đảng Đại Việt nói riêng và các đảng chính trị khác vào thời đó "*cởi mở*" như thế nào.

L.M. Cao Văn Luận: Ông Diệm là người có óc độc tôn

Linh Mục Cao Văn Luận được xem như là một trong những người ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm gần như tuyệt đối khi ông mới về chấp chánh và cũng là người được xem như là cố vấn thân tín của ông Diệm trong gần chín năm trời, tuy nhiên Linh mục Luận cũng đã phải có vài nhận xét không lấy gì làm tích cực về cái nhìn của ông Diệm đối với các đảng phái chính trị như sau:

"Tôi phải công nhận rằng ông Diệm là một người có óc độc tôn, nếu chưa phải là độc tài. Ngay từ đầu ông đã cho rằng chỉ nên có một đảng duy nhất, có lẽ ông cho rằng để chống lại cộng sản thì phe quốc gia không thể rơi vào những hỗn loạn chính trị do chế độ đa đảng gây ra, cho nên ông không muốn tại miền Nam có trên hai đảng. Về mặt nổi, ông thành lập Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và trong bề sâu của sinh hoạt chính trị, ông dựng Đảng Cần Lao Nhân Vị.

"Cái tinh thần độc tôn này được biểu lộ trong cách đối phó với các đảng phái quốc gia, tuy không hoàn toàn ủng hộ ông Diệm nhưng lại không chịu sát nhập vào Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia của ông. Tôi còn nhớ một hôm tôi đang

*ngồi trong Dinh Độc Lập, hình như khoảng đầu năm 1955, thì có một đoàn biểu tình kéo đến trước dinh. Đoàn biểu tình này do các cán bộ của một đảng khá quan trọng lúc bấy giờ tổ chức, đó là Phong Trào Tranh Thủ Tự Do của các ông Giáo sư Vũ Quốc Thúc (Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia), Bùi văn Thinh (Bộ Trưởng Nội Vụ.) Tôi tưởng rằng thế nào ông Diệm cũng ra trước Dinh tiếp đại diện đoàn biểu tình, nhưng chuyện xảy ra trái với ý nghĩ của tôi: Ông Diệm đã ra lệnh cho đơn vị phòng vệ Phủ Thủ Tướng canh gác nghiêm mật rồi ông vẫn bình tĩnh ở trong dinh cho đến lúc đoàn biểu tình chán nản rồi tự giải tán. Sau đó ít lâu, Bùi Văn Thinh đang làm Bộ Trưởng Nội Vụ bị mất chức và cho đi làm đại sứ tại Nhật Bản (*Linh mục Cao Văn Luận không nhắc đến trường hợp Giáo sư Vũ Quốc Thúc sau đó cũng mất chức Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam)....

"Cũng trong thời gian này, phiá bên Công giáo có một lực lượng chính trị khá quan trọng là "Tập Đoàn Công Dân Tôn Giáo." Ông Diệm và ông Nhu không bằng lòng cho lực lượng này hoạt động nhưng cũng hơi kẹt. Ông không muốn dùng các phương thức áp lực hay đàn áp.

"Một hôm ông Diệm nói chuyện với tôi: 'nước mình đang có quá nhiều mầm giống hỗn loạn. Theo ý tôi, chỉ nên có một Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và một đảng chính trị duy nhất là Cần Lao. Bây giờ có phong trào Tập Đoàn Công Dân do Đức Cha Phạm Ngọc Chi lãnh đạo, tôi sợ rằng như thế không có ích lợi gì. Tôi muốn nhờ cha nói với Đức Cha Chi cho Tập Đoàn Công Dân sát nhập vào Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Cha nghĩ sao?'

"Tôi ngần ngại thưa ông: 'Tôi không biết chắc Tập Đoàn Công Dân có thực sự do Đức Cha Chi lãnh đạo hay không, bởi vì về mặt công khai chúng ta không thể nói chắc chắn Đức Cha Chi lãnh đạo Tập Đoàn Công Dân. Trên danh nghiã, Đức Cha Chi không có chức vụ quan trọng gì trong tổ chức này cả. Hơn nữa tôi là một linh mục mà lãnh nhiệm vụ đi thu xếp chuyện đảng phái cho Cụ thì e không tiện. Chi bằng nhân dịp nào đó, Cụ gặp thẳng Đức Cha Phạm Ngọc Chi thử nói chuyện này với Ngài xem sao? Tôi nghĩ rằng nếu Đức Cha Chi nhận thấy tình hình chính trị nước ta không nên có nhiều đảng phái thì Ngài có thể bằng lòng.'

"Tôi được biết ít lâu sau, ông Ngô Đình Nhu mời Đức Cha Chi vào trong Dinh Độc Lập nói chuyện nhân dịp Đức Cha Chi vào Sài Gòn. Phong Trào Tập Đoàn Công Dân bị giải tán và người ta thấy một số cán bộ cao cấp và các tổ chức hạ tầng cuả phong trào này đã gia nhập vào Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và đảng Cần Lao.

"Vì các đảng phái có thể trở thành đối lập bị thanh toán ngay từ đầu, và lại bị thanh toán bằng sức mạnh của chính quyền chứ không bằng một cuộc tranh đấu chính trị nào, cho nên Phong Trào cách Mạng Quốc Gia và Đảng Cần Lao của ông Diệm không có cơ hội thử thách để trưởng thành và trở thành một đảng chính trị đúng ý nghiã của nó... Theo lề lối tổ chức và sinh hoạt của hai nhóm chính trị này thì khi nào ông Diệm còn nắm chính quyền thì đảng của ông có vẻ mạnh, nhưng đó chỉ là sức mạnh bề ngoài, sức mạnh loè được kẻ non dạ, mù quáng mà không bịp ai được...

"Tôi nói chuyện với ông Ngô Đình Cẩn thì ông Cẩn cho tôi biết rằng về vấn đề đảng phái, ông Diệm và ông Nhu đã ra chỉ thị rõ ràng là không cho phép bất cứ ai lập thêm đảng phái chính trị.

"Ông Cẩn giải thích là chẳng phải gia đình nhà Ngô chủ trương độc tài chuyên chế, nhưng vì nhận thấy quan niệm đối lập của người Việt Nam mình thật là thô sơ và sai lạc. Khi nói đến đối lập là họ chỉ nghĩ đến việc cướp chính quyền bằng mọi cách, bất chấp hiến pháp, luật lệ và những thủ tục dân chủ hợp pháp. Ông Cẩn đơn cử những trường hợp đối lập của Đại Việt và Quốc Dân Đảng. Hai tổ chức này đã có lúc chống đối bằng võ lực, gây khó khăn cho chính quyền, chẳng có ích lợi gì cho quốc gia dân tộc."[4]

Để có một khái niệm về vai trò của các đảng phái chính trị từ khi ông Diệm lên làm tổng thống cho đến khi ông bị đảo chánh, xin hãy nhìn vào thành phần của Quốc Hội Lập Hiến về sau trở thành quốc hội lập pháp Khoá Một vào năm 1955: 82 dân biểu thuộc Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia của ông Ngô Đình Diệm, 18 dân biểu thuộc Tập Đoàn Công Dân Công Giáo của ông Trần Văn Lắm, lúc đó đang giữ chức Đại Biểu Chính Phủ tại Nam Việt (ủng hộ ông Diệm,) bảy dân biểu thuộc Phong Trào Tranh Thủ Tự Do cuả ông Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Thinh (ủng hộ ông Diệm,) chỉ có 10 dân biểu thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam của ông Trần Quốc Bửu (là bạn của ông Ngô Đình Nhu và lúc đó đang ủng hộ ông Diệm) và sáu dân biểu độc

lập không theo đảng nào. Như vậy thì trong tổng số 123 vị dân biểu tại Quốc Hội, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã nắm hết 117 người, chỉ còn có sáu người không phải là đảng viên hay đoàn viên trong những phong trào hay đoàn thể do ông Diệm kiểm soát, tuy nhiên những người này chưa chắc đã hoàn toàn độc lập.

Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng, tác giả cuốn "*Thuyền Ai Đợi Bến Văn Lâu*" đã có kể lại việc những người hợp tác với ông Ngô Đình Nhu trong *Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình* vào hồi năm 1953, phong trào đã tranh đấu, làm hậu thuẫn và chuẩn bị cho việc ông Ngô Đình Diệm trở về nước nắm chính quyền vào năm 1954, tuy nhiên sau khi ông Diệm trở thành Tổng Thống VNCH vào năm 1956 thì đa số những người này đều bị... ở tù.

Ông Nguyễn Lý Tưởng nói rằng:

"Ông Ngô Đình Diệm, ông Ngô Đình Nhu đã nhân danh lòng yêu nước để hành động, đã nhân danh quyền lợi quốc gia dân tộc để bỏ tù những người đối lập vì họ đã chống đối chế độ bằng hành động bạo động? Nhưng tại sao từ chỗ hợp tác, họ lại trở thành đối lập? Tại sao từ chỗ bạn, họ lại trở thành thù?

"Điều đáng tiếc trong chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là để cho những người bạn đã từng ủng hộ ông, những người đã hy sinh xương máu và là nạn nhân của Cộng sản, những người đã từng phục vụ quốc gia chống lại Cộng sản, những người đã đứng trong Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình bên cạnh ông Ngô Đình Nhu năm 1953 phải vào tù hoặc phải sống lưu vong như các ông Trần Văn Lý, Vũ Hồng Khanh, Hà Thúc Ký, Đoàn Thái, Nguyễn Văn Mân, Trần Văn Ân, Nguyễn Phan Châu (tức Tạ Chí Diệp,) Nguyễn Tôn Hoàn, Lê Phùng Thời, Giáo Chủ Phạm Công Tắc v.v." [5]

Trong số những người nêu tên ở trên, chỉ trừ có Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trốn được sang Nam Vang và Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn trốn được sang Pháp, còn tất cả những người còn lại đều bị tù. Riêng ông Trần Văn Ân, chủ nhiệm tuần báo Đời Mới thì bị tù khổ sai chung thân và đày đi Côn Đảo từ năm 1955 cho đến sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ vào tháng 11 năm 1963 mới được trả lại tự do.

Tạ Chương Phùng: Đồng chí của ông Diệm từ trước năm 1940

Người miền Bắc và miền Nam có lẽ ít có người biết đến Tạ Chương Phùng, tuy nhiên những người sống trong vùng Nam-Ngãi-Bình Phú thì ít có ai mà không biết đến tên tuổi của nhân vật này.

Cụ Tạ Chương Phùng ra đời vào khoảng cuối thập niên 1890 tại Bình Định, cụ là người theo nho học và đã đậu cử nhân vào năm Mậu Ngọ, năm Khải Định thứ Ba tức là năm 1918. Theo Cụ Cao Xuân Dục trong cuốn "*Quốc Triều Đăng Khoa Lục*" thì đây là khoa thi Hương cuối cùng đời nhà Nguyễn. Điểm đặc biệt trong kỳ thi này là có thêm môn toán pháp, quốc ngữ và cả bài dịch từ chữ quốc ngữ sang tiếng Pháp, cũng như là thêm cả ba bài luận văn bằng chữ Hán, chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Như vậy thì những thí sinh khoa thi này ngoài chữ Hán còn phải thông thạo chữ quốc ngữ và chữ Pháp nữa. Tại trường thi Bình Định có 12 người được trúng tuyển cử nhân, cụ Tạ Chương Phùng đậu thứ sáu và năm đó mới có 20 tuổi. Nếu cụ khai đúng tuổi thật thì như vậy cụ phải ra đời vào khoảng năm 1898. [6]

Vì đã đậu cử nhân cho nên người ta thường gọi cụ là Cụ Cử Phùng hay là cụ Cử Tạ. Cụ có làm thừa phái cho chính phủ Nam Triều qua các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình và Khánh Hòa nhưng đã về "*hưu non*" vào khoảng đầu thập niên 1940. Cụ cũng là bạn với các cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng và đã tham gia vào Phong trào Cần Vương, Phong Trào Đông Du hồi đầu thế kỷ thứ 20, rồi Phong trào Cường Để hồi thập niên 1940 cho nên rất có uy tín đối với dân chúng trong vùng Bình Định-Phú Yên. Riêng đối với cụ Huỳnh Thúc Kháng thì cụ có liên hệ rất mật thiết vì cụ là người cộng tác với báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng cho đến khi tờ báo này đình bản.

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường, con trai của cụ, cho người viết biết rằng cụ Tạ Chương Phùng bị thực dân Pháp bắt rồi bị tòa án của Pháp xử phạt 20 năm tù khổ sai vào năm 1945, tuy nhiên khi cụ sắp bị đưa lên tàu đày ra Côn Đảo thì Pháp bị người Nhật đảo chánh vào ngày 9 tháng 3 năm 1945 và sau đó cụ được người Nhật trả lại tự do. Vì cụ bị mật thám Pháp tra khảo đánh đập một cách dã man nên tai bị điếc, do đó phải ở lại Sài Gòn để cho Bác sĩ Bùi Kiện Tín chữa trị. Bác sĩ Bùi Kiện Tín là người là người rất thân tín của ông Ngô Đình Diệm, đã từng ủng hộ ông Ngô Đình Diệm một cách tích cực về mọi mặt tinh thần, vật chất và tài chánh từ thập niên 1940 và sau này làm y sĩ riêng cho Tổng Thống Ngô Đình

Diệm. Đến tháng 8 năm 1945, cụ cùng một người bạn tù cũng làm cách mạng chống Pháp rời Sài Gòn ra miền Trung bằng xe lửa. Người bạn của cụ quê ở Nghệ An rủ cụ đi thẳng ra Hà Nội để xem chính phủ của Hồ Chí Minh như thế nào. Cụ cũng muốn đi nhưng nói với bạn rằng cụ bị tù, xa nhà đã lâu cho nên muốn ghé Quy Nhơn để thăm gia đình trước đã vì quê của cụ ở ngay bên đường xe lửa, kế ga Diêu Trì. Người bạn của cụ tiếp tục cuộc hành trình nhưng khi ra đến Quảng Ngãi thì ông này lại bị Việt Minh giết chết vì tội làm... Việt gian.

Vào khoảng cuối thập niên 1940, cụ Tạ Chương Phùng tham gia vào một tổ chức chính trị chống lại Việt Minh trong vùng Liên Khu 5 mang tên là "***Mặt Trận Quốc Dân Bài Cộng***" mà ngoài cụ và ông Nguyễn Hữu Lộc là hai nhân vật lãnh đạo còn có một số đoàn viên khác như các ông Đoàn Đức Thoan, Võ Minh Vinh, Đoàn Thế Khuyến, Trần Đông Á và Tạ Chí Diệp v.v. Về sau mặt trận này bị Việt Minh bắt và những người tham gia mặt trận đều bị Việt Minh đưa ra xử trước Tòa Án Nhân Dân về tội làm gián điệp. Cụ Tạ Chương Phùng và ông Nguyễn Hữu Lộc bị kết án tử hình, còn những người khác đều bị tù. Tuy nhiên chỉ có ông Nguyễn Hữu Lộc bị xử tử còn cụ Tạ Chương Phùng thì may mắn trốn được ra khỏi vùng Liên Khu 5 về sống trong vùng Quốc gia tại Nha Trang.

Theo ông **Cửu Long Lê Trọng Văn** thì "*Cụ Tạ Chương Phùng thuộc một gia đình nho phong cách mạng trong Phong trào Cần Vương, riêng cụ thì hoạt động với ông Ngô Đình Diệm trong Phong trào Cường Để. Vào thời đồng tiền còn giá trị vào năm 1943-1944, cụ Tạ Chương Phùng đã bán một phần nhà cửa sản nghiệp và giúp cho ông Ngô Đình Diệm hai vạn đồng, mà hai vạn đồng thời đó có thể bằng hai chục triệu thời Ngô Đình Diệm cầm quyền. Vào năm 1944, Mật Thám Pháp tại Trung Kỳ dự định bắt giam ông Diệm nhưng nhờ có Hiến Binh Nhật giúp nên trốn được vào Sài Gòn, tuy nhiên một số đồng chí của ông trong đó có Cụ Tạ Chương Phùng đã bị mật thám Pháp bắt. Cụ Phùng bị Mật thám tra tấn dã man, bị đánh gảy răng hàm về sau phải nói ngọng, bị lấy đinh đâm vào tai về sau bị điếc hẳn một bên. Trong thời gian hoạt động bí mật cho ông Diệm, cụ thường ra vào Sài Gòn và thường hội họp với ông Ngô Đình Nhu tại nhà ở số 8 đường Ypres nơi ông Nhu cư ngụ..."*

"*Cụ Tạ Chương Phùng là một người trực tính, thấy anh em ông Diệm làm thất nhân tâm nên Cụ táo bạo đưa ra nhiều đề nghị xây dựng để lôi cuốn nhân dân rất là hấp dẫn. Nhưng anh em ông Diệm chẳng những đã không nghe lời cụ, trái lại còn khinh khi và bạc đãi cụ ra mặt... Sau khi Tạ Chí Diệp bị bắt, nhà Ngô bắt giam luôn cụ Tạ Chương Phùng.*" [7]

Cựu Thiếu Tướng Đỗ Mậu là người đã từng theo phò tá ông Ngô Đình Diệm từ thời trước năm 1945 có cho biết rằng khi ông Diệm mới trở về Việt Nam, trước khi thành lập nội các đầu tiên vào ngày 7 tháng 7 năm 1954, vào khoảng cuối tháng Sáu ông có ra thăm Bắc Việt và cụ Tạ Chương Phùng có được mời tháp tùng phái đoàn của thủ tướng:

"*Ông Diệm cũng cho tôi biết là mới về, công việc còn đa đoan và nhiều khó khăn. Sau những phút nồng nhiệt ban đầu của cuộc gặp gỡ, ông trở lại với trạng thái đăm chiêu, nét lo âu mệt mỏi hiện rõ trên cặp mắt kém linh động; ghế bên kia, ông Nhu ngồi với vẻ mặt khổ não, lầm lì. Được gần một tiếng đồng hồ thì tôi đứng dậy chào ra về vì bên ngoài đã có người chờ vào gặp.*

"*Ra ngoài hành lang Dinh Thủ Hiến, tôi gặp cụ Tạ Chương Phùng và Võ Văn Hải, bèn thắc mắc với họ về nét mặt ưu tư của ông Diệm và ông Nhu. Hải chưa kịp trả lời thì cụ Phùng đã nói: 'Hôm qua ông Nhu mới bị ông cụ la cho một trận nên thân đó.' Cụ Phùng nhắc lại gần nguyên văn lời ông Diệm gay gắt với ông Nhu: 'Chú đánh điện qua Pháp bảo tôi mọi việc ở nhà đều xong xuôi sẵn sàng cả rồi, bây giờ tôi về lại gặp không biết bao nhiêu là khó khăn. Không ai thèm hợp tác với tôi, ngay cả ông Chữ và ông Toàn cũng từ chối (tức là Bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ và Bác sĩ Lê Toàn, hai đồng chí của ông Diệm đứng hàng thứ hai và số ba trong phong trào Cường Để hoạt động ở Bắc Việt dưới thời Nhật chiếm đóng.) Tôi không làm việc được trong tình cảnh này. Về Sài Gòn rồi tôi sẽ ra đi...*" [8]

Sự tiết lộ của ông Đỗ Mậu về việc ông Diệm "*la ông Nhu một trận nên thân*" trước mặt cụ Tạ Chương Phùng và ông Võ Văn Hải cho thấy rằng hai người này đã được ông Diệm xem như người rất thân tình vì ông Võ Văn Hải là người đã từng phục vụ ông Ngô Đình Diệm từ trước năm 1945 cho đến ngày ông Diệm bị giết vào năm 1963 và cụ Tạ Chương Phùng cũng là đồng chí từ thời trước đó.

Ông Hoàng Bá Vinh là một đồng chí của ông

Ngô Đình Diệm "*từ thuở còn long đong (trước năm 1940) cho nên hai bên có một tình thân thiết gắn bó; nhưng phần lớn hình như ông Diệm mang một mặc cảm 'mắc một món nợ về tinh thần với ông Vinh. Đó là cái chết của người đỡ đầu của ông Hoàng Bá Vinh là Linh Mục Lê Sương Huệ tại Cái Bè vào năm 1947 mà nguyên nhân là vì ông Diệm nhờ linh mục Huệ đi xuống Vĩnh Long gặp Đức Cha Thục . Trên đường đi Vĩnh Long, thì chiếc xe của ông Trương Vĩnh Tống, Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục, trên đó có cha Huệ, đã bị Việt Minh giật mìn và tất cả mọi người đều bị tử nạn...Có lẽ ông Diệm vẫn ân hận về tai nạn bi thảm này mà bỏ qua không giận ông Vinh khi ông Vinh ăn nói thiếu dè đặt...'.*"[9]

Về mối liên hệ giữa cụ Tạ Chương Phùng với ông Ngô Đình Diệm, ông Hoàng Bá Vinh cho biết: "*hồi ông Diệm mới về cầm quyền, rất thân với cụ Tạ Chương Phùng. Ông Diệm đi đâu cũng mời cụ Tạ Chương Phùng đi theo. Nhưng rồi sau, không biết có bất đồng gì đó mà hai bên xa cách, rồi trở thành đối nghịch nhau và có lần Tạ Chí Diệp tâm sự với ông Hoàng Bá Vinh rằng Tạ Chí Diệp sẽ 'ra khu' (?)*" [10]

Không ai biết được một cách rõ ràng lý do tại sao mà chẳng bao lâu sau khi ông Diệm lên làm tổng thống, cụ Tạ Chương Phùng không còn lui tới thăm viếng ông Diệm nữa. Có nguồn dư luận nói rằng có nhiều lần Cụ Tạ Chương Phùng đã can ngăn, khuyên nhủ TT Ngô Đình Diệm và yêu cầu sửa đổi những sai lầm khuyết điểm để toàn dân cùng cộng tác với chính phủ trong công cuộc chống Cộng sản nhưng TT Diệm không thèm nghe cho nên cụ đã tuyệt giao với ông Diệm. Đến tháng 4 năm 1960, Cụ đã ký tên vào bản tuyên ngôn Caravelle và sau đó bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam sau vụ đảo chánh hụt 11-11-1960 do một nhóm sĩ quan Nhảy Dù lãnh đạo mặc dù cụ không hề có dính líu gì đến cuộc đảo chánh bất thành này.

Theo ông Cửu Long Lê Trọng Văn thì khi cụ Tạ Chương Phùng bị bắt, "*tại Trung Tâm Thẩm Vấn của Tổng Nha Cảnh sát Công An, nhân viên công an thẩm vấn thấy hồ sơ của cụ bèn hỏi 'Thì ra cụ cũng đã từng theo Ngô Tổng Thống?' Cụ bèn đáp: 'Tôi chỉ ủng hộ Ngô Đình Diệm khi ông còn bôn đào như củi mục giữa giòng chứ tôi đâu có được hân hạnh theo Ngô Tổng Thống. Nếu tôi được theo Ngô Tổng Thống thì cha các ông cũng không dám bắt tôi vào đây!*" [11]

Cụ Đoàn Văn Thái, người được cử làm Phó Tỉnh Trưởng Bình Định dưới quyền Cụ Tạ Chương Phùng vào đầu năm 1954 có cho người viết biết rằng lúc đó Cụ đã ngoài 60 tuổi nhưng tinh thần vẫn còn rất tráng kiện và rất được dân chúng trong vùng Bình Định quý mến và kính trọng. Cụ Thái nói rằng cụ Tạ Chương Phùng không có gia nhập một đảng phái chính trị nào, không hề có quen biết gì với Thủ Hiến Phan Văn Giáo nhưng Cụ được cử vào chức vụ này qua sự đề cử của ông Nguyễn Văn An, lúc bấy giờ đang giữ chức Phụ Tá Chính Trị của ông Phan Văn Giáo trong chức vụ Trung-Nam-Trấn Sứ.

Đầu năm 1954, khi người Pháp mở chiến dịch Atlante nhằm tái chiếm bốn tỉnh Nam-Ngãi-Bình Phú tức là Liên Khu 5 do Việt Minh hoàn toàn kiểm soát từ năm 1946, Thủ Hiến Trung Việt lúc đó là ông Phan Văn Giáo đã cử cụ Tạ Chương Phùng làm tỉnh Trưởng Bình Định vào khoảng cuối tháng 1 năm 1954 theo đề nghị của ông Nguyễn Văn An, tuy nhiên đến ngày 8 tháng 3 năm 1954 thì quân đội mới thực sự đổ bộ vào Quy Nhơn. Vào đầu tháng 5 năm 1954, sau khi người Pháp thất trận tại Điện Biên Phủ, Cụ Tạ Chương Phùng từ chức tỉnh trưởng Bình Định và hoạt động tích cực trong việc vận động đưa ông Ngô Đình Diệm trở về nước chấp chánh. Vì lý do này mà sau khi ông Diệm trở về, trong những ngày tháng đầu tiên, đi đâu Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cũng đều mời cụ Tạ Chương Phùng tháp tùng.

Cụ Đoàn Văn Thái cho biết rằng trước năm 1945, ông Nguyễn Văn An, tên thật là Nguyễn Tấn Quê, là một đảng viên cao cấp của Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Trung Kỳ với chức vụ Chủ Nhiệm Đệ Thập Tứ Khu Bộ ở vùng Nam-Ngãi, tuy nhiên ông lại được người Pháp tin cậy vì là người có tài và do đó họ đã cho ông làm việc tại Sở Liêm Phóng tức là Mật thám của Pháp. Chính nhờ ở chức vụ này mà ông Nguyễn Tấn Quê đã nắm được hầu hết những tin tức quan trọng của Mật Thám Pháp về những hoạt động của các nhà cách mạng chống Pháp và ông đã báo động cho họ biết trước mà trốn tránh thực dân Pháp. Khi biết được việc người Pháp dự định bắt giam ông Ngô Đình Diện vào năm 1944, chính ông Nguyễn Tấn Quê đã mật báo cho ông Diệm biết việc này và nhờ đó mà người Nhật đã tổ chức "*bắt cóc*" ông Diệm đưa vào Sài Gòn để tránh khỏi bị người Pháp bắt giữ. Ông Nguyễn Tấn Quê là người ủng hộ ông Ngô Đình Diệm không những từ hồi đó mà cả về sau này, ông đã đóng

một vai trò rất tích cực trong việc vận động đưa ông Ngô Đình Diệm trở về nước nắm chính quyền.

Vào năm 1946, ông Nguyễn Tấn Quê bị Việt Minh bắt giam tại đồn điền trà của ông Ưng Dự tại Truồi, phía bắc đèo Hải Vân vì Việt Minh biết được ông là một đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Một hôm, ông Nguyễn Tấn Quê bị đau nặng đứng dậy không nổi, khi lính tự vệ của Việt Minh cho gọi tên ông để đi trình diện thì có một người tù tên là Nguyễn Văn An tình nguyện đứng ra nhận ông ta là Nguyễn Tấn Quê để đi thay cho bạn. Ông Nguyễn Văn An này sau đó bị Việt Minh mang đi thủ tiêu vì họ tưởng nhầm đó là ông Nguyễn Tấn Quê. Sau khi ông Nguyễn Tấn Quê thoát được lao tù của Việt Minh, ông bèn đổi tên thành Nguyễn Văn An để ghi nhớ ân đức của người bạn đã chết thay cho mình.

Vào khoảng thời gian đầu thập niên 1950, khi ông Nguyễn Văn An giữ chức vụ Tỉnh Trưởng Phan Thiết thì khoảng cuối năm 1953, người Pháp dự định mở một chiến dịch nhằm giải phóng vùng Nam -Ngãi-Bình-Phú tức là Liên Khu 5 của Việt Minh nhằm mục đích giải tỏa áp lực của Việt Minh tại miềnBắc. Người Pháp mở một chiến dịch lấy tên là "*Atlante*" với sự cộng tác của giới chính trị cũng như là một số đơn vị của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Lúc bấy giờ Thủ Hiến Trung Việt là ông Phan Văn Giáo dự định trao quyền chỉ huy chiến dịch này cho ông Nguyễn Văn An cho nên đã đưa ông An về làm Tỉnh Trưởng Khánh Hòa, tỉnh giáp giới phía nam tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên vì gặp phải sự chống đối của phe quân đội, họ không muốn bị đặt dưới quyền chỉ huy của một người dân sự như ông An cho nên ông Thủ Hiến Phan Văn Giáo, còn có quân hàm Trung Tướng, đứng ra làm Chỉ Huy Sứ Trung Nam Trấn gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên và ông cử Đại tá Nguyễn Văn Vỹ làm Phó Tổng Trấn phụ tá Quân sư, (về sau ông Nguyễn VănVỹ được thăng thiếu tướng và được Quốc TrưởngBảo Đại cử làm Tổng Tham Mưu Trưởng thay thế cho Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh nhưng lại bị Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đuổi sang Pháp. Ông được trở về nước dưới thời Dương Văn Minh và dưới thời Nguyễn Cao Kỳ giữ chức Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Tổng Trưởng Quốc Phòng. Trung Tướng Nguyễn Văn Vỹ bị mất chức dưới thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vì bị Phó Tổng Thống Trần Văn Hương lên án là những lạm trong vụ Quỹ Tiết Kiệm Quân Đội vào năm 1972.) Ông Nguyễn Văn An là người dân sự được Thủ Hiến Phan Văn Giáo cử làm Phó Tổng Trấn phụ tá về Hành Chánh và Chính trị cho chiến dịch này.

Là một người có kinh nghiệm về chính trị cho nên ông Nguyễn Văn An đã đề nghị với Thủ Hiến Phan Văn Giáo nên cử một người có thành tích cách mạng chống thực dân Pháp và chống cả Việt Minh Cộng sản làm tỉnh trưởng để thu phục nhân tâm trong vùng Bình Định, nơi đã bị Việt Minh liên tục kiểm soát từ năm 1946 và người được ông An đề cử là cụ Cử Tạ Chương Phùng. Điều này cho thấy ông Nguyễn Văn An là người tài giỏi biết dùng người có tài, tuy nhiên bất hạnh thay chỉ có mấy tháng sau ngày ông Ngô Đình Diệm về nước làm thủ tướng thì chính ông Nguyễn Văn An lại bị giết. Phó tỉnh trưởng dưới quyền ông Nguyễn Văn An là Cụ Đoàn Văn Thái cho người viết biết rằng ông NguyễnVăn An bị đẩy từ trên lầu xuống đất mà chết và hồi đó có nhiều dư luận nói rằng lệnh giết ông An "*phát xuất từ Huê*" tức là từ ông Ngô Đình Cẩn và người chuyển lệnh giết ông An là ông Lương Duy Ủy.

Cựu Thiếu Tướng Đỗ Mậu tuy không nói rõ ai đã ra lệnh giết ông Nguyễn Văn An, tuy nhiên ông đã nói rằng "*cái chết của Tạ Chí Diệp, cũng như cái chết của Nguyễn Tấn Quê, Vũ Tam Anh, Nguyễn Bảo Toàn v.v. và hàng trăm ngàn người dân vô tội ở thôn quê nằm trong chánh sách tiêu diệt người quốc gia đối lập của chế độ Diệm. Ai cũng biết rằng cái chết của hàng trăm ngàn dân quê nhiều khi là do hành động lạm quyền của các cán bộ Cần Lao, còn việc sát hại những nhân vật chính trị tên tuổi tại Sài Gòn là phải có lệnh của các ông Diệm, Nhu, Cẩn...*"

Trong một đoạn khác, ông Đỗ Mậu nói thêm: "*Năm 1954, khi Tướng Navarre mở cuộc hành quân Atlante, do sự giới thiệu của người bạn là ông Nguyễn Văn An đang giữ chức Chỉ Huy Trung Nam Trấn, ông Nguyễn Văn Đạt được Thủ Hiến Phan Văn Giáo cử làm tỉnh trưởng Phú Yên. Nhưng khi ông Ngô Đình Diệm về làm Thủ Tướng được ba, bốn tháng thì ông Nguyễn Văn An bị anh em ông Diệm ra lệnh sát hại tại Quy Nhơn...*" [12]

Như vậy thì ông cựu Giám Đốc An Ninh Quân Đội của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa đã gián tiếp xác nhận rằng ông Nguyễn Tấn Quê tức là Nguyễn Văn An đã bị giết là do lệnh của các

ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu hay Ngô Đình Cẩn chứ không phải là hành động lạm quyền của các cán bộ đảng Cần Lao tại địa phương.

Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng có nói với người viết rằng trong thời gian ông bị tù cải tạo tại miền Bắc, một số cựu đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt có đề cập đến việc ông Nguyễn Văn An bị giết và nhiều người đã cho rằng chính ông Ngô Đình Cẩn đã ra lệnh giết ông An vì tuy ông An ủng hộ ông Ngô Đình Diệm nhưng lại rất coi thường ông Ngô Đình Cẩn. Họ cũng cùng có một ý kiến như cụ Đoàn Văn Thái cho rằng chính ông Lương Duy Ủy là người nhận được lệnh của ông Ngô Đình Cẩn giết ông Nguyễn Văn An và đã chuyển lệnh này cho người thi hành -theo Cụ Đoàn Văn Thái thì người này tên là Bùi Đức Mỹ- vì lúc đó ông Lương Duy Ủy là người thân tín nhất của ông Cẩn tại vùng Khánh Hòa-Phú Yên.

Cụ Trần Quốc Anh, một người có nhiều tiếp xúc với các giới chính trị tại Huế hồi 1943-1945 cho biết về những người ủng hộ ông Ngô Đình Diệm hồi đó như sau: "*Nên biết các tay bộ hạ được ông Ngô Đình Diệm tín nhiệm gồm có: Hồ Viết Tấn, Trần Văn Dĩnh, Bửu Đà, Tôn Thất Đạt, Nguyễn Văn Đạt, riêng anh này lúc đó mới 16 hay 17 tuổi nên không có gì đáng nói đến. Và cuối cùng là Lương Duy Ủy, sau này được ông Diệm cho làm Tổng Thanh Tra Hành Chính. Lương Duy Ủy nguyên là một viên thư ký của hãng Dainan Koshi ở Đà Nẵng. Học hành chưa có đến bằng cơ thủy (bằng tiểu học thời Pháp thuộc) mà giữ trọng trách kiểm soát tất cả các vị tỉnh trưởng thường là những người xuất thân đại học...*" [13]

Hồi năm 1954 sau chiến dịch Atlante, ông Lương Duy Ủy được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cử làm Tỉnh Trưởng Phú Yên rồi vài năm sau đó được cử làm Tỉnh Trưởng Vĩnh Bình tức là tỉnh Trà Vinh ở miền Tây. Chẳng được bao lâu thì Lương Duy Ủy bị dân chúng Vĩnh Bình tố cáo về tội tham nhũng và bị mất chức , tuy nhiên ông lại được Tổng Thống Ngô Đình Diệm cử làm Tổng Thanh Tra Hành Chánh như cụ Trần Quốc Anh đã nói ở trên.

Vào tháng 11 năm 2005, người viết có hỏi cụ Võ Như Nguyện, một người bạn của ông Nguyễn Văn An từ thời trước năm 1945, một người đã từng ủng hộ ông Ngô Đình Diệm, đã từng giữ chức tỉnh trưởng Bình Định vào năm 1955 về chuyện ông Nguyễn Văn An bị giết thì Cụ Võ

LƯU VĂN VỊNH

QUEN

Dốc quen
Mỗi ngày chẳng chán
Vui gót chân
Trò chuyện
Đất tri âm.

NGẮN

Đường dài rút ngắn
Khi mắt nhìn
Vào đích trung tâm.

THOÁT

Quán kỷ âm thanh
Nhi đắc giải thoát*
Nhạc sĩ dạo mát
Dưới phím lá xanh

Đàn nay tĩnh lặng
Nghe đất quay quanh.

* (cố nhạc sĩ Nguyễn Hiền thường đọc câu kinh trên)

HÓA

Tần hoàng đốt sách
Chữ nghĩa thành tinh
Trốn sâu trí não
Vạn năm hiện hình.

Như Nguyện, năm nay đã trên 90 tuổi, đã khóc khi nghe nhắc đến người bạn cũ vắn số của cụ. Cụ cho biết là ông Nguyễn Văn An coi ông Ngô Đình Cẩn chẳng ra gì, khinh thường ông Cẩn ra mặt, tuy nhiên cụ nói rằng cụ cũng chỉ có nghe đồn là ông An bị ông Cẩn ra lệnh giết như vậy mà thôi. Cụ Võ Như Nguyện cũng bày tỏ cảm tình và sự kính phục đối với cụ Tạ Chương Phùng vì cụ Tạ Chương Phùng có rất nhiều uy tín tại Bình Định, nơi mà cụ Võ Như Nguyện có một thời gian làm tỉnh trưởng vào năm 1955.

Không rõ có một sự liên hệ nào hay không giữa cái chết của ông Nguyễn Văn An với sự liên lạc giữa cụ Tạ Chương Phùng với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, tuy nhiên sau khi ông Nguyễn Văn An bị giết thì chỉ một vài tháng sau, vào đầu năm 1955 thì cụ Tạ Chương Phùng không còn ủng hộ ông Ngô Đình Diệm nữa.

Năm 1965, khi Bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ thành lập Hội Đồng Dân Tộc Cách Mạng quy tụ trên 10 đoàn thể chính trị do cụ Chữ làm Chủ Tịch, ông Phan Bá Cầm làm Tổng Thư Ký, ông Thái Thủy làm Phó Tổng Thư Ký thì cụ Tạ Chương Phùng nhận lời làm Cố vấn vì Bác sĩ Chữ là đồng chí của Cụ trong Phong Trào Cường Để mà ông Ngô Đình Diệm làm lãnh tụ thời đầu thập niên 1940. Cụ vẫn giữ liên lạc với người bạn tù của cụ thời Đệ Nhất Cộng Hòa là cụ Phan Khắc Sửu, cựu Quốc Trưởng Việt Nam Cộng Hòa từ tháng 10 năm 1964 cho đến tháng 6 năm 1965, tuy nhiên không tham gia vào một đoàn thể chính trị nào sau khi Bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ từ trần vào tháng 12 năm 1967.

Cụ Tạ Chương Phùng cũng là bạn của cụ Trần Văn Hương, dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa giữ các chức vụ Thủ tướng, Phó Tổng Thống và Tổng Thống. Trong bài thơ "*Lao Trung Lãnh Vận*," có ghi là làm vào ngày 17 tháng 11 năm 1960 tức là sáu ngày sau khi bị chính quyền của ông Ngô Đình Diệm bắt vào Tổng Nha Công an sau vụ đảo chánh ngày 11-11-1960, cụ Trần Văn Hương có câu:

"Đòi vợ, ngầy: ông Cử,
Làm thơ, diễu: bác Đồ.
Các anh còn ở ngoãi,
Đợi quái gì chưa vô?"

Trong phần chú thích về *ông Cử*, cụ viết: "*Ông Cử Tạ Chương Phùng tuy tuổi đã cao, song còn vui tánh, hay nói giỡn cho anh em đỡ buồn, thường than phiền rằng: cảnh trong lao không đến kham khổ, chỉ thiếu 'ma femme' là đáng buồn thôi." (Bà Cử thất lộc đã lâu.)* [14]

Trong bài thơ kế tiếp cũng ghi là làm vào ngày 17 tháng 11 năm 1960, cụ Hương nói rằng: "*Ông Cử cũng thường diễu rằng: trong 'tứ khoái' mặc dầu có ba được đầy đủ song còn thiếu một cũng bực lắm thôi! Vì thế nên sẵn dịp tôi đọc luôn bài thơ sau đây, làm rồi trước bài trên một chút*:

"Suốt ngày ăn ngủ, ngủ rồi ăn,
Chưa thấy chuyện gì, chuyện khó khăn.
Nằm khểnh sờ môi: râu tủa tủa,
Ngồi rù gãi háng: dái lăn tăn..."[15]

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường cho biết thêm cụ Trần Văn Hương sau này vẫn giúp đỡ cho Cụ Tạ Chương Phùng và vẫn còn giữ liên lạc sau năm 1975:

"*Chẳng biết Ba tôi quen ông (Trần Văn Hương) hồi nào. Có lẽ với tính cách nhân sĩ mà đậm hơn có lẽ bởi tình đồng-tù ở Tổng Nha Cảnh Sát sau vụ đảo chánh năm 1960. Ông có bài thơ sau này báo chí hay nhắc đến câu "Ngồi rù gãi háng, dái lăng tăng..." trong đó lời đề từ có nhắc đến tên Ba tôi, người gợi hứng.*

"Chuyện văn học nghệ thuật cũng có chỗ hợp nhau: hai ông cùng nói chuyện hát bội. Ba tôi ở quê nhà từng đóng vai Hoàng Phi Hổ (Phong Thần,) Tào Tháo, Tạ Ôn Đình và tất nhiên có quen ông Đào Tấn. Ông Hương có cho Ba tôi một số bản tuồng hát bội đã in rồi cũng có (Kim Thạch Kỳ Duyên của Bùi Hữu Nghĩa,) thứ còn trong trang đánh máy cũng có.

"Điều đáng ghi riêng biệt là ông có giúp đỡ vật chất cho ông bạn già lỡ thời, thất thế. Đầu năm 1981, ông còn nhờ người chị đến nhà hỏi: "Ông Cụ mạnh giỏi không, sao lâu quá không lại chơi?" Ông già ung thư đó đúng là 'gân,' sống dai quá. Ông không biết rằng 'ông cụ' không có thời giờ đến thăm ông vì đã mất từ năm 1977 rồi..." [16]

Cụ Tạ Chương Phùng từ trần tại Sài Gòn vào năm 1977.Con cháu của Cụ hiện có rất nhiều người đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Con trai của cụ, Giáo sư Tạ Chí Đại Trường, là cựu Đại Úy trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cũng đã được sang định cư tại Hoa Kỳ sau một thời gian bị tù "*cải tạo.*" Ông cũng là một nhà văn, một nhà biên khảo về sử học đã từng xuất bản bảy cuốn sách và riêng cuốn "*Lịch Sử Nội Chiến Ở Việt Nam (1771-1802)*" đã được Giải Thưởng Văn Học Toàn Quốc vào năm 1973. Hiện nay cuốn sách này đang "*được trưng bày*" tại "*Viện Bảo Tàng Tội Ac Mỹ-Ngụy*" ở Sài Gòn. Không hiểu

cuốn sách này đã phạm vào "*tội ác*" gì đối với Cộng sản vì chủ nghĩa Cộng sản chưa hề xuất hiện trong khoảng thời gian từ 1771 đến 1802 là năm Vua Gia Long thống nhất nước Việt Nam.

Tạ Chí Diệp: Người ủng hộ ông Diệm từ trước năm 1954

Trong một bài báo khác nhan đề "*Ông Ngô Đình Diệm Dưới Nhãn Quan Của Tinh Thần Nho Học,*" Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng đã có trích một đoạn trong thư của ông Đoàn Văn Thái đề ngày 25-4-1999 như sau: "*Mỗi lần ra Huế, ông Ngô Đình Nhu đều có mời các ông Hà Thúc Ký, Huỳnh Hoà, Phan Khoang, Bùi Xuân Bào, Nguyễn Văn Đông v.v. đến gặp mặt bàn luận với nhau tại nhà hàng Kim Kê (Coq d'Or) của ông Nguyễn Trân ở đường Lý Thường Kiệt.*

"*Tôi (Đoàn Văn Thái) được chỉ định làm Ủy viên Liên lạc giữa Trung Ương (Sài Gòn) và Miền Trung. Mỗi lần vào Sài Gòn tôi đều đến hội kiến và nhận chỉ thị qua ông Ngô Đình Nhu ở tại số 8 đường Ypres (tòa soạn báo Xã Hội, sau này là đường Đinh Công Tráng ở Ngã Sáu sài Gòn.) Đó là một căn nhà ở trong khuôn viên Dưỡng đường St Pierre (của Giám mục Ngô Đình Thục,) nơi tôi thường gặp các ông Bùi Kiện Tín (Bác sĩ,) Nguyễn Phan Châu (tức Tạ Chí Diệp,) Trần Chánh Thành, Trương Tử An, Đỗ La Lam v.v.*

"*...Sau khi Cụ Ngô Đình Diệm về nước lập nội các (7-7-1954) thì có sự bất đồng trong nội bộ Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình, từ đó phong trào kể như tan vỡ, một số thành viên đã đứng vào thế đối lập với chính quyền.*" [17]

Như vậy thì trước khi ông Ngô Đình Diệm làm thủ tướng, ông Tạ Chí Diệp đã là một thành viên trong Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình tích cực ủng hộ và vận động cho ông Diệm về chấp chánh, là người rất gần gũi và thân thiết với ông Ngô Đình Nhu cho nên mỗi lần vào Sài Gòn ông Đoàn Văn Thái đều có gặp ông Diệp ở nhà ông Ngô Đình Nhu , tuy nhiên chỉ ít lâu sau khi ông Diệm lên làm thủ tướng thì một số người trong nhóm nói trên là ông Hà Thúc Ký và Đoàn Văn Thái bị cầm tù Tạ Chí Diệp và Trương Tử An cũng bị tù rồi bị thủ tiêu.

Tạ Chí Diệp còn có bí danh là Nguyễn Phan Châu không phải là con ruột nhưng là cháu của cụ Cử Tạ Chương Phùng, một nhân sĩ và cũng là một nhà cách mạng chống Pháp người tỉnh Bình Định. Không rõ Tạ Chí Diệp sinh vào năm nào, tuy nhiên theo những người có quen biết với ông thì vào năm 1954 ông chưa đến 30 tuổi, vì thế mà ông Nguyễn Trân đã nói rằng "*...Châu chưa đầy 30 tuổi, biết gì mà nói với Thủ Tướng Diệm...?*" Như vậy thì có lẽ ông Tạ Chí Diệp ra đời vào khoảng cuối thập niên 1920.

Người viết được may mắn có cơ hội được tiếp xúc với Giáo Sư Tạ Chí Đại Trường, con trai của cụ Tạ Chương Phùng hiện đang sống tại thành phố Westminster, tiểu bang California và đã được ông cho biết thêm một vài chi tiết về ông Tạ Chí Diệp.

Thân phụ của Tạ Chí Diệp là anh ruột của cụ Tạ Chương Phùng, một vị tú tài Hán học nhưng đã qua đời khi Tạ Chí Diệp mới được một tuổi, cho nên Tạ Chí Diệp được ông bà nội và cụ Tạ Chương Phùng nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, do đó tuy là cháu nhưng ông được cụ Tạ Chương Phùng coi như là con ruột. Ông theo học trường *Collège de Quy Nhơn* rồi sau đó ra Huế tiếp tục theo học bậc đệ nhị cấp và rất gần gũi với cụ Huỳnh Thúc Kháng vốn là bạn của cụ Tạ Chương Phùng. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, ông ra Hà Nội cùng với một người bạn thân là ông Trương Tử An, em trai của ông Trương Tử Anh, lãnh tụ Đảng Đại Việt. Tại Hà Nội, ông sống một thời gian với học giả Đào Duy Anh và trở về Quy Nhơn vào cuối tháng 12 năm 1946. Giáo sư Tạ Chí Đại Trường cho biết rằng ông Tạ Chí Diệp từ Hà Nội về Quy Nhơn trên chuyến xe lửa cuối cùng trước khi đường hỏa xa bị gián đoạn sau ngày Toàn Quốc Kháng chiến 19 tháng 12 năm 1946. Ông cho biết thêm rằng ông Tạ Chí Diệp mang về một va-li rất nặng đựng đầy sách và tài liệu về Karl Marx và chủ nghĩa Cộng sản do nhóm Đào Duy Anh xuất bản tại Hà Nội. Có lẽ nhờ những tài liệu này mà Tạ Chí Diệp hiểu rõ về chủ nghĩa Mác-xít và trở thành một người có tinh thần chống Cộng quyết liệt sau này.

Trong thời gian đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tạ Chí Diệp tham gia kháng chiến trong vùng Liên Khu 5 và được giao cho chức vụ chỉ huy một trung đội Xung Phong Tuyên Truyền của Việt Minh. Tuy nhiên chỉ một thời gian ngắn sau đó thì ông rời bỏ hàng ngũ Việt Minh trở về sống với gia đình ở làng Vân Hội, phủ Tuy Phước tỉnh Bình Định. Vào khoảng năm 1947, ông dạy học tại trường *Quang Thùy* ở phủ Tuy Phước do ông Nguyễn Hữu Lộc làm hiệu trưởng. Trong thời gian này, ông đã gia nhập *Mặt Trận Quốc Dân Bài Cộng* do thúc phụ của ông

là cụ Tạ Chương Phùng và ông Nguyễn Hữu Lộc lãnh đạo. Sau khi ông Nguyễn Hữu Lộc bị Việt Minh xử tử và cụ Tạ Chương Phùng trốn được sang vùng Quốc Gia, Tạ Chí Diệp bị Việt Minh cầm tù. Những người đồng chí của ông như là Đoàn Đức Thoan, Võ Minh Vinh v.v. ít lâu sau cũng bị Việt Minh xử tử. (Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, tại Quy Nhơn có những con đường được mang tên Nguyễn Hữu Lộc, Đoàn Đức Thoan, Võ Minh Vinh để vinh danh những vị chiến sĩ chống Cộng sản này.) Theo cụ Đoàn Văn Thái thì vào đầu thập niên 1950, vùng Liên Khu 5 bị nạn đói trầm trọng do đó Việt Minh đã phóng thích một số tù nhân để khỏi nuôi ăn và Tạ Chí Diệp đã được trả tự do trong giai đoạn này. Sau đó ông cùng với người bạn là ông Trương Tử An tìm cách trốn về vùng Quốc Gia sống với cụ Tạ Chương Phùng ở Nha Trang và làm nghề dạy học để sinh sống. Ông đã lấy bí danh là Nguyễn Phan Châu để hoạt động chính trị trong giai đoạn này.

Khi cụ Tạ Chương Phùng nhận chức Tỉnh Trưởng Bình Định vào tháng 3 năm 1954 thì Tạ Chí Diệp theo cụ làm chánh văn phòng của tỉnh trưởng. Ông cũng là người phụ trách về chính trị và tuyên truyền trong chiến dịch Atlante nhằm giải phóng miền nam tỉnh Quảng Nam và các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên do Việt Minh kiểm soát từ năm 1946. Do sự giới thiệu của cụ Tạ Chương Phùng, Tạ Chí Diệp vẫn thường đến hội họp với ông Ngô Đình Nhu ở Sài Gòn và ông Ngô Đình Cẩn ở Huế để vận động cho việc đòi hỏi đưa ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh.

Sau khi ông Ngô Đình Diệm trở thành Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa vào ngày 23 tháng 10 năm 1955, trong thời gian trước khi bị tù rồi bị thủ tiêu, ông Tạ Chí Diệp làm giáo sư dạy môn Việt Văn tại các trường Trung Học Lê Văn Trung ở Tây Ninh, Trường Trung Học Tân An, Trường Trung học Phan Sào Nam và một số trường tư thục ở Sài Gòn. Ông bị bắt trên đường về dạy học tại Tân An và sau khi ông bị mất tích thì thân nhân tìm được chiếc xe gắn máy cũ kỹ của ông nằm chơ vơ cạnh một khu sình lầy ở phía Nam Sài Gòn. Đó là di tích cuối cùng của Tạ Chí Diệp theo lời của cựu Đại sứ Bùi Diễm.

Tạ Chí Diệp có liên hệ rất mật thiết với ông Trương Tử An, em trai của ông Trương Tử Anh, lãnh tụ đảng Đại Việt và ông Bùi Diễm, cũng là một đảng viên Đại Việt do đó mà có nhiều người nghĩ rằng ông Diệp cũng là đảng viên đảng Đại Việt. Người viết có hỏi cụ Đoàn Văn Thái, một đảng viên Đại Việt rất thân cận với ông Hà Thúc Ký về vấn đề này thì cụ Đoàn VănThái khẳng định rằng tuy ông Tạ Chí Diệp có nhiều liên lạc thân hữu với nhiều đảng viên Đại Việt, nhất là với ông Trương Tử An, tuy nhiên ông không phải là đảng viên của đoàn thể chính trị này.

Không có ai biết đến tung tích của ông Tạ Chí Diệp trong thời gian bị tù lần thứ hai trước khi bị thủ tiêu, tuy nhiên Cụ Đoàn Văn Thái có cho biết rằng "*sau ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963, sau khi đưa anh Hà Thúc Ký từ Nhà thương Chợ Quán về nhà ngày 3 tháng 11 năm 1963 thì chúng tôi mới biết trước đó các ông Vũ Tam Anh Nguyễn Ngọc Nhẫn, Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Phan Châu Tạ Chí Diệp, Trương Tử An cũng đều bị đưa vào tại phòng giam 'tâm thần' ở bệnh viện Chợ Quán, rồi sau đó mất tích...*" [18]

(Còn tiếp)

Chú thích:

[1] Vĩnh Phúc: "Những Huyền Thoại và Sự Thật Về Chế Độ Ngô Đình Diệm" Văn Nghệ, 1998, trang 67.

[2] Nguyễn Trân: "Công và Tội," Xuân Thu, California, 1992, trang 344.

[3] Nguyễn Trân

[4] L.M. Cao Văn Luận: "Bên Giòng Lịch Sử 1940-1965," Đại Nam tái bản, trang 281-287.

[5] G.S Nguyễn Lý Tưởng: "Thuyền Ai Đợi Bến Vân Lâu," tác giả xuất bản, Westminster, California, 2001. Trang 450-451.

[6] Cao Xuân Dục: "Quốc Triều Đăng Khoa Lục," trang 659.

[7] Cửu Long Lê Trọng Văn: "Những Bí Ẩn Lịch Sử Dưới Thời Ngô Đình Diệm," Mẹ Việt Nam, San Diego 1989. Trang 247-249.

[8] Đỗ Mậu: "Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi," trang 114.

[9] Vĩnh Phúc: Sđd. trang 33.

[10] Vĩnh Phúc: Sđd. trang 226.

[11] Cửu Long Lê Trọng Văn: Sđd. trang 249.

[12] Đỗ Mậu: Sđd, trang 265.

[13] Trần Quốc Anh: "Ký Sự Đênh Đoàng," Trần Gia xuất bản, California 2005, trang 9.

[14] Trần Văn Hương: "Lao Trung Lãnh Vận," Sài Gòn, 1964, trang 4.

[15] Trần Văn Hương: Sđd, trang 5.

[16] Tạ Chí Đại Trường: "Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài," Thanh Văn, California, 1993, trang 16.

[17] G.S. Nguyễn Lý Tưởng: "Ông Ngô Đình Diệm Dưới Nhãn Quan Của Tinh Thần Nho Học," Nhật Báo Người Việt, ngày Thứ Bảy 23-8-2003.

[18] Thư của Cụ Đoàn VănThái ngày 17 tháng 11 năm 2005.

BONSOIR VIETNAM

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

** Cám ơn nhạc sĩ Marc Lavoine.*

** Tặng nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, người chưa kịp nói "Bonjour Vietnam" đã... đến hẹn nại nên.*

1.

Quán cà phê Mèo Đen. Cả bốn con mắt cùng nhìn thấy bảng hiệu. Xe gắn máy tấp sát lề đường, thắng đứng. Gã trung niên trả về số không, chống một chân xuống đất. Người đàn bà ngồi phía sau nhích mông rời ghế xe.

- Đứng yên chỗ này, đừng dời đổi.

- Bà chị yên tâm. Tôi vẫn để máy nổ?

- Ừa, cao tay chỉ mất năm phút là cùng.

Bà sửa lại khẩu trang, đeo xách ny lông ở nách, ngó trước trông sau và xăm xăm đi vào quán. Gã điều khiển xe nhìn theo. Nắng làm hoa mắt, ô cửa đen ngòm nuốt vội chiếc áo màu vàng của người đàn bà. Nhạc kích động ùa ra thềm. Chát chúa tiếng đàn tiếng trống. Buổi trưa mà quán cà phê không vắng. Chẳng phải cuối tuần mà có lắm kẻ ngồi tụ đàn đấu hót.

Phục vụ viên, lo phần tiếp khách đều là con gái. Áo quần hở hang theo quy định, "điện nước đầy đủ," che bớt da thịt thì sẽ sập tiệm vì chẳng còn khách lai vãng. Mèo đen. Đứa nào đặt tên thật có ý nghĩa. Mèo ưa nũng nịu cạ thân vào, lim dim mắt khi được vuốt ve. Tuy đen nhưng người đàn bà vẫn nhìn ra mục tiêu. Vừa đi vừa thò tay vào túi ny lông. Con dao Thái Lan mang theo hàn khí khi rời chỗ ẩn. Dao vung lên, lạnh lùng, tàn nhẫn.

- Con đĩ mẹ mày, tao chém cho mày biết đời là gì.

Nhiều tiếng rú cất lên. Tiếng ly tách rơi vỡ. Những bàn chân chạy, hoảng loạn.

Máu đã đổ. Không một ai can thiệp. Tất cả đều đứng một góc, trương mắt ra ngó. Lực lưỡng có, ốm o có, tóc dài có, đầu trọc có. Tai đeo khoen có, mũi đục lỗ có, thun ba lỗ khoe mình đầy vết xâm cũng có. Nam nhi cả tá nhưng không hề là đại trượng phu.

- Mả cha mày. Chừa cái thói đi hại đời con gái nhà lành , nghe con.

Người đàn bà tuyên bố câu cuối cùng. Bà quay lưng, đi bước dài. Gã trung niên làm nghề chạy xe ôm vẫn đen đúa đội nắng chờ khách trở ra. Khách đeo khẩu trang nên chẳng trông được nhan sắc. Khách ôm eo. Đôi tay còn run.

- Thăng.

Chiếc xe phóng chạy theo mệnh lệnh.

- Về hướng ngoại ô nghen.

- Dạ được.

Người đàn bà ngó lui. Mọi thứ đều bình thường. Cây vẫn xanh lá. Đường vẫn lắm xe. Bụi bặm và khói xăng. Nóng bức và đứng gió. Chẳng có gì lạ.

- Anh hành nghề này đã bao lâu?

- Có hơn sáu năm nay.

- Ngon cơm không?

- Chị nói sao?

- Sống thong thả hay chật vật?

- Trời! Thong thả nghĩa là sao hở chị? Tôi và chiếc xe này giống nhau, lật đật chạy ngoài đường cả ngày. Bỏng khét, bá thở chỉ hòng nuôi hai miệng ăn qua bữa.

- Tới nghĩa trang thì anh quẹo phải.

Chiếc xe nấc lên, rùng mình mỗi khi sang số. Người đàn bà sẽ cạ thân vào lưng gã mỗi khi hắn đạp thắng. Nhưng nói chung, với sáu năm lèo lái, có thể nói hắn điệu nghệ. Lòn lách giỏi, biết chạy lắc léo, chưa từng bị ùn tắc khựng đứng. Đen đúa, bẩn thỉu như đa số bọn hành nghề chạy xe ôm.

- Nuôi hai miệng ăn? Nghĩa là chỉ hai vợ chồng đùm bọc? Con cái thì sao? Chúng tự lập thân?

- Không. Tôi chẳng có vợ con. Tôi nuôi mẹ già.

Hỏi, trả lời. Cả hai phải dụng sức gần như hét. Đường luôn chan tiếng động, ngay cả chiếc xe đang lao, máy nổ cũng rầm rộ góp tiếng. Tên lái xe la toáng lên:

- Chị đòi được nợ chưa?

- Rồi.

- Nó chồng đủ tiền hay sao mà mau dữ dậy?

- Chồng đủ.

- Má tôi thiệt thà, cho người bà con vay hai chỉ vàng, ngày một ngày hai nó lặn mất tiêu. Tôi chạy xe bay tóc trán tìm không ra tăm hơi đứa quỵt nợ. Khốn kiếp!

- Thôi, bỏ tôi xuống đây.

Xe thắng gần một bãi rác. Vắng người, vì chẳng còn gì để bới móc thu hoạch. Tan hoang. Kể cả ruồi, chúng cũng tìm nơi bốc mùi mà tụ họp, ở đây chả còn hương vị gì. Người đàn bà trả tiền cuốc xe.

- Đời có vay có trả, nó chạy không khỏi đâu. Tin tôi đi.

- Tôi cũng nói câu đó với má tôi. Chỉ nhằm an ủi bả.

Gã trung niên đếm những tờ giấy bạc, cất vào túi áo. Hình như có thừa một tờ năm ngàn nhưng gã không nói. Lặng yên quay xe trở ra.

2.

Người đàn bà cầm bó tiền được cột bằng sợi giây thun. Bà không đếm, như thể với trọng lượng đó, với bề dày đó, là đủ, chẳng thiếu. Hoặc giả bà tin cậy tới kẻ trao tiền. Bà nói:

- Tôi đi.

- Vội thế. Làm miếng nước đã.

Người đàn bà ngần ngừ, sau cùng ném cái khẩu trang xuống bàn gỗ và ngồi lên mặt ghế nhựa. Ly nước nằm trước mặt. Nước màu đen, có thể xá xị, có thể Coke, có thể là cà phê Trung nguyên. Bà ngó lên gã đàn ông. Đã lâu rồi, họ quen nhau ở chợ trời. Ông ta bán thuốc Tây, còn bà là kẻ chuyên đi đòi nợ. Một thứ nghề cần nhiều máu lạnh, vô cảm trước những than khóc đớn đau. Có lẽ ông ta cũng vậy, thuốc ông bán đa phần là trụ sinh, dùng để cứu người; đôi khi cũng có thể giết người. Trường hợp ngoài ý muốn. Ông ta sẽ nói thế. Và dong đôi tay lên trời, miệng chửi rủa: Mẹ kiếp, chúng nó trao thuốc giả, có thánh mới biết! Nó chết là bởi cái tuổi thọ của nó chỉ trường tồn tới ngang đó thôi. Làm sao hơn?

Chuyện ngày xưa. Nó giống một trang sách liêu trai đã lật qua. Bây giờ khác, rất chí dị trong thay đổi và rõ nét nhất là ở người đàn ông. Chẳng biết hắn làm chuyện gì mà tiến bạc rủng rỉnh? Áo xống tử tế, diện mạo tươi nhuận, đỏ da thắm thịt. Hắn ngồi xuống ghế. Cách bề rộng của chiếc bàn, người đàn bà ngửi được mùi dầu thơm từ phía kẻ đối diện lùa qua. Một thứ mùi dễ làm nhột mũi, ưa hắt hơi. Thoang thoảng chút gợi dục.

- Có lẽ tôi lại nhờ chị một lần nữa.

Người đàn bà đón lấy điếu thuốc. Hơi chồm người qua để dí mặt vào ngọn lửa vừa được thắp lên.

Khói thuốc thơm. Ai bảo thế? Nó hôi và độc hại. Biết vậy, nhưng đôi khi người ta cần nó. Để tính toan. Để cứng rắn. Để mơ mòng. Để hoài nghi. Để tỉnh thức. Mặt người đàn bà phủ màn ngờ vực. Bà từ tốn đưa ra câu hỏi, hơi e dè:

- Lại chém người?

- Không. Lần này nhờ chị dắt nó đi phá thai.

- Chuyện nhỏ.

- Tìm chỗ đáng tin cậy. Làm ăn vén khéo. Chớ quan hoài chuyện tiền bạc.

- Nó đã mang thai rồi sao? Chóng thế? Làm sao biết?

Người đàn ông cười. Tiếng cười khô, sặc; nghe tựa tiếng ho.

- Có những niềm riêng người ta giấu kín như thứ bí mật quốc phòng. Như mèo dấu cứt. Nhưng mang thai. Trời, nó lộ liễu quá, chị không thấy sao?

Trên bàn chẳng có gạt tàn, người đàn bà ném điếu thuốc hút dở xuống đất rồi dí dép nhựa lên trên, đay nghiến, chà đạp. Giọng người đàn ông tuôn đều đều, như tụng kinh:

- Phải làm sớm. Có thể dăm bữa nửa tháng nó sẽ đi mất đất sang Đài Loan.

Uống hết ly nước. Người đàn bà đứng lên.

- Chị có gì để hỏi không?

Người đàn bà ngó quanh, bước tới mở vòi nước để rửa tay. Trên vách có treo tấm gương soi, bà nhìn vào đó và trông thấy mặt con mẹ nào thật lạ lẫm. Bà để những ngón ướt nước vuốt tóc con mẹ ấy. Nước mát lạnh thật dễ chịu, làm trán bớt cau có. Bất thần vuông gương hứng thêm khuôn mặt mày râu nhẵn nhụi của gã đàn ông.

- Cỡ như tôi muốn sang Đài Loan đổi đời có dễ không?

Bà nói mà không quay mặt lại. Nhìn cái môi dầy trong gương nhóp nhép:

- Chị thật biết nói đùa.

- Sao?

- Con bé ấy mới có mười bảy tuổi. Nó mới thất thân lần đầu và tương lai sáng lạng hẳn còn rộng mở. Tụi đàn ông Đài Loan không phải đứa nào cũng đui chột. Vả lại chị đi rồi tôi biết trông cậy vào ai? Rách việc mất.

Người đàn bà tắt vòi nước. Chùi hai tay vào

vạt áo.

- Quan trọng vậy sao?

- Phải. Ngày mai nhé. Khoảng tám chín giờ cho đất trời mát mẻ. Tôi biểu nó chờ chị ở đây.

- Tôi đã già chưa?

- Chị phải biết điều đó hơn ai cả. Sao lại đè tôi mà hỏi?

- Giả như anh đè tôi ra giờ này chắc tôi sẽ không có phản ứng gì ráo.

- Là sao?

- Trên người tôi chẳng có thứ gì hấp dẫn cả, phải không?

- Đừng nói vậy. Đàn ông xứ này còn tệ hơn bọn Đài Loan Hàn quốc nhiều. Không tin hả? Đêm hôm chị đi lơ ngơ một mình, chúng hiếp cho nát người ra.

- Thôi, tôi đi. Mất thì giờ!

- Vậy nhé. Trăm sự nhờ chị. Lo chuyện này xong, thưởng công, chúng ta tắm táp sạch sẽ cùng nhau ôm ấp làm việc đại sự. Để chứng minh: Với tôi, chị còn hấp dẫn chán. Tiền bạc không thành vấn đề, đúng không?

Người đàn bà bước qua ngạch cửa. Nhà hàng xóm có ai đốt vàng bạc, hứng trong thau nhôm, đặt ở sân đất. Khói mù mịt, che bít lối đi.

- Đéo mẹ!

Người đàn bà chửi vào khoảng không.

3.

- Tôi chạy xe ôm đã sáu năm. Có nghĩa là cô nên tin tôi. Tôi tựa như thổ địa vậy. Biết thổ địa là gì không? Là ma xó đó. Địa chỉ nào, đường phố nào, hẻm hóc nào mà tôi hổng rành!

- Có xa không chú?

- Cô sốt ruột rồi sao? Ngồi chưa nóng đít! Ừ, mà tôi hiểu. Ai cũng thế cả, tâm trạng chung. Ở phương xa về thăm lại quê cũ mà, ắt phải nóng lòng.

- Nhà cửa ngổn ngang... Trước đây có đông đúc vậy không chú?

- Trước đây là bao giờ? Mà thời nào cũng thế, phố phường thì lúc nào cũng chộn rộn. Ở bển chắc dữ dằn hơn nhiều, phải không cô?

- Chú có thân nhân sống ở nước ngoài không?

- Làm gì có. Vô phước là ở chỗ đó. Tôi sống với mẹ già, mình bỏ trốn, lấy ai nuôi bả. Người có tình cảm thường cực thân. Không bì được với bọn vô tâm, chúng hơi bị vô tư thoải mái ở đời thường!

- Đời thường là gì?

- Đi một ngày đàng học một sàng khôn. Chắc cô quên tiếng Việt đương đại đã bộn bề?

- Đương đại là gì?

Chú lái xe ôm đã không trả lời. Cô gái ngồi sau bấu cứng chéo áo nhìn cảnh vật hoang đường vất chạy lui sau. Xe gắn máy giã từ phố thị, chạy qua cầu xi măng, rẽ xuống đường đất, song song với con lạch cạn nước. Nước màu đen. Cắm xuống thân nó là những cọc gỗ xiêu vẹo, hứng đỡ bên trên thứ nhà cửa rách nát vá víu bằng nhiều tấm bìa cứng. Mì ăn liền hiệu Mamy. Sữa đặc hiệu Hột xoàn... Xe chạy bên này và mùi hôi rượt đuổi bên kia. Mùi bùn, mùi rác và mùi quen thuộc của loài người: Cứt! Có người đang ngồi ỉa, đưa cái đít sần sùi ra và vật bị thải đang chực rơi xuống vũng bùn. Con lạch, cái mương, cái ao này trước đây hẳn nhiều cá? Uổng! Cá không còn mà quây quần đớp hít động đậy dưới chân bèo. Cá đã bỏ chốn cũ để ngơ ngác ra hoà nhập với sông hồ nước cao sóng lớn biển mặn dâng tràn tai ương.

- Chỗ này sao xác xơ vắng lặng vậy chú? Có đi nhầm nơi không?

- Không. Đến rồi. Xuống đi.

Xe dừng trước cái chòi lá nằm khuất sau bụi cây. Gã cúi mặt sửa lại vành nón tai bèo như không muốn cô gái nhận diện. Chân sang số, vặn tay ga. Xe gầm gừ quay một vòng, tìm đường cũ mà truy phong. Cô gái đứng một mình, gần như đồng không mông quạnh. Bụi cây ra hoa, ngầy ngật tỏa ngát hương thơm. Không. Hoa vô hương vô sắc. Mùi thơm kia vốn từ cơ thể cô mà phát sanh. Chanel hay Gucci? Làm sao biết được? Hương đồng cỏ nội đã cúi rạp mình mà say khướt trong gió thoảng ngất ngây. Cô nắm chặt sợi dây da ở cái xách đeo vai. Hoang mang, hối hận. Lạ! Sao chú kia lật đật quày quả đến nỗi quên nhận tiền cô trao. Thơ ngây! Cô không hề tưởng tượng được gã ấy đã run tay nhận nửa triệu trước khi sà tới đón cô ở cổng khách sạn. Túi cộm tiền. Im re và đứng cúi đầu. Đù má, mày cà chớn ông thịt bà già mày cú một. Hiểu không? Hiểu. Thà bất nhơn chứ chẳng thể bất hiếu. Gã rồ máy xe, ồn ào để khỏa lấp những lo toan. Và sau đó tuân thủ một cách đúng bài bản, phép tắc. Hợp quy định, đạt chỉ tiêu của mấy ổng đề ra. Vất cô gái xuống điểm X đánh dấu mực đỏ trên bản đồ bỏ túi.

Cô gái thò tay vào túi xách sờ nắn, lôi ra được cái điện thoại di động. Đã trễ. Hai thằng đàn ông đưa cả bốn tay bịt mồm ôm cứng cô ta. Mùi hương của cô, nước da trắng ngần không tì vết của cô vô tình trao cho chúng tất cả sức

mạnh, vượt ngoài mức đòi hỏi khi muốn khống chế một kẻ chân yếu tay mềm. Hồ hởi phấn khởi là thứ phương ngữ nghèo nàn, chẳng nói hết nổi mừng vui đại thắng của chúng.

Buổi chiều ở đấy thật êm ả. Hoàng hôn chưa về, mây trắng còn bay hững hờ trên nền trời xanh. Chẳng một cánh chim đảo qua. Tịch lặng. Nước mắt cô gái chảy đầy, ướt cả bàn tay hung bạo. Cho hay có khi, có nơi, ban ngày ban mặt mà quỉ dữ vẫn lộng hành!

4.

Người đàn ông đứng tần ngần, mặt lộ vẻ hốt hoảng pha chút phiền muộn, mệt mỏi. Chỗ ông đang đứng, thú thật chẳng mấy ai ưa đặt để đôi chân. Trụ sở ấy, tự bản thân, nó toát ra cái gì đấy, ngầm đe dọa. Nó là đường ranh mong manh chia cắt giữa nhất nhật và thiên thu. Tạm trú và thường trú. Nhà cửa và chấn song ngục tù.

- Vào đi.

Cánh cửa khép hờ. Tiếng nói từ bên trong vọng ra, nhắm tới ông. Ông xô cửa, mỏi gối chồn chân, đá cứng chân mềm. Nền gạch hoa đen trắng vuông tròn đánh lừa nhãn quang rối bời hai con mắt mông lung. Đồ vật trang trí trong phòng đa phần nhuộm sắc đỏ. Băng-rôn, biểu ngữ, cờ xí, huy hiệu, sơ đồ, biểu đồ ngành nghề thảy đều đồng phục. Nóng. Màu cách mạng. Ngộp thở.

- Ngồi đấy.

Ông ngó xuống chiếc ghế trống. Cái bàn gỗ tiệp màu và đàng sau gã công an mặt cau có vừa ban phát mệnh lệnh.

Ông ngồi. Ở một chiếc ghế kê sát vách, lùi sâu góc phòng có đứa con gái ôm mặt khóc nấc. Đầu tóc rối và lụa là nhăn nhàu, sắc diện áo quần thảy lấm lem bất thường.

- Ông là Trần văn đại Gia?

- Dạ phải.

- Hừ. Tên nghe oách nhỉ? Giấy chứng minh nhân dân đâu?

Người đàn ông trình tấm thẻ căn cước bọc nhựa, với người đưa bằng cánh tay run.

- Quan hệ thế nào với cô Minh Đài?

- Thưa nó là cháu tôi, gọi bằng cậu.

- Là thế nào? Phải nói cho rõ.

- Là tôi có bà chị ruột. Lập gia đình rồi chỉ mang thai, chỉ đẻ ra đứa con gái duy nhất, đặt tên là Nguyễn thị Minh Đài. Tôi là cậu nó, là em má nó.

- Được. Lần gặp gỡ mới nhất của hai người?

- Dạ... dạ e đã có hơn mười năm. Má nó làm giấy tờ bảo lãnh, rồi thì biền biệt cách chia.

- Rườm lời! Có nghĩa là từ khi cô ấy về thăm lại quê hương giàu mạnh ông chưa hề gặp mặt?

- Chưa hề.

Người đàn ông nhìn tới hướng cô gái. Giọng ông òa vỡ cốt cho cô ấy nghe ra:

- Tại sao vậy cháu? Chớ tội tình chi mà cháu phải chịu đọa đày! Đột xuất, gây nên sự cố bất ngờ mà làm gì? Muốn cậu ngạc nhiên mà làm chi. Cậu đã già, tim mong manh lắm Đài à. Đường Yên Đỗ không bước lại nhấm chốn đoạn trường mà đi!

Ông ca cẩm, ông càm ràm mà như đang đọc thơ Kiều. Lời lẽ tuồng như oán trách số phận. Hồng nhan đa truân. Người bạn dân tỏ vẻ khó chịu khi nghe qua. Đưa tay ra dấu cho một tên công an còn trẻ lại gần:

- Sang phòng bên xem thử đã thu hoạch được gì?

Phòng bên cách ngăn bằng tường vôi viết đầy khẩu hiệu ca tụng sự chí công vô tư. Cửa gương mờ đục được mở ra.

- Chuyện gì?

- Anh Năm bảo diễn tiến vụ việc đến ngang đâu?

- Đấy. Cái túi xách của cô ta chứa đựng toàn những thứ linh tinh. Son phấn mỹ phẩm. Một cuốn sổ ghi địa chỉ, số điện thoại. Mười lăm ngàn tiền Việt nam kẹp bên trong. Hai thỏi kẹo cao su. Một đĩa CD. Một miếng băng dùng khi có tháng. Hết. Không có đô la, chẳng có tài liệu gì sất.

- CD à? Nghe thử chưa?

Dưới chân dung Hồ chủ tịch, dưới hàng chữ "Không có gì qúy hơn độc lập tự do," ở trên cái tủ sắt sơn xám có đặt để chiếc máy màu đen. Một trong ba gã công an cầm dĩa nhạc tới, mở Power, bấm Play, sờ nút Volume: "... Un jour, j'irai là bas, un jour dire bonjour à mon âme..."

- Nhạc gì thế? Tiếng Mỹ hay tiếng Liên xô thế?

- Tiếng Đan Mạch đấy. Việt kiều từ Đan Mạch về mà lị.

- Ừ nhỉ. Đan Mạch là chốn nao? Chúng mày biết nó rêu rao những gì bên trong?

- Im coi nào. Nó có nhắc tới Việt Nam nữa cơ. Lại tuyên truyền cái gì đấy phỏng?

- Bố khỉ! Cơ quan mình có đồng chí nào am tường tiếng nước ngoài không?

Câu hỏi chẳng có trả lời. *"...images de la guerre. Un film de Coppola, des helicopters..."*

- Bực cả mình. Thu cất cái này làm tang chứng vật chứng. Có khi nhờ nó mà ta điều tra được cả một chuỗi âm mưu thâm độc chăng?

- Bắt buộc rồi. Thưa với anh Năm là bảo cô ấy nghiêm chỉnh viết bản tự khai, dịch minh bạch lời bài hát là rõ.

- Nhất trí.

5.

Người đàn bà chận gã mặc đồng phục bệnh viện ở hành lang thấp sáng dãy đèn xanh mướt.

- Sao rồi?

- Tiền bồi dưỡng đâu? Con bé đang nằm nghỉ. Khoảng nửa giờ thì có thể về nhà.

Người đàn bà bắt tay thằng đàn ông. Trong hai bàn tay nắm ơ hờ kia là khoảng tiền trà nước buộc phải có, bất thành văn tự. Cả hai bàn tay từng thấm nhiều máu. Bên chém người và bên cứu người, moi từ cửa mình chật hẹp ra cục máu chưa tượng hình. Rồi cái cửa mình lắm chuyện ấy sẽ rặn đẻ, vất ngoài cõi đời những đứa con lai Đài Loan. Nhưng đó là chuyện mai hậu. Hiện tại, đứa con gái nhắm hờ đôi mắt, dang tay dạng chân nằm trên giường với nước da tái.

- Đau không?

Con bé mở bừng mắt ra. Mắt long lanh, mắt như biết cười khi nhìn thấy người đàn bà.

- Đau chớ. Thằng bác sĩ nó vọc rõ lâu. Nó còn đòi cạo lông cắt tỉa nghệ thuật cho em nữa cơ. Khiếp! Bàn tay nó nóng một cách lạ lùng. Bận sau lỡ có vào cô nhớ tìm cho em bà bác sĩ thì tốt hơn. Đàn bà với nhau... Cô hiểu không?

- Biết đau đớn ê chề thì tại sao còn nói tới bận sau?

- Bao lâu thì về hả cô? Chân đang còn run.

- Không gấp. Hồi nào cưng nghe khỏe hẳn tính.

- Mồm miệng đắng chát. Dắt em đi ăn tô phở cao cấp hả cô. Tự dưng sao thèm quá mạng!

Phòng có hai giường, ngăn chia bằng tấm màn vải màu xanh vấy bẩn ở đường biên. Chỗ vấy bẩn đang có bàn tay kéo nó sang bên. Tiếng những khoen sắt móc trên màn chạy xô về một phía nghe ê răng.

- Cậu đưa cháu về khách sạn đi. Cháu hãi chỗ này quá.

- Thì mình cũng nên làm đúng thủ tục. Xem kết quả vết thương có bị nhiễm trùng không đã. Bịnh ết, bịnh xi-đa, giang mai lậu mủ các thứ.

- Họ đòi bao nhiêu hở cậu?

- Trước mắt là ba triệu. Sau đó thì linh động gia giảm tùy theo mức độ khám nghiệm thuốc men.

- Gì mà dữ thế?

- Ai biểu cháu làm Việt kiều. Cháu nổi bật giữa đám đông mà cháu không hay biết.

Người ta thèm khát, người ta ganh tị, người ta đố kị những thứ mà cháu có.

- Mai mốt cháu lấy vé máy bay. Cháu về lại bên ấy sớm. Cậu đừng buồn nhé. Chuyến đi thăm quê hương vỏn vẹn đúng ba ngày.

- Cậu không buồn. Cậu trách mình lúc nào cũng bó tay trước nghịch cảnh. Cậu bất lực, cháu đừng giận, xin thông cảm. Mình người Việt với nhau mà sao...

Người đàn ông bỏ lửng câu nói. Mắt đỏ hoe. Hai tay xoắn xít với nhau, bức rức, rối rắm.

- Chuyện gì đã xẩy ra?

Người đàn bà ngồi giường bên cạnh hỏi vọng sang.

- Chuyện đau buồn cá nhân giòng họ. Chị hỏi làm gì?

- Chỉ mặt thằng nào đã hại cô này. Tôi cam kết với ông là sẽ chém nó theo yêu cầu. Từ chết tới bị thương...

- Cám ơn tấm lòng nghĩa hiệp của chị. Lúc này đây người tôi đang bị bầm vụn ra. Tôi đang là kẻ u mê ám chướng. Nhưng mà chém, biết chém chừng nào mới thôi? Bọn gian ác lúc nào cũng hằng hà sa số. Chị không thấy mỏi tay sao?

Người đàn bà ngậm câm. In tuồng sát thủ đã nhìn ra chân lý, vỡ lẽ mọi căn nguyên.

- Cháu nằm xuống một tẹo, đắp chăn lên. Cậu ra ngoài tranh thủ hút điếu thuốc và gọi một chiếc taxi.

Người đàn ông kéo lại tấm màn vải. Bước ra hành lang, đi xiêu lạc. Ông xô cửa, bóng tối đổ ập xuống thành phố. Đèn đường bừng sáng và những con thiêu thân bắt đầu lao vào với tất cả sự mù lòa.

- Oan nghiệt!

Người đàn ông nói một mình. Ông đốt lửa điếu thuốc và hút nó với điệu bộ của một con nghiện đang lên cơn.

- Chị Sáu ơi! Đớn đau quá chị Sáu ơi! Ngày xưa vượt biển chị bị bọn hải tặc Thái Lan hãm hiếp đến khờ khạo, giờ này đứa con duy nhất lá ngọc cành vàng của chị cũng bị bọn đầu trâu mặt ngựa Việt Nam thay phiên làm nhục ở cố hương. Nó về thăm em mà làm gì? Thăm thằng cậu tật nguyền này mà được cái chi? Ta về ta tắm ao ta... Mả cha cuộc đời quá vô hậu!

Tháng Tư, 06

Hình thức gắn bó với nội dung trong thơ **Nguyễn Vỹ, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa**

TRẦN VĂN NAM

Thời tiền chiến, có lẽ chưa có từ ngữ cơ cấu rất được ưa dùng ngày nay do ảnh hưởng của thuyết cơ cấu luận của Tây Phương, nên tính chất cách tân của Nguyễn Vỹ qua bài thơ "Sương Rơi" chỉ được coi như *"đã sáng tạo ra một nhạc điệu riêng để tả một cái gì đương rơi"* (Hoài Thanh, trong "Thi Nhân Việt Nam"), hoặc quy định Nguyễn Vỹ như *"nghệ sĩ ấn tượng thu cả âm thanh vào cả cảm giác mình rồi phát ra bằng lời thơ"* (Nguyễn Tấn Long - Phan Canh, trong "Khuynh Hướng Thi Ca Tiền Chiến"). Ta nghĩ "sáng tạo nhạc điệu riêng" chưa nói lên sự cách tân của Nguyễn Vỹ là nhấn mạnh liên hệ gắn bó ý thơ và thể thơ, vì Nguyễn Xuân Sanh và Đoàn Phú Tứ cũng đã sáng tạo nhạc điệu riêng trong thơ mà không đưa ra một đồng bộ giữa nội dung và hình thức như Nguyễn Vỹ: cứ hai chữ xuống dòng giống như từng giọt sương rơi; ý thơ là niềm đau rơi rụng, cảm thức nỗi hiu hắt lạnh lùng. Ta cũng nghĩ nếu là "ấn tượng" thì thiên về cảm giác; thấy ra sao, nghe ra sao thì diễn tả ra, không cần sự can thiệp của lý trí, cho nên cũng không cần phối hợp chặt chẽ với ý thơ. Ông Hoàng Nguyên Nhuận đã cho ta một ví dụ rất rõ về ấn tượng: *"Vẽ đường rầy xe lửa hay đường tàu chẳng hạn. Theo ấn tượng thì hai đường tàu song song giao nhau ở cuối chân trời. Thấy sao vẽ vậy, hay vẽ theo đúng ấn tượng là vẽ đường tàu như A hay chữ V ngược"* (Trong tạp chí Hợp Lưu số 55). Nguyễn Vỹ thấy sương rơi từng giọt thì tạo ra thể thơ cứ một hai chữ lại xuống hàng, nhưng còn phối hợp với ý tưởng từng giọt thấm vào lòng lạnh lùng, từng giọt rơi trên mồ hoang; đó là do liên tưởng, không phải chỉ thuần do cảm giác đem lại. Nhưng sự cách tân của Nguyễn Vỹ không phải là dễ dàng đạt tới cơ cấu gắn bó hình thức và nội dung. Ví dụ trong thể thơ diễn tả tiếng chuông phối hợp với nội dung nhớ tiếng chuông chùa quê hương, tác giả dùng thể thơ có hình tượng như từng bậc tam cấp hay đồng ruộng bậc thang ở các vùng đồi xứ Phi Luật Tân hay Indonesia. Ta nghĩ tiếng chuông ngân nga không giống như vậy. Trong khi đó, cũng đồng thời với Nguyễn Vỹ, thi sĩ Bàng Bá Lân không cố ý cách tân để tạo ra một cơ cấu gắn bó mà bài thơ về tiếng võng đưa của ông đã ngẫu nhiên phối hợp được: Cứ một hai câu thơ đưa qua bên trái, lại có hai ba câu đưa sang bên phải, và có khi vài câu lưng chừng ở giữa như cái võng đưa qua đưa lại rồi lắc lư cân bằng; phối hợp với âm thanh tiếng cót két; phối hợp với nội dung bảy tám chục phần trăm dân tộc Việt Nam lớn lên từ tiếng võng mẹ ru con, bà ru cháu nơi đồng quê. Phải chăng có ý thức sáng tạo để cách tân như Nguyễn Vỹ thì mới được văn học kể đến như một người chủ trương sự phối hợp chặt chẽ giữa nội dung và hình thức.

Thời Văn Học Miền Nam Việt Nam, Thơ Tự Do của Thanh Tâm Tuyền hàm chứa ý hướng về cơ cấu có tính cách gắn bó hình thức và nội dung. Trước Thanh Tâm Tuyền cũng đã có vài thi sĩ nổi danh với các bài Thơ Tự Do như Nguyễn Đình Thi với bài "Đất Nước," Hữu Loan với "Màu Tím Hoa Sim," Hoàng Cầm với "Bên Kia Sông Đuống," nhưng các nội dung kháng chiến hùng tráng và bi tráng của họ không cần phải phối hợp chặt chẽ gì với thể Thơ Tự Do không cần vần điệu. Họ làm Thơ Tự Do để diễn tả phóng khoáng, dễ dàng đạt ý về lòng yêu nước. Nếu họ làm các thể thơ vẫn còn ràng buộc vần điệu như Quang Dũng mà nếu đạt ý, rung động quần chúng với tiếng gọi non sông như ở các bài Thơ Tự Do, thì chắc họ cũng được ca ngợi. Nội dung kháng chiến, tình quê hương, đâu nhất thiết cần phải diễn đạt bằng hình thức Thơ Tự Do. Bài thơ "Tây Tiến" và "Đôi Bờ" của Quang Dũng là một minh chứng. Vì vậy các nhà Thơ Tự Do thời kháng chiến chưa phải là "thủ lãnh Thơ Tự Do" như Thanh Tâm Tuyền của thời Văn Học Miền Nam. Lúc đầu, Thơ Tự Do của Thanh Tâm Tuyền với nội dung chính

trị như lên tiếng về sự đàn áp của Liên Xô chống lại cuộc nổi dậy ở Budapest (Hung Gia Lợi), hoặc về Hà Nội giờ giới nghiêm, thì đó vẫn là Thơ Tự Do giống như dòng Thơ Tự Do thời kháng chiến, chỉ khác về nội dung mà thôi. Thơ Tự Do hay không Tự Do thì nội dung ấy vẫn có thể diễn tả. Lần hồi, thơ tự do của ông hình thành bằng quan niệm nghệ thuật theo "tinh thần Dyonysos" (tên một vị thần trong thần thoại Hy Lạp), tượng trưng cho tính chất nổi loạn chống lại thói lề ràng buộc; hỗn độn say sưa chống lại sự điều hòa; trúc trắc nghịch âm chống lại vần điệu êm ái; móng sắc thương đau thay cho mộng mơ dịu ngọt; tổng quát là "tinh thần Dyonysos" chống lại "tinh thần Apollo" (cũng là tên một vị thần trong thần thoại Hy Lạp, tượng trưng cho nghệ thuật hài hòa). Rất đúng dịp cho Thanh Tâm Tuyền với quan điểm nghệ thuật Dyonysos thêm nổi bật là vì sự xuất hiện của nhà thơ Nguyên Sa từ bên Pháp mới về nước. Nguyên Sa cũng chủ trương Thơ Tự Do, còn thêm yếu tố mới là Thơ Tự Do viết như văn xuôi, nhưng thơ Nguyên Sa thật du dương, tình yêu trong thơ Nguyên Sa thật dịu ngọt, từ ngữ thơ thật hiện đại nhưng không nổi loạn, đó chính là tinh thần nghệ thuật Apollo, ngẫu nhiên thành đối lập với Thanh Tâm Tuyền. Bên nào cũng có nhiều người tâm huyết văn chương ủng hộ, giữ trong tay những tạp chí văn học, nhờ vậy sự đối lập này đã đưa cả hai thành hai thi nhân lớn của Văn Học Miền Nam; trong khi những thi nhân tài ba như Đinh Hùng, nổi tiếng từ thời tiền chiến như Vũ Hoàng Chương, không được giới trẻ tìm đọc. Hơn bốn mươi năm kể từ thời ấy thì giới trẻ đó bây giờ đã thành trung niên hay quá trung niên, lúc này mới nghiệm ra sự thưởng ngoạn đã được bảo hòa: Thơ Niêm Luật, Thơ Mới, Thơ Tự Do, thế nào cũng được, miễn là thơ hay. Xin trích ra đây một số câu thơ của Thanh Tâm Tuyền để thấy được sự gắn bó chặt chẽ giữa hình thức văn chương (câu đặt hoàn toàn tự do, âm điệu trúc trắc, từ ngữ gai góc) và nội dung văn chương (tinh thần say sưa bạo loạn Dyonysos):

...
Ở cuối đêm
em rũ tóc nói những lời mê sảng
những ám hiệu
của mặt biển đen không
tình yêu tuyệt vọng
anh xé tóc em cùng những cánh lá chết
mùa thu
gây thương tích nơi cườm tay
khóa chặt
anh xô ngã em từ chớp đỉnh hạnh phúc
...
hai con sâu nằm trên chân mày khoét lỗ
con quạ hôi hám mở lồng ngực bay lên.
...
Đau như thú dữ cháy rừng
Ta đập tan hình hài và thức giấc.
...

Đi đi, chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi, môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau...

Nguyên Sa không chủ trương nghệ thuật theo tinh thần Apollo, nhưng hình thức văn chương trầm bổng, lời thơ êm đẹp; còn nội dung là tình yêu dịu ngọt trong bối cảnh thành thị; vì vậy thơ Nguyên Sa cũng là một phối hợp gắn bó giữa lời thơ, thể thơ và ý thơ. Ông đã trở thành nhà thơ tình yêu số một trong Văn Học Miền Nam. Ngôn ngữ êm đẹp và hiện đại, Thơ Tự Do nhưng vẫn trầm bổng, đó là hai yếu tố làm cho thơ ông gần với tuổi trẻ thời bấy giờ: Đổi mới về phát biểu yêu đương nhưng chưa đến mức độ nổi loạn phá luật lệ. Danh xưng nhà thơ tình yêu tuổi trẻ này đã theo ông ra tới hải ngoại, và tại đây ông đã truy nghiệm ra sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa cho tình yêu dịu ngọt, tăng cường cho lời cùng thể thơ vốn đã du dương. Đó là chủ tâm điệp vận ở các vần bằng như một điệp khúc mơn man vuốt ve tình yêu. Chủ tâm điệp ngữ để làm thính giả tan loãng vào sự lâng lâng thưởng ngoạn khi nghe ngâm thơ hay đọc thơ êm ái, nhất là khi trên sân khấu tất cả đều lộng lẫy, đó là chủ trương rất mới cho văn học mà ít người lưu ý. Nguyên Sa muốn đưa thơ vào trình diễn, tạo "nhạc tính tình yêu." Vì thơ Nguyên Sa đã được phổ nhạc rất nhiều và rất hay, phổ biến rộng rãi, nên một chủ trương thêm nữa của ông thành ra dư dả, do đó người đời chưa lưu ý sự khám phá từ kinh nghiệm Nguyên Sa: *"Chỗ dung thân của thơ phải chăng là sự bao dung có tên là tình yêu."* Có lẽ ý ông muốn nói: Trong khi ta lâng lâng thưởng ngoạn, tan loãng vào mơ màng tình yêu; khi ta trôi vào giai điệu với điệp khúc du

dương hay giọng ngâm thơ êm ái, ta sẽ không còn săm soi về chữ, về điệp ngữ tạo ra nhạc tính tình yêu đó. Dư dả thành ra không được lưu ý, thật đáng tiếc. Đọc lại hai bài thơ "Paris Có Gì Lạ Không Em" và "Tương Tư," ta sẽ nhận ra chủ tâm điệp ngữ. Nguyên Sa nói rõ chủ tâm điệp ngữ về vần là cơ cấu hòa điệu cho nội dung và hình thức, tạo ra điệp khúc dịu ngọt tình yêu: *"Vần là một hiện tượng cơ cấu, là sự phối âm của toàn thể chữ trong đoạn thơ hay bài thơ... vẻ đẹp của giáo đường không phải là cộng lại của những viên gạch. Kiến trúc của giáo đường mang lại vẻ đẹp cho mỗi viên gạch... Tôi lựa chọn nền âm thanh, chọn lựa sự xuất hiện của những tiếng đồng âm, tạo nên một nền âm thanh."* (Trích ra từ bài đã đăng trong báo DÂN CHÚNG, được nhuận sắc dưới tựa đề "Luật Phản Thanh", in trong tập "HỒI KÝ" của Nguyên Sa). Phục hoạt trình diễn cho thơ, với chủ tâm điệp ngữ như trên, không cần ngâm thơ mà chỉ đọc thơ chắc cũng đủ lâng lâng.

Xin được nhắc lại, Nguyễn Vỹ đã dùng chữ để tượng hình những giọt sương rơi, đi kèm với nội dung. Phải chăng ông là người tiền phong đã đi trước trường phái "Thơ Cụ Thể." Theo Ngu Yên, trường phái "Thơ Cụ Thể" (Concrete Poetry) phát xuất từ Đức và Ba Tây khoảng giữa thế kỷ 20; nghĩa là sau thời tiền chiến Việt Nam 1932 – 1945 (thời điểm Nguyễn Vỹ sáng tác). Trường phái Thơ Cụ Thể cực thịnh khoảng năm 1960 đến 1970, đúng thời kỳ chiến tranh ác liệt tại Việt Nam, nên giới văn nghệ ta ít biết đến. (Ngu Yên, tạp chí Văn Học số 121, trong bài "THƠ

NGUYỄN VỸ

Sương Rơi

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu...
Nhưng hơi
Gió bấc
Lạnh lùng
Hiu hắt
Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương!...

Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng,
Tả tơi
Em ơi!
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Điêu tàn
Trên nấm
Mồ hoang!...

Rơi sương
Cành dương
Liễu ngã
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt,
Thánh thót.
Từ giọt,
Tơi bời,
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi!...

CỤ THỂ"). Nhưng trường phái Thơ Cụ Thể chỉ coi từ ngữ như những vật liệu vật lý, chẳng khác vật liệu Plastic hay vỏ bánh xe mà vài người thuộc trường phái này sắp xếp thành bài thơ. Sắp xếp như vậy để nói lên ý nghĩa nào đó, nghĩa là nói lên một nội dung. Vậy hình thức văn chương, sự cần thiết của thể thơ, là điều không đáng kể. Cho nên ta không thể quy định đây là sự phối hợp hình thức và nội dung, là kiến trúc một cơ cấu gắn bó giữa lời thơ, thể thơ và ý thơ mà bài viết này đặt trọng tâm để nêu ra. "Đọc," nói đúng ra cần phải "nhìn" ý nghĩa qua vật liệu sắp xếp (đây là "Thơ Thị Kiến", Visual Poem, thuộc trường phái Thơ Cụ Thể), và cần phải "nghe" từ ngữ vô nghĩa nhưng phát ra âm thanh (đây là "Thơ Âm Thanh", Sound Poetry, cũng thuộc trường phái Thơ Cụ Thể." Ngu Yên sưu tầm được một bài thơ Anh Ngữ: điều quan yếu không phải nơi nghĩa của từ mà quan yếu ở chỗ đọc lên nghe như âm thanh bánh xe lửa đang sình sịch chuyển mình. Trong cuốn "Thơ Việt Hiện Đại" của Uyên Thao xuất bản tháng 10 năm 1969 tại miền Nam, trang 432, có nêu trường hợp một bài thơ Pháp văn, nhưng từ ngữ Pháp này không có trong từ điển. Nhà thơ đặt ra các từ ngữ ấy để đọc lên nghe như âm thanh tiếng chuông nhà thờ. Isidore Isou là người đề xướng thi phái "Duy Từ Ngữ" đó (Lettrisme). Thi phái Duy-Từ-Ngữ coi chữ là trên hết, trong khi thi phái Cụ Thể coi chữ là vật liệu vật lý, đồng giá trị với các vật liệu vật lý khác. Ta liên tưởng đến vật liệu là vài tảng đá đơn sơ trong các khu vườn cổ năm sáu trăm năm ở Nhật; hoặc vật liệu là đóa hoa thiên nhiên với phiến lá xanh được cố ý cho nhô ra từ dãy hàng rào nâu xám của một thiền giả Phù Tang. Nhưng các vật liệu ấy cốt để gợi sự chiêm nghiệm tâm linh, đốn ngộ siêu hình. Thi phái Cụ Thể đi tìm một ý nghĩa qua cách sắp xếp vật liệu, không phải để đi vào diệu vợi siêu hình. Đọc từ ngữ trong thơ Cụ Thể, đôi khi ta cũng bắt gặp được chất thơ, nhưng chất thơ này nếu không được dẫn giải trước, chắc ta không nắm bắt được hình tượng mà nhà thơ muốn độc giả phải thị kiến, như bài thơ "*Con Đường Và Mặt Trời*" của một nhà thơ xứ Ba Tây (do Ngu Yên trích dẫn trong bài "Thơ Cụ Thể"). Bài thơ gồm năm câu tiếng Bồ Đào Nha (có lẽ Ba Tây là xứ nói tiếng Bồ Đào Nha, Portuguese). Bốn câu đầu gồm các chữ mặt trời và con đường kề cận nhau, chỉ khác là chữ mặt trời từ bên phải dịch dần về bên trái, từ câu hai đến câu bốn. Ta phải thị kiến đó là mặt trời đang lên cao. Câu năm không còn chữ mặt trời mà gồm toàn chữ con đường: ta phải thị kiến khi ấy mặt trời đã lặn rồi, trả lại bóng tối cho các con đường trên mặt đất. Quả là có chất thơ. Hoặc như Trần Long Hồ giới thiệu vài bài thơ cụ thể trong "nhóm tạp chí Thơ," trong đó có nhà thơ (không thấy nêu tên) cho ấn loát nhập nhòe câu thơ của bà Đoàn Thị Điểm trong "Chinh Phụ Ngâm." Hình ảnh nhập nhòe của các chữ *"Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt. Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây"* quả là tượng hình tiếng trống dồn dập như làm lay động ánh trăng trên mặt trường thành. Thật cũng có chất thơ. (Trần Long Hồ, trong bài "Đầu Năm Nói Chuyện Thơ", tạp chí Văn Học, số Mùa Xuân 2001). Nhưng chất thơ hình như không phải là điều mà Thơ Cụ Thể nhắm tới. Ví dụ lấy vật liệu như Plastic hay vỏ bánh xe thì không còn gì chất thơ. Cái họ nhắm tới: nói lên một ý nghĩa nào đó, không nhất thiết phải đạt chất thơ. Và nếu không có sự dẫn giải trước, tức là cần từ ngữ diễn tả ý tưởng, thì chắc những sắp xếp tượng hình không tự mình bộc lộ được ý nghĩa, không tự mình gợi ra được chất thơ. Trong bài báo đã kể trên thì vài nhà thơ trong "*Nhóm Tạp chí Thơ*" được gọi là "*các nhà thơ cách tân,*" chưa nói rõ họ thuộc "*Thi phái Thơ Cụ Thể,*" để phân biệt với "*các nhà thơ Tân-Hình-Thức*" cũng thuộc tạp chí này.

Ngẫu nhiên mà mỗi thời kỳ trong văn học ta có một nhà thơ sáng tác thể hiện sự phối hợp Nội Dung và Hình Thức, thể hiện cơ cấu gắn bó lời thơ, thể thơ và ý thơ. Thời Tiền Chiến thì có Nguyễn Vỹ với đầy ý thức làm thơ tượng hình bằng từ ngữ, bằng câu thơ. Thời Văn Học Miền Nam thì có Thanh Tâm Tuyền đầy ý thức Thơ Tự Do phá hủy ước lệ với nội dung là tinh thần nghệ thuật Dyonysos. Thời Văn Học Việt Nam Hải Ngoại có Nguyên Sa với đầy ý thức điệp ngữ điệp vận tăng cường thêm cho tính âu yếm dịu ngọt trong thơ tình. Ngoài ra các nhà thơ khác chỉ mượn thể Thơ Tự Do để lồng vào nội dung nào đó cũng được, như thời kháng chiến có Thơ Tự Do lồng vào nội dung yêu nước, đánh đuổi ngoại xâm. Hoặc chỉ lấy các thể thơ có sẵn như bảy chữ, lục bát, ngũ ngôn, tám chữ... để diễn tả đề tài đặc biệt hoặc đề tài chung.

VẤN ĐỀ GỌI TÊN TRONG LỊCH SỬ

TRẦN ANH TUẤN

Trong sách báo của một số tác giả trong nước dưới chế độ Cộng Sản và một tác giả hải ngoại, tôi đã gặp một vấn đề rất bất thường. Đó là cách những tác giả này gọi tên nhân vật lịch sử.

Vì thế, tôi xin lạm dụng một hai trang giấy của *Thế Kỷ 21* để đề cập đến vấn đề gọi tên trong lịch sử, một chi tiết nhỏ và căn bản trong phương pháp viết sử, và hy vọng tôi sẽ không phải đặt lại vấn đề này thêm một lần nữa.

Cách gọi tên hỗn láo

Đó là cách gọi "anh tôi" của một số đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với các nhân vật lịch sử sống trước họ nhiều thế kỷ. Điển hình là Hồ Chí Minh. Trong một dịp về Hải Dương viếng đền thờ Trần Hưng Đạo, Hồ Chí Minh đã làm bài thơ tự so sánh mình hơn cả Thái Sư Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc Đại Nguyên Soái Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn trong thế kỷ XIII như sau:

Viếng Đền Kiếp Bạc

Vốn tay hào kiệt, vốn anh hùng,
Tôi, Bác cùng chung nợ kiếm cung.
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc,
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng.
Bác đưa một nước qua nô lệ,
Tôi dắt năm châu đến đại đồng.
Bác có linh thiêng cười một tiếng,
Mừng tôi cách mạng sắp thành công.

Hay như Huy Cận, trong bài "Nhớ Tố Như" viết năm 1965 vừa được đăng lại trong tạp chí *Văn Hiến* (Hà Nội, số 11, từ 20/11 đến 20/12/2005, trang 18) có những câu, nguyên văn:

Năm sáu nhăm, Thế Kỷ Hai Mươi,
Hỡi Tố Như, anh có ngậm cười?

Hay như Chế Lan Viên. Trong một bài viết hồi tháng 5 năm 1958 tựa đề "Nguyễn Du Hay Lòng Một Người Anh" được tòa soạn tạp chí *Văn Hiến* (Hà Nội, số 11, từ 20/11 đến 20/12/2005) cùng đăng lại, Chế Lan Viên mở đầu bài viết, nguyên văn như sau: "*...Với Kiều, Nguyễn Du đã nói đến cả xã hội người. Với Chiêu Hồn thì cả loài người được bàn đến. Ở đây, nên khen cái tài tổng hợp của Anh (sic!), đã nhìn phong cảnh người trong bức tranh toàn đồ, hay khen cái tình Anh (sic!) muốn bao trùm tất cả?...*" (trang 10, tạp chí đã dẫn). Và Chế Lan Viên kết luận, nguyên văn: "*Nguyễn Du, Anh (sic!) hiện đại biết bao nhiêu! Tôi tưởng Anh (sic!) vừa đến chăm nom dạy bảo chúng tôi ở Hội Nhà Văn, và chính tôi vừa được bắt tay Anh (sic!) ở trụ sở.*" (trang 12, tạp chí đã dẫn)

Cách gọi tên xách mé

Trong suốt thời Việt Nam Cộng Hòa (1954-1975), tôi không hề thấy một thi sĩ, một nhà báo, một nhà văn, một nhà giáo, một nhà nghiên cứu, hay một viên chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa nào có thái độ vô lễ khi đề cập đến các nhân vật trong lịch sử nước ta như giới lãnh đạo miền Bắc mà tôi vừa kể trên.

Điều đáng tiếc là, ra đến hải ngoại, tôi lại thấy có người gọi tên các nhân vật lịch sử Việt Nam một cách xách mé, khi đề cập đến những nhân vật lịch sử bằng tên tục của họ. Người có thói quen này là nhà nghiên cứu Chính Đạo. Thí dụ như trong *Các Vua Cuối Nhà Nguyễn 1883-1945. Tập 1* (Texas, nxb Văn Hoá, 1999), ông viết, nguyên văn nơi trang 43: "*Chủng (1) cử Trịnh Hoài Đức làm Chánh sứ xin triều cống nhà Thanh...*" Hay như trong *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* của mình (Texas, nxb Văn Hóa, 2004), ông viết, nguyên văn nơi trang 12: "*Diệm, theo lời đồn, đứng hàng em của Khôi, Thục...*"

Phải chăng đây là ảnh hưởng nằm trong tiềm thức của cái học nơi trường Mỹ, khiến người sinh viên sau khi ra trường đã vô tình áp dụng hình thức diễn tả của các giáo sư người Mỹ của họ một cách máy móc? Máy móc ở chỗ khi gọi tên tắt thì cứ lấy chữ cuối cùng của một tên họ đầy đủ, như "John F. Kennedy" thì lấy chữ cuối "Kennedy", hay "Chu Ân Lai" thì lấy chữ cuối "Lai," vân vân, mà quên đi cách viết họ tên khác nhau của Âu Mỹ và Á Đông: người Âu Mỹ gọi tên (John) trước họ (Kennedy), còn người Á Đông, ngược lại, đặt họ (Chu) trước tên (Lai).

Rõ ràng cách bắt chước máy móc này đã không nắm được nguyên tắc gọi tên nhân vật lịch sử của giới nghiên cứu người Hoa Kỳ. Khi

gọi tên tắt của các nhân vật lịch sử, giới giáo sư và học giả Hoa Kỳ sử dụng họ, chứ không sử dụng tên tục. Thí dụ như khi họ đề cập đến Tổng Thống John F. Kennedy, thì họ gọi tắt là *Kennedy* chứ có gọi tắt là *John* đâu. Hay khi họ đề cập đến Tổng Thống Lyndon B. Johnson, thì họ gọi tắt là *Johnson* chứ có gọi tắt là *Lyndon* đâu. Thành ra đối với Tổng Thống Ngô Đình Diệm, hay Nguyễn Văn Thiệu chẳng hạn, mà gọi tắt là Diệm, hay Thiệu thì không những không đúng với nguyên tắc bất thành văn mà các giáo sư Mỹ đã làm gương, còn hoá ra xách mé trái với phong thái của người Việt từ ngàn xưa!

May mắn là cách gọi tên xách mé này đã không được tất cả những người học trò hay sinh viên gốc Việt tốt nghiệp tại Hoa Kỳ áp dụng!

Gọi tên thế nào cho đúng?

Thật ra, ngay trong những bài học đầu tiên cho các sinh viên đại học ngành Sử, ông thầy dạy môn "Phương Pháp Sử" hay "Sử Học Nhập Môn" hẳn phải có dịp chỉ dẫn cách đề cập đến các nhân vật lịch sử vì trong sử học, vấn đề thời gian rất phức tạp. Có nhân vật sống cách người viết sử hàng ngàn năm và ngược lại, có nhân vật lại sống đồng thời với kẻ viết. Phải đề cập thế nào cho đúng cách, nghĩa là vừa đáp ứng được tính cách chuyên môn trong sử học vừa thích hợp với những lề thói phong hoá của một xã hội có văn hoá và tôn ti trật tự?!

Vì thế, trong giới nghiên cứu sử Việt Nam đúng đắn từ bao nhiêu năm nay, từ thời Việt Nam Cộng Hoà ra đến hải ngoại bây giờ, đã có lề thói bất thành văn về cách đề cập đến các nhân vật lịch sử, nay xin ghi lại như sau.

A) Nhân vật lịch sử đã khuất

Người viết sử sẽ không sử dụng nhân xưng đại danh từ trước tên họ (ông, bà, cụ, bác...). Lý do đơn giản là một người sống cách chúng ta một hai chục năm thì có thể gọi bằng "cụ" bằng "bác," hay bằng "ông" bằng "chú." Thế nhưng đối với những nhân vật lịch sử sống cách người viết hàng trăm năm, ngàn năm, hay hơn nữa... thì gọi bằng gì cho đúng cách?

Thành ra, một khi nhân vật lịch sử đã khuất, người viết sử chỉ ghi tên họ là đủ: Phùng Hưng, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phan Đình Phùng, vân vân. Nếu cần chính thức hơn, người viết sẽ kèm thêm chức vị trước tên họ, như Bình Định Vương Lê Lợi, Quang Trung Nguyễn Huệ, Tổng Thống Ngô Đình Diệm, vân vân.

B) Nhân vật lịch sử là người đương thời

Người viết sử lúc ấy sẽ có thể sử dụng nhân xưng đại danh từ thích hợp với tuổi tác của họ. (Nếu không có nhân xưng dại danh từ kèm theo tên thì lại thành cách gọi xách mé mất rồi!) Thí dụ như Ông Bush, Bà Rice... nhưng đây vẫn là cách đề cập đến tên họ không chính thức. Khi viết, cách tốt nhất vẫn là viết tên họ của các nhân vật kèm theo chức vụ của họ: Thứ Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ Đinh Đồng Phụng Việt, Thủ Tướng nước Anh Tony Blair, vân vân...

Gọi là cách gọi tên chính thức khi kèm chức vụ vì nếu một người không ở trong bộ máy công quyền, hay nắm giữ chức vụ quan trọng có ảnh hưởng đến xã hội, thì người viết sử đâu có dịp đề cập đến họ!

Alameda, tháng Tư năm 2006

(1) Chủng, tức Nguyễn Chủng hay Nguyễn Ánh, tức vua Gia Long. Nhà nghiên cứu Chính Đạo thường gọi trống là "Chủng" hay "Ánh."

TRẦN MỘNG TÚ

Miếng Đêm

Gửi người hay mất ngủ

Em cho anh thuê giấc ngủ của em
giấc ngủ yên bình từ đêm đến sáng
giấc ngủ có những giấc mơ không mầu
mơ đến rồi đi như mây lãng đãng
Em ngủ hộ anh bằng hai mắt em
mi mắt khép ngoan như những dòng thơ
kẻ một vạch dài vào đêm lặng lẽ
đêm như trang giấy mở ra tình cờ
Em thở hộ anh bằng lồng ngực em
hơi thở bình yên đêm không bối rối
anh sẽ thức giấc cùng với mặt trời
nhặt niềm an nhiên ngay trên mặt gối
Em chia cho anh giấc ngủ của em
em chia cho cả những giấc mơ hoa
đêm như bài thơ chia ra từng miếng
một miếng rất hiền chia giữa hai ta.

Một Giọt Hư Vô

LÊ TẤT ĐIỀU

Cháu Ph.

Cháu có trí tuệ một khoa học gia, nhưng tâm hồn tinh tế, nhậy cảm, lãng mạn của người viết văn, làm thơ, nên hôm nay bị chú túm áo, nhờ vả chút việc đây.

Nhờ cháu coi lại xem cái "khám phá" của chú có mới lạ không hay đã cũ xì. Nếu mới lạ thì có nên phổ biến rộng rãi cho bà con cô bác cùng... mất vui chăng? Chú thực sự băn khoăn vì phát giác của mình vô duyên lắm, chẳng đóng góp gì cho khoa học mà có thể làm mất đi một nguồn hy vọng, gây hư hại cho một vùng đất màu mỡ, bao la trên đó trí tưởng tượng của loài người đã tha hồ gieo trồng muôn ngàn kỳ hoa, dị thảo từ nhiều thập kỷ.

Nói "khám phá" cho nó long trọng, ghồ ghề. Thật ra, chỉ có thế này: chú thấy, rất rõ, là lâu nay các khoa học gia đã hiểu lầm bản chất, nhất là diễn dịch sai lầm các hệ quả từ thuyết tương đối của Albert Einstein. Chú ngờ chính Einstein cũng lầm nốt, vì không nghe ông cải chính gì khi các nhà vật lý học thảo luận, đưa ra giả thuyết, và có người thực hiện những cuộc thí nghiệm nhằm chứng minh sự hiện thực của những hệ quả ấy.

Cách đây mấy chục năm, lần đầu tiên đọc thuyết tương đối, chú đã hơi thắc mắc, nghi ngờ. Do linh tính thôi. Trong lối suy nghĩ đơn giản, tầm hiểu biết nhỏ tí teo lúc đó, chú đinh ninh là thời gian chạy một chiều về tương lai, và không gian không thể chứa đựng trong cùng một lúc hai vật thể tách biệt. Nếu thuyết tương đối cho phép nhân loại, hay một sinh vật cực kỳ văn minh nào đó trong vũ trụ, có thể bay ngược về quá khứ thì vũ trụ càn khôn sẽ bị rối loạn khủng khiếp, chắc Tạo Hóa... không chịu.

Nhưng thắc mắc chút xíu rồi rút lui ngay. Đọc bài toán và hình vẽ của Einstein, chứng minh rằng thời gian sẽ ngừng trôi trong một phi thuyền bay nhanh bằng ánh sáng, thấy hay quá và nhất là đối diện với một lực lượng hùng hậu những khoa học gia lừng danh thế giới bao quanh bảo vệ ông Einstein, cậu bé vừa xong bậc trung học... rét liền, nhận lỗi ngay là mình lỡ ngờ vực vì đầu óc còn tối tăm, dốt nát quá, chưa đủ sức hiểu, không nên bày đặt thắc mắc lộn xộn.

Sau đó thì thôi, những tiến bộ khoa học ghê gớm của loài người làm tan biến mọi nghi ngờ. Cứ đà này thì chuyện gì con người cũng sẽ làm được. Vả lại, cái viễn ảnh một ngày có phi thuyền vượt thời gian, bay ngược về quá khứ, hoặc chồm tới nhìn ngắm tương lai... thấy hấp dẫn mê ly quá. Ngu gì mà nhăn nhó, thắc mắc, tra vấn cho cuộc đời thêm rắc rối, kém vui. Thêm nữa, nhờ ông Einstein và thuyết tương đối mà những chuyện xưa nay tưởng hoang đường hoá ra có thật cả. Từ Thức nhập thiên thai năm, ba ngày khi về trần, thấy làng nước, xóm giềng già đi cả trăm năm (ông ấy lạc vào cõi Tiên là một phi thuyền khổng lồ bay gần nhanh bằng ánh sáng chứ có gì lạ đâu).

Rồi một rừng phim, truyện khoa học giả tưởng ly kỳ, hấp dẫn cho phép ta ngồi trên phi thuyền cùng nhân vật chính vượt thời gian bay ngược về quá khứ, chứng kiến tận mắt những biến cố lịch sử, hoặc hồi hộp căng thẳng hơn: ra tay "sửa đổi" lịch sử. Khi thì cố gắng ngăn chặn vụ ám sát một vị anh hùng, khi thì loay hoay lùng tìm thanh toán những kẻ gian ác như Hitler để tránh cho thế giới một cuộc đại chiến v.v... Nếu thực chất chỉ là chuyện hoang đường, các tác phẩm ấy đã đủ giải trí, làm vui cuộc đời. Huống chi, nhờ thuyết Tương đối, chúng bỗng dưng "có thể là sự thật," "có thể xảy ra lắm chứ," khi loài người đạt tới tột đỉnh văn minh.

Cũng có đọc được vài ba luận thuyết của những khoa học gia bi quan, nêu ra những điều bất khả trong việc thực hiện một phi thuyền bay bằng hay nhanh hơn ánh sáng, hoặc thẳng tay bác bỏ cái viễn tượng du lịch ngược thời gian vì nó... phi lý quá, nhưng chú không nao núng. Loá mắt trước những phát minh, những thành tích kỳ diệu như phép lạ của khoa học, chú vẫn vững niềm tin rằng loài người rồi sẽ chinh phục được cả không gian lẫn thời gian, miễn là Thuyết Tương đối đúng, nghĩa là những định luật vật lý cho phép.

Lạc quan như thế cũng có cái hay. Nhiều khi, nhờ nó, dù kẹt vào tình cảnh xui tận mạng, buồn nẫu người, tâm trí mình vẫn không rơi tòm xuống

đáy vực, mà lơ lửng bám víu, bay lượn nhẹ nhàng cùng những ý tưởng nghịch ngợm, viển vông, nhưng vui vui. Mình được nghỉ ngơi, thư giãn, xả hơi chút đỉnh... trước khi lo "tính kế khác."

Như cách đây hai năm, chú quyết định về hưu non. An hưởng tuổi già sớm sủa một chút thì được "hưởng" nhiều hơn, các bậc tiền bối dạy khôn như thế. Chỉ có tí trục trặc: Về hưu non thì đầu óc còn minh mẫn, các giác quan còn tinh tường, cơ thể còn khoẻ mạnh, nhưng lợi tức lại yếu xìu. Nhiều người vì thế muốn "khôn" cũng chẳng được.

Chú thì khác, kế hoạch về hưu rất ngon lành, tươm tất. Lương hưu không đủ sống đã có một người bạn trẻ bù. Cậu em làm giám đốc công ty huấn luyện và cung cấp nhân viên an ninh cho các cơ sở thương mại, những vùng đang xây cất v.v... Làm phụ tá cho cậu một tuần vài, ba ngày là dư xài. Sau đó, tha hồ làm công việc mình thích. Trước mắt có hai việc chú rất mê: đọc sách giải trí và, quan trọng hơn, ngày ngày cuốc đất, trồng cây sửa sang vườn trước, vườn sau làm đẹp nước Mỹ.

Chính thức về hưu chưa được năm ngày, một buổi xế trưa, trong lúc đang hăng say cuốc đất, cào cỏ, chặt cành, dọn dẹp một góc vườn thì được điện thoại người bạn trẻ. Cậu em gọi từ phi trường, cho biết đang trên đường về Việt Nam cưới vợ. Nhân tiện, cậu cũng trình lên ông anh vài dự tính cho tương lai. Cậu sẽ dọn lên San Jose để bà xã làm việc trong cơ sở thương mại của gia đình nhà chồng. Công ty "an ninh" sẽ được sang cho người khác, chi nhánh San Diego sẽ bớt nhân viên. Cậu than thở nhẹ nhàng: "Năm nay, em chi ra nhiều quá."

Cậu em là người tế nhị, lại biết đàn anh còn tế nhị hơn, nên chỉ cần nói thế. Tức khắc, đàn anh hiểu ngay là kế hoạch về hưu của mình đi đoong. Không khéo chữa chạy là cái tương lai "an hưởng tuổi già" đang huy hoàng sẽ tối hù.

Sau khi nồng nhiệt chúc tụng cho tương lai của cậu em, chú quăng cuốc xẻng, ngả lưng xuống võng, nằm ngửa mặt nhìn trời, nghệt ra mất một lúc.

Xa quê hương nhớ mẹ hiền, hận đời đen bạc thì ít mà giận mình thì nhiều. Làm việc quần quật mấy chục năm trên cái đất nước giầu nhất thế giới này mà khi về hưu vẫn phải lăm le sống bám vào một cậu em thì hèn không tả được. Điệu này thì thứ hai tuần tới lại phải nai nịt gọn ghẽ, nhảy lên ngựa sắt phóng thẳng đến văn phòng Xếp cũ. Sẽ chữa thẹn bằng cách hùng hồn tuyên bố với Xếp rằng quốc gia hưng vong thất phu hữu trách. Nay nước Mỹ đang bị khủng bố vây kín tứ bề, các lão hiệp sĩ không có quyền rửa tay gác kiếm. Sẽ được Xếp phát cho một mớ giấy tờ ôm về văn phòng cũ, và lão hiệp sĩ sẽ ngồi nắn nót điền đơn xin được... đi cầy trở lại để thoả lòng yêu nước đột xuất. Chao ôi là nản chí anh hùng!

Đang lúc rầu rĩ râu ria ra rậm rạp, rụng rời rờ rốn rốn rung rinh như thế, trong bầu trời trước mắt, một chiếc máy bay ra khỏi đám mây, phản chiếu ánh nắng, lóe sáng vài giây, làm liên tưởng tới một chiếc phi thuyền. *Chiếc phi thuyền!*...Chiếc phi thuyền vượt thời gian, từ tương lai tìm về quá khứ? Thế là cái đầu óc hay lang bang tưởng tượng viển vông - càng về già càng viển vông can không nổi, lẩm cẩm thật rồi chăng! - bắt chú nhìn thấy cái phi thuyền sắp... đáp xuống khoảng trống giữa cây lê và cây khuynh diệp. Một đại hãn dung mạo uy nghi bước xuống, xưng là cháu đời thứ tám trăm mười lăm của cụ tổ Lê tất... nhân dịp đi công tác ngang Santee năm 2004, ghé thăm xem cụ có cần sai bảo gì không. Cần quá đi chứ! Sau khi tay bắt mặt mừng, "cụ" sẽ sai thằng chắt: trở lại phi thuyền phóng ngay ra đầu đường đến (không gian) tiệm 7-eleven đúng (thời gian) ngày Chủ nhật tới, xem con số nào trúng Loto xổ tối thứ bảy, rồi về trình cụ... Có thằng chắt từ tương lai thình lình về thăm, mọi sự bỗng dễ dàng. Lo lắng làm gì cho mệt, cứ để cho những tưởng tượng ngộ nghĩnh, vui vui về lũ cháu chắt tương lai tìm về chờ "cụ sai vặt" đưa ta qua một buổi chiều thanh thản, nhẹ tênh, mà còn như thấp thoáng một niềm hy vọng, "biết đâu đấy"...

Lại như cách đây bốn tháng, chiếc phi thuyền kỳ diệu và lũ cháu chắt cực kỳ văn minh, dễ thương cũng đột ngột hiện ra, làm câu chuyện đáng lẽ tuyệt vọng, thê lương giữa hai ông bạn già vẫn vang lên được những tràng cười ròn, rất vô tư, rất ung dung.

Chiều hôm ấy chú đến thăm một người bạn sắp qua đời. Trần bị ung thư phổi. Anh đứng trước cửa nhà chờ, gầy độc đi, nhưng nhanh nhẹn, tỉnh táo, khác hẳn vẻ lờ đờ, bệnh hoạn trong lần gặp trước. Anh ghé tai giải thích "tao ngưng uống thuốc từ tối hôm qua, hơi khó chịu một chút, nhưng được tỉnh táo tha hồ tán dóc với mày một trận. Mai mốt uống bù." Rồi anh kéo ra cái bàn khuất ở cuối vườn, trên bàn bày sẵn một chai

rượu, mấy đĩa đồ nhắm và... bốn điếu xì gà! Thấy khách tròn mắt nhìn mấy điếu thuốc, lại giải thích: "Mày không nhớ danh ngôn của ông họa sĩ Nghiêu Đề à ? Việt cộng chiếm tới cầu Xa lộ rồi, còn kiêng cữ cái đếch gì!"

Chắc thấy chú vẫn nhìn về phía nhà bếp nghi ngại, anh trấn an: "Bà ấy không để ý đâu, tuần trước một thằng lang băm bắt bà ấy mua mười gói thuốc bắc, gói nào gói nấy to tổ chảng, bả đang bận túi bụi giã thuốc, sắc thuốc. Chắc ba bốn tiếng nữa mới xong."

"Mày chịu uống thuốc ta à?"

"Chịu cái mẹ gì. Bình thường thì ông đổ cha nó xuống cống rồi. Uống vì tội nghiệp bà ấy thôi. Tao phải pha thêm cả đống đường, có lần đổ nguyên một ly cà phê sữa vào mà vẫn đắng lè lưỡi. Tao mà làm việc ở văn phòng Đi Ê như mày thì tao truy tố hết tụi lang băm về tội tra tấn bệnh nhân trái phép."

Rồi vừa loay hoay mở chai rượu, anh vừa ra lệnh:

"Mày châm một điếu xì gà cho tao hút ké. Ông chỉ bập bập vài hơi đỡ ghiền thôi. Phổi nát rồi, có muốn hút nhiều cũng chẳng được, đừng ngại."

Chú phải gắt: "Thôi đi cha. Cho mày hút xì gà để bà xã mày chửi tao là đồ vô ý thức, vô lương tâm à."

Anh Trần giả bộ bị kinh ngạc ghê gớm: giật ngược đầu, ngả người về phía sau, như tránh né một cú "sốc."

"Úi giời ui! Thằng này hèn. Mày sợ vợ mày chứ vợ tao thì mắc mớ gì mà mày cũng sợ nó. Thảo nào cả đời bị đàn bà bắt nạt." Rồi anh cười khà, để một ly rượu trước mặt khách: "Thôi được. Cho mày hèn. Dẹp mục hút xách. Nhưng uống với tao vài ly, say thì xin phép bà Còm men đơ in chíp nhà mày, ngủ lại với tao một đêm. Bà ấy không cho thì hai thằng con tao sẽ đưa cả người lẫn xe về tận nhà."

Thấy bạn vẫn nhăn nhó, bất an, Trần bỏ vẻ cười cợt. Mặt nghiêm chỉnh lại, anh cầm một điếu xì gà, lướt qua mũi, hít nhẹ:

"Cả tháng nay tao không cho thằng bạn cũ nào tới nhà. Nhìn chúng nó ngồi rầu rĩ một đống thấy còn thê lương ảm đạm hơn tao, thương lắm. Chuyện trò thì quanh quẩn thuốc này, thuốc nọ, những hy vọng hão huyền. Tao có tỉnh bơ, đùa rỡn, chúng nó vẫn không... vui, mặt cứ dài ra. Đứa nào cũng nói năng từ tốn, nhỏ nhẹ phát ghét. Tao tưởng mày khá hơn, chì hơn chúng nó, mới gọi mày đến. Mày hiểu tao quá mà. Bạn bè gặp nhau là phải vui. Mấy chục năm tao lăn lộn chiến trường... không biết bao nhiêu lần họp bạn nhậu nhẹt say sưa, lần nào cũng coi là lần chót. Mà chót thật, nhiều đứa chỉ sống thêm được vài tuần là đạn, bom rước đi mất tiêu. Sống cuộc đời thanh bình, trường thọ ở Mỹ mấy thập niên, thói quen xấu tưởng đã bỏ. Giờ "đụng chuyện" lại thấy mình như xưa. Còn thở, còn nhậu, còn đấu láo được là còn vui. Kệ mẹ ngày mai..."

Lúc đó chú mới nhớ ra, và thấy rõ hơn, tính tình đặc biệt của Trần.

Anh ấy không chịu nổi không khí tẻ nhạt, buồn bã hay tuyệt vọng. Họp bạn, nếu tiếng nói tiếng cười thưa thớt, Trần tức khắc châm chọc một vài người, hoặc khơi ra một đề tài tạo tranh cãi gay go. Anh chọn ngòi nổ rất khéo, các phe đối nghịch không giận dữ, mà thường cùng cười lăn ra. Có lần, trong đám tang một người bạn, khi thủ tục hoả thiêu tiến hành, lũ bạn học cũ đang đứng rầu rĩ ở một góc sân, Trần lững thững đến, mặt giả vờ nghiêm chỉnh, long trọng: "Đêm qua thằng Đình về báo mộng cho tao, bảo dưới đó nó cần một luật sư và một vệ sĩ. Luật sư Thi và võ sư Đàm coi chừng." Thi và Đàm giật mình, rồi nhao nhao cãi. Tức khắc đề tài: Đình thực sự đang cần thằng bạn nào "theo xuống dưới đó" được tranh luận sôi nổi. Anh nào cũng chối đây đẩy, không dám nhận là "người được Đình thương nhất." Không vui, nhưng cũng quên buồn được một lúc.

Dù đã thấy rõ anh Trần đang cần gì ở mình lúc này, chú vẫn nghi ngại:

"Y khoa tiến bộ. Nhiều người ung thư rồi cũng khỏi. Mày làm như..."

"Tao còn sáu, bảy tháng thôi, lê lết ra cũng chỉ được tối đa một năm." Trần ngắt lời chú, hết sức tự tin về tình trạng tuyệt vọng của mình. Rồi có lẽ không nỡ phũ phàng phủ nhận lời an ủi yếu ớt của bạn, anh mỉm cười:

"Y khoa tụi Mỹ tiến bộ nhanh thật. Tao công nhận. Nếu tao cầm cự được thêm năm năm, có khi chỉ ba năm nữa, tụi nó dư sức chữa."

Đến lúc đó, sự bình thản của anh Trần đã lan sang chú. Đồng thời, ý thức rõ nhiệm vụ mình trong việc thực hiện ước muốn "họp bạn phải vui..." của anh hôm nay, chú cần nghĩ ra một chuyện vui, thêm tí lạc quan càng tốt. Vừa vui vừa bàng bạc một niềm hy vọng thì lại chỉ có... chiếc phi thuyền vượt thời gian:

"Tưởng tượng bây giờ thình lình có thằng chất

Ngày Hội Ngộ

VŨ MẠNH HÙNG

Nắng vàng chiều nay
không còn ửng sáng
mất môi xưa nữa,
Gió đã để lại
trên tóc xưa óng ả
những long lanh dài ngấn bạc,
Nhưng trong ánh mắt đó,
người có nhìn ra muôn màu kỷ niệm
thầm giữ đẹp cho nhau ?
Trong giọng nói đó,
người có còn nghe ra tiếng tuổi xuân xanh
làm chiều nay rộn rã ?
Và trong đôi môi đó
Người có thấy lấp lánh những ước mơ
chưa hề nói ra ?
Hôm nay chúng ta ngồi bên nhau,
hội ngộ bạn xưa,
hội ngộ với người bao năm cũ ...
Khi ròn rã tiếng cười, nhìn nhau thân ái
khi bỗng lặng... quay đi
tìm trong mình những cảm xúc...
của năm nao.
Hạnh phúc xoay quanh
trên những khuôn mặt quanh bàn
khi một chuyện xưa ai kể lại
Những trận cười rất hồn nhiên như trước kia tuổi
mười lăm, mười sáu
Những trận cười mở sáng ra vầng trán
đã từ lâu rồi gấp nếp ưu tư
Rồi mình nhắc đến ơn thầy cô
đã hé mở những cánh cửa trời tri thức
Ôi tình thầy trò, tình bằng hữu
sao mà lòng xao xuyến thương thương,
nhớ nhớ
Chúng ta nào đã lớn gì đâu nhỉ?
Những cô cậu bé bỏng ngày nào
Những tâm hồn bị bụi đời phủ lấp
Đứa ít nói giờ vẫn ngồi, nói ít,
Đứa kiêu kỳ giờ vẫn thói ngông ngông,
Đứa rị mọ sách đèn vẫn còn chăm học hỏi,
Đứa trường lớp xưa không giữ hết hồn
phiêu bạt
Đã bạt ngàn, mà vẫn nhớ thương nhau

Ngôi trường xưa tưởng lớn giờ hoá ra một toà nhà
chật hẹp
Thế mà nó đã chuyên chở những ước mơ đời
tưởng như trần gian không sức chứa
Thế mà nó đã làm đủ chỗ trú mưa
cho những trái tim non
ướt sũng tình thơ dại.
Nguyễn Gia Thiều hay Nguyễn Thượng Hiền
ôi những cái tên của danh nhân thiên cổ
Mà khi đọc như tên trường tôi,
đã gợi lại từ trong tít mù kỷ niệm
những tiếng vui vỡ tổ sân trường
Mà quả thật chúng ta đã lớn khôn chưa nhỉ?
Khi tính khí thuở thiếu thời nào đã mất đi đâu !
Chúng ta chỉ bị quay lăn lông lốc trong giông bão
của thời cuộc gây ra bởi lòng hận thù và cuồng tín
của bao nhiêu kẻ khác
ở những thế hệ khác
từ những quốc gia khác
Chúng ta lớn lên
khi bi kịch của đất nước đã đến hồi bi thảm nhất
Kẻ bị đày ải biệt xứ
nơi rừng thiêng nước độc,
Kẻ bị lùa ra biển cả mênh mông
tìm cái sống trong cái chết giữa sóng gào, gió thảm
Kẻ ở lại
miễn cưỡng ở lại,
miễn cưỡng làm anh hùng
dựng nước "bằng năm, bằng mười" thực tại
Một thực tại anh hùng
đến nhức nhối thân tâm
Chúng ta nào có được ai dẫn đường, chỉ lối
Họ đẩy chúng ta theo "định hướng" của họ để phải xa
nhau
Một "định hướng" về nơi không ai biết
Thế mà rồi chúng ta vẫn tìm lại nhau
Chỉ vì những ngày xưa thân ái...
Dostoievski xưa đã viết
những kỷ niệm thời thơ ấu,
hãy giữ nó trong hồn
để có ngày
nó sẽ cứu chuộc anh
Hôm nay chúng ta ngồi bên nhau,
Hội ngộ bạn xưa,
hội ngộ với người bao năm cũ ...
Đứa lỡ làm "đảng viên"
đã gãi đầu ngượng ngập
Đứa qua ải trầm luân:
"chưa ai khổ bằng tao !"
Đứa trắng tay dựng nghiệp,
xác hồn giờ tơi tả,
Đứa mượt mà cơm áo,
giờ giấu che tung tích.
Nắng Sài Gòn ơi, xin hãy làm chứng cho hồn này.
Vẫn là lòng say đắm ngây thơ của chàng trai
vừa mới lớn.
Thời gian ơi, mi dẫu có dài thương nhớ, nhưng
cuộc hội ngộ hôm nay đã làm ngươi thua cuộc
Chúng tôi vẫn còn có nhau bằng những
trái tim này nguyên vẹn !
Những trái tim đó giữ cho mình sống thật
Xin hãy nở một nụ cười hạnh phúc hôm nay
Vì chúng ta đã có mặt bên nhau và còn giữ
cho nhau những tình thân ngày mới lớn
Như chưa hề có những con người hay thế lực
nào buộc chúng ta xa nhau
Tôi vẫn là người bạn năm xưa

(Tặng các bạn học ở Nguyễn Gia Thiều (1970-1974) và Nguyễn Thượng Hiền (1975-1977) nhân chuyến về thăm quê hương)

đời thứ mười mấy, cưỡi phi thuyền ngược về quá khứ, đón cụ Trần, đưa thẳng đến một nhà thương của năm bốn ngàn, chữa chạy, thì chắc xong ngay..."

Thấy chú đã hưởng ứng, chịu "nhập cuộc," đưa ra một ý tưởng lạc quan viển vông "cho nó vui," Trần mừng rỡ, khoái trí. Lại giật ngược đầu, ngả về phía sau để né cú "sốc," lần này không vì bạn quá hèn sợ đàn bà, mà vì trí tưởng tượng của bạn quá tồi:

"Ơ... ơ... thằng này mang danh nhà văn nhà vẻ mà sáng tác chuyện khoa học giả tưởng dở ẹc, sai thực tế, đầy chi tiết giả tạo, đã khó tin mà cũng không có thực. Năm bốn ngàn chữa ung thư đâu cần đến nhà thương. Năm bốn ngàn, thuốc ung thư bán đầy ở quầy chợ, mua khỏi cần toa bác sĩ. Thằng chắt chỉ cần chở thẳng cụ tổ đến Longs Drugs, mua một vỉ hai chục viên. Nó còn giảng cho cụ là vào năm ba ngàn, bệnh ung thư đã bị coi thường, dễ chữa hơn bệnh ghẻ ruồi. Vào năm bốn ngàn thì hoàn toàn biến mất. Các hãng dược phẩm ngưng sản xuất thuốc trị ung thư cả mấy trăm năm nay rồi. Sau này chính phủ cưỡng bách họ sản xuất lại vì dân chúng có phong trào phóng phi thuyền về quá khứ đón các cụ tổ ung thư tới tương lai chữa bệnh..."

Trí tưởng tượng phong phú của Trần làm câu chuyện trở nên hào hứng và chiếc phi thuyền hoang đường bỗng linh hoạt, sống động như sắp đáp xuống đến nơi.

Chú chê: "Truyện của mày được lắm, nghe hợp lý. Nhưng thằng chắt nhà mày giảng giải láo lếu. Nếu năm bốn ngàn cả bệnh lẫn thuốc ung thư đều bị tuyệt diệt thì lũ chắt muốn có thuốc cứu... tổ tiên chỉ cần ghé phi thuyền vào Longs Drugs hay Wal-Mart năm ba ngàn lẻ... là mua mệt nghỉ. Chính phủ cần gì phải can thiệp. Vớ vẩn!"

"Ừ nhỉ!... Hê! nhưng biết đâu đấy. Có thể đây là vấn đề tiết kiệm nhiên liệu. Nhào tới nhào lui từ nghìn năm này qua nghìn năm khác cũng tốn xăng kinh lắm ạ. Vả lại các công ty dược phẩm năm bốn ngàn cũng sản xuất theo nhu cầu thị trường. Có người mua thì thuốc cũ mới gì cũng làm. Chính phủ không bắt buộc họ như thằng chắt... nói, nhưng chắc cũng khuyến khích dữ lắm. Phi thuyền cái nào cái nấy to kềnh càng và tốn xăng bằng cả trăm lần xe SUV. Nó vượt hàng ngàn năm để mua vài vỉ thuốc thì tốn xăng phải biết, phí phạm vô cùng! Chính phủ phải có biện pháp tiết kiệm xăng nhớt chứ. À, nói chuyện tiết kiệm... cái vỉ thuốc hai mươi viên, thằng chắt bảo tao chỉ cần uống một. Chỗ còn lại, tao sẽ sai nó phóng về năm 2004 đưa thằng Hải, năm 1998 đưa thằng Đình, thằng Chân, thằng Thi... Mày nghĩ xem còn thằng nào..."

Khi nhắc đến tên những người bạn đã mất, Trần thoáng ngẩn ra, sững sờ. Chỉ một giây thôi. Nhưng cái chấn động ấy lướt qua anh như đợt sóng thần trong chớp mắt xóa sạch những lâu đài trên cát. Vẻ vững vàng, tươi vui, cứng cỏi trên mặt anh, trong mắt anh, biến mất.

Chú hoảng hồn, tưởng Trần sẽ rũ xuống, gục ngã như một người kiệt sức... Nhưng Trần mạnh lắm, thoát hiểm dễ dàng. Chỉ một giây bàng hoàng, chới với, rồi Trần chồm dậy ngay, giọng tranh luận còn hăng hơn:

"Tao biết! Tao biết! Mày sắp sửa chê tao trí tưởng tượng chậm tiến, nhà quê, năm bốn ngàn mà còn bắt nhân dân chạy xe cộ, chạy... phi thuyền bằng xăng là sai thực tế, phản khoa học. Nhưng... đúng như thế đấy. Anh mà không tin là anh đếch biết tí gì về chính trị nước Mỹ. Truyện Kiều còn, nước Việt còn. Tư bản dầu hoả còn, dân Mỹ còn... đời đời nghiện xăng nhớt. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không hề thay đổi. Năm bốn ngàn hay năm năm ngàn cũng thế thôi. Hiểu chưa!"

Rồi không để chú kịp phản bác, tấn công cái chân lý "Dân Mỹ nghiện xăng muôn đời", Trần lái ngay sang chuyện khác:

"Được dịp lũ cháu chắt chút chít từ tương lai về trình diện chờ các cụ sai phái, mà các cụ 'đại bàng' lại chỉ đòi mấy viên thuốc chữa ung thư thì yếu quá. Lính tráng chúng nó cười cho. Mày phải nghĩ thêm vài chuyện nữa, sai chúng nó một thể. Đỡ uổng."

Chú đồng ý ngay: "Tao sẽ sai nó phóng vào tương lai, ghi kết quả Lô tô cho cụ đánh trúng một phát làm giầu. Không thèm tham lam, cần vài triệu thôi.. và có lẽ... có lẽ sẽ quá giang phi thuyền vào tương lai, sửa tí mặt mũi cho nó đỡ gớm ghiếc. Không biết mày sao, tao từ khi hơn sáu bó, phì ra, sáng nào nhìn vào gương cũng thấy một cái mặt thô bỉ, khó coi..."

Trần lại tròn mắt nhìn bạn, rồi cười phá lên:

"Ô hô! Bất quả tang thằng này đòi đi sửa sắc đẹp nhá. Mày muốn thành Tần Hán hay Tom Cruise đây? Già khọm rồi mà còn chưa bỏ tật lẳng lơ, ham bóng sắc. Vợ đánh lên đánh xuống vẫn không chừa! Noi gương sáng của tao đây này. Lúc đứng trong Longs Drugs tìm mua thuốc

ung thư, thằng chất cũng nhìn cái đầu trọc của tao, ra vẻ ái ngại, nó dẫn tao qua quầy mỹ phẩm, chọn hai lọ kem: một lọ bôi đầu tóc xanh vĩnh viễn mọc đấy, khỏi nhuộm tới nhuộm lui, một lọ bôi mặt làm da tức khắc hồng hào, tươi trẻ như mặt em Britney Spears. Tao từ chối phắt, bảo nó: Mặt mũi cụ vốn hung ác, thuốc thang làm rụng hết tóc, trông cứ như ông sư hổ mang, cụ cũng rầu lắm, nhưng cụ bà nhìn quen rồi. Giờ mà tóc xanh mướt, mặt mũi láng coóng vác về, cụ bà nhận không ra, đóng cửa không cho vào là đời khốn nạn. Năm bốn ngàn của cháu chả biết sao, chứ năm hai ngàn lẻ năm của cụ, dân homeless còn gian khổ lắm cháu à.

Còn vụ trả tiền thuốc mới ngộ. Tao đưa thẻ si nho xịt ti dân cho thằng chất, bảo nó đòi đít cao, nó phì cười: Trình cụ, bây giờ phải đủ sáu trăm năm chục tuổi mới được coi là si nho. Thế mà lúc trả tiền, tao không trình chứng minh nhân dân... già, vẫn được đít cao, vì con bé tính tiền tưởng tao ít nhất cũng tám trăm tuổi. Bọn sinh sau đẻ muộn chúng nó sống dai, trẻ lâu, sướng thật!

Trần say sưa tưởng tượng, như đang sống thực trong thế giới tương lai... Tài bịa đặt chi tiết của Trần làm chú hơi ngẩn ngơ, kinh ngạc. Chắc tưởng bạn không vui vì bị sỉ vả là "lẳng lơ, ham bóng sắc," Trần vội an ủi:

"Có tài như mày mà còn đòi... đẹp nữa, nguy hiểm lắm ạ. Mày không nhớ lời dậy của cụ Nguyễn Du à? Trông gương cô Thuý Kiều đấy, cô nhiều tài mà còn đẹp mê hồn nên bị ông Trời ghen, ông hành tơi tả, tan nát đời bông. Ông Trời đánh ghen còn hung tàn hơn Hoạn Thư ấy chớ! Ớn thiệt."

Rồi Trần lại hào hứng, sôi nổi bỏ phi thuyền chạy theo đề tài mới: cô Kiều và ông Trời. "Ê! Nói chuyện Trời ghen. Tao có thắc mắc này, mày văn chương chữ nghĩa đầy bụng, giải giùm coi. Nếu Kiều vừa đẹp vừa tài hoa thì ông Trời phải... yêu, phải mê cô ấy chứ, sao lại ghen! Nói... bà Trời ghen thì tao chịu, chứ ông Trời... vô lý, khó nghe quá."

Trần ngẩn mặt, lẩm bẩm: "Đàn ông xưa nay thấy gái vừa đẹp vừa tài thì mắt sáng rỡ, chỉ muốn về về làm đào nhí. Đâu có ai lại ghen lồng ghen lộn, rồi ỉ quyền mình là ông... Trời, hành hạ con người ta dữ vậy. Mà đâu phải ghen một mình Kiều... *Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.* Tức là ổng có tật cứ thấy đàn bà con gái đẹp là ghen loạn lên. Kỳ cục!"

Chú chưa kịp phát biểu ý kiến, anh Trần đã rú lên, tự tìm được giải đáp:

"Chết cha! Chắc Trời bị 'ghê'!"

"Ối! Thằng này láo quá, dám bảo Trời..."

"Chớ sao! Lão gia đây chỉ nói lên sự thật. Xin lỗi anh, anh là thám tử chuyên nghiệp thì anh làm ơn trưng bằng cớ ông Trời là đàn ông... thứ thiệt cho tôi coi. Xưa nay sách vở toàn nói chuyện ông Trời, tao chưa thấy có dòng nào tả bà Trời... Nghi quá! Mày về ngày mai viết một bài báo nói cho bà con cô bác biết là ông Trời mắc bệnh 'ghê,' cứ ghi rõ là thằng Trần nó bảo thế, tội vạ đâu tao chịu."

Bị bất ngờ, chú lúng túng tìm cách bênh vực Trời:

"Nếu ổng "ghê" thì chỉ cần nặn ra một mình ông A Đam là ổng... dzui rồi, ổng xì tốp. Đời nào ổng nặn thêm bà Ê và cho nó... nguy hiểm, rắc rối thêm. Tao chắc ổng không bị gì đâu."

Mặc dầu chứng cớ chú trưng ra yếu xìu, Trần cũng thôi, ngưng tấn công Trời. Nhưng cái đầu óc tinh nghịch ấy lại chĩa mũi dùi vào một mục tiêu khác:

"Nếu Trời không 'ghê' thì cụ Nguyễn Du viết sai. Hoặc... hoặc chính cụ Nguyễn Du 'ghê' nên mới suy bụng ta ra bụng... Trời!"

Đại khái câu chuyện cuối cùng của hai người bạn già trong buổi chiều hôm ấy nó lăng nhăng như thế. Từ chiếc phi thuyền vượt thời gian, chuyện ông Trời rồi Nguyễn Du bị nghi là đồng tính luyến ái, cho đến vụ một ông bạn già dê, bỏ nhà theo đào nhí từ hồi nào, Hội Trưởng hội cựu học sinh CVA không biết, còn hớn hở gọi tới nhà mời họp tất niên, bị bà vợ ông ấy sỉ vả tơi bời... Chuyện nọ xọ chuyện kia, vớ vẩn, không ra làm sao cả. Nhưng chưa bao giờ góc vườn nhà Trần lại vui và ồn đến thế. Có lần chị Trần ra tiếp thêm thức ăn đúng lúc chú cười phá lên to quá làm hai con chó nhà hàng xóm giật mình sủa inh ỏi. Nhìn vẻ phờ phạc tiều tụy của chị, chú tức khắc nhớ ra... và ngượng nghịu, hết cười. Trần trấn an ngay: "Thằng con thầy thuốc của tao đã cho mẹ biết tình trạng hết thuốc chữa của bố rồi. Đừng lo. Bây giờ bà ấy cũng chỉ muốn tao vui."

Chú từ chối ở lại đêm ấy, không vì thiếu sự chấp thuận của Còm men đơ in chíp, mà vì chiều đến, chớm lạnh, bạn bắt đầu ho nhiều, mệt mỏi, rũ xuống rất nhanh. Chú không say, nhưng Trần vẫn bắt vợ chồng người con "thầy thuốc" đưa cả người lẫn xe về nhà.

Đêm hôm ấy, chú trằn trọc không ngủ được

vì ly cà phê đặc quánh bạn tự tay pha cho để "giã rượu," và vì hoang mang, đau xót với ý nghĩ một con người sôi nổi, tươi vui, tinh quái như thế sắp bị biến đi.

Khoảng hai giờ sáng, chú chồm dậy, làm một việc dại dột là lấy giấy bút và máy tính ra để... hỗ trợ thuyết tương đối của ông Einstein. Ông ấy mà đúng thì niềm hy vọng của mình không tắt ngóm, mà vẫn sáng le lói, vẫn có quyền bám theo đuôi một chiếc phi thuyền của lũ cháu chắt những đời sau... (Thật ra Einstein chỉ nói chuyện thời gian trôi chậm đi, hoặc dừng lại, không hề tin có vụ du lịch quá khứ tương lai, vì ông thấy không có cái gì có thể "bay" nhanh hơn ánh sáng. Nhưng thuyết tương đối gây cảm hứng cho nhiều khoa học gia, họ lập thuyết du lịch xuyên thời gian ào ào. Có người còn tính bẻ cong không gian, biến xa thành gần, cho chóng đến mục tiêu, nghe có lý và vui tai lắm.)

Thế rồi chú hăm hở suy luận, tính toán. Nhưng chưa được nửa giờ đã đụng ngay cái kết quả bi thảm: Chiếc phi thuyền vượt thời gian từ từ tan thành mây khói!

Đúng là tham thì thâm. Nếu không tham lam ra tay tính toán , suy luận, đòi ước mơ thành hiện thực, thì bây giờ chiếc phi thuyền vẫn còn đó, vẫn bay quanh quẩn trong một niềm hy vọng mơ hồ. Hối hận thì đã muộn!

Chú không kẹt ở phần thực hành. Nhiên liệu, năng lượng nào đẩy phi thuyền đạt tốc độ bằng hay hơn ánh sáng? Làm sao để phi hành đoàn và hành khách chịu nổi một lực G khủng khiếp khi phi thuyền nhanh chóng đạt tốc độ ba trăm ngàn cây số một giây? Các thế hệ sau dư sức giải quyết những khó khăn đó. Chú bị kẹt cứng ngay trong phần lý thuyết.

Theo lập luận của một khoa học gia ái mộ thuyết tương đối thì bay nhanh hơn ánh sáng sẽ đi ngược được thời gian, trở về quá khứ.

Thế muốn bay vào tương lai thì sao? Tất nhiên, phải làm ngược lại, nghĩa là bay thật nhanh với tốc độ... âm! Làm gì có thứ tốc độ kỳ quái ấy. Con số thấp nhất của tốc độ là số không. Ký hiệu âm (dấu trừ), dương (dấu cộng) chúng ta chế ra để làm toán thôi. Nếu cứ nhất định dùng dấu âm trước con số tốc độ, tính toán tiếp, có thể ta sẽ được một kết quả hợp lý, đúng toán học, nhưng hoàn toàn siêu thực. Những bài toán "nguỵ biện," chứng minh những chuyện ngược đời kiểu đó chúng ta thấy nhiều, chỉ ích lợi cho việc giải trí thôi.

Không bay được với tốc độ... dưới số không, ước mơ du lịch tương lai tiêu tùng!

Tuyệt đường bay vào tương lai, ông chú khoa học gia kiêm phi hành gia nhảy dù của cháu đành quay mũi phi thuyền về quá khứ.

Lại đụng ngay bức tường âm dương!

Thời gian, cũng như tốc độ, không chấp nhận cái dấu âm. Khi cần tính toán, lý luận, giải đoán, ta muốn gắn cho con số chỉ thời gian ký hiệu cộng trừ gì cũng được. Nhưng trong thực tế của vũ trụ này, nó cứ lừng lững tiến tới. Có đem thuyết tương đối và ông Einstein ra hù dọa, nó cũng không ngừng bước, nói chi chuyện ép buộc nó thụt lùi.

Tạo được một phi thuyền bay nhanh gấp đôi ánh sáng, thì thành tích của nó sẽ là, trong cùng thời gian bay, vượt được một không gian xa gấp đôi, đến đích khi ánh sáng mới chạy được nửa đường, thế thôi. Chín giờ khởi hành, bay được nửa giờ, dù nhanh cỡ nào, đến được nơi nào xa lắc xa lơ trong vũ trụ thì đồng hồ của phi hành gia vẫn chỉ chín giờ ba mươi. Chẳng có lực nào, sức mạnh huyền bí nào cho nó trở lại lúc tám giờ. Chẳng có lằn ranh nào thưởng tài chạy nhanh, cho phép nó thình lình... chui vào quá khứ. Anh cần nửa giờ để chạy đến đó, thì nửa giờ tức khắc được cộng vào giờ anh khởi hành. Giản dị và chắc nịch, như nhiều luật khác của Tạo Hoá.

Dậu đổ bìm leo, đúng lúc chú loay hoay với chiếc phi thuyền kẹt cứng trong "hiện tại" (dù chú đã hào sảng cho phép nó chạy nhanh gấp bốn lần ánh sáng!) thì những lập luận của mấy ông khoa học gia bi quan lại ào ào kéo về. Ác ôn nhất là cái ông đưa ra thí dụ: Người con cưỡi phi thuyền về quá khứ tìm ông bố lúc bố còn lỏi tì tám chín tuổi, vô tình cán chết bố. Bố chết tuổi đó thì anh con sẽ không có mặt trên đời, và sẽ không có anh nào cưỡi phi thuyền về cán bố v.v... Nghĩa là chuyện"Du lịch quá khứ" không thể có, thuần túy chỉ là tưởng tượng, hoang đường.

Chú thất vọng quá, nhưng chưa chịu bỏ cuộc. Chiếc phi thuyền tối tân, chạy nhanh cỡ nào cũng được, vừa chế tạo xong, đang đậu đó chờ lệnh. Bỏ đi thì tiếc. Phải tìm cách dùng nó cho đỡ phí của chứ.

Thuyết tương đối vẫn còn mở ra một sinh lộ: nếu nó bay nhanh bằng ánh sáng thì thời gian trong phi thuyền sẽ đứng lại.

Nghĩa là trong khi nhân dân di chuyển chậm chạp, dính cứng trên mặt đất, giữa cái thời gian

trôi vùn vụt, bị già thêm hàng trăm tuổi, thì hành khách trên phi thuyền nhanh gần bằng ánh sáng vẫn trẻ trung, phây phây, vì chúng tôi mới đi chơi xa có... vài ngày. Muốn trẻ mãi, sống lâu mai mốt ta khỏi cần đi "gim" tập huỳnh huych, mà cứ tha hồ thoải mái ngồi phè đọc sách báo trên một phi thuyền du lịch không gian. Thế thì cũng tuyệt diệu, cũng sướng mê tơi rồi.

Lại hăm hở tính toán, tìm tòi, suy luận để hỗ trợ ông Einstein chứng minh sự hiện thực của phép lạ cuối cùng.

Hãy xem những hiện tượng gì xảy đến với anh phi công của chiếc phi thuyền vũ trụ vừa đạt tốc độ ánh sáng.

Suýt kẹt ngay từ đầu, vì ông Einstein có kèm vào thuyết tương đối một định lý: trong vũ trụ này không có gì có thể bay nhanh hơn ánh sáng.

Định lý ấy đúng thì rắc rối to. Sinh hoạt của chàng phi công sẽ gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng. Ngay khi rời phòng lái, đi ra phía đuôi tầu, vào phòng rửa mặt, anh ta sẽ dính cứng luôn tại đó. Bởi vì muốn trở lại phòng lái, anh phải đi về phía mũi phi thuyền. Dù đi chậm thế nào -cỡ hai dặm một giờ chẳng hạn- thì tốc độ của anh ta vẫn sẽ là tốc độ ánh sáng cộng thêm hai dặm. Nghĩa là anh di chuyển nhanh hơn ánh sáng một tí. Định lý cấm tuyệt đối cái nhanh hơn ấy.

Nhưng nghĩ kỹ lại, thấy trong "thực tế" không có vụ anh ta thình lình mất tự do đi tới. Lúc phi thuyền vừa khởi hành, bay nhanh dần, lực G kéo anh dính chặt vào lưng ghế. Khi nó đạt tốc độ ổn định, anh sẽ đi tới đi lui dễ dàng như thường. Hành khách trên xe lửa tốc độ vài trăm dặm, hay trên máy bay năm bảy trăm dặm, khi con tàu đã bay đều đều, tốc độ không tăng hay giảm, thì bắt đầu được di chuyển dễ dàng, tự do như trên mặt đất.

Định luật *"...không thể nhanh hơn ánh sáng"* sai chăng? -Đúng sai chưa biết, nhưng nó không áp dụng được ở đây.

Trong lòng xe lửa, máy bay, phi thuyền, tốc độ di chuyển của phi công và hành khách không bị cộng thêm với tốc độ của con tàu. Trái đất đang quay, người lái xe xuôi chiều quay, vượt tốc độ hạn định hai chục dặm thì thầy phú lít cũng chỉ biên phạt hai chục dặm thôi, thầy mà cộng thêm cả tốc độ quay của trái đất, độ di chuyển của Thái dương hệ, của giải Ngân Hà v.v... vào giấy phạt thì anh em vỡ nợ.

Tạo Hoá cũng công bằng như vậy. Được phi thuyền kéo đi càng lúc càng nhanh thì bị lực này, lực kia làm khó, khi phi thuyền đạt tốc độ ổn định, bất biến, dù nhanh như ánh sáng, anh em lại được tự do, trở về với tốc độ của riêng mình. Đi ngang đi dọc, tới lui đều được, không bị Tạo Hóa túm cổ kéo lại phạt vì tội dám... nhanh hơn ánh sáng.

Nhưng được độc lập về tốc độ như vậy thì lại hư bột hư đường hết trơn!

Vì phi công và hành khách hết được hưởng những phúc lợi do tốc độ ánh sáng đem lại, không được sống trong cái thời gian ngừng trôi của thuyết tương đối.

Trong khoảng không gian bao bọc bởi vỏ phi thuyền, con người tiếp tục di chuyển bình thường, chậm chạp. Trong vòng bảo bọc của lồng ngực, trái tim cũng chỉ đập sáu bảy chục nhịp trong một phút. các bộ phận khác cử động chậm chạp hơn, hoặc đứng ì ra. Còn lâu mới đủ sức làm thời gian bất động!

Để sinh hoạt bình thường chậm chạp như thế, con người lại phải dùng đến cái thời gian trên mặt đất. Cần năm mười phút cho một chuyến vào phòng rửa mặt, nửa giờ cho bữa ăn, bảy tám giờ để ngủ. Tim cũng cần thời gian cũ để đập đều, phổi để thở hít, dạ dầy để tiêu cơm. Bước vào lòng phi thuyền, mọi sinh vật đều mang theo một hành lý vô hình là cái thời gian nguyên thủy, không ngừng, không thay đổi tốc độ từ thủa khai thiên lập địa.

Phi thuyền bay nhanh bằng ánh sáng, hiện tượng thời gian dừng lại, nếu có -chú thì tin chắc là không- sẽ chỉ xảy ra trên một lớp vỏ bọc thật mỏng bao quanh thân phi thuyền, cái phần thật sự đã có tốc độ ánh sáng. Và sau khi rời mặt đất, chu du vũ trụ năm chục năm, giảm tốc độ dần, trở về, vỏ phi thuyền vẫn trẻ măng, chỉ già thêm chừng nửa ngày. Nhưng hành khách thì chắc nhiều cụ đã chống gậy, ngồi xe lăn lia chia, già thêm nửa thế kỷ, giống hệt các cụ ra đón ở phi trường.

(Lúc ngồi... chế tạo phi thuyền, lý luận như thế, chú không nhớ ra là thuyết tương đối chứng minh được rằng thời gian trong toàn thể lòng phi thuyền biến đổi, chậm lại. Thế nên đã hiểu lầm và bi quan, thất vọng lạc đề. Nhưng hôm được cháu gửi cho tài liệu về thuyết tương đối, chú nghiên cứu kỹ, thấy Einstein sai bét. Thành ra dù lạc đề, vẫn thất vọng đúng. Cái sai của Einstein chú sẽ viết ở thư sau.)

Thế là niềm hy vọng vào chiếc phi thuyền kỳ diệu cùng niềm tin vào thuyết tương đối sụp đổ

tan tành. Du lịch tiến tới tương lai chẳng được, ngược về quá khứ không xong. Muốn kéo dài cái hiện tại cũng thất bại. Chỉ còn trơ ra trước mắt một anh thời gian bướng bỉnh, vô duyên, phăng phăng tiến tới.

Hết tin thuyết tương đối dẫn tới phép lạ, nhưng chú chưa dám liều lĩnh dại dột kết luận ông Einstein đã đưa ra một thuyết tầm phào, giá trị không hơn những bài "ngụy luận dựa trên toán học." Vả lại hàng vạn khoa học gia khắp thế giới nghiên cứu thuyết tương đối, đâu có ai vạch ra được một chỗ lầm. Chú tin Thuyết tương đối không sai, chỉ có sự diễn dịch những hệ quả của nó sai trật, hoặc đi quá xa.

Nhưng nó đúng ở đâu? Hệ quả thật của nó là gì?

Đêm ấy thức trắng. Mấy tuần sau đó, câu hỏi vẫn ám ảnh, không tha. Đang lái xe, đang ngồi trong văn phòng, đang nằm phè ra võng ngửa mặt nhìn sao trời... bất cứ lúc nào cũng có thể bị cụ Einstein gõ một phát vào đầu, bắt suy nghĩ tiếp, để đền tội táy máy làm hư những hệ quả kỳ diệu của thuyết tương đối.

Nhờ cụ hành ráo riết như thế, cuối cùng chú cũng tìm ra một lý thuyết cho phép ta du lịch quá khứ hoặc làm thời gian đứng lại, tạm thay thế cho sự mất mát của Einstein:

"Thuyết tương đối còn con mới toanh của chú dựa trên những định luật chi phối sự cảm nhận của một sinh vật đối với những vật thể ở xa hoặc đang di chuyển tách xa nó với tốc độ bằng hay nhanh hơn ánh sáng. Ở con người, nó liên quan đến sự cảm nhận ngoại vật của thị giác."

Có thuyết mới này thì mọi hệ quả, diễn dịch có vẻ kỳ dị, hoang đường từ thuyết tương đối trước đây đều... đúng gần hết.

Đầu tiên là định luật giới hạn tốc độ muôn vật — không cái gì có thể nhanh hơn ánh sáng- đúng quá. Hình ảnh muôn vật nhờ ánh sáng chuyển đi, làm sao có thể đến mắt ta trước cả ánh sáng.

Chuyện "thời gian đứng lại" nếu phi thuyền bay nhanh bằng ánh sáng cũng có.

Thí dụ: anh A lên đường du lịch không gian. Cô bạn gái B tiễn chân. Phi thuyền cất cánh, cô B giơ tay vẫy. Anh A ngoái lại ngậm ngùi. Nếu phi thuyền tức khắc đạt tốc độ ánh sáng thì sau khi bay mười năm, ngó lại, A vẫn thấy B đứng vẫy.

Bởi vì hình ảnh kế tiếp - nàng thôi vẫy, bỏ tay xuống — đã đuổi theo phi thuyền không kịp.

Hình ảnh ấy bay cùng tốc độ con tàu, luôn luôn cách xa một khoảng ở phía sau. Nếu phi thuyền giảm tốc độ, hay đậu lại, thì những hình ảnh nàng bỏ tay xuống, rời phi trường, mới liên tiếp xông tới... mất chàng.

Chuyện "ngược về quá khứ" cũng có luôn.

Cũng chiếc phi thuyền của anh A, nếu nó tăng tốc độ nhanh hơn ánh sáng, thì đến một độ cao nào đó, A sẽ thấy hình ảnh cô B đi giật lùi từ chỗ đứng tiễn đưa ra bãi đậu xe, chạy xe giật lùi về nhà v.v... như một cuốn phim quay ngược. Những hình ảnh đó đã lần lượt được phóng vào không gian từ trước, chỉ hiện ra trước mắt anh A khi phi thuyền chạy vượt ánh sáng, bắt kịp chúng.

Nếu bay vài ngày đã đến được vị trí cách xa trái đất 2006 năm ánh sáng thì A có thể đậu phi thuyền, tà tà chờ tới cuối tháng 12, ngó về trái đất chứng kiến cảnh Chúa Jesus giáng sinh.

Những chuyện vừa kể không thuần túy là sáng tác của chú. Cách đây mấy chục năm, trong một truyện khoa học giả tưởng, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã viết những điều tương tự.

Trong thực tế, chuyện ngược thời gian để quan sát quá khứ, nhân loại đang làm. Một ngôi sao ở cách ta hai triệu năm ánh sáng thì cái hình ảnh ta thấy hôm nay đã "xưa cũ" hai triệu năm. Cũng nguyên tắc ấy, các viễn vọng kính đang nhìn sâu vào vũ trụ, quan sát nghiên cứu những tinh tú, tinh vân cách xa ta hàng tỉ năm ánh sáng, nghĩa là quan sát những hiện tượng xảy ra hàng tỉ năm trước.

Cái quá khứ ấy chỉ cho ta nhìn ngó quan sát thôi, không can thiệp thay đổi được, mà cũng chẳng cho phép ta đến gần. Mon men bay phi thuyền tới gần, tính hạ cánh xuống quá khứ, sẽ gặp ngay một bãi đáp "hiện tại" đón chờ.

Chuyện thời gian ngừng lại cũng không xảy ra trong lòng phi thuyền mà có vẻ diễn ra ở khởi điểm, trên mặt đất. Lại chỉ xảy ra đối với cái nhìn của A, một quan sát viên trong chiếc phi thuyền bay nhanh bằng ánh sáng.

Thực tế, thời gian chẳng chịu ngừng ở đâu. Trong khi chàng A giang hồ vũ trụ mười năm, Cô B cũng có đủ một thập niên để tìm bạn trai khác, lập gia đình, sản xuất vài bế bi. Nếu A tiếc quá, quay mũi phi thuyền, bay thật nhanh về trái đất hy vọng chộp lấy cô gái còn đứng vẫy, nói lời hối hận, xin cưới nàng... thì không bao giờ kịp. Thấy nàng đứng bất động trong một thời gian "đông lạnh" đừng tưởng bở. Ngay khi bay ngược trở về, những hình ảnh của mười năm sau

đó trên mặt đất sẽ ào ào đập vào mắt chàng, như một cuốn phim quay nhanh.

Và khi chàng hạ cánh, thời gian trong và ngoài phi thuyền sẽ không chênh lệch một giây.

Đối với người quan sát từ thật xa, cái hiện tại hắn thấy là quá khứ. Đối với người nhìn từ phi thuyền đang rời xa trái đất với tốc độ ánh sáng, thời gian trên mặt đất ngừng trôi. Tất cả chỉ là ảo ảnh. Hai chữ "tương đối" trong lý thuyết của Einstein, bê sang cái lý thuyết cò con của chú, lại có nghĩa lý ngon lành, rõ ràng hơn.

Nhìn ra những chuyện ấy, chú thấy nhẹ người, hết băn khoăn, thắc mắc vớ vẩn. Nhưng mất vui biết mấy.

Mất chiếc phi thuyền vượt thời gian của lũ cháu chắt tương lai là mất mát nhiều lắm. Ngoài những viên thần dược cứu mạng bạn bè, còn mất toi cả vụ trúng số Lô tô. Trừ thuế má rồi vẫn còn vài triệu đô chứ ít ỏi gì.

*

Thật ra, cũng có cái được. Nó chẳng đáng gì, nhưng đủ làm chú khoái trí mấy ngày. Nhờ chịu khó loay hoay tìm hệ quả đúng cho thuyết tương đối, chú tình cờ thấy thêm một điều mà Tạo Hóa giấu hơi kỹ lâu nay: bản chất, bản thể của linh hồn.

Cháu nhớ: nhiều người tưởng đã chết, may mắn sống lại, thường kể một kinh nghiệm giống nhau: trong đúng khoảnh khắc vượt lằn ranh sinh tử, họ thấy tất cả hình ảnh cuộc đời mình xẹt qua trước mắt, như một cuốn phim chiếu ngược. Cái kinh nghiệm đó đã phổ thông, đã trở thành một thứ thành ngữ, được dùng nhiều trong văn chương, phim ảnh để diễn tả, hoặc nghiêm chỉnh hoặc hài hước, cái giây phút vừa "chết."

Người về từ cõi chết nếu kể vừa thấy Chúa, Phật, Thiên thần, ánh sáng chói loà v.v... thì ta có thể nghi là niềm tin tôn giáo đã cấy sẵn những hình ảnh của cõi ngoài. Nhưng nhìn thấy chính cuộc đời mình, thấy ngược từ hiện tại tới quá khứ xa xưa... là hiện tượng xảy ra đột ngột, thình lình, không ai tính trước, ngờ trước. Nếu bịa, cũng bịa chuyện Thiên Đường, thần tiên cho nó oai. Ai chịu hài lòng với một sáng tác tầm thường, thiếu màu mè, hào nhoáng như thế.

Chuyện ấy đáng tin, đáng cho ta suy nghĩ, tìm hiểu.

Ta tạm phiền anh Trần, mượn chuyện đời anh làm thí dụ.

Chọn mấy cái mốc chính thôi: Cuối thập niên 30, cậu bé Trần chào đời, hình ảnh cậu từ đó bắt đầu liên tục, không ngừng bay thẳng vào không gian với tốc độ ba trăm ngàn cây số một giây. Thập niên 40, 50: cậu học trò tiểu học, trung học. 60: vài năm đại học rồi nhập ngũ. 70: Lập gia đình, có con, tiếp tục xông pha chiến trường tới ngày rã ngũ. 80: Bắt đầu cuộc đời tị nạn...

Năm 68 tuổi Trần qua đời. Phút lâm chung, anh vụt thấy tất cả hình ảnh cuộc đời mình. Hiện tại trước, quá khứ sau, theo thứ tự của một cuốn phim đảo ngược. Thấy hình ảnh mình là ông già tị nạn ngơ ngác, người đàn ông tơi tả trong nhà tù, anh chiến sĩ màn trời chiếu đất, chàng thanh niên tuấn tú trong khuôn viên đại học, cậu bé tung tăng đến trường tiểu học. Thấy cả hình ảnh chú bé chập chững tập đi đã được ném vào không gian từ hơn sáu chục năm trước.

Thấy lại toàn thể đời mình trong một khoảnh khắc thật ngắn.

Như thế, chỉ trong vài giây, linh hồn đã bắt kịp một hình ảnh xa trái đất hơn sáu chục năm ánh sáng.

"Bay" nhanh đến thế, nó phải "nhẹ" hơn ánh sáng, nhẹ hơn "chất đen," nhẹ như không, cái không tuyệt đối.

Phải nhẹ bằng một giọt hư vô.

Nói "bay nhanh" là nghĩ linh hồn sinh hoạt, vận hành theo cách của ánh sáng. Một que diêm xoè lên trong đêm, hình ảnh nó tức khắc phóng ra mọi phía với tốc độ, theo lời ông Einstein, nhanh nhất trong vũ trụ.

Một giọt hư vô cũng vậy chăng? Vừa cắt đứt tất cả liên lạc với sự sống, nó tức khắc mở bung ra với tốc độ khủng khiếp hơn, trong khoảnh khắc, đã tới bờ vũ trụ. Nó nở ra thành một giọt vô cùng. Chuỗi hình ảnh cuộc đời ở trần gian, dù dài cả trăm năm, nó lướt qua trong chớp mắt?

Nói "bay," "mở bung," "lướt" cho dễ hình dung. Chú tin rằng giọt hư vô không phải di chuyển vất vả như ánh sáng. Ngay khi trở lại "nguyên hình" là một giọt hư vô, nó tức khắc là một phần bản thể của giọt vô cùng. Nó chính là giọt vô cùng. Nó lớn bao trùm vũ trụ càn khôn, chứa đựng trong lòng lượng không gian, thời gian bất tận. Như chính Tạo Hóa.

Không cần di chuyển, bay, lướt... đi đâu, nó hoá thân tại chỗ và tức khắc cảm nhận được mọi chuyện trong "thân xác" mới, bằng "thân xác" mới. Như một tế bào thần kinh trên đầu cảm nhận được mũi gai chạm dưới bàn chân. Như giọt nước biển trong lòng Đại Tây Dương cảm

nhận được những giao động nước quanh con cá vừa quẫy mình trên Bắc Băng Dương.

Rồi như mấy chục năm qua ở cùng "người," thường chỉ chú ý đặc biệt đến những cái liên quan tới mình, chiếc linh hồn nhỏ bơ vơ bây giờ cũng sẽ, trước hết, đi tìm hình ảnh chính mình và những người thân yêu đã mất.

Mở bung tầm cảm nhận vào cõi mênh mông nhưng linh hồn vẫn giữ nguyên khối lượng hư vô cá biệt nguyên thủy, quanh quẩn bên người, chờ đợi một sự hồi sinh. Chỉ khi đã tuyệt vọng, nó mới chấp nhận cuộc chia ly.

Cũng có những linh hồn dính "bụi trần gian," hơi "nặng" hơn cõi không, chẳng chịu hòa tan, tiếp tục tránh né chuyện hóa thân thành một giọt vô cùng. Giống như giọt dầu không tan trong nước, nó lững lờ quanh quẩn trên trần thế. Đôi khi trong đêm, nó lướt qua những giọt hư vô thân yêu còn sống, gây nên những ảo giác ma quái, những giấc mộng dị thường... Nhưng thôi, những chuyện đó hãy để cho đời sau nghiên cứu, tìm hiểu.

Với một chút chứng cớ nghèo nàn, mơ hồ mà dám vẽ lộ trình cho linh hồn như thế là đã đi quá xa. Một nhà nghiên cứu nghiêm chỉnh và tự trọng tất phải dừng lại.

Nghiêm chỉnh và tự trọng thì thỉnh thoảng chú cũng có, nhưng là "nhà nghiên cứu" thì tuyệt đối không. Thế nên chú tiến tới hăng hơn. Cái tính tham lam, tò mò, thắc mắc bất tận của người ưa sáng tạo, cháu biết quá rồi.

Chú tiếp tục theo dõi sát nút bước chân linh hồn để tìm cho được dung nhan Tạo Hóa.Và đã thấy diện mạo ngài: một giọt hư vô khổng lồ. Giống hệt sản phẩm của ngài.

Ngài chính là Giọt Vô Cùng nguyên thủy, là chỗ cho những giọt hư vô nho nhỏ, khi hết nhiệm vụ ở trần gian, tức khắc tìm về.

"Khám phá" này không làm chú ngạc nhiên. Chọn lựa bản thể như thế là khôn quá... trời. Khôn nhất vũ trụ.

Mềm như nước, khi cần biểu dương lực lượng, chỉ tung ra một đợt sóng thần là cả một vùng mênh mông bị san thành bình địa. Mềm hơn nước, không khí khi nổi trận lôi đình là mây đen vần vũ, gió gầm, bão thét, lốc xoáy quay cuồng, rung chuyển bầu trời, nát tan mặt đất.

Làm sao lường được sức mạnh của cái "mềm" bằng cõi không tuyệt đối!

Kích thước cái có thì hữu hạn, cái không thì vô cùng, hiện diện mọi nơi, mọi lúc, tràn đầy vũ trụ. Cái có suy tàn, cái không bất diệt. Chọn bản thể mạnh nhất, lớn nhất, và hiện hữu vĩnh cửu, Giọt Vô Cùng xứng đáng là chúa tể vũ trụ càn khôn.

*

Vạch ra chỗ các khoa học gia hiểu lầm, diễn dịch sai những hệ quả của thuyết Tương Đối, thì cũng vui. Nhưng dẹp đi giấc mơ chứa đựng chiếc phi thuyền xuyên thời gian, chú sợ, là chuyện tai hại, vô duyên. Nó tiêu diệt một nguồn hy vọng của nhân loại, làm giảm giá một nguồn cảm hứng phong phú của người sáng tác. Nó khiến giới thưởng ngoạn mất đi một miền đất du lịch kỳ thú cho tâm hồn.

Sau khi loài người đã đặt chân lên mặt trăng lổn nhổn cát đá, người viết nào còn hào hứng muốn sáng tác, độc giả nào còn có thể say sưa thưởng thức một truyện tình thơ mộng giữa chú Cuội, Hằng Nga!

Và hình như trí tưởng tượng cùng khả năng cảm nhận những điều thi vị của nhân loại đang nghèo nàn dần vì sự ồn ào của mặt đất. Bom nổ, đạn bay đó đây đã đinh tai, nhức óc, mà tiếng động của nền văn minh kỹ thuật còn inh ỏi, vang rền, thô bạo hơn. Yêu quí con người, chú cố tránh làm còm cõi thêm cái vốn liếng quí giá đó.

Thế nên chú băn khoăn mãi, chẳng biết nên "xử lý" ra sao. Đành nhờ cháu giúp một tay. Cháu đi nhiều, đọc nhiều, chắc hiểu rõ tình trạng nhân loại hôm nay hơn chú. Nếu cháu thấy những "khám phá" vừa kể vô hại thì chú sẽ phổ biến rộng rãi cho bà con cô bác cùng rõ. Trái lại thì thôi, ta riêng biết với nhau.

Việc công bố lá thư này thì chú không e ngại. Số độc giả văn thơ trong nước cũng như ngoài nước là con số nhỏ nhoi thê thảm, vô nghĩa. Mà những người giờ này còn cặm cụi đọc văn, đọc thơ thì ta khỏi sợ chuyện làm tâm hồn họ nghèo đi. Trên những dòng chữ Việt thân thuộc, họ đã từ lâu góp nhặt được một thế giới vô cùng phong phú trong những... giọt hư vô.

Nếu cháu quá bận, hoặc có điều gì bất tiện, không giúp chú được, thì cũng đừng áy náy.

Cứ coi việc hỏi ý kiến cháu chỉ là cái cớ để chú viết những chuyện này, cũng là cách tự tay kết một vòng hoa.

Chú đang cần vòng hoa tiễn biệt cho một Giọt Hư Vô thân thiết vô cùng vừa rũ bỏ nhân gian.

3/06

KHOẢNG TRỐNG BÂNG KHUÂNG

TRẦN DOÃN NHO

Chưa đầy nửa tháng sau khi đến vùng New England giá lạnh, Doãn đã tìm được việc làm, đúng như lời quảng cáo của cô bạn khi rủ rê chị sang đây. Rời vùng nắng ấm phương Nam ra đi không làm chị mấy vui, nhưng chị muốn chứng tỏ cho Hùng, chồng chị, là chị không còn muốn dùng dằng nữa. Chị muốn chọn thực tế: dứt khoát chia tay với Hùng. Để đứa con trai ở lại, chị dẫn theo đứa con gái đang còn học high school.

Ngày đầu tiên đi nhận việc, cô bạn chở chị đến hãng rồi đi làm. Cô bạn dặn:

- Có một số người Việt làm trong hãng. Tạm thời chưa có xe, tôi chở bà đi hàng ngày. Chiều, tôi có nhờ người chở bà về. Cuối tuần này, cố đi tìm xe mua rồi hẳn hay.

Vào làm thủ tục giấy tờ, chị đụng ngay một tay *supervisor* người Á Đông. Mặt mày láng bóng, thân hình cao lớn, điệu bộ bệ vệ. Tóc hớt cao. Đại Hàn, chị nghĩ thầm. Anh ta lặng lẽ đưa giấy tờ cho chị điền vào, rồi tiếp tục làm việc với cái máy vi tính. Xong xuôi, bằng một thứ tiếng Anh khá sánh sõi, anh ta giải thích cho chị một số chính sách của hãng về giờ giấc làm việc, lương bổng, nghỉ phép... Anh ta nói vắn tắt, mắt không nhìn thẳng vào mặt chị, rồi chấm dứt bằng một câu hỏi đầy nguyên tắc:

- Any question, Mm?

- *No, chị đáp.*

Thì có gì đâu mà thắc mắc, chị bực dọc nói thầm trong trí.

Sau đó, anh ta im lặng dẫn chị xuống khu vực làm việc, giới thiệu cho *group leader* là một thanh niên Việt Nam, rồi đi ngay. Tay này trông bộ khó chơi, chị nghĩ. Cũng chẳng sao, mình đâu phải thứ lười nhác gì mà sợ.

Sau khi đã làm quen với công việc được giao, chị bắt đầu nghĩ về người đàn ông. Khuôn mặt anh ta cứ như níu kéo mãi ý nghĩ của chị. Nó gợi cho chị về một cái gì rất mơ hồ, nhưng dai dẳng. Chị cố xua đuổi ra khỏi đầu óc để tập trung làm quen với công việc mới mẻ. Nhưng vô ích. Thỉnh thoảng, khi nghe tiếng bước chân đi vòng vòng của anh ta trong khu làm việc, chị liếc nhìn. Lạ thì thật lạ, mà quen thì cũng thật quen. Cảm giác lẫn lộn đó cứ thoắt biến thoắt hiện trong đầu óc chị. Cuối cùng, chị quả quyết: dứt khoát anh ta phải giống một ai đó trong số những người chị quen biết, có thể là quen thân.

Giờ giải lao, chị hỏi những người cùng làm thì được biết anh ta cũng là người Việt với cái tên nửa nạc nửa mỡ: Bruce Phung. Anh ta đến nhận việc ở đây chỉ chừng năm, sáu tháng. Đặc điểm của anh ta là: không bao giờ dùng tiếng Việt, kể cả đối với những công nhân không hề biết một tiếng Mỹ nào. Anh ta chỉ nói tiếng Anh, và khi cần, nhờ thông dịch. Có người ngờ rằng anh ta không biết nói tiếng Việt. Nhưng đa số cho là anh ta biết, nhưng không muốn nói. Mất gốc, đôi ba người thì thào như vậy. Tuy thế, không ai ghét anh ta, vì anh ta cư xử rất công bằng, đôi lúc có phần dễ dãi đối với công nhân là khác. Anh ta không bao giờ la mắng to tiếng.

Biết được gốc gác như thế, chị lại càng đoan chắc anh ta phải quen lắm. Lúc đầu chỉ là những thắc mắc bình thường. Dần dà, biến thành một ám ảnh. Chắc chắn là một cái gì đó trên khuôn mặt khiến chị bứt rứt. Trong khi thoăn thoắt đỡ những đoạn dây điện cắt ngang từ trong máy, chị tập trung đầu óc để nhớ. Chị điểm lại những người đàn ông chị đã gặp, đã quen. Những người

chị có cảm tình cũng như chị ghét. Lục lại ký ức đôi lúc là một trò chơi thú vị, giúp quên mệt nhọc trong công việc, mà thời gian lại qua mau. Lần lượt hết người này đến người khác hiện ra. Họ đến, họ đi. Họ cười, nói. Họ đi đâu, về đâu, trải qua nhiều chặng thời gian khác nhau? Mỗi người một đặc điểm, một tính cách. Mỗi người mang đến cho chị những cảm giác khác nhau. Có người thì nét điển hình nằm trong cử chỉ (một cái hươ tay chẳng hạn). Có người nét điển hình nằm ở trong câu nói, tiếng cười. Người thì ân cần tận tụy. Kẻ thì nghiêm nghị. Người thì chơn chất. Kẻ thì thì sỗ sàng, trắng trợn. Đàn ông, thứ sinh vật kỳ lạ, đã mang lại cho chị bao nhiêu thú vị, nhưng cũng không thiếu điều phiền hà. Họ nhìn ngắm, rình rập, gạ gẫm, tán tỉnh. Chị yêu một người, rồi một người nữa rồi một người nữa. Nhưng trước sau, dù yêu hay không, chị thích mọi người đàn ông. Chị thích nhìn thấy sự tiếc rẻ trong mắt họ, nhìn thấy sự thèm muốn, khát khao, mê mẫn tràn đầy trên khuôn mặt họ. Chị thích nghe những lời khen của họ, dù đôi lúc, chi biết rất rõ chúng chỉ toàn là những lời sáo rỗng. Nhưng, dù gì đi nữa, khi mọi chuyện đã xong, mọi người đều dễ thương, tội nghiệp. Họ đều xứng đáng được chị nhớ về bằng những ý nghĩ tốt đẹp. Có lẽ chỉ trừ Hùng. Hùng là hiện tại. Mà hiện tại thì bất ưng. Quá khứ mất rồi nên đẹp. Quá khứ chẳng hề làm phiền chị. Chúng lặng lẽ, tịch mịch, hồn nhiên, nằm sâu trong đáy ký ức. Thích thì chị kéo nó lên, không thì vùi nó xuống. Chị tùy nghi.

Tưởng là như thế, nhưng mà lạ, anh chàng *supervisor* này, chị không cách gì nhớ ra. Chị lẩm chăng?

Ký ức là một đống hỗn tạp. Cái không muốn tìm, chúng tự dưng trồi lên: những Hải-tóc-quăn, những Hoàng, những Tùng-bủn-xỉn, Biên-thất-tình... cứ lù lù xuất hiện, dập mãi không được. Còn cái muốn tìm, chúng nhất định biến mất, y như thể chúng chẳng hề có mặt trong cuộc đời. Rồi bỗng đùng đùng, trong một lúc nào đó, chúng trào ra, ngập ngụa, như con nước mùa đê vỡ. Trào không kịp cản.

Một hôm, vào giờ ăn trưa thường lệ, chị muốn gọi điện thoại cho đứa con, nhưng cái điện thoại trả tiền duy nhất trong hãng bị một anh chàng chiếm lấy, giữ chặt để nói chuyện. Chị đứng đợi hoài, sốt ruột vì giờ lunch sắp hết. Bỗng từ đâu đó trong văn phòng, anh chàng *supervisor* xuất hiện, hỏi chị:

- You need telephone ?

- Yes.

Anh ta vẫy chị vào văn phòng, chỉ cái điện thoại trên bàn.

Gọi xong, chị quay lại nhìn anh ta, nói bằng tiếng Việt:

- Cám ơn ông.

- Không có gì.

A, tiếng Việt! Lần đầu tiên, chị nghe anh ta nói tiếng Việt và thấy anh ta cười. Khi quay lưng bước ra cửa, một tia sáng chợt lóe lên trong ký ức mù tăm của chị. Chị quay lui nhìn anh, đột ngột kêu lên:

- Thảo, anh Thảo. Cám ơn anh Thảo.

- Không có gì.

Trả lời xong, anh ta cúi xuống đống giấy tờ trước mặt.

Cái nhếch mép làm phần môi trên phía bên phải nhích lên khiến cái miệng như hơi méo đi một chút là của Thảo, chứ không thể của ai khác. Dấu tích nhỏ nhoi này đúng là một tia sáng xuyên vào tầng sâu xa nhất của ký ức, đánh thức dậy tất cả mọi điều tưởng như đã yên ngủ hay tan biến hẳn. Cái nhếch môi ấy, chao ôi, là dễ ghét! Nó ngạo mạn, bất cần đời. Nó thách thức, mỉa mai. Nhưng chính cái nhếch môi ấy, chị nghĩ, lại có dính đến một phần đời của chị.

Thực ra, đâu phải chỉ là một cái nhếch môi !

Thuở đó, dễ chừng cũng đã gần ba mươi năm, một hôm, bỗng nhiên Doãn khám phá ra có một gia đình đến ở cạnh nhà, chênh chếch về phía trái vuông cửa sổ phòng cô. Nói bỗng nhiên, vì chỉ đến buổi chiều hôm ấy, sau một giấc ngủ trưa hè mệt mỏi, cô thức dậy mở toang cửa sổ, chợt nghe tiếng dội nước ào ào phía bên kia hàng chìa tàu. Cô nhìn sang và đỏ mặt vì nhìn thấy một thanh niên đang tắm. Thân hình anh ta cao lớn, khá lực lưỡng, với những bắp thịt rắn chắc đẫm nước dưới ánh nắng nồng. Cô vội khép cửa lại, băn khoăn tự hỏi anh chàng này từ đâu đến. Cô hỏi mẹ, mới hay có một gia đình đâu từ dưới quê lên xin che lều ở tạm để lánh bom đạn. Họ ở đó đã hai tuần rồi. Chỗ ở là góc của một ngôi đền đổ nát, từ lâu bỏ hoang, nơi mà thuở bé, cô vẫn thường ra nhảy dây, chơi lò cò hay đuổi bắt với đám trẻ con hàng xóm. Cô tự nhủ: may mà mình đã lớn, chứ không thì tức biết mấy, vì bị mất chỗ chơi đùa.

Dần dà, cô biết gia đình đó có bốn người: một bà mẹ trung niên lam lũ, và ba đứa con,

m.loanhoasử

Kiều thệ thủy

anh chết yên thân nơi xóm biển
một đống tài hoa để lại gì?
dăm mối tình con còn bé xíu
dăm bài thơ thoét nói vân vi
anh chết tròm trèm gần bốn chục
nước non đủ thứ gió xoay chiều
tôi sống đâu khác gì anh chết
nửa đời nghiêng ngả bức tường queo
khóc nhau không có trà có rượu
chả điếu văn cầm tay chả khăn điều
khóc than không một dòng nước mắt
tình mình gói gọn đủ bấy nhiêu
chút nghĩa văn chương trong phế phủ
thương anh như bóng xế nhẹ hều.

hai trai một gái. Cái lều che tạm như một cái cây, lớn dần. Lúc đầu, chỉ đâu có vài miếng tôn che quanh, trên lợp ít tấm tranh. Chừng tháng sau, mở cửa nhìn sang, cô bỡ ngỡ khi nhìn thấy ở đó là một căn nhà tương đối đàng hoàng, có cửa ngõ, có mái. Cái cảnh nấu nướng, tắm rửa ở ngoài trời không còn nữa. Tất cả sinh hoạt biến đâu mất đằng sau ngôi nhà. Cũng từ đó, cô thấy mấy người con cắp sách đi học. Gia đình mới và ngôi nhà điềm nhiên hòa nhập vào trong cuộc sống thường ngày của xóm cô. Nói đúng hơn, không phải là xóm cô, mà là xóm sau, nơi từ khi bắt đầu lớn, cô không hề đặt chân đến nữa. Chỉ cách có một hàng rào, mà cái xóm sau đó như thể là một thế giới khác, càng lúc càng xa lạ với cô, mặc dù hàng ngày cô vẫn nhìn ra lối đi, vẫn thấy đám trẻ con nô đùa và những người lớn vô ra trong xóm. Mọi ngươi vẫn còn đó, nhọc nhằn kiếm sống. Cuộc sống nghèo hèn cùng với những cái tên nghe cũng chẳng mấy vui: chị Mận kẹo kéo, bà Dần mù, ông Bảy xích lô, chị Chắc bánh bèo, mụ Thu bún bò, thằng Vẻ sẹo... Với sự tham dự của gia đình mới, xóm có thêm tên: mụ Bầm mắm ruốc và con Mượn lùn. Nhà cô thuộc xóm trước, giàu có, bề thế. Ngay cái tên của cô, nghe cũng có vẻ giai cấp: Lai Doãn.

Một hôm, trên đường đi học về, gặp mưa giông, cô chạy vào trú mưa ở một góc phố và quen với Mượn, cô con gái của cái gia đình mới ngụ cư đó. Mượn trạc tuổi cô, nhưng học thua cô hai lớp ở trường bán công thành phố. Ở quê, chiến tranh làm việc học hành của Mượn bị gián đoạn. Qua trò chuyện, cô đâm ra có cảm tình với cô gái nhà nghèo này. Hai người thân nhau. Nhờ thế, cô có dịp trở lại xóm sau, ghé thăm nhà người bạn nghèo. Lần đầu tiên vào nhà Mượn, cô khiếp đảm: nền nhà lỗ chỗ, lồi lõm, những chiếc ghế cáu bẩn, nhớp nhúa, bếp núc ám khói, chỗ ngủ là mấy chiếc giường tre ọp ẹp, ly chén thì thô tháp, chiếc mùng ngủ cáu bẩn, vá chằng vá đụp, nước uống thì đựng trong cái chum với chiếc gáo dừa nhìn phát lợm. Đã thế còn thêm mùi ruốc kho, mùi đất, mùi tranh tre, mùi cá kho tanh tao. Tất cả hòa lẫn nhau làm cô cảm thấy như muốn nghẹt thở. Một lần thôi, cô tự nhủ. Gặp nhau chơi đâu đó ngoài đường là được rồi.

Nhưng, cô lại đến, vì thấy Mượn vui tính. Đến nhiều thành quen. Quen rồi đâm nghiện. Vài lần một tháng. Rồi hàng tuần. Sau đó thì hầu như ngày nào cũng đến. Có ngày vài lần. Lúc đầu, cô còn dùng lối cửa ngõ, phía trước nhà cô, đi vòng theo con hẻm nhỏ để vào nhà Mượn. Sau, để cho tiện và mau, cô trổ lối đi tắt ngang qua một khoảng hở trong hàng chìa tàu. Nếu thích, cô đi xuống nhà bếp, vạch lá, chui ngang là đến ngay cửa trước nhà Mượn. Cô

khoái mọi sinh hoạt bình dân nhưng hấp dẫn của gia đình mới ngụ cư này. Ăn cơm nguội với nước mắm. Luộc khoai. Nấu chè. Nằm võng đọc truyện. Học bài dưới ánh đèn dầu hay ngồi giữa đất làm bài, vân vân. Và tâm sự vụn. Hóa ra nhà nghèo có những thứ thú vị riêng. Đến một lúc, cô kinh ngạc nhận thấy cô đâm ra mê căn nhà của Mượn còn hơn nhà mình. Được ăn uống tự do. Được nghe những lời tán tụng quê mùa, nhưng chân thật của bà mẹ nghèo. Được cô bạn gái vui tính, ân cần, sẵn sàng chìu cô. Lại được có người anh của Mượn để hỏi han bài vở. Cô lại càng kinh ngạc hơn khi khám phá ra cô còn có một ước mơ kỳ quặc khác: ước mơ được nghèo như Mượn. Cô nói ý nghĩ đó với Mượn thì Mượn cười nghặt nghẽo:

- Doãn muốn mỉa mai mình chăng? Có ai lại thích được nghèo. Còn cái gì đau đớn hơn cái nghèo đâu, Doãn? Mà lại, muốn giàu thì khó, chứ muốn nghèo thì quá dễ.

- Nào, bày cho mình đi. Làm sao để được nghèo ?

- Thì... thì... thì.. Mượn lúng túng. Để mình suy nghĩ đã. Ừ, thì .. sao nhỉ ?

- Thấy chưa, đâu có dễ. Nhiều lần, mình cũng suy nghĩ thử xem có cách gì để được nghèo, nhưng khó quá.

Đúng là cô có suy nghĩ về những cái cách để được nghèo. Thậm chí, đôi lúc, chuyện đó đi cả vào trong giấc mơ. Nhưng dường như cô không tìm hiểu tại sao cô lại cứ băn khoăn về chuyện đó như thế.

Một hôm, thứ bảy, như thường lệ, cô sang nhà Mượn chơi. Chuyện trò, làm bài, nấu ăn. Suốt buổi chiều. Khi trở về nhà, tự dưng, cô bâng khuâng. Một cảm giác rất mới lạ. Như thiêu thiếu một cái gì. Đứng trên phòng, nhiều lần cô mở cửa sổ nhìn vơ vẩn xuống nhà Mượn. Trời nhá nhem tối. Hàng chìa tàu có những nhánh cao vươn lên. Căn nhà tranh buồn bã lẫn với những bức tường rêu phong của ngôi đền cũ. Đêm đó, cô khó ngủ. Hôm sau, cô lại sang nhà Mượn. Ở lại chơi lâu hơn. Khi về, cũng vậy, cô man mác buồn. Đầu nhưng nhức muốn đau. Cô mệt, không muốn ăn. Mẹ sờ đầu, hỏi cô có muốn đi khám bác sĩ không. Cô đáp là chẳng có gì.

Hôm sau nữa, cô định sang nhà Mượn, nhưng cô mở cửa sổ nhìn một hồi lâu, rồi chần chừ không muốn đi. Đến chiều, Mượn đứng bên kia gọi. Cô uể oải chui qua hàng rào. Mượn nấu chè khoai trộn đậu phụng đãi cô. Cô ăn cầm chừng, nhìn quanh, hỏi:

- Bác đi chợ à ?

- Ừ, mẹ mình đi bán. Giờ này đâu đã về, Doãn biết mà.

- Còn thằng Tống đâu không thấy ?

- Câu cá sau hồ, có lẽ. Nó như con sóc, chẳng khi nào chịu ở yên một chỗ. Ngày nào cũng như ngày nào, không chịu ở nhà.

Cô bối rối , hồi hộp hỏi tiếp:

- Còn anh, anh gì... à anh Thảo, phải anh Thảo không, anh đi học nhỉ ?

Mượn phá lên cười:

- Doãn độ này lẩm cẩm quá. Bữa nay nghỉ hè, làm gì mà đi học. Anh về làng học thi.

Trời, về làng, hèn gì! Cô cố húp hết chén chè, nói giọng ra vẻ lơ là:

- Anh đi lâu vậy mà Mượn không nhớ à?

Mượn vỗ vai cô:

- Anh có việc của anh, mình có việc của mình. Mà lại, anh là anh chứ bồ bịch chi mà phải nhớ? Ờ, mà có. Thiếu anh, mình cũng có hơi mệt với việc nhà. Nhưng không sao. Để cho anh học. Về làng học yên tĩnh hơn.

- Anh chịu khó nhỉ ?

- Ừ, lên đây, anh học nhảy hai lớp đó, vì ở quê bị trễ hai năm. Năm nay thi tú tài bán.

Đêm đó về, cô tự thú với lòng mình: cô nhớ anh Thảo của Mượn. Thì ra lâu nay, cô thích đến chơi với Mượn chỉ vì cái anh chàng Thảo này. Cô tự hỏi: chẳng lẽ mình mà lại, mà lại.... cái anh chàng Thảo đó. Đúng là cô phải ghét cái anh chàng nhà nghèo mà khó thương đó chứ! Gặp cô, thấy cô chào, anh ta chỉ gật đầu nói nhỏ "chào cô", rồi đi mất. Hỏi anh ta một bài toán khó, anh ta chỉ vẻ vội vàng, xong là đi ngay. Cô ở nhà trên, anh ta xuống nhà dưới. Cô ở trong bếp với Mượn, thì anh ta ra ngoài sân. Thỉnh thoảng, cô nhìn anh ta, nói một câu pha trò gì đó, anh ta chỉ cười nửa môi. Phần môi trên phía bên phải hơi nhếch lên, nhìn thấy ghét không chịu được. Nhiều lần, tức quá, cô ăn mặc thật đẹp, xuống nhà Mượn. Anh ta vẫn thế, nhìn cô chào qua loa rồi bỏ đi, không thèm ngắm nghía, không tỏ ra bối rối, không... gì cả. Thỉnh thoảng, cô dò hỏi Mượn xem anh ta có bình phẩm gì về cô không, Mượn cho biết anh ta chẳng nói gì cả. Qua lời Mượn, cô chỉ biết anh ta vừa đi làm vừa đi học. Học hành siêng năng, chăm chỉ. Ai kêu việc gì cũng đi làm: dạy kèm, phụ thợ nề, bốc vác...

Anh chàng vắng mặt cả tháng trời. Mấy ngày đầu, cô chỉ hơi buồn buồn. Dần dà, cô nhớ. Rồi nhớ quay, nhớ quắt. Từ căn phòng, cô mở cửa nhìn qua hàng chìa tàu, trông ngóng. Mượn gọi, cô chần chừ không muốn đi. Nhìn đâu, cô cũng thấy anh chàng Thảo. Đầu húi cao, chiếc áo sơ mi trắng mỏng, sờn. Chiếc quần xanh nội hóa, bạc thếch. Chiếc xe đạp đàn ông, không có chắn bùn, để trơ ra hai bánh xe trông giống người ốm ở trần. Khi đi, dáng hơi khum về phía trước. Giọng nói chắc nịch. Anh ta đi đi về về. Thỉnh thoảng cô thấy, thỉnh thoảng cô không thấy, nhưng biết chắc anh ta ở đâu đó, quanh cô. Cô yên trí vui chơi, học hành, ngủ ngáy. Giờ anh ta đi rồi, cô thấy mọi thứ trong đời trông chênh vênh, lấp lửng. Ngày, cô nghe chung quanh lao xao liếng xiếng như thể sắp có chuyện gì xảy ra. Đêm, cây cối, nhà cửa, ghế bàn lặng im thin thít, y như sợ hãi một ai.

Anh chàng trở lại. Nắng vỡ òa cùng với tiếng ve kêu ầm ĩ. Hàng chìa tàu lớn thêm một đoạn. Xóm sau, người vô ra tấp nập. Đám trẻ con cũng túa ra đường rộn ràng chơi giỡn. Thảo về. Cô xuống Mượn chuyện trò ríu rít. Lại nấu chè. Chiên cơm. Luộc khoai. Làm bánh. Thảo vẫn thế, không biểu lộ một cái gì khác đối với cô. Nhưng bây giờ cô chẳng lấy đó làm phiền. Sao cũng được, miễn Thảo quanh quẩn ở đâu đó. Cô thích mọi thứ nơi anh ta. Dáng đi. Điệu nói. Thái độ nghiêm nghị, pha chút kiêu ngạo vô lý. Cái nhếch môi bất cần đời. Cái áo sờn. Cái quần cũ. Chiếc xe đạp vứt ngoài đường không ai thèm lấy. Cô yêu mến căn nhà tồi tàn này. Mùi đất. Mùi ẩm mốc. Ghế giường xọp xẹp, cáu bẩn. Chiếc mùng vá chằng vá đụp. Son quánh, chén đũa, ly tách rẻ tiền cái sức, cái mẻ, cái móp. Những bữa ăn vô cùng đạm bạc: rau dền chấm nước ruốc, cơm nguội chan nước mắm ớt, cá cấn kho khô, canh bắp chuối, bánh canh bột lọc nhân đậu, không tôm thịt. Cô thương bà mẹ tóc rối, khuôn mặt già trước tuổi, hai bàn tay cục mịch xắt chuối, quậy cám heo, rửa rau, giọng nói nhà quê chơn chất, khi nào cũng "cô cô tui tui" với cô. Mượn vui tính, chân thành. Thằng Tống ngoan ngoãn.

Và cô đâm phiền với cái sạch sẽ, ngăn nắp, phú quý của nhà cô. Cái nền nhà lót gạch hoa láng bóng trông vô duyên tệ. Tủ buýp phê với bao ly, tách, tượng, bình hoa, máy nghe nhạc, quạt trần trông thừa thãi. Cô cũng không ưa những ông, những bà ăn mặc sang trọng, bạn bè của ba má thường đến nhà cô, rượu trà, nhậu nhẹt, cười đùa sảng khoái. Cô ghét đám bạn học của anh cô, chị cô và cả của cô. Cô cũng ghét luôn cái trò tặng quà, rủ đi cắm trại, đi xi nê, đi picnic.

Cô thích nghèo. Thích lạ lùng. Thích da diết. Thích hết thảy những gì mà cái nghèo sản sinh ra: sự chơn chất, bẩn thỉu, thiếu thốn. Thích Thảo. Vì sao? Cô không rõ vì sao. Trong thâm tâm cô, cô ao ước một ngày vật đổi sao dời thế nào đó để cô có thể yêu Thảo thoải mái và lấy Thảo.

Hè năm đó, Thảo thi đậu tú tài bán. Cả nhà Mượn vui. Cô vui. Ngoài cái vui vì thấy gia đình Thảo vui, cô có một cái vui riêng khác: chiếc bằng tú tài nâng Thảo lên một bậc, khiến khoảng cách giữa hai gia đình thu hẹp lại, nhờ đó, biết đâu, ước mơ của cô có thể thực hiện được. Nhưng đùng một cái, gia đình Thảo ra đi. Đột ngột. Đi hẳn. Không thư, không từ, không liên lạc. Căn nhà và toàn bộ người trong gia đình Thảo biến mất y như chẳng hề có ở đó.

Cô bàng hoàng, ngã bệnh.

Đúng là Thảo của chị mấy chục năm về trước. Chính cái nhếch môi của anh đã nhắc chị nhớ lại những ngày tháng xa xưa đó, mà bao năm rồi, chị không hề nhớ. Chị yêu. Đó là một thứ tình yêu đầu đời, lặng lẽ và đơn giản, vô cùng đơn giản. Một tình yêu đơn phương, theo kiểu nói thời thượng hồi đó. Nếu Thảo còn ở đó, thì sao chẳng rõ. Thảo đi rồi, mọi thứ như tan vỡ, vụn vằn trong đời chị. Cô học trò Lai Doãn mười bảy tuổi mất phương hướng. Buồn. Chán. Đau đớn. Hụt hẫng. Chênh vênh. Dường như có cả năm trời sau, cô mới lai tỉnh.

Một hôm, chị có việc vào gặp Thảo để điều chỉnh chuyện lương bổng. Sau khi xong, chị đứng lại, ngập ngừng hỏi:

- Xin lỗi, nếu tôi nhớ không lầm thì ông là ông Thảo, anh của Mượn, ở kế nhà tôi hồi đó. Tôi là Lai Doãn.

Anh ta tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, nhìn chăm chị một lát, rồi nói:

- Lai Doãn. Cô Lai Doãn. Tôi nhớ.

Chị định hỏi thêm đôi điều nữa, nhưng anh ta đã cúi đầu xuống trên đống giấp tờ, tiếp tục làm việc. Chị bực mình, đi ra, lẩm bẩm: "Cũng chẳng khác gì ngày xưa, cái anh chàng dễ ghét này." Từ đó, chị không có ý định hỏi thêm anh ta bất cứ điều gì nữa.

Chừng một tháng sau, chị nhận được một hộp

nhỏ gửi qua đường bưu điện. Đó là một hộp giấy cứng, gói ghém cẩn thận. Mở hộp, một tấm thiệp kèm theo một lá thư ngắn rơi ra. Chữ viết nắn nót, tròn trịa:

3/1997

Cô Lai Doãn,

Đáng lẽ món quà này sẽ đến với cô vào ngày sinh nhật của cô nửa năm sau, ngày 18 tháng 9. Nhưng món quà này đã đợi cô quá lâu, đến những hai mươi sáu năm, sáu tháng và ba ngày. Tôi nhận ra cô ngay khi cô vừa mới đến làm việc, dù có ít nhiều thay đổi. Đôi mắt cô, như ngày nào, dễ gì quên được! Gia đình tôi không còn ai. Bà già mất trước 1975. Mượn và đứa em út chết trên đường vượt biên. Tôi sang đây từ năm 1975.

Xin được hoàn lại cố chủ, như một gợi nhớ về những ngày xưa không thể nào tìm lại được. Chúc cô vui.

Phùng Tiến Thảo.

Đọc xong, chị ôm lấy ngực, cảm thấy ngộp thở. Chị run run mở hộp quà. Xé hết băng keo dán, chị sửng sốt khi thấy chẳng có gì ngoài một lô toàn những mảnh giấy học trò cũ rích, một số ảnh vàng ố, ít sợi tóc, và cuốn sổ ghi chép nhỏ. Và tất cả đều là của chị. Chị vội vàng cầm những tấm ảnh lên xem. Thì ra là ảnh chị chụp hồi nhỏ: ảnh chụp riêng, ảnh chụp chung với Mượn. Còn những mảnh giấy thì là nét chữ chị viết đủ hình dáng: vuông có, tròn có, hình chữ nhật có, hình nhiều cạnh có... Chúng được cắt xén cẩn thận quanh những chữ ký, hoặc những hàng chữ mà chị viết bậy bạ cho vui khi ngồi trên bàn hay ngồi đâu đó ở nhà Thảo. Nhiều nhất là chữ ký. Ký ngang, ký dọc. Có những giòng chữ đại loại như "đêm buồn," "những chiều vui," "chiều nắng đổ ngoài hiên," "trời, chè ngon quá," "có cái chi đây mà quên mất," "cái con khỉ," "tình chỉ đẹp khi còn dang dở"... Những hàng chữ viết nguệch ngoạc, vu vơ. Cũng có những trang giấy nháp làm toán đại số, hình học, mấy bài thơ học trò chị chép cho Mượn, cuốn sổ nhỏ ghi nhạc, thơ và những việc phải làm trong ngày, các ngày giỗ, ngày nghỉ học. Lục lọi hết thảy những thứ để trong hộp, chị có cảm giác như tất cả những vết tích gì mà chị để lại nhà Thảo đều được Thảo thu gom lại, cất giữ, không sót một thứ gì, kể cả những sợi tóc, hẳn là vương vãi vô tình đâu đó trên trang giấy mà chị viết ngày nào.

Ôi, Thảo! Chị kêu lên, đôi mắt nhòe nhoẹt. Cả một thời mộng mị hiển hiện trở lại. Vuông cửa sổ. Hàng chìa tàu. Lối đi ngoằn nghoèo vào xóm. Ngôi nhà tồi tàn với mùi đất, mùi ẩm mốc. Rồi mùi ruốc kho. Cơm chiên. Khoai luộc. Chè chuối. Và anh chàng Thảo đi vào đi ra áo sờn quần bạc. Ôi, cái nghèo yêu dấu biết bao nhiêu!

Tình yêu! Phải, tình yêu. Chị bâng khuâng nhìn vào khoảng không và tự hỏi: có phải món quà này là lời tỏ tình kỳ lạ nhất mà chị nhận được vào cái tuổi mà tình yêu chỉ còn là một âm vang không còn mấy ý nghĩa. Thảo ơi, nếu Thảo biết được rằng, hồi đó, cô bé Lai Doãn mười bảy tuổi đã quay quắt như thế nào khi bỗng Thảo không còn ở đó nữa y như thể Thảo đã biến mất khỏi trần gian. Cô bé đau. Cô bé chết đứng chết ngồi bên vuông cửa sổ, khi nhìn qua hàng chìa tàu, chỉ thấy bức tường gạch cũ rêu phong, cây bông sứ khẳng khiu, chơ vơ, buồn thảm. Cô bé nhớ mùi ruốc kho, mùi cám lợn, mùi chè khoai, nhớ chiếc bàn gỗ sần sùi với hai chiếc ghế đẩu mà có lần cô bé suýt bị rách quần khi ngồi xuống vì bị cái đinh sút ra ngoài, móc phải. Cô bé cứ ngồi bần thần ngắm mãi cái khoảng trống nơi hàng rào mà cô bé chui qua chui về biết bao nhiêu lần. Thảo đi rồi, cái khoảng trống dần dần bị bít lại vì những nhánh chìa tàu đâm chìa ra. Có lần, cô bé tức, cô bé tìm cách bẻ hết chúng đi. Nhưng làm sao được, chỉ một thời gian ngắn sau, chúng mọc ra lại. Chúng vô tình, cô bé biết. Nhưng mỗi lần mở cửa sổ ra nhìn, cô bé cứ có cảm giác như chúng đồng lõa với Thảo, cố tình khép lại, khép hẳn đi của cô bé một đoạn đời. Cô bé đau lòng lắm, vì cô bé biết cô bé đã yêu. Cô bé ngã bệnh. Rồi cô bé lành. Tức quá, cô bé tìm cách quên. Và quên được. Hai mươi sáu năm (Thảo nhắc cô bé mới biết, đã hai mươi sáu năm). Thời gian quá dài, đủ để vùi chôn tất cả, sá gì những kỷ niệm mong manh thuở đầu đời.

Trong thoáng chốc, chị hóa thân thành cô bé Lai Doãn ngày nào. Chị rươm rướm nước mắt, thẩn thờ nhìn ra ngoài. Phố xá. Xe cộ. Buyn- đinh. Mọi thứ chung quanh đều giàu có, no đủ. Hình dáng anh chàng *supervisor* mặt mày trắng trẻo, bệ vệ và xa cách. Tìm đâu ra mái tranh, con đường hẻm, cây bông sứ, ngôi đền cũ. Còn đâu anh chàng Thảo cục mịch, nghèo hèn và dễ ghét. Còn đâu mùi... nghèo. Và tìm đâu ra hàng chìa tàu với cái khoảng trống bâng khuâng để chị chui qua chui về một thời tuổi thơ mộng mị!

VỀ VỚI BIỂN

TRẦN MỘNG TÚ

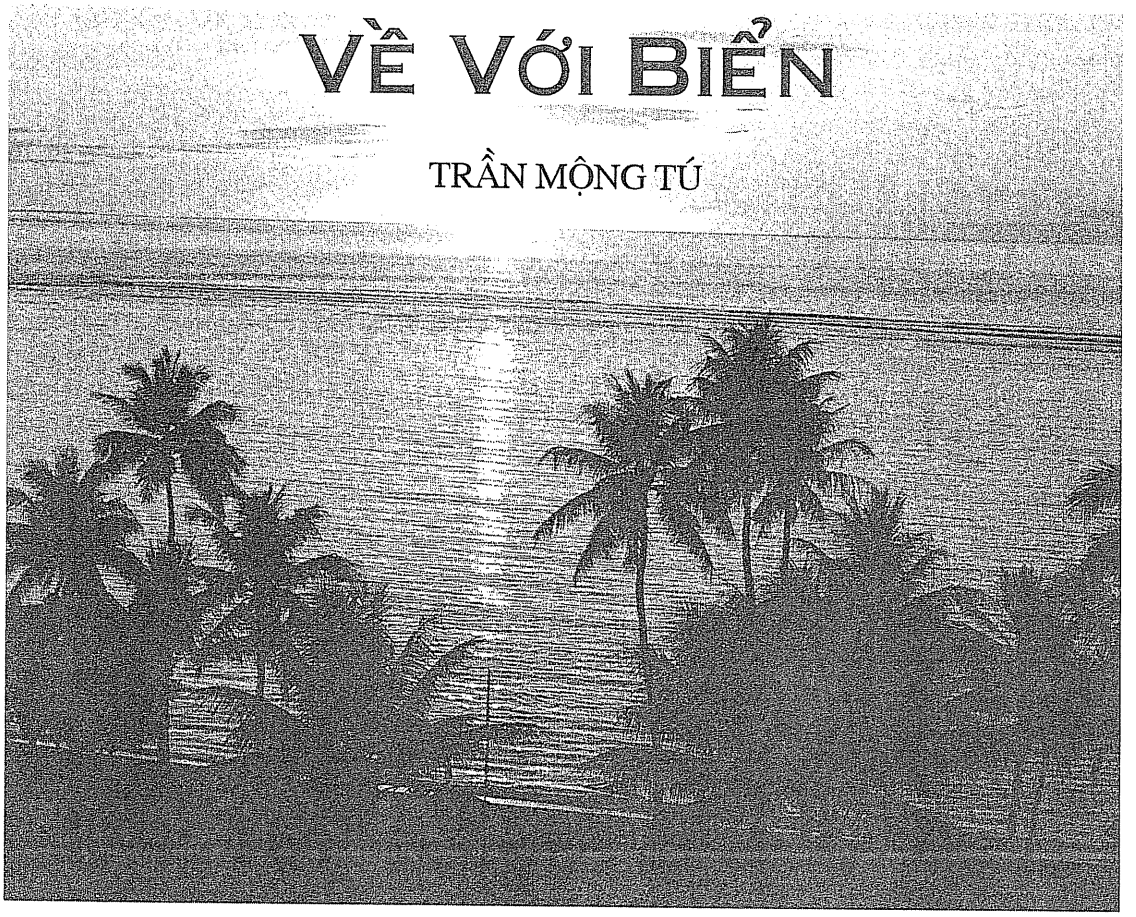

Nancy lái xe tìm chỗ đậu. Buổi trưa ngày thường, biển vắng người, bà tìm được một chỗ đậu ngay. Mùa thu Nam Cali không lạnh lắm, nhưng bầu trời trên kia không một gợn mây, nó âm u và xám ngắt. Nancy nhìn chung quanh xe, nhặt được một chiếc áo ở phía sau, dưới sàn xe, chẳng biết nó rơi ở đó từ bao giờ, bà mặc vào để tránh cái gió biển bên ngoài.

Bà đứng như một thân cây mọc chơ vơ trên bãi, bà nhìn biển, biển nhìn lại bà, cả hai nhìn nhau lặng lẽ. Lặng lẽ được bao lâu? Tiếng biển vang vang theo sóng đập vào chân bà, bà không thinh lặng được nữa. Bà hỏi biển:

- Có nhớ Paul không, có muốn Paul không?

Tiếng biển vang vang:

- Đem về cho tôi, đem về cho tôi, đem về cho tôi.....

Biển vắng quá nên biển càng mênh mông, mùa thu nhợt nhạt như mặt bà nhợt nhạt, vết đau trong lòng bà thì như một hòn than đỏ, chốc chốc nó lại rực lên như có gió thổi vào.Bà thấy cô đơn quá! Khi một người đau khổ mà cô đơn thì cái đau khổ đó tăng gấp mấy lần nhỉ? Nancy đi dọc theo bờ biển, sóng cứ đập vào chân, bà vừa đi vừa lầm nhầm hỏi biển; *Có nhớ Paul không? Có muốn Paul không?* Bà vừa đi vừa nghe tiếng biển đòi *Đem về cho tôi, đem về cho tôi.....đem về cho tôi.*

Paul đứng trên một chiếc ván mỏng giống một tầu lá dài, cái thân thể săn chắc của chàng tuổi trẻ đang giang thẳng hai tay như muốn bay vượt lên trên mặt biển. Mây trắng trên trời từng đám trôi qua, mái tóc vàng như lúa mạch của chàng áp sát vào hai bên thái dương ôm lấy khuôn mặt vuông rắn rỏi, hai mắt chàng cũng xanh như biển, một mầu xanh trùng trùng bão nổi của tuổi 20. Nancy thấy Paul giống như thiên thần Gabriel vẽ trên cửa kính của nhà thờ mà cả hai vẫn thỉnh thoảng ghé vào. Paul

mê biển, môn trượt nước là môn thể thao mà anh thích nhất. Thỉnh thoảng anh cũng đi đá banh trên những sân cỏ với chúng bạn, nhưng anh vẫn thấy cái mầu xanh ngọc của sân cỏ nó hạn chế tầm mắt của anh quá, nó hẹp mà lại không có chiều sâu. Khi anh đứng trên bãi cỏ anh nhìn xuống chân thì anh chỉ thấy bàn chân mình, anh không nhìn thấy cái gì khác nữa. Làm sao mà bãi cỏ có thể so sánh được cái ngút ngàn thăm thẳm, cái mênh mông, bao la của biển . Khi anh lướt trên mặt nước, anh nhìn xuống chân mình, anh thấy cả một thế giới huyền bí dưới chân anh, nó làm anh khao khát được bước sâu đó. Anh thêm một tình yêu nữa với biển. Anh học lặn, và anh say sưa với niềm vui mới này. Mùa hè là mùa Paul thích nhất. Anh mang theo chiếc ván gỗ và bộ quần áo của người nhái đi hết bãi biển này tới bãi biển khác chung quanh Nam California. Khả năng tài chánh không cho phép anh đi xa hơn nữa, nhưng thế cũng đủ lắm rồi. Anh trượt trên từng đợt sóng, anh lặn xuống thế giới xanh thăm thẳm, ngút ngàn, trò chuyện với những nhánh san hô, những tảng đá biển lớn, nhỏ, những con cá, con còng biển bơi chung quanh anh. Mỗi bãi biển có một vẻ đẹp riêng, anh yêu biển như yêu những người bạn gái anh hò hẹn, họ đến rồi đi, anh đến rồi đi. Anh giữ lại trong lòng tình cảm đặc biệt cho một người, như anh yêu Long Beach nhất, vì anh bắt đầu đặt chiếc ván đầu tiên trên mặt nước biển này, vì nó cũng là *biển nhà* nữa. Anh gọi như thế vì gia đình anh ở ngay trong thành phố biển này.

Đem về đi, đem về đi, đem về đi.....

Tiếng biển gọi, tiếng biển hối thúc, Nancy không đi chậm rãi được nữa, sóng dồn dập kéo mạnh bước chân bà, bà đi nhanh hơn, rồi bà chạy, bà chạy, hai bàn chân xô cát, bà chạy thẳng ra biển, nước đến đầu gối, đến chân, rồi đến ngực, đến cầm, bà tự động thả mình bơi ngửa trên mặt nước. Bà ngước nhìn bầu trời xám ngắt, bà bồng bềnh trôi theo một đám mây đen. *Đem về đi, đem về đi, đem về đi.....*

Nước biển lạnh của mùa thu ngấm vào da thịt bà, Nancy rùng mình, bà xoay úp người lại, bơi vào. Quần áo ướt sũng, Nancy chạy vội vào xe, đóng cửa lại. Bà gục đầu vào tay lái, bà nhận ra cái áo ngoài bà mặc trên người là của Paul, Nancy nức lên: *Con ơi!*

Dan kiếm được tấm hình của Paul gửi cho mình ngày anh mới vào quân ngũ. Tấm hình mặc áo nhà binh thật là rắn rỏi, đẹp trai của con làm ông rưng rưng lệ. Ông ngồi thừ ngay trên hai dầu gối, gấp người xuống thảm, nhìn ra khu vườn nhỏ bên ngoài. Cây phong nhỏ ở góc vườn đỏ rực lên trong hoàng hôn, gió thổi ngả nghiêng trông như một người say rượu vừa ở ngoài quán, chệnh choạng bước về nhà, còn nghêu ngao đứng hát ở ngoài sân. Ông nghĩ đến lần cuối hai cha con đi uống bia ở cái quán gần nhà, khi trở về ông cũng say, bước dẫm lên cả bàn chân của con, Paul ngửa mặt cười vang cả một góc sân. Mới mùa thu năm ngoái chứ đâu có xa xôi gì. Đầu xuân này Paul được gửi đi Iraq, anh có gọi về cho ông, có biên thư trấn an ông là anh không ở trong chỗ phải đánh xáp lá cà hay phải ngồi trên thiết giáp. Anh chỉ làm công việc của người thông tin. Anh an toàn, anh sẽ trở về sau sáu tháng. Anh về sớm hơn dự tính.

Từ khi Paul tham dự vào cuộc chiến Iraq, mỗi lần có điện thoại reo là ông giật thót bụng lại, ông nhấc máy với tất cả rụt rè, khi biết chắc không phải là của cơ quan quân ngũ của con, ông mới thở hắt ra một tiếng để lấy lại hơi thở vừa bị hụt đi. Thế mà không tránh được. Cú phôn đó đến đúng lúc ông ít hồi hộp nhất, vì người báo là một phụ nữ.

Bây giờ ông đang lo cho đám táng của con. Ông cố quên sự mất mát, ông phải nghĩ đến cái đẹp của sự đau khổ này; Ông có một đứa con là anh hùng của nước Mỹ. Ông muốn làm được tất cả mọi điều cho niềm hãnh diện này. Con ông sẽ được chôn trong nghĩa trang quân đội quốc gia; Khu xóm ông ở, mọi nhà sẽ treo quốc kỳ trong ngày tang lễ, nhà thờ của thành phố ông sẽ có linh mục chánh xứ ngỏ lời thương tiếc, cả thành phố sẽ đến dự nghi thức quân táng. Tai ông sẽ được nghe 21 tiếng súng nổ, mắt ông sẽ được nhìn lá quốc kỳ phủ trên áo quan, rồi long trọng xếp lại bằng nghi lễ, trao tận tay ông. Cái đau đớn của ông sẽ được đền bù. Paul sẽ ở cùng một thành phố với ông, ông muốn gặp con lúc nào thì gặp. Ông cầm bức hình của con lên bằng cả hai tay, run run đứng dậy.

Hai người ngồi đối mặt nhau ở cái bàn nhỏ trong bếp. Bà Nancy rất mệt mỏi, cái mệt mỏi của một người thiếu ngủ, thiếu ăn và cả thiếu nghỉ ngơi. Bà cúi xuống ly cà phê để trước mặt , nhưng bà không nhìn sợi khói mong manh

đang bốc lên, hai mắt bà nhắm lại, những vết nhăn mờ mờ trên mặt của người đàn bà mới bước vào tuổi 50, trong một tuần bỗng như sâu hẳn xuống. Ông Dan lên tiếng trước:

- Paul cần được chôn ngay trong thành phố này, nó là một anh hùng, nó cần được chôn cất theo nghi lễ của quân đội, và an táng tại nghĩa trang quân đội.

Bà Nancy mở mắt ra, bà nhìn thẳng vào mặt ông:

- Paul là con tôi, tôi muốn làm vui lòng nó dù nó đã chết. Thân xác nó cần được hỏa thiêu và đem ra biển. Paul yêu biển và biển yêu Paul.

- Paul cũng là con tôi nữa, tôi muốn nó được hưởng tất cả vinh dự của một người lính đã hy sinh ở chiến trường.

Bà Nancy xô ghế đứng lên.

- Vinh dự đó cho ông, không phải cho Paul. Ông giao việc chăm sóc con cho tôi, bây giờ bỗng dưng ông đòi hưởng vinh dự vào cái chết của nó.

Ông Dan cũng đứng phắt lên, mặt ông đỏ bừng vì giận dữ:

- Paul là một anh hùng, nó có quyền được chôn cất như một anh hùng.Tôi đã cho binh chủng của nó biết quyết định của tôi.

Bà Nancy mở cửa đi ra, không nói thêm một tiếng nào, bà lên xe lái thẳng vào phố. Bà muốn đi thật xa căn nhà đó, căn nhà có ông Dan với khuôn mặt đỏ bừng bừng, đang đòi cái quyền làm cha của một anh hùng.

Ở đây không có biển, chỉ có những hàng cây đang đỏ rực một mầu thu. Bất giác bà nghĩ đến cái nghĩa trang trong thành phố lạnh lẽo này. Hai hôm nữa người ta sẽ chôn Paul, anh sẽ nằm ở đó, sẽ nằm thẳng cứng trong bộ quân phục, rồi đất sẽ lấp lên anh, lá mùa thu sẽ phủ kín lên phần mộ anh, rồi mùa đông sẽ mang tuyết đến. Chao Ôi làm sao mà Paul chịu nổi! Anh sẽ nhớ sóng, nhớ biển đến chết lần thứ hai mất! Bà bỗng chợt nhớ tới cái ván trượt nước và bộ đồ người nhái của Paul đang ở trong nhà xe của bà, Nancy cuống cả người lên. Làm sao bây giờ ? Làm sao mà đem được ngay đến đây, để chôn theo với Paul. Nancy đau gập người lại, bà thương con quá, bà biết con bà đâu có muốn làm anh hùng, anh vào quân ngũ vì anh không chọn được một công việc nào thích hợp với anh. Nancy bỗng oán trách Dan, sau khi li dị đã không có trách nhiệm gì với con ngoài mỗi tháng một cái chi phiếu bắt buộc. Cho đến khi Paul 18 tuổi anh tự ý liên lạc và tìm đến cha vào những ngày nghỉ. Dan cũng chẳnng sốt sắng gì với cái mối tình phụ tử đó, ông đã li dị thêm một lần nữa và có hai đứa con khác phải tài trợ. Bây giờ Paul tử trận, Dan muốn được hưởng cái vinh dự được làm bố của một anh hùng.

Còn Paul nữa, Nancy biết Paul thèm cha lắm, nên khi đủ 18 tuổi là anh tự ý tìm đến cha.

Trong hồ sơ quân ngũ, anh ghi tên cha vào chỗ người liên hệ số 1, mẹ vào số 2 nên binh chủng của anh báo tin tử trận của Paul cho cả hai người, mà lại bàn tang lễ với Dan. Liệu Paul có muốn được chôn ở đây với cha không? Chẳng lẽ hai mươi năm ở với mẹ, mà Paul lại thương mẹ kém cha hay sao? Nancy thấy đầu óc mình rối tung như một cuộn chỉ bị xổ tung ra, không biết làm sao mà quấn lại.

Nancy lái xe đi quanh thành phố, bà tưởng tượng ra linh hồn của Paul sẽ quẩn quanh trong thành phố giá rét của niềm Đông nước Mỹ này. Anh sẽ nhớ nắng, nhớ biển biết chừng nào! Anh có thể chết thêm một lần thứ hai nữa vì nhớ. Không, không thể được, bà sẽ làm đủ mọi cách để con bà sẽ được hỏa táng và đem về với bà, bà sẽ thuê thuyền ra biển, sẽ trải thân xác tro than của con vào sóng nước, bà sẽ thả cả cái ván trượt nước, cả bộ đồ người nhái cho con. Bà muốn đám tang của con bà như đám táng của một người con, không phải đám táng của một anh hùng. Paul muốn được nghe tiếng sóng, anh không cần nghe thêm một tiếng súng nổ nào nữa.

Trời ơi! Bà phải làm sao bây giờ? Làm sao để người ta đừng chôn Paul xuống đất. Mắt Nancy nhòa lệ, bà bỗng ước chi Dan và bà không ly dị để cái thân xác của người lính không phải bị giằng kéo giữa mẹ và cha.

Ghi chú của tác giả

Tháng 3/06- Đánh dấu ba năm chiến tranh Iraq. Theo thống kê 40% gia đình Mỹ có cha mẹ li dị. Có nhiều người lính trẻ tử trận ở trong 40% gia đình đó. Sự mất con có khi hàn gắn được tình cảm của cha mẹ (dù họ đã tái hôn) nhưng cũng đôi khi làm sự đổ vỡ cũ trở nên trầm trọng hơn.

NHÀ TÂY SƠN QUA CA DAO

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Triều Tây Sơn chỉ có 24 năm (1778- 1802), ngắn nhất trong lịch sử Việt Nam nhưng có công mở đầu việc thống nhất đất nước sau 217 năm Trịnh Nguyễn phân tranh, lấy sông Linh Giang làm ranh giới. Tuy thời Tây Sơn đất nước không chia cắt rõ rệt nhưng vẫn có hai kinh đô: thành Hoàng Đế ở phủ Qui Nhơn cho vua Thái Đức (1778- 1793), thành Phú Xuân (Huế) cho vua Quang Trung (1788- 1792) và vua Cảnh Thịnh (1793- 1802).

Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi (1765), liền phong cho Trương Phúc Loan làm Quốc phó. Chúa chỉ lo việc vui chơi, mặc cho Trương phúc loan chuyên quyền, các quan không phục, dân tình ta thán. Năm Kỷ Sửu (1769), Hàn lâm Nguyễn Quang Tiền tiên đoán "Không quá năm sáu năm nữa ở Quảng Nam sẽ có binh nổi dậy." [1]

Cũng theo *Xứ Đàng Trong* của Phan Khoang, quan Nội hữu Thái phó Trương Văn Hạnh bị Trương Phúc Loan giết. Trương Văn Hiến là môn khách của Thái phó sợ bị vạ lây, trốn vào phủ Qui Nhơn (Bình Định) mở trường dạy học ở An Thái (nay thôn Mỹ Thạnh, xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn), nuôi chí báo thù. Thấy anh em Tây Sơn có chí khí, Giáo Hiến đem lời sấm *"Tây khởi nghĩa, bắc thu công"* nói với người anh cả là Nguyễn Nhạc.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc lập căn cứ ở Tây Sơn Thượng. Chiêu mộ hầu hết thanh niên miền núi vào lực lượng Tây Sơn:

Thượng du lớn nhỏ đồng tình
Theo ông Hai Nhạc luyện binh tháng ngày
Lập đoàn cung thủ rất hay
Đợi khi lâm trận sau này ra oai.

Theo *Nhà Tây Sơn* của Quách Tấn và Quách Giao, Nguyễn Nhạc và bộ tham mưu đóng ở ngọn núi phía nam, Nguyễn Huệ và ban quân sự đóng ở ngọn núi phía bắc. Hai núi này cao và rậm, nằm phía đông đèo An Khê, địa đầu Tây Sơn Trung, giáp Tây Sơn Thượng. Các địa danh núi Ông Nhược (Nhạc nói trại), núi Ông Bình có từ đấy và đi vào lịch sử:

An Khê đất rộng đẹp thay
Biết bao thắng cảnh mê say lòng người
Non Bình có hang Tối Trời
Lại thêm núi Nhược cao vời nẻo xa

Nơi đây là đất dụng võ, hào kiệt theo về rất đông:

Cây cầy khỉ cổ ngân nga
Tưng bừng chiêng trống kéo ra đầy đường
An Lũy có An Khê trường
Là nơi tụ hội mười phương anh hùng.

Lập kế hoạch nuôi quân, Nguyễn Nhạc cho phá rừng Mộ Điểu ở Tây Sơn Thượng thành đồng lúa màu mỡ, rộng hàng ngàn mẫu, giao cho người vợ thứ, con của vị đầu mục người Ba Na cai quản, quen gọi là đồng Cô Hầu, nay thuộc Tú An:

Cánh đồng Cô Hầu
Đàn trâu ông Nhạc
Ngựa lạc vang rừng
Voi dừng Tượng Đầm.

Để có vũ khí trang bị quân đội và đủ nông cụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, Nguyễn Nhạc tập trung các thợ rèn ở xóm Ké và chiêu mộ thêm thợ rèn ở đồng bằng, lập công binh xưởng:

Ai lên xóm Ké An Khê [2]
Hỏi thăm các bác thợ rèn khỏe không?
Rèn dao, rèn cuốc, rèn chông
Bám luôn buôn Thượng lâu không thấy về.
Muốn lên cách trở sơn khê
Đèo cao mấy lớp, mây che mấy tầng.
Thương nhau chẳng quản xa gần
Sợ gặp "Ông Xám" thọt chân chặn đèo.

Thiên thời, địa lợi, nhân hòa đã đến, cần thêm sức mạnh tâm lý để củng cố nhân tâm. Tương truyền Nguyễn Nhạc được Ngọc Hoàng ban chiếu phong vương ở hòn Trưng Sơn (cao 422 mét, nay thuộc thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn). Một hôm, trên đường từ đèo An Khê về Kiên Mỹ (thuộc xã Bình Thành) Nguyễn Nhạc tình cờ thấy kiếm báu ở núi Ngang tức Hoành Sơn, còn gọi là hòn Kiếm

(thuộc thôn Trinh Tường, xã Bình Tường), rồi lại được ấn vàng ở hòn Giải, còn gọi là hòn Ấn (núi nhỏ nằm trước núi Ngang):

Ấn vàng kiếm bạc
Nguyễn Nhạc trời trao
Mũ áo đại trào
Ai vô rừng cấm
Thấy tấm biển đề:
"Nguyễn Huệ vi tướng
Nguyễn Nhạc vi vương"
Đồn đại bốn phương
Tây Sơn dấy nghĩa.

Tiếng đồn "Tây Sơn dấy nghĩa" lan rộng khắp vùng, Trương Phúc Loan cử Nguyễn Khắc Tuyên, viên quan văn võ song toàn vào trấn thủ Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc cho thám tử về miền duyên hải theo dõi tình hình. Một mật lệnh từ An Khê nhấn xuống Thị Nại:

Anh về dưới Giã chiều hôm
Gánh phân đổ ruộng gió nồm bay lên [3].

Thám tử vội lên báo cho Tây Sơn biết, quan trấn thủ được tăng viện, chuẩn bị tấn công An Khê. Nguyễn Nhạc không để cho Nguyễn Khắc Tuyên ra tay trước.

Rằm tháng tám năm Quí Tỵ (tháng 9- 1773), Nguyễn Nhạc làm lễ xuất quân, lập đàn tế cáo trời đất giữa đèo An Khê, nơi ngẹo Cây Khế có trảng đất rộng rợp bóng mát của hai cổ thụ, tục gọi là cây Ké và cây Cầy. Nguyễn Nhạc cho quân trực chỉ hướng đông, dừng chân nghỉ đêm ở thung lũng chân núi Bà Phù, mở tiệc khao quân và đãi yến các tướng lãnh. Nhân đấy, Nguyễn Nhạc cải danh núi Bà Phù là Tâm Phúc, nay ở địa phương vẫn quen gọi thung lũng này là Hóc Yến:

Cây Ké phất cờ
Cây Cầy gióng trống
Tiền hô hậu ủng
Đất thủng đá nhào
Quân khao Hóc Yến
Thẳng tiến Lĩnh Lương
Đầy đường bụi cuốn
Ruổi xuống Hòn Ngang
Vượt sông Đá Hàng
Đồ Bàn náo động [4].

Nguyễn Nhạc chiếm ấp Kiên Thành, truyền hịch khắp nơi kể tội Trương Phúc Loan và bày tỏ lý do khởi binh tôn phò Hoàng Tôn Dương; rồi chia quân đánh chiếm các huyện. Quân Tây Sơn khi lâm trận thường la ó, áp đảo tinh thần địch quân. Bấy giờ có câu hát thời sự, phân biệt quân của hai phe:

Binh triều là binh Quốc phó,
Binh ó là binh Hoàng tôn.

Cơ cấu hành chánh đầu tiên của chính quyền Tây Sơn, theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* (quyển 30, trang 2b và 3a), Nguyễn Nhạc tự xưng là Đệ nhất trại chủ quản trị hai huyện Phù Ly (nay là hai huyện Phù Cát, Phù Mỹ) và Bồng Sơn (nay là huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão). Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn (nay là huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh). Huyền Khê làm Đệ tam trại chủ lo việc quân lương.

Sau khi mật bàn với các tướng lãnh và cắt đặt mọi việc nghiêm minh, Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi, sai thủ hạ khiêng đến thành Qui Nhơn nộp cho Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên. Quan trấn thủ tưởng thật, mở cửa thành cho vào. Nửa đêm, Nguyễn Nhạc tháo cũi, cùng các thủ hạ giết lính gác, mở cửa thành và đốt pháo hiệu cho quân Tây Sơn tràn vào chiếm phủ thành:

Cây Ké phất cờ
Cây Cầy gióng trống
Hòn Chiêng vang động
Hòn Trống đổ hồi
Lên ngôi Vương soái
Quan ải đạp bằng
Cuốn phăng hào lũy
Phủ lỵ Qui Nhơn
Oán hờn đất dậy
Cờ phất quân reo
Dân theo chiếm phủ [5].

Thừa thắng, Nguyễn Nhạc chiếm hai kho lương quan trọng Càng Rang và Nước Ngọt ở huyện Phù Ly (nay thuộc Phù Cát), rồi tiến quân ra Quảng Ngãi. *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển 11 chép: "Chúa sai bọn Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống (con Nguyễn Cửu Thông, lấy Công chúa Ngọc Huyên), Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp, lấy Công chúa Ngọc Anh), Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Văn Hoảng đem quân đi đánh không được. Sùng và Hoảng đều chết ở trận." [6] Quân Nguyễn đại bại, Tây Sơn tiến quân đến Bản Tân, giáp Quảng Nam (1773).

Mùa đông năm Quí Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc mở thêm mặt trận phía nam, sai Ngô Văn Sở, Lê Văn Hưng và Nguyễn Văn Lộc vào chiếm Phú Yên, Diên Khánh và Bình Thuận:

Thạch Thành voi ngựa kéo ra
Eo Gió kéo xuống quân đà hội quân
Chúa Chàm, Bà Hỏa chí nhân
Giúp ông Hai Nhạc định phần Phú Yên.
La Hai quyết chiến đôi bên
Phước Hiệp trúng kế chạy liền vô Nam.
Sa trường gươm giáo ngổn ngang
Thây phơi thành lũy máu loang gò đồi
Giữa vòng đạn lạc tên rơi
Xót thương nữ chúa vội rời ba quân [7].

Mặt trận Phú Yên khá sôi nổi, giành qua giựt lại nhiều lần, tốn hao xương máu rất nhiều nhưng lòng dân ngưỡng mộ Tây Sơn, sẵn sàng hy sinh cho đại cuộc:

Ơn vua Thái Đức chí tình
Cù Mông vắng vẻ nhưng mình cứ đi [8].

Nguyễn Nhạc lợi dụng tối đa lá bài Hoàng Tôn Dương, gả con là Công chúa Thọ Hương cho Thế tử, xin lập ngôi chúa, dàn cảnh tôn phò trước mặt sứ giả [9]. Tống Phước Hiệp cả tin, bị Nguyễn Huệ đánh úp bất ngờ, thua to, bỏ Phú Yên chạy ra Hòn Khói năm1775.

Mặt trận phía bắc, tháng tư năm Ất Mùi (1775), Hoàng Ngũ Phúc vượt đèo Ải Vân vào Quảng Nam. Tập Đình lãnh tiên phong, Lý Tài lãnh trung quân, Nguyễn Nhạc đem quân hậu tập, đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa (huyện Hòa Vinh) nhưng bị thua to, bèn bỏ đất Quảng Nam lui quân về giữ Bản Tân.

Để tránh lưỡng đầu thọ địch, Nguyễn Nhạc sai Phạm Văn Tuế đem vàng bạc đút lót Hoàng Ngũ Phúc và đưa thư xin hàng, xin lãnh ba phủ Quảng Ngãi Qui Nhơn Phú Yên làm tiền khu đánh Nguyễn. Bấy giờ vào tháng Sáu, quân Trịnh bị lam chướng, chết dịch rất nhiều, nên Hoàng Ngũ Phúc thuận cho, phong Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn hiệu trưởng Tráng tiết tướng quân. Sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem cờ ấn, sắc phong, gươm lệnh và áo mão cho Nguyễn Nhạc. Rồi Hoàng Ngũ Phúc rút quân về Thuận Hóa.

Năm 1775, Nguyễn Nhạc sửa sang và nới rộng thành Đồ Bàn, chu vi lớp thành ngoài lên đến khoảng 7400 mét tây. Nguyên thành có bốn cửa: Đông, Tây, Nam, Bắc; giờ mở thêm một cửa nữa ở phía nam, gọi là Tân Khai, đã một thời vang bóng:

Chiều chiều nghe sáo nghe oanh
Tưởng kèn lính tập bên thành nhà vua.
Tân Khai nay vắng bóng cờ
Nào đâu tướng soái thuở xưa ra vào.

Tháng 2 năm Bính Thân (1776), Nguyễn Nhạc xưng Tây Sơn Vương, đóng đô thành Đồ Bàn, đúc ấn vàng, tổ chức triều chính, phong Nguyễn Huệ làm phụ chính, Nguyễn Lữ làm thiếu phó:

Hà thời Biện lại vi vương
Thử thời Bắc tận, Nam trường xuất bôn.

Năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân thủy bộ đánh Gia Định, đuổi bắt được Định Vương và Tân Chính Vương tại Long Xuyên (tức An Giang), rồi giết cả hai. Nguyễn Phúc Ánh (cháu Định Vương) chạy thoát, được các tướng tôn làm Đại nguyên súy Nhiếp quốc chính lo việc khôi phục Gia Định.

Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thái Đức, đổi tên Đồ Bàn là Hoàng Đế thành, phong Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết Chế.

Lạy trời cho cả gió lên
Cho cờ vua Bình Định bay trên kinh thành.

Từ năm Nhâm Dần (1782), mỗi lần quân Tây Sơn vào đánh Gia Định, Nguyễn Ánh bỏ chạy. Lần nào Tây Sơn cũng thắng nhưng không dứt được Nguyễn Ánh. Bấy giờ miền Qui Nhơn có câu hát phản ánh nỗi lòng của người vợ lính:

Đồng Nai xa lắm anh ơi
Gởi thơ, thơ mất; gởi lời, lời quên.

Trở lại mặt trận phía bắc, nhờ có Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ Trịnh theo Tây Sơn, kể hết tình thế Bắc Hà, vua Thái Đức quyết định chiếm Phú Xuân. Tháng Năm năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ làm tiết chế, giao Võ Văn Nhậm lãnh tả quân, Nguyễn Hữu Chỉnh lãnh hữu quân ra đánh Thuận Hóa, đất thuộc về chúa Trịnh từ năm 1774. Phó tướng thành Phú Xuân là Hoàng Đình Thể cùng hai con và tù tướng Vũ Tá Kiên ra ngoài thành chống giữ, hết thuốc đạn lại bị chánh tướng Phạm Ngô Cầu đóng cửa thành không tiếp ứng nên tử trận cả. Phạm Ngô Cầu treo cờ trắng, mở cửa thành ra hàng, bị bắt giải về Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc cho là bất trung, đem chém. Nhân đấy người đời có câu hát:

Làm tôi thì ở cho trung
Chớ có hai lòng mà hóa dở dang.

Thừa thắng, quân Tây Sơn vượt sông Gianh tiến ra vùng Thanh Nghệ như vào chỗ không người. Các trấn tướng như Bùi Thế Toại, Tạ Danh Thùy bỏ cả binh sĩ chạy thoát thân; đúng như lời bàn của Nguyễn Hữu Chỉnh:

Bấy lâu họ Trịnh gian tà

Binh kiêu, dân oán ắt là bại vong.

Uy trời ai dám tranh phong
Hãy xin thừa thắng ruổi giong cõi ngoài [10].

Cánh quân Nguyễn Hữu Chỉnh tiến vào sông Vị Hoàng, đổ bộ Nam Định chiếm kho lương hơn mấy triệu hộc lúa, dễ như trở bàn tay. Trận Nhị Hà, Đinh Tích Nhưỡng lầm kế Tây Sơn, bắn vào thuyền lính giả, hết sạch tên đạn đành phải tháo chạy. Trận Tây Long, đích thân Trịnh Khải thúc trống chỉ huy; quân Tây Sơn dùng hỏa hổ phun lửa, nhờ gió nam thổi mạnh, quân Trịnh rối loạn hàng ngũ phải thua tan.

Trịnh Khải chạy đến huyện Yên Lãng, Nguyễn Trang thay vì dẫn chúa đi trốn, lại bắt nộp Tây Sơn, chúa bức thế tự sát.

Ngày rằm tháng Bảy năm Bính Ngọ (1786), Lê Hiển Tông lập đại trào ở điện Kính Thiên [11], Nguyễn Huệ đem tướng vào lạy và dâng sổ quân dân. Vua phong Nguyễn Huệ chức Nguyên soái phù chính dực vận Uy quốc công và gả công chúa thứ 21 là Ngọc Hân, mới 16 tuổi [12]:

Gió đưa mười sáu lá xoài
Có chồng Bình Định cho dài đường đi.

Ngày 17 tháng 7 vua băng, thái tôn Duy Kỳ nối ngôi tức Lê Mẫn Đế. Ít lâu sau Nguyễn Nhạc ra Thăng Long đem Nguyễn Huệ vào nam. Đêm 17 tháng 8, lúc canh ba, Nguyễn Nhạc sai người vào cáo biệt Lê Mẫn Đế rồi bí mật rút toàn bộ thủy lục quân. Tây Sơn thấy Nguyễn Hữu Chỉnh xảo quyệt nên bỏ lại Bắc Hà. Sáng hôm sau Nguyễn Hữu Chỉnh hay tin, vội thuê thuyền buôn theo vào Nghệ An. Nguyễn Nhạc không nỡ bỏ, cho ở lại giữ đất Nghệ An (quê hương của Chỉnh) cùng với Nguyễn Duệ. Dân Bắc Hà có lời nhạo báng Chỉnh:

Đi cùng bốn biển, chín chu
Trở về xó bếp, chuột chù gậm chân!

Anh em Tây Sơn tiếp tục lên đường về Thuận Hóa. Đường về quê chồng xa vời vợi, Công chúa Ngọc Hân với nỗi lòng:

Ngựa thồ thay mối xích thằng
Ông Tơ bà Nguyệt dẫu giằng chẳng ra.
Một ngày một vắng quê nhà
Sáng từng từng nhớ, tối tà tà trông [13].

Đến Phú Xuân, Nguyễn Huệ xin ở lại trấn thành để giữ mặt Bắc, Nguyễn Nhạc về Qui Nhơn.

Năm Đinh Mùi (1787), vua Thái Đức phong cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, giữ Quảng Nam, Thuận Hóa và khống chế Bắc Hà. Phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương giữ Bình Thuận, Đà Lạt, Đồng Nai, Hà Tiên. Còn Thái Đức là Trung ương Hoàng Đế đóng ở Qui Nhơn thống trị Quảng Nam, Qui Nhơn, Nha Trang [14].

Cũng năm đó, vua Thái Đức và Bắc Bình Vương có sự bất hòa. Nguyễn Huệ đem binh vào vây thành Hoàng Đế, Nguyễn Nhạc lên mặt thành kêu khóc. "*Bì oa chử nhục, đệ tâm hà nhẫn.*" Nguyễn Huệ động lòng khóc theo, rồi ra lệnh rút quân. Nhân đấy, người đời có câu hát:

Lỗi lầm anh vẫn là anh
Nồi da nấu thịt sao đành hở em!

Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An chiêu mộ dũng sĩ và hương binh, nuôi mộng chiếm xứ này. Ngoài Bắc, Trịnh Bồng nhờ vua Lê thắng được Trịnh Lệ, rồi lại hiếp đáp vua. Lê Chiêu

LÊ THỊ KIM

ANH

Anh – hương thơm thuần khiết
Trong trái chín đậm đà trong cổ tích cha xưa
Anh – chúa tể những giấc mơ
Dẫn em đi tìm mình nơi khu vườn bị cấm
Anh – vùng mặt trời chói nắng
Em cánh chim nhỏ băng mình dù mưa bấc bão giông
Anh – vùng lửa ấm đêm đông
Gọi em – chú gấu trắng đến ủ mình tránh tuyết
Anh – tiếng gọi tình yêu trong truyền thuyết
Gọi em – gọi em về quàng ấm vai nhau
Thế mà đã có lần em khóc
Khi chợt nhận ra mình
vừa quá một niềm đau.

Thống bèn gọi Nguyễn Hữu Chỉnh về đánh đuổi được Trịnh Bồng, vua phong làm Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, tước Bằng trung công. Dân gian thừa biết Chỉnh xảo quyệt và tham vọng nên có câu hát cảnh cáo:

Ai đem con sáo qua sông
Cho nên con sáo sổ lồng bay cao
Bay cao thì mặc bay cao
Lưới trời đã rộng thoát nào được đâu!

Nắm trọn quyền chính, Nguyễn Hữu Chỉnh muốn nối nghiệp chúa Trịnh. Sai người vào Nghệ An thông đồng với Nguyễn Duệ cướp đất, lấy Linh Giang làm ranh giới, sửa lũy Hoành Sơn, phục hồi lãnh thổ Bắc Hà y như thuở trước. Công việc bại lộ, Nguyễn Duệ trốn về Qui Nhơn, còn Nguyễn Huỳnh Đức vào Gia Định. Bắc Bình Vương sai Võ Văn Nhậm trấn thủ Nghệ An và theo dõi tình hình miền Bắc.

Giải pháp quân sự không thành, Nguyễn Hữu Chỉnh chuyển qua đường lối ngoại giao. Chỉnh xúi vua Lê đòi lại đất Nghệ An. Mùa xuân năm Đinh Mùi (1787), sứ bộ lên đường có Trần Công Sán, Ngô Nho và hoàng thân Lê Duy Hiên (ông chú của Chiêu Thống). Nguyễn Huệ biết mưu ấy của Nguyễn Hữu Chỉnh, càng căm ghét, phải trừ hắn. Chỉ tội cho ba vị sứ thần và 18 người tùy tùng, chuyến về bị đắm thuyền ở cửa biển Đan Nhai (thuộc Nghệ An), chết cả. Nguyễn Huệ không muốn thả họ về Bắc, tiết lộ việc nội biến (anh em bất hòa) ở Nam Hà.

Bắc Bình Vương sai Ngô Văn Sở và Lê Văn Lân đem quân ra Nghệ An hợp với trấn tướng Vũ Văn Nhậm, trị tội Cống Chỉnh. Đoạn phim thời sự này phản ánh qua câu:

Ai ra ngoài Bắc nhắn chim Bằng
Lông cánh bao nhiêu dám vẫy vùng
Lồng lộng lưới trời sao thoát được
Rồi ra ta bắt bỏ trong lồng.

Quân Tây Sơn đánh tan lực lượng tiền phương của Bắc quận ở Thanh Hóa, giết chủ tướng là Lê Duật. Ở Ninh Bình, hơn hai vạn tinh binh tan rã, chủ tướng Nguyễn Như Thái phi ngựa chạy, bị bắn chết. Nguyễn Hữu Chỉnh và con là Nguyễn Hữu Du tự cầm cầm quân ra trận, thua nặng, bỏ Thăng Long chạy đến Bắc Giang thì bị bắt. Chỉnh chịu cực hình tứ mã phân thây, quả đúng như bài *Tràng pháo* mà ông đã cảm tác:

Xác không, vốn những cậy tay người,
Khôn khéo làm sao đốt cũng rời.
Kêu lắm lại càng tan xác lắm!
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

Vua Lê Chiêu Thống chạy lên Kinh Bắc, vào Thanh Hóa, lại ra Kinh Bắc, rồi sai Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang Tàu cầu viện. Thái hậu và Hoàng tử cùng các thị thần như Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh cũng gõ cửa nhà Thanh kêu cứu.

(Còn tiếp)

GHI CHÚ

[1] Phan Khoang, Xứ Đàng Trong (Sài Gòn, Khai Trí, 1970), trang 253.

[2] Nguyễn Xuân Nhân, Văn học dân gian Tây Sơn (Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999), trang 12, ghi lời kể của cụ Phan Tỏ (ở An Điềm Nam, Cửu An, An Khê): Nhóm thợ rèn người Kinh lên đây hành nghề, bán nông cụ cho người Thượng, lập ra xóm Ké, nay thuộc thôn Thượng An, xã Song An, huyện An Khê.

[3] Sách đã dẫn, trang 25: ông Tư Quỳnh (ở Phước Bình, An Cửu, An Khê) cho rằng câu này là một trong các mật lệnh tình báo của Tây Sơn.

[4] Các địa danh trong câu này gồm:
- Hóc Yến ở chân đèo An Khê, một thung lũng hẹp, nằm giữa hòn Phòng và hòn Bằng Lăng.
- Lĩnh Lương, tên ngọn núi ở thôn Tả Giang, xã Bình Giang, sát quốc lộ 19. Theo Văn Học Dân Gian Tây Sơn, trang 22, nơi đây Nguyễn Lữ phát lương cho quân sĩ.
- Đá Hàng là phụ lưu quan trọng của sông Côn, bờ phía tây là thôn Trinh Tường, bờ đông là thôn Phú Phong, từ đèo An khê xuống phủ lỵ Qui Nhơn (tức thành Đồ Bàn) phải qua sông này.

[5] Hòn Một tức hòn Trống, hòn Dãi tức hòn Chiêng, là hai núi nhỏ ở xã Bình Tường. Tương truyền thời Tây Sơn treo trống, chiêng ở hai núi nầy đánh báo hiệu cho tiếng vang xa.

[6] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục tiền biên, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1, trang 243.

[7] Các địa danh trong câu này gồm:
- Thạch Thành, làng miền núi thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có nữ chúa Chàm là Bà Hỏa đem quân giúp Tây Sơn và bị tử trận.
- Eo Gió, đèo nằm trên đường từ Vân Canh (tây nam Bình Định) vào La Hai (huyện Đồng Xuân, Phú Yên).

[8] Đèo Cù Mông cao, dốc, quanh co, hiểm trở, nằm giữa Bình Định và Phú Yên.

[9] Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ (Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm), trang 48.

[10] Ngô Lê Cát và Phạm Đình Toái, Đại Nam quốc sử diễn ca (tái bản ở Hải ngoại, không đề chi tiết về xuất bản), trang 210.

[11] Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược ghi: "ngày 7 tháng 7"; Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục ghi: "ngày rằm tháng 7".

[12] Thân mẫu của Ngọc Hân là Nguyễn Thị Huyền, người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[13] Thơ của Nguyễn Thời Thấu, lan truyền trong dân gian và được ca dao hóa.

[14] Nguyên trong Sử ký Đại Nam Việt, Giáo hội xuất bản, Sài Gòn 1898, trang 59; Hoa Bằng chép trong Quang Trung Nguyễn Huệ, trang 99.

Cam Thảo

Truyện trúng Giải Đặc Biệt của ban Giám Khảo trong cuộc thi viết "Chuyện Đời Tôi" do phụ trương Trẻ của báo Người Việt tổ chức.

TRÂN NGUYÊN

Vài nét "tự họa" về tác giả

Tác giả Trân Nguyên họ Trần, đức lang quân họ Nguyễn, nên lấy bút danh... Trân Nguyên, cũng là tên của quí tử. Trân Nguyên đến với cuộc thi "Chuyện Đời Tôi" gấp gáp lắm, "nín thở" mà viết cho kịp trước khi không còn... trẻ nữa; có nghĩa là đủ tuổi dự thi.

Trân Nguyên bày đặt viết văn, làm thơ từ hồi còn nhỏ kia; nhưng chỉ dám năn nỉ mấy "nhỏ" bạn đọc dùm mà thôi. Mãi đến năm 2002, Trân Nguyên đánh liều dự thi giải viết văn do Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn tổ chức. Và... hên quá, được lọt vào giải 4 (không có giải nhất). Từ đó, Trân Nguyên viết nhiều hơn, và đánh liều gởi cho... báo chí.

Kỳ này, hổng biết sao, bài viết của mình được in sách và có người đọc tới, nên Trân Nguyên có cơ hội làm quen độc giả xa gần. Nhân tiện đây, Trân Nguyên xin mượn tập sách này gởi vài lời ngọt ngào đến Mẹ, người đã cùng Trân Nguyên nếm đủ mùi mặn lạt, chua cay, ngọt bùi... Mỗi lần Trân Nguyên đạt được điều gì trong đời, dù lớn, dù nhỏ, Trân Nguyên đều nghẹn ngào "Cám Ơn Mẹ." Nhưng Trân Nguyên chưa bao giờ nói ra, cũng chưa bao giờ viết một bài nào về Mẹ. Nhân đây, xin cám ơn Mẹ, người độc giả trung thành của con.

Nơi hắn ở tên là Créteil, thành phố nhỏ, đẫm sương, ướt át, lãng mạn như bất cứ một nơi nào trên nước Pháp. Những con đường êm đềm, lãng sạch, trong trẻo tiếng chim. Thỉnh thoảng đâu đó vô tình rơi nhẹ một chiếc lá tràm to bằng con diều lấp loáng, bàng bạc, sạch mướt như thể thế giới này làm bằng pha lê. Suốt dọc con đường, những thân cây đỏm dáng nghiêng người vào nhau tình tự, vi vu suốt bốn mùa. Hỏi làm sao những nghệ nhân, những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời không từ khung cảnh đó mà bước ra. Mưa phùn! Mưa phùn gột rửa hết vạn vật, làm cho tất cả trở nên tiêu biểu và hoàn mỹ. Căn nhà của hắn ở cạnh một rừng thông, băng qua mấy hòn non xinh xinh, một con suối nhỏ... mới bước vào nhà. Suối "nhân tạo," do bàn tay khéo léo của nhà điêu khắc nổi tiếng Bà Vương Kiều Oanh, mẹ của hắn. Ba của hắn, ông Bùi Trọng Kim - một thương gia thành công, nhưng cũng say mê về hội họa và có văn tài. Anh chị của hắn người qua Ý du học, người qua Mỹ đầu tư, người qua Tàu nghiên cứu. Cha mẹ của hắn thuộc trào lưu mới, không hạn chế sự trưởng thành và phát triển của con cái. Bọn hắn tung cánh vào đời phóng khoáng, tự tin và đầy biệt tài làm cho người ta ngưỡng mộ không ít! Hắn học trường Tây, phong cách Tây, suy nghĩ hiểu biết, tư duy đều sặc mùi... Tây hết cả. Tủ sách của hắn toàn là văn chương Alexandre Dumas, Anatole Franc, Victor Hugo... Hắn thần tượng Lamartine, Voltaire... Say mê tranh họa của Monet, Renoir...

Tóm lại, hắn "Tây" từ đầu đến đuôi, từ chân tơ đến kẽ tóc.

Có một điều hắn không thể nào Tây được, đó chính là đầu tóc đen và khẩu vị của hắn. Cho dù hắn đi đến đâu... Romance De Bistro, Paris Rendévous, Bargette Café là những nơi hắn thường lui tới với bạn bè, cho đến những nơi sang trọng bậc nhất Paris như khách sạn Sophitel, cũng không thể nào bằng lái xe xuống quán Chào Bà húp một tô phở bốc khói, ăn một đĩa cơm nhỏ xíu mà có một cái tên dài ngoằng "Cơm tấm bì chả sườn nướng, tầu hủ ky." Hắn nói tiếng Việt cụp lạc, nhưng đọc thực đơn trôi chảy. Trôi chảy và điệu nghệ nữa là

đằng khác.

- Dạ thưa bác cho con một tô bún vịt xáo măng, với thiệt nhiều nước mắm và gừng, chanh ớt, giá rụng.

Có lần hắn làm nhà hàng Việt Nam khu quận 13 ở Paris được một phen vỡ bụng. Đang sùm sụp húp cháo lòng, hắn chợt phát hiện ra trên tường:

Ủa! Có bánh mì thịt người nữa!!! Thật ra, người ta mới gắn thêm mấy chữ bánh mì thịt nguội không bỏ dấu. Hắn đưa cô đầm về nhà ăn giỗ bà cố... ngoại. Cô ta ngúng nguẩy, nhăn mặt: Nước mắm!!! Nhưng mà "no problem" chẳng có gì quan trọng hơn đôi mắt màu hạt dẻ, miệng cười xinh và mái tóc bồng bềnh mơ màng. Đáng yêu hơn nữa là những nụ hôn nồng nàn, cháy bỏng. Khác với mấy nàng con gái Việt Nam, mấy cô đầm Tây biết cách chìu chuộng và sống hết mình cho người mình yêu (lý luận theo kiểu của hắn). Hắn ghét nhất là cái lối "quấn quít vân vê tà áo":

- Em sợ lắm. Em chả...

Hết chớp mắt, rồi lại vuốt tóc. Ôi thôi, hắn chào thua. Mẹ hắn năm lần bảy lượt "làm mai" cho hắn. Hắn nhún vai:

- Bộ Jules tệ lắm sao?

Mà thật, bạn gái của hắn cả xâu, cô nào cũng xinh tươi, lồ lộ sức sống, nồng nàn, quyến rũ... Nhưng hắn cũng chiều mẹ, đôi lần, đi đến hội chợ Tết Tổng hội sinh viên Việt Nam, hội triển lãm tranh, hội... Nghệ nhân Việt Nam, hội quán văn chương. Hắn lóng ngóng cầm mấy cuốn sách lên lật tới, lật lui... mà đâu có biết đọc chữ nào... sáu tuổi đã định cư ở Pháp rồi. Nhưng cứ phải đi tới, đi lui, lóng ngóng. Chờ hết giờ rồi "Chở Má về." Lần nào má hắn cũng dẫn tới hàng chục cô áo dài e e, ấp ấp nhờ... "Dạy tiếng Việt cho hắn." Hắn biết ý mà cứ phớt tỉnh Ăng Lê.

Cứ nhớ tới câu chuyện tình của ba mẹ là hắn ngán ngẩm. Gì mà ba Kim cỡi xe Vespa vượt mười mấy cây số đèo Hải Vân vào nhà má Kiều Oanh tận trong Đà Nẵng, chỉ để ngồi coi TV với... mấy đứa em (!?),họa hoằn lắm mới được mời bữa cơm... mãi cho đến khi đính hôn. Trời ạ, kiểu đó hắn thà rằng đừng bao giờ lấy vợ.

Mùa hè năm đó có mấy cậu dì ở Việt Nam qua Paris du lịch. Hắn lấy hẳn hai tuần lễ vacance để đưa họ đi vòng quanh nước Pháp. Mấy ngày đó hắn vui ra phết, hắn như nhấp được thứ nước ngọt tình thân mà lâu ngày hắn chưa có dịp. Ngoài dị ứng với con gái Việt Nam ra, người Việt Nam nào hắn cũng thấy dễ thương hết, nhứt hạng mấy Dì, mấy cậu. Diễn tả theo kiểu của hắn: "Nhìn đằng trước lẫn đằng... sau đều dễ thương khủng khiếp!" Hắn chào Dì buổi sáng, chào Dì buổi trưa, cả buổi chiều, buổi tối... rồi ôm hun mấy chục bận. Dì Nga khoác khoác tay:

- Khỏi, khỏi... Trời lạnh, Dì... cạo gió hôi lắm, con đừng có hun Dì.

Hắn nhăn răng cười tỉnh bơ: Đâu có, con thấy Dì thơm lắm. Thơm mùi... Việt Nam.

Hắn dễ thương quá, dễ thương và diễn tả ngô nghê không rành tiếng Việt nên cứ làm người ta cười ngất. Giống như khi sáng, cả nhà đưa khách đi thăm Nortre Dame de Paris. Hắn lật đật giải thích: "Ở trỏng... (Hắn chỉ nhà xưng tội) Trong đó, có ông Cha và một người nữa hắn đang... làm. Lúc... làm thì hắn bật đèn đỏ để người ta biết đừng có vô. Làm xong rồi mới bật đèn xanh để người khác vô... làm tiếp." Hỏi ai không cười cho được?

Hắn có thể liệt vào hạng lịch lãm, điển trai, phong lưu và có biệt tài với phái nữ. Áo Chemise Versacc đen, Cravate đỏ, chuyên viên về tia lazer, bằng thủ khoa xe đua, tia nhìn, tay nắm, những bước khiêu vũ điệu nghệ... Ôi thôi, đủ làm cho con gái nhà người ta ngoi ngóp, điêu đứng. Vậy mà mấy người cứ cười hắn. Hắn đâu có gì tức cười. Hắn chỉ hơi... mất gốc, ông Tây con hẳn hoi thôi.

Cả nhà kéo ra biển chơi mấy ngày trước khi mấy Dì Cậu về nước. Đi bằng tầu điện tốc hành xuyên xuống miền Nam nước Pháp. Cécile (cô bạn gái đương kim của hắn) mặc Bikini đỏ chót để lộ thân hình trắng muốt, nõn nà, đẹp rười rượi, khiến ai cũng xuýt xoa. Bà Nội tám mươi mấy... nhìn lom lom:

- Không phải cô hôm bữa (?). Cô kia tóc ngắn.

Hắn ôm vai bà, cười khì khì... nheo mắt:

- Trí nhớ bà tốt quá, nhưng bà đừng nói bằng tiếng Tây thì được rồi.

Bà nói: Bà thích Jules lấy vợ Việt Nam.

Hắn gãi đầu: Ờ... mà để coi có Cô Việt Nam nào chịu Jules không mới được (!) Rồi đánh trống lảng:

- Mà bà phải khỏe mạnh thêm 20 năm nữa để nhìn cháu, nhìn chắt nhé.

Bà lắc đầu. Jules lúc nào cũng biết cách

nói làm cho người ta vui. Trời hừng sáng, cả nhà đã có mặt tại phi trường Charles De Gaulle. Mới đó mà đã hai tuần vui vẻ trôi qua. Hắn ngân ngấn nước mắt vẫy tay chào biệt, mặc dù đối với hắn "Chỉ có phụ nữ mới khóc."

Lần này, một người dì nào đó nữa ở Mỹ sang chơi. Hắn vui lắm, mỉm cười và không nói gì hết. Hắn không muốn biến thành nhân vật trong câu chuyện tiếu lâm. Mà thật ra có ai cười hắn đâu, nếu không nói là ai cũng khen: "Jules còn nói tiếng Việt giỏi quá!" nữa là đằng khác. Hắn tin như vậy và cũng nghi ngờ điều này.

Mà thật hắn không thể nói cười, chết trân trước cô em họ xa lắc xa lơ gì đó của hắn, mà hắn chưa hề nghe ai nhắc tới trước đó: Cam Thảo, con gái dì Quỳnh Giang.

Cô ta có nụ cười múm mím rất lạ, cái mà hắn có thể diễn tả bằng tiếng Việt là: Cam Thảo phải mất 30 giây để chuẩn bị... nụ cười. Nụ cười từ từ hé dần, e ấp như hoa Quỳnh nở về đêm. Thời khắc đó chậm chạp mà duyên dáng ghê lắm, mà khi hoa đã nở tóe ra rồi thì tươi rói, rạng rỡ. Cam Thảo cười bằng mắt!

Buổi sáng đó Chủ Nhật, mặt trời chưa ló dạng, hắn đang nhảy nhót huýt sáo sảng khoái sau khi tập thể dục ở công viên bên cạnh, vừa "lọt" vào nhà:

- Ái!!!

- Khách gì mà sớm quá vậy, mặt trời chưa thức dậy, không phải là hắn đi ăn trộm chớ hở?

Cam Thảo nheo mũi cười nhìn ông anh họ (Cô ta đoán là vậy).

- Anh là Jules?

- Còn cô...

- Em... Cam Thảo.

Cam Thảo, Cam Thảo. Ôi một cái tên nghe ngọt lừ và đầy ấn tượng. Tự dưng như từ một cõi xa xăm nào đó, vọng về tiếng cười khanh khách đầy huyền bí:

- Đáng đời, ai biểu nhà ngươi dị ứng với con gái Việt Nam.

Đêm đó, hắn được phép đưa Cam Thảo đi ngoạn cảnh đến hai giờ đêm (anh họ mà). Trăng sáng như rằm, sao đầy một trời. Hắn mua trái maron dấu đầy túi áo ấm cho Cam Thảo vì tay em lạnh quá. Ngôi đền Sacré Coeur lồng lộng giữa trời đêm, Cam Thảo kéo tay hắn ngồi xuống một phiến đá, rút harmonica ra thổi những ca khúc của Cung Tiến. Ôi "Hoài Cảm" của Việt Nam quyến rũ không thua gì Histoire D'amour... Trời ạ, ai biểu Cam Thảo làm em họ của anh làm gì cho uổng vậy. Lạy Chúa, đừng để con lạc lòng (hắn lảm nhảm một mình). Cam Thảo nhìn vào mắt hắn làm... hắn lúng túng. Cam Thảo, Dũng nói Cam Thảo nghe...

Lần đầu tiên, hắn xưng tên Việt Nam của mình một cách dễ dàng như vậy, cái tên mà hắn đã cho vào quên lãng từ lâu. Hắn là Bùi Trọng Jules, chứ không phải là Bùi Trọng Dũng nữa.

- Hồi sáng..., hồi sáng (hắn bỗng trở nên cà lăm). Dũng bước vào nhà trúng phải Cam Thảo... Cảm giác đó "Ấn tượng" như tông phải phiến đá nhọn, cắt đầu gối Dũng, chảy máu tùm lum tà la... Đau điếng hết thở...

Cam Thảo đang mở to mắt cố tìm hiểu những gì hắn diễn tả, bỗng bật cười khanh khách:

- Anh Jules hình dung Cam Thảo nghe dễ sợ quá, gì mà làm cho người ta "chảy máu tùm lum, tà la...!"

Hắn lái xe về trước cửa nhà đúng ba giờ đêm.

Mẹ hắn vẫn còn thức bên những tác phẩm điêu khắc.

Hắn bật lên một tiếng: Mẹ!!! Bỗng dưng... một làn điện vô hình lan truyền khắp người hắn, hắn chợt phát hiện... phụ nữ Việt Nam thiệt rất lạ, rất đặc trưng, rất... riêng. Có cái gì trong môi, trong mắt... như sương điểm trên hoa. Nhưng họ lại có chung một điểm là ở chỗ rất nhu mì và kín đáo... Làm cho những người đàn ông cứ phải thắc mắc, muốn tìm tòi và khám phá.

Hắn lấy máy hình bấm "tách, tách," mẹ hắn ngỡ ngàng, cặp mắt cũng giương tròn, mở to lạ lẫm như Cam Thảo lúc nãy.

- Mẹ, mẹ lấy con viên Tylenol. Ai biểu nãy giờ đi chơi Cam Thảo cứ khen con... nói tiếng Việt giỏi quá.

Đầu hắn bưng bưng vì cả đêm toàn phải nói bằng tiếng Việt. Nhưng viên thuốc và ly rượu đỏ vẫn không thể làm hắn say giấc như mọi đêm. Có cái gì như là tương tư. Không lẽ... Hắn chợt nhớ ra là sáng nay Chủ Nhật, hắn lỡ hẹn với Nathalie, cô đầm đang là người tình của hắn, mà bây giờ hắn mong sao trời mau sáng, để... nhấc máy gọi cho... Cam Thảo, cô em họ của hắn.

Rồi cũng đến ngày từ giã dì Quỳnh và Cam Thảo.

Hắn năn nỉ: Má, nấu cái món đó đãi dì với Cam Thảo đi. Hắn khoe: món đó Dũng ăn ba mươi mấy năm rồi chưa thấy ngán!

Dì Quỳnh Giang thắc mắc: món chi mà đặc biệt rứa?

- Có người về Việt Nam qua tặng Má Dũng cái... Cù lao. (Ý hắn muốn nói cái lẩu). Má nấu soup bỏ thiệt nhiều sả, lá chanh, mắm ruốc... rồi thả mấy cái... cục gì vàng vàng nổi lềnh bềnh trên đó.

Cam Thảo nhìn hắn cười tít mắt, làm lõm hai lúm đồng tiền sâu hoắm.

Sắp đến giờ lên máy bay, hắn dắt Cam Thảo... biến mất.

Hai người thả bộ dọc sông Sein quên trời, quên trăng... Hình như Cam Thảo cũng quyến luyến, Cam Thảo cũng yêu hắn. Hắn nghĩ vậy... Muốn hôn nàng cháy bỏng, nhưng mà hắn khựng lại, một cái gì mỏng manh, xinh xẻo như là pha lê mà hắn không nỡ. Hắn chỉ muốn ngắm nhìn từ xa và thưởng thức. Hắn muốn mọc cánh bay theo Cam Thảo. Hắn tiếc ngày xưa sao không nghe lời mẹ tiếp tục học Việt ngữ... để bây giờ... Cam Thảo có email nhưng hắn đâu biết viết tiếng Mỹ, ngược lại Cam Thảo cũng đâu có thể đọc tiếng Tây. Nói chuyện phone ư? Làm sao cho thỏa, điện thoại viễn liên, nhất là ở Tây, là một phương tiện có thể coi là xa xỉ... Hơn nữa, ở Cali, bốn giờ chiều Cam Thảo tan sở thì Paris đã là một giờ khuya. Hắn thuộc type "ăn no ngủ kỹ" chưa nếm mùi thao thức bao giờ. Với Cam Thảo... tất cả đều có thể... nhưng mà...

Rồi cũng đến lúc Cam Thảo lên xe... bông, gửi thiệp cho hắn. Ông chồng Cam Thảo lớn hơn cô nàng khá nhiều tuổi, có gương mặt khắc khổ, cương nghị, già dặn và vững chãi... Có cái gì không hợp với Cam Thảo... như hắn (!)

Những cô đầm có đôi mắt màu hạt dẻ và mái tóc bồng bềnh mơ màng vẫn quây quần quanh hắn. (Phải công nhận một điều là hắn đào hoa). Vẫn những nụ hôn "Sống hết mình cho người mình yêu" nhưng sao hắn cảm thấy nhạt nhẽo. Hắn thèm một nụ hôn thật sự chất chiu, nụ hôn mà hắn chưa kịp trao cho Cam Thảo hôm ở phi trường.

Hắn nhớ Cam Thảo khôn nguôi, nhớ những câu chuyện kể về vườn cau, bụi chuối, gốc dừa, gốc bưởi..., hình ảnh chiếc võng, con đò, câu hát à ơ mà Cam Thảo vu vơ kể. Nhớ... Cam Thảo hát: "Quê hương là chùm khế ngọt, cho con trèo hái mỗi ngày"... Nhớ hương tóc, dáng đi, nụ cười, cái chớp mắt của Cam Thảo, sao nó cứ thấp thoáng trong tâm trí hắn một cái gì thanh thanh như dáng hình chữ S.

Ngày hôn lễ, chắc hẳn là Cam Thảo sẽ mặc áo dài Việt Nam. Cái áo dài đỏ có thêu con gì "vằn vện" màu vàng kim, mà hắn thấy đám cưới Việt Nam cô dâu nào cũng mặc. Chiếc áo dài đó sao chẳng bao giờ lỗi thời, đẹp và duyên dáng bền bỉ với thời gian, với 4000 năm văn hiến. Hắn bật khóc. Có cái gì đau đáu trong lòng như nỗi nhớ quê hương. Hắn lững thững chui lọt vào xe. Trời xuống thấp, hơi nước ướt cả mặt kiếng, môi miệng hắn cũng nhạt nhòa theo.

Tự nhiên hắn thèm thốt lên hai tiếng Việt Nam, nơi có những tuồng tích, tập tục, nghi lễ tuyệt vời mà hắn chỉ được nhìn thấy qua sách báo, trong những bức tranh sơn mài treo ở nhà. Hắn nhớ tấm hình chụp hồi ba tuổi ở núi Ngũ Hành Sơn, chùa Non Nước, cảnh vật tuyệt đẹp. Nơi mà ba Kim của hắn khắc tên của má — Vương Kiều Oanh một hàng chữ to tướng trên phiến đá. Bởi vậy mà tình yêu của họ rung động cả rừng núi, cả mặt hồ, cả... vũ trụ... để có gia đình tuyệt vời của hắn ngày hôm nay.

Hắn nao nao thèm tìm về cội nguồn, thèm nghe tiếng giã gạo, cuốc kêu, tiếng đồng nội, nhìn ngắm mây ngàn, chim trời... Ôi, một sự nôn nao, thôi thúc mãnh liệt.

Hắn cứ lái xe vòng vo một hồi, một cái gì vừa đằm dụi, thanh thản, nhưng cũng rộn rã khó nói. Cái hắn cần bây giờ là hai tuần nghỉ phép và đặt một tấm vé.

Một đôi chim se sẻ sà xuống ngay trước đầu xe, chụm đầu vào nhau rối rít, trìu mến... rồi cùng tung cánh bay lên. Một cái gì đồng điệu và một sự bay lên thăng hoa như là chân lý.

Chợt hắn cười miên man, có những cái thuộc về số phận không phải chỉ muốn là được. Nhưng cô dâu của hắn mai này, có lẽ, rồi sẽ mặc áo dài khăn đóng đỏ, thêu con rồng vàng, cùng hắn vái lạy bàn thờ tổ tiên như hình cưới cha mẹ ngày xưa...

Dải mây trắng trên trời bỗng tan ra diệu vợi, hòa lẫn vào không gian trước mặt, lộ rõ dáng núi hùng vĩ, chạy dài vững chãi và khẳng định.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

RADIOVNCR.COM

Trang Nhà Của Mọi Gia Đình

Nghe 106.3FM live! mỗi ngày

Xem 106.3FM Live! mỗi ngày

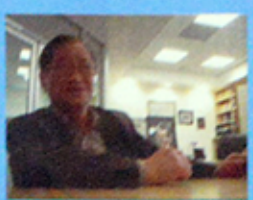

Muốn quảng cáo hữu hiệu đi khắp thế giới, liên lạc (714)891-8142

Giá Bán 7 Mỹ Kim